TS. NGUYỄN THỊ THANH VÂN

TÍN NGƯỠNG THỜ Thiên Y A Na CỦA NGƯỜI VIỆT Ở TRUNG BỘ

NHÀ XUẤT BẢN
KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ - TRUYỀN THÔNG

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 4517-2025/CXBIPH/24-189/KHCNTT
Số quyết định xuất bản: 1081/QĐ-NXBKHCNTT, ngày 29 tháng 12 năm 2025
Nộp lưu chiểu Quý I năm 2026
ISBN: 978-604-45-2028-5

TS. NGUYỄN THỊ THANH VÂN

TÍN NGƯỠNG THỜ Thiên Y A Na CỦA NGƯỜI VIỆT Ở TRUNG BỘ

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ - TRUYỀN THÔNG

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tín ngưỡng thờ Mẫu là một trong những nét đặc sắc của văn hóa dân gian Việt Nam, phản ánh sâu sắc đời sống tâm linh, tinh thần nhân bản và khát vọng hướng thiện của con người Việt. Trong hệ thống tín ngưỡng đó, Thiên Y A Na Thánh Mẫu là biểu tượng tiêu biểu, vừa mang yếu tố bản địa, vừa thể hiện sự giao thoa văn hóa giữa người Việt và người Chăm, giữa miền núi và miền biển, giữa tín ngưỡng dân gian và tôn giáo dân tộc.

Khu vực Trung Bộ được xem là trung tâm phát tích và lan tỏa tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na. Nơi đây lưu giữ nhiều di tích, nghi lễ, lễ hội, truyền thuyết và huyền thoại gắn liền với vị Thánh Mẫu, phản ánh sinh động đời sống tinh thần của cộng đồng cư dân ven biển. Tuy nhiên, các nghiên cứu chuyên sâu về hiện tượng tín ngưỡng này vẫn còn chưa được triển khai đồng bộ, hệ thống, đặc biệt ở các địa phương phía Nam Trung Bộ.

Ngày 18/01/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 90/QĐ-TTg phê duyệt *"Chương trình Mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025"*, với mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm và bền vững, trong đó có giảm nghèo về thông tin.

Trên cơ sở đó, Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) đã ban hành Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022, Thông tư số 01/2025/TT-BTTTT ngày 18/02/2025 hướng dẫn thực hiện Dự án "Truyền thông và giảm nghèo về thông tin" thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

Thực hiện nhiệm vụ được Lãnh đạo Bộ giao, Nhà xuất bản Khoa học - Công nghệ - Truyền thông phối hợp với tác giả biên soạn và xuất bản cuốn sách ***Tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na của người Việt ở Trung Bộ***.

Cuốn sách được xây dựng dựa trên kết quả khảo cứu thực địa, phân tích tư liệu dân gian, thư tịch cổ và các nghiên cứu khoa học hiện đại, nhằm khái quát tiến trình hình thành, phát triển và lan tỏa của tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na trong đời sống tinh thần của cư dân vùng Trung Bộ. Cuốn sách góp phần làm rõ những giá trị văn hóa, nhân văn, tính đa dạng và sức sống bền bỉ của tín ngưỡng dân gian Việt Nam.

Việc xuất bản ấn phẩm này là hoạt động thiết thực trong việc phổ biến tri thức văn hóa, góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị tín ngưỡng truyền thống, đồng thời thực hiện hiệu quả mục tiêu giảm nghèo về thông tin theo tinh thần của Chương trình Mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong quá trình biên soạn và biên tập, song cuốn sách khó tránh khỏi thiếu sót. Nhà xuất bản Khoa học - Công nghệ - Truyền thông rất mong nhận được ý kiến đóng góp của quý bạn đọc để ấn phẩm ngày càng hoàn thiện hơn trong những lần xuất bản sau.

Mọi ý kiến xin gửi về địa chỉ: Nhà xuất bản Khoa học - Công nghệ - Truyền thông, tầng 6, Tòa nhà Cục Tần số vô tuyến điện - 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội.

Trân trọng giới thiệu!

NHÀ XUẤT BẢN

KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ - TRUYỀN THÔNG

LỜI MỞ ĐẦU

Tín ngưỡng, tôn giáo là một thành tố quan trọng để hình thành nên các đặc trưng văn hóa - xã hội của một tộc người, một vùng miền và nó còn có ảnh hưởng không nhỏ đến an ninh và chính trị quốc gia. Về cơ bản, các tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam chung sống hòa bình, cùng hướng tới mục tiêu giúp con người sống tốt đời đẹp đạo. Trong từng giai đoạn lịch sử nhất định, trong từng khu vực địa lý cụ thể, các đặc trưng tín ngưỡng, tôn giáo có những ảnh hưởng qua lại, dung hòa lẫn nhau trong quá trình cộng cư của các tộc người trong môi trường địa - văn hóa, địa - lịch sử. Điển hình cho trường hợp này là tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na của người Việt ở Trung Bộ Việt Nam.

Thờ Thiên Y A Na là tín ngưỡng thờ Mẫu quan trọng và phổ biến nhất trong đời sống tâm linh của người Việt ở miền Trung phân bố từ Quảng Bình đến Bình Thuận, nổi bật với hai trung tâm là Thừa Thiên Huế và Khánh Hòa. Thiên Y A Na là Mẫu thần tôn kính của nhân dân trong vùng, sự hiện diện của Bà rộng khắp từ thành thị đến nông thôn, từ rừng núi đến biển đảo, trong các loại hình di tích thờ tự với một hệ thống lễ hội phong phú, đa sắc. Hiện nay, tùy từng nơi, do tính chất hoạt động sản xuất mà việc thờ phụng Thiên Y A Na mang những sắc thái khác nhau. Với các ngư dân chuyên khai thác biển, Bà được coi là vị thánh phù hộ cho nghề cá và ngư dân. Trong khi đó, ở những làng chuyên nghề nông, Bà được thờ với vị thế là Thánh Mẫu dạy cho dân biết trồng trọt, phù hộ mùa màng, khai hóa văn minh. Đối với cư dân thành thị, người làm nghề buôn bán, Bà

được thờ như một vị phúc thần, phù hộ cho họ buôn may, bán đắt. Với cư dân chuyên nghề khai thác lâm, thổ sản, Thiên Y A Na trở thành Bà chúa Trầm hương,… Hầu như trong mọi ngành, nghề của người Việt ở Trung Bộ đều in đậm tín ngưỡng thờ Bà. Có thể thấy, hiếm có vị thần nào mang nhiều tư cách như Thánh mẫu Thiên Y A Na trong hệ thống thần linh của người Việt ở nơi đây.

Không những thế, tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na của người Việt ở Trung Bộ còn là môi trường sản sinh, lưu giữ và phát triển các giá trị văn hóa dân gian đặc sắc, như kiến trúc, điêu khắc dân gian, văn học dân gian, nghệ thuật biểu diễn dân gian, lễ hội dân gian,… Những giá trị văn hóa đó đã góp phần hình thành bản sắc văn hóa của người Việt ở Trung Bộ, tạo nguồn lực to lớn cho phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh hiện nay.

Cuốn sách ***Tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na của người Việt ở Trung Bộ*** góp phần giúp người đọc hiểu sâu hơn về một hiện tượng tín ngưỡng - văn hóa độc đáo. Đồng thời làm rõ tính hệ thống, riêng biệt, độc đáo trong tín ngưỡng Thiên Y A Na cũng như những đặc trưng, giá trị văn hóa truyền thống của người Việt ở Trung Bộ. Những kết quả nghiên cứu đó sẽ là cứ liệu khoa học góp phần định hướng và đề xuất các giải pháp bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa dân gian tiêu biểu, đặc sắc trong tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na.

Thiên Y A Na là Mẫu thần của người Việt ở Trung Bộ, nhưng Bà có nguồn gốc từ Nữ thần xứ sở của người Chăm - Po Inư Nagar. Hiện tượng tín ngưỡng - văn hóa này phản ánh quá trình cộng cư, tiếp biến văn hóa giữa hai dân tộc Việt - Chăm từ quá khứ vẫn tồn tại và phát triển cho đến hiện nay. Qua đó, tìm

ra những bài học lịch sử về cố kết cộng đồng. Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu đó đề xuất giải pháp củng cố hơn nữa khối đại đoàn kết các dân tộc, cùng nhau xây dựng đất nước thống nhất trong đa dạng, phát triển văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc trong thời kỳ hội nhập và phát triển bền vững hiện nay.

Để hoàn thành cuốn sách này, tác giả sử dụng nguồn tài liệu thu thập được trong quá trình điền dã thực địa tại địa bàn nghiên cứu từ năm 2009 đến nay là chủ yếu. Bên cạnh đó, tác giả cũng sử dụng các nguồn tài liệu khác như: cổ sử Việt Nam (*Việt điện u linh tập, Đại Việt sử ký toàn thư, Đại Nam nhất thống chí, Đại Nam thực lục, Lịch triều hiến chương loại chí*…); địa chí các tỉnh; kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học trong và ngoài nước về tín ngưỡng Thiên Y A Na ở Trung Bộ đã công bố; các văn bản về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tôn giáo, tín ngưỡng, về bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tín ngưỡng, lễ hội truyền thống; số liệu thống kê của các địa phương về hệ thống di tích thờ tự (công cộng và tư nhân); số liệu thống kê của Tổng hội Thiên Tiên Thánh giáo về số lượng tín đồ; danh sách các đoàn con nhang đệ tử về dự lễ hội vía Bà,... để tham khảo, so sánh và bổ sung tư liệu.

Trong quá trình hoàn thành cuốn sách này, ngoài sự nỗ lực phấn đấu của bản thân, tôi đã nhận được sự giúp đỡ, động viên rất nhiều từ các tập thể và cá nhân ở địa bàn và lĩnh vực tôi nghiên cứu. Nhân dịp cuốn sách được ra mắt, tôi xin trân trọng và gửi lời cảm ơn đến: PGS. TS. Ngô Văn Doanh - người định hướng khoa học cho tôi trong lĩnh vực nghiên cứu này, đồng thời, có những ý kiến gợi mở và đóng góp trực tiếp vào nội dung cuốn sách; Ban Giám hiệu Trường Đại học Văn hóa Hà Nội - nơi tôi đang công tác; Khoa Dân tộc học, Học viện Khoa học xã

hội đã tận tình giúp đỡ, tạo điều kiện cho tôi trong quá trình thực hiện nghiên cứu; Các ban ngành chức năng, các cơ quan quản lý văn hóa, các trung tâm nghiên cứu, các tổ chức tín ngưỡng, các tín đồ đạo Mẫu và đồng bào các tỉnh Trung Bộ đã nhiệt tình giúp đỡ, động viên và cung cấp cho tôi nhiều tư liệu quý báu trong thời gian điền dã tại địa phương.

Dù bản thân đã rất cố gắng và nỗ lực nhưng cuốn sách không thể tránh khỏi những hạn chế và thiếu sót, rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các nhà khoa học và bạn đọc gần xa để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong lần xuất bản sau.

Hà Nội, ngày…. tháng…. năm 2025

Tác giả

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ KHÁI QUÁT VỀ TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU Ở TRUNG BỘ

1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Những ghi chép, nghiên cứu về tín ngưỡng Thiên Y A Na ở Trung Bộ

Thiên Y A Na là tín ngưỡng phổ biến và chứa đựng nhiều giá trị văn hóa độc đáo của người Việt ở Trung Bộ. Cho nên, đề cập đến tín ngưỡng này, đến nay đã có nhiều ghi chép, nghiên cứu của các học giả trong và ngoài nước công bố, xuất bản. Mỗi tác giả, nhóm tác giả có cách tiếp cận khác nhau, trên nhiều phương diện như nguồn gốc, truyền thuyết vị thần chủ, những biểu hiện tín ngưỡng, các trung tâm thờ tự nổi tiếng, các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, kiến trúc, điêu khắc… được sản sinh, phát triển từ tín ngưỡng và phục vụ các hoạt động của tín ngưỡng này.

Những ghi chép về tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na ở Trung Bộ

Trong quá trình di cư về phương Nam, bên cạnh hành trang tâm linh mang theo từ đất Bắc, người Việt đã tiếp nhận hệ thống thần linh của người tiền trú (người Chăm), điển hình là Thần Mẹ xứ sở Po Inư Nagar. Trong dân gian, có thể từ trước đó rất lâu,

ảnh hưởng của vị thần này đã lan tỏa rộng rãi nhưng phải đến thời Nguyễn thì Thiên Y A Na - một dạng Việt hóa của thần Po Inư Nagar mới hiện diện một cách đầy đủ, cả trong chính sử, dã sử và dân gian.

Việt điện u linh tập của Lý Tế Xuyên (mục *Hạo khí anh linh)* là tài liệu ghi chép sớm nhất về vị nữ thần có nguồn gốc Chiêm Thành, xuất hiện trong cuộc nam chinh của Lý Thánh Tông (1066) với thần tích là Hậu Thổ Phu Nhân, sau đó được mang về thờ tại đình Ứng Thiên ở Thăng Long [181, tr.71-72], phong là *Ứng Thiên Hóa Dục Hậu Thổ Địa Kỳ Nguyên Quân*. Sách này có dẫn truyện Báo Cực chép rằng: *Nguyên Quân tức là Nam Quốc Chủ Đại Địa Thần* - giống ý nghĩa của Po Inư Nagar. Trong *Ô Châu cận lục* cũng có ghi chép về Y Na Thần ở vùng Ô, Lý (Khuất Phố, Kim Trà) vào năm 1555 [1, tr.291].

Không chỉ được ghi lại trong các dã sử mà sự tích Thánh mẫu Thiên Y A Na còn được ghi lại trong chính sử triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục* (phần Tiền biên) đã ghi lại vị nữ thần này dưới dạng Bà Tơ hay Trảo Trảo phu nhân (cô gái áo xanh) phù giúp Nguyễn Hoàng chiến thắng khi chinh phục mảnh đất phương Nam, hoặc nhân vật Bà Trời áo đỏ (Thiên Mụ) hiển linh giúp chúa Nguyễn Hoàng chọn đất đóng đô lập nghiệp. Khi triều Nguyễn được thiết lập, với sự tác động của triều đình và những người đứng đầu vương quyền thì Mẫu Thiên Y A Na được chính thể hóa, thân thế và thánh tích của Bà được ghi lại trong chính sử như: *Đại Nam thực lục* (Phần chính biên), *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc Sử quán triều Nguyễn*, Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* của Nội các triều Nguyễn,... Bên cạnh đó, hệ thống các sắc phong *Thượng đẳng thần* của triều Nguyễn ban cho Thiên Y A Na được lưu giữ và thờ phụng ở các đình, đền,

chùa, miếu… trong làng Việt ở miền Trung đã khẳng định vị trí và vai trò của Bà trong đời sống tâm linh chúng dân và triều đình Nho giáo nhà Nguyễn. Với những ghi chép trên, Thiên Y A Na hiện ra với diện mạo của một vị Thánh mẫu quyền năng, vừa linh thiêng, gần gũi, vừa oai nghiêm khiến con dân của Bà vừa kính trọng vừa nể sợ.

Ngoài ra, truyện kể về Thiên Y A Na lưu truyền trong dân gian cũng được các nhà nho phong kiến và soạn giả đương thời sưu tầm, sáng tác thêm cho phù hợp với điều kiện lịch sử xã hội cụ thể. Những sưu tầm đó được công bố trong nhiều công trình đã xuất bản như: *Sự tích Đức Thiên Y A Na* được Thái Văn Kiểm đăng trong tiểu thuyết lịch sử *Đất Việt trời Nam (*1960), *Các nữ thần Việt Nam* của Đỗ Thị Hảo, Mai Ngọc Chúc (1984), *Nữ thần Pô Nagar* của Trần Việt Kỉnh (1989), v.v. Đây là những câu chuyện tản mạn ghi chép về nguồn gốc, lai lịch và thánh tích của Mẫu Thiên Y A Na trong dân gian nhưng chưa được hệ thống.

Trong dân gian, truyện về Mẫu Thiên Y A Na vẫn tiếp tục được sáng tác dựa trên cốt truyện *Thiên Y Tiên nữ* do Thượng thư Phan Thanh Giản triều Nguyễn cho sưu tầm và khắc bia ghi lại vào năm 1856 đặt tại Tháp Bà Nha Trang. Có thể kể đến hệ thống thơ ca, văn chầu Thánh mẫu Thiên Y A Na lưu hành trong cộng đồng người Việt ở Trung Bộ, đặc biệt là các tín đồ Thiên Tiên Thánh Giáo, như: *Thiên Y Thánh Mẫu, Sự tích Thiên Y Thánh Mẫu*, *Văn đàn 3, Văn đàn 4 (Thiên Y Thánh Mẫu khuyến thiện kinh)*... Những câu chuyện về sự huyền bí, linh ứng và độ trì của Bà trước kia cũng như hiện nay luôn tồn tại, thậm chí có xu hướng ngày càng gia tăng, được truyền khẩu rộng rãi ở khu cư dân sinh sống quanh nơi thờ Bà, trong cộng đồng tín đồ thờ

Mẫu ở miền Trung. Đồng thời, nó cũng được ghi chép lại trong lý lịch di tích, trong các truyện kể dân gian ở địa phương.

Những nghiên cứu về tín ngưỡng Thiên Y A Na ở Trung Bộ

Những công trình nghiên cứu đầu tiên về Thiên Y A Na ở miền Trung là những nghiên cứu của người Pháp từ những năm đầu thế kỷ XX đăng trên *Tạp chí Viễn Đông Bác Cổ* (BEFEO) và *Những người bạn cố đô Huế* (BAVH). H. Parmentier có công trình nghiên cứu về "Đền thờ Po Nagar ở Nha Trang" công bố năm 1902 trên BEFEO ở góc độ nghiên cứu kiến trúc đền tháp thờ Bà. L. Cadière với bài "Những đền đài và lưu niệm Chàm ở Quảng Trị và Thừa Thiên (Monuments et souvenirs Chams du Quảng Tri et du Thừa Thiên) và Tín ngưỡng và thực hành tín ngưỡng của người Việt vùng phụ cận Huế trong Croyances et pratiques religieuses des Vietnamiens*"* đăng trên BEFEO. A. Salles có bài viết Di tích Chàm trong văn hóa dân gian An Nam tại Quảng Nam (BAVH), H. Délétie viết về "Lễ rước sắc thần Thiên Y A Na ở điện Huệ Nam (BAVH)"… đã bước đầu viết về di tích và tín ngưỡng của người Việt xứ Thuận Quảng. H. Maspero với công trình "Thánh ca tắm tượng thần của người Chăm" công bố năm 1919 trên BEFEO nghiên cứu về nghi lễ, lễ hội thờ Nữ thần Po Inư Nagar của người Chăm - tiền thân của Thánh mẫu Thiên Y A Na của người Việt ở miền Trung sau này.

Bên cạnh đó, Đào Thái Hanh dựa vào các truyền thuyết được truyền tụng trong dân gian đã có bài nghiên cứu về Thiên Y A Na công bố trên *Tạp chí Những người bạn cố đô Huế* (BAVH) [54, tr.177], Nguyễn Thế Anh với bài viết "The Vietnamization of the Cham Deity Po Nagar" *(*Bài lược dịch tiếng Việt: Thiên Y A Na hay sự tiếp nhận Bà Chúa Chăm Po

Nagar của vương triều Nho giáo Việt Nam*)* được dịch và đăng trên *Tạp chí Xưa & Nay*, số 98 và số 100 [5, 2001], "Điện Huệ Nam" của Nguyễn Đình Hòe, (BAVH 15) [69, 1997]… Những nghiên cứu trên đã bước đầu khảo tả về hệ thống di tích, hình thái tín ngưỡng, sự tiếp nhận và giao thoa văn hóa giữa người Chăm và người Việt được biểu hiện qua tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na ở miền Trung, nhưng địa bàn nghiên cứu chủ yếu là Huế và Nha Trang.

Sau đổi mới (1986), việc nghiên cứu về đời sống tâm linh, tôn giáo tín ngưỡng ở nước ta được tiến hành toàn diện, đặc biệt là sau Hội thảo quốc gia về Thánh mẫu Liễu Hạnh tổ chức tại Văn Miếu (Hà Nội) năm 1992. Nếu Thánh mẫu Liễu Hạnh là chủ đề chính để nghiên cứu về tín ngưỡng thờ Mẫu ở Bắc Bộ, Bà Chúa Xứ, Bà Đen ở Nam Bộ thì Thiên Y A Na là trọng tâm chính khi nghiên cứu tín ngưỡng thờ Mẫu ở Trung Bộ. Hàng loạt công trình nghiên cứu tổng hợp về tín ngưỡng/đạo Mẫu nói chung và nghiên cứu về Thiên Y A Na nói riêng đã được xuất bản với góc nhìn khách quan, đa chiều về một hiện tượng tín ngưỡng quan trọng, phổ biến trong đời sống tâm linh của người dân Trung Bộ.

Trong công trình *Đạo Mẫu ở Việt Nam* của Ngô Đức Thịnh xuất bản lần đầu năm 1996 (được bổ sung, tái bản nhiều lần, mới nhất là năm 2012), thì Mẫu Thiên Y A Na được đề cập là một trong ba dạng thức thờ Mẫu ở Việt Nam - dạng thức thờ Mẫu Trung Bộ với những khái quát chung và đặc trưng riêng. Trong công trình này, đặc trưng tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt ở Trung Bộ được tác giả đánh giá, nhìn nhận dưới góc độ địa - văn hóa, địa - lịch sử. Trong cuốn *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam* do Ngô Đức Thịnh chủ biên (2001), tác

giả Nguyễn Duy Hinh có bài viết về *Tục thờ Bà Chúa Ngọc* đã khái quát những nét cơ bản về tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na của người Việt ở Trung Bộ.

Tiêu biểu là cuốn sách *Tín ngưỡng thờ Mẫu ở miền Trung Việt Nam* xuất bản năm 2001 do Nguyễn Hữu Thông chủ biên là một đóng góp lớn cho việc nghiên cứu tín ngưỡng/đạo thờ Mẫu và các sinh hoạt văn hóa, nghi thức có liên quan (hầu đồng, chầu văn, nghi thức tế tự…) ở địa bàn Trung và Nam Trung Bộ. Trong công trình đó ông đã đề cập đến các dạng thức thờ Mẫu ở miền Trung, tiêu biểu nhất là tín ngưỡng thờ Mẫu Thiên Y A Na. Tuy nhiên, trong cuốn sách này tác giả chủ yếu tập trung nghiên cứu về tín ngưỡng Mẫu Tam phủ, Tứ phủ ở Thuận Hóa (Quảng Trị - Thừa Thiên Huế), còn sắc thái địa phương của tín ngưỡng thờ Mẫu nói chung và Mẫu Thiên Y A Na ở các địa bàn khác trong vùng thì ít hoặc chưa được đề cập đến, đặc biệt là ở Khánh Hòa - nơi phát tích và phổ biến tín ngưỡng Thiên Y A Na.

Cũng nghiên cứu về tín ngưỡng Thiên Y A Na ở miền Trung, trong luận văn thạc sĩ ngữ văn năm 2008, tác giả Lê Thị Bích Thảo đã *Khảo sát hiện tượng Thiên Y A Na ở Thừa Thiên Huế và Nam Trung Bộ (qua truyện kể và lễ hội*). Công trình này góp phần làm rõ nguồn gốc, đặc điểm các truyền thuyết và lễ hội về Thiên Y A Na với những điểm chung - riêng của từng vùng, dưới tác động của điều kiện tự nhiên, lịch sử, xã hội trong từng thời kỳ cụ thể, bằng phương pháp tiếp cận và dưới góc nhìn văn học.

Trong bài viết "Tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na của người Việt ở Nam Trung Bộ" đăng trên *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật,* số 362 năm 2014, tác giả đã khái quát về nguồn gốc tín ngưỡng,

hệ thống di tích thờ tự, lễ hội và những biểu hiện của giao lưu, tiếp biến văn hóa qua tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na ở Trung Bộ. Với bài viết "Tín ngưỡng của cư dân ven biển Trung Bộ" đăng trên *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*, số 10/2020 tác giả Bùi Đức Mậu có đề cập đến Tục thờ Thiên Y A Na là một trong ba tín ngưỡng tiêu biểu của cư dân ven biển Nam Trung Bộ, đồng thời cũng là môi trường văn hóa để sản sinh, nuôi dưỡng và lưu truyền những loại hình nghệ thuật đặc sắc được trình diễn trong thực hành tín ngưỡng thờ Bà.

Thờ Thiên Y A Na là tín ngưỡng rất phổ biến ở Trung Bộ. Tuy nhiên, tùy từng tiểu vùng với những đặc điểm tự nhiên, lịch sử, xã hội riêng biệt mà tín ngưỡng này cũng mang sắc thái riêng, điều này đã được nhiều nhà nghiên cứu đặc biệt chú ý. Đến nay có nhiều công trình nghiên cứu về tín ngưỡng Thiên Y A Na ở Thuận Hóa công bố, tiêu biểu như: *Tín ngưỡng dân gian Huế* của Trần Đại Vinh (1995); *Tục thờ thần ở Huế* của Huỳnh Đình Kết (1996); *Văn hóa Chăm pa ở Quảng Trị di tích và huyền thoại* của Lê Đức Thọ (2004); *Hải Cát, đất và người* của Nguyễn Hữu Thông chủ biên (2006); *Nhận thức về miền Trung Việt Nam hành trình 10 năm tiếp cận* của Phân viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam tại Huế (2009), *Tín ngưỡng thờ Nữ thần vùng ven sông Hương ở Huế* của Dương Hải Vân (2010), *Địa chí Thừa Thiên Huế, phần văn hóa* của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (2020), *Tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ ở Thừa Thiên Huế nhìn từ hệ thống thần linh của Thiên Tiên Thánh Giáo* của Nguyễn Hữu Phúc (2022)… Những công trình trên đã khái quát về nguồn gốc, sự lan tỏa và đặc trưng của tín ngưỡng Thiên Y A Na ở Huế và vùng phụ cận, mà trung tâm là Điện

Hòn Chén và làng Hải Cát với sắc thái của vị Thành hoàng làng và thần bảo trợ cho nông nghiệp.

Tiến vào phía nam thì diện mạo, những sinh hoạt văn hóa và nét chung - riêng trong tín ngưỡng thờ Mẫu, mà trong đó tiêu biểu là Mẫu Thiên Y A Na ở vùng Quảng Nam - Đà Nẵng cũng được trình bày rõ nét trong hai công trình nghiên cứu của Nguyễn Xuân Hương: *Tín ngưỡng cư dân ven biển Quảng Nam - Đà Nẵng* (2009) và *Tín ngưỡng thờ nữ thần của người Việt ở xứ Quảng* (2011). Bên cạnh đó, *Tín ngưỡng thờ Mẫu tại Đà Nẵng* của tác giả Đinh Thị Kim Ngân (2022), *Tín ngưỡng Thiên Y A Na trong văn hóa dân gian người Việt ở Hội An* của Nguyễn Văn Thịnh (2023) cũng đã khái quát về tín ngưỡng thờ Mẫu tại Đà Nẵng, trong đó Thiên Y A Na là vị thần Mẫu được thờ tự phổ biến, có chức năng cai quản đất đai, độ trì sự bình an, ban tài lộc cho con người. Ở Quảng Ngãi, tín ngưỡng Thiên Y A Na được khảo cứu trong các công trình như: *Tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na ở Lý Sơn* của Phan Đình Độ (2002), *Đền Trường Bà tín ngưỡng và nghi lễ* của Nguyễn Thị Mỹ (2008), *Văn hóa dân gian của cư dân ven biển Quảng Ngãi* của Nguyễn Đăng Vũ (2016),… Ở Bình Định, Phú Yên, những nghiên cứu về tín ngưỡng Thiên Y A Na còn khá mờ nhạt, mới chỉ đề cập đến Bà như một hiện tượng thờ phụng phổ biến trong các làng Việt, tiêu biểu như: *Non nước Bình Định* của Quách Tấn (1999), *Địa chí Phú Yên* do Nguyễn Chí Bền, Lê Thế Vịnh chủ biên (2003), *Non nước Phú Yên* của Nguyễn Đình Tư (2004), *Phú Yên miền đất ước vọng* của Trần Huyền Ân (2004), *Địa chí Bình Định* do Đỗ Bang, Nguyễn Tấn Hiểu chủ biên (2007), *Lễ tá thổ ở Phú Yên* của Nguyễn Đình Chúc (2014),… và tản mạn trong các Hội thảo khoa học trong nước và quốc tế.

Khánh Hòa được xem là nơi phát tích của tín ngưỡng Thiên Y A Na ở miền Trung. Cho nên, dấu ấn văn hóa của tín ngưỡng này được biểu hiện đậm nét và độc đáo, thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu. Những nghiên cứu về tín ngưỡng Thiên Y A Na ở Khánh Hòa trên các phương diện: nguồn gốc, diện mạo, đặc trưng, di tích, sinh hoạt văn hóa - lễ hội… đã công bố, như: *Xứ Trầm hương* của Quách Tấn (1992), *Lễ hội Tháp Bà Nha Trang* của Nguyễn Đình Chi (1998), *Tháp Bà Nha Trang* của Nguyễn Công Bằng (2005), *Khánh Hòa diện mạo một vùng đất* của Bảo tàng Khánh Hòa và Chi hội văn nghệ dân gian Khánh Hòa (2002), *Những tục thờ và lễ hội tiêu biểu của Khánh Hòa* của Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Khánh Hòa (2005), *Tục thờ cúng của ngư phủ Khánh Hòa* của Lê Quang Nghiêm (1970), *Tín ngưỡng thờ Pô Nagar ở Khánh Hòa* của Nguyễn Thị Thanh Vân (2009), *Di tích và lễ hội Am Chúa* của Nguyễn Thị Thúy Hằng (2012), *Tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt ở Khánh Hòa* của Nguyễn Văn Bốn (2019),… Những công trình trên đã khắc họa chi tiết về tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na và vai trò của Bà trong đời sống tâm linh, văn hóa của người Việt ở Khánh Hòa.

Trên đây là những công trình nghiên cứu tiêu biểu về tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na của người Việt ở Trung Bộ. Bên cạnh đó còn có rất nhiều bài nghiên cứu đăng trên các tạp chí chuyên ngành hoặc báo, tạp chí địa phương, nhiều khóa luận, luận văn, luận án, địa chí các tỉnh Trung Bộ, các hội thảo khoa học có liên quan đều đề cập đến tín ngưỡng thờ Bà, như [161], [162]… Các công bố trên đã tái hiện diện mạo tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na trên nhiều khía cạnh và mang tính địa phương. Tuy nhiên, khảo cứu tài liệu cho thấy chưa có công trình nào nghiên cứu một cách đầy đủ về tín ngưỡng Thiên

Y A Na của người Việt ở Trung Bộ. Hơn nữa, diện mạo tín ngưỡng Thiên Y A Na ở Bình Định, Phú Yên vẫn còn là khoảng trống cần bổ sung nhằm làm rõ tính thống nhất và đa dạng trong tín ngưỡng Thiên Y A Na của người Việt ở Trung Bộ dưới tác động của các yếu tố địa - chính trị, địa - lịch sử, địa - văn hóa.

1.2. Những nghiên cứu về giao lưu, tiếp biến văn hóa qua tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na ở Trung Bộ

Giao lưu, tiếp biến văn hóa Việt - Chăm

Giao lưu, tiếp biến văn hóa Việt - Chăm là hiện tượng văn hóa độc đáo, phổ biến trong cộng đồng người Việt ở miền Trung, thu hút sự quan tâm, nghiên cứu của nhiều học giả trong và ngoài nước. Hiện tượng này diễn ra trên nhiều phương diện, nhiều cấp độ. Thiên Y A Na là Thánh mẫu của người Việt nhưng Bà là kết quả của sự hội tụ giữa tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt ở Bắc Bộ và tín ngưỡng thờ Mẹ xứ sở Po Inư Nagar của người Chăm ở miền Trung. Vì vậy, bản thân tín ngưỡng này cùng với những biểu hiện văn hóa xung quanh nó đã là minh chứng rõ nét về sự giao tiếp văn hóa Việt - Chăm ở Trung Bộ.

Trong sách *Thần người và đất Việt* của Tạ Chí Đại Trường (2006) đã đề cập đến quá trình "*một bu mông (đền thần Chàm) đã thành một đền miếu Việt trong trường hợp nào, qua những biến đổi và biến dạng như thế nào*" [158, tr.207]. Cuốn sách *Tháp Bà Thiên Y A Na hành trình của một nữ thần* của Ngô Văn Doanh (2009) cũng đã tái hiện lại quá trình từ Nữ thần/tính nữ trong Ấn Độ giáo trở thành Mẹ xứ sở Po Inư Nagar của người Chăm rồi chuyển hóa thành Thánh mẫu Thiên Y A Na của người Việt. Tác phẩm *Xứ Đàng Trong - Lịch sử kinh tế - xã hội*

Việt Nam thế kỷ 17 và 18 của Li Tana (1999) cũng đã khẳng định: "*Các di dân người Việt đã tiếp nhận và thích nghi một cách thoải mái nhiều yếu tố của nền văn hóa Chăm trong một quá trình dài vay mượn có chọn lọc cái mới và loại bỏ cái cũ không còn phù hợp nơi vùng đất mới"*[89, tr.193]. Bên cạnh đó, tôn giáo, tín ngưỡng là thứ được những người đứng đầu xứ Đàng Trong quan tâm hàng đầu để ổn định dân tình. Rõ ràng ở đây cho thấy *"có một sự hòa hợp tôn giáo. Po Ino Nagar, một Nữ thần lớn của người Chăm, cũng đã được Việt hóa thành Thiên Y A Na, kế đó được đơn giản hóa thành Bà Ngọc hoặc Bà*" [89, tr.195].

Trong *Đạo Mẫu Việt Nam* (2012) tác giả Ngô Đức Thịnh khi trình bày về sắc thái tín ngưỡng thờ Mẫu ở Trung Bộ, cũng đã đề cập đến nguồn gốc Chămpa của Thánh Mẫu Thiên Y A Na. Trong sách *Tín ngưỡng thờ Mẫu ở miền Trung Việt Nam* của Nguyễn Hữu Thông (2001), mục *Thiên Y A Na: nguồn gốc thờ phụng và những lớp áo văn hóa* đã đề cập đến sự chuyển tiếp trong quá trình thờ phụng thần Ấn Độ đến Mẹ xứ sở của người Chăm rồi đến Mẫu Thiên Y A Na của người Việt bởi sự tương đồng "*trên nền lõi tư duy thần thoại của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước*" [137, tr.153].

Trong luận văn về *Tín ngưỡng thờ Pô Nagar ở Khánh Hòa* (2009) tác giả dành một chương để trình bày về sự giao lưu, tiếp biến văn hóa Việt - Chăm qua tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na/Po Nagar ở Khánh Hòa trên nhiều phương diện (truyền thuyết vị thần, di tích thờ phụng, tín ngưỡng, văn hóa nghệ thuật dân gian…). Viết về *Tín ngưỡng thờ nữ thần của người Việt ở xứ Quảng* (2011) tác giả Nguyễn Xuân Hương đã khái quát diện

mạo thờ Mẫu thần ở Quảng Nam - Đà Nẵng, trong đó đề cập đến Mẫu Thiên Y A Na và những hóa thân của Bà trong mối quan hệ nguồn gốc với thần bản xứ, đặc biệt là thần linh Chăm, như *Chủ Ngung man nương*, *Pô Pô phu nhân*… rồi Việt hóa thành Bà Giàng, Bà Lồi, Bà Thu Bồn…

Bên cạnh những công trình nghiên cứu tiêu biểu kể trên, thì vấn đề giao tiếp văn hóa Việt - Chăm còn được đề cập trong nhiều bài tạp chí, chuyên khảo và các nghiên cứu riêng lẻ. Tác giả Nguyễn Thế Anh đã viết về *Thiên Y A Na hay sự tiếp nhận Bà Chúa Chăm Pô Nagar của vương triều Nho giáo Việt Nam*, Phan Văn Chạy dịch (2001) *bàn về sự tiếp biến văn hóa Việt - Chăm trên tư tưởng của phong kiến nhà Nguyễn ngay từ những ngày đầu sinh sống và lập nghiệp trên đất Nam Hà*. Tác giả Trần Đình Hằng có nhiều bài viết liên quan đến lĩnh vực này, như: *Của người, của ta: thần điện làng Việt miền Trung* (2009)*; Hệ thống thần linh biển và vấn đề ý thức dân tộc, nhìn từ văn hóa miền Trung, miền Nam* (2012); *Từ cô gái áo xanh ở Ái Tử (Quảng Trị) đến Bà Trời áo đỏ ở Thiên Mụ (Huế): sinh lô tư tưởng của vùng đất mới Nam Hà* (2008)… Tác giả Lê Đình Hùng đã viết về vấn đề này, như: *Tiếp biến văn hóa Việt - Chiêm trên vùng Thuận Hóa qua dấu ấn danh xưng của một vị Nữ thần* (2009), *Từ nữ thần Poh Nagar đến tục thờ Thiên Y A Na ở miền Trung Việt Nam (Nghiên cứu trường hợp trên địa bàn Thuận Hóa* viết cùng với Tôn Nữ Khánh Trang (2010). Tác giả Nguyễn Hữu Thông cũng có nhiều công trình nghiên cứu, như: *Bàn về mối quan hệ văn hóa Việt-Chăm qua hình tượng Nữ thần Thiên Y A Na* (2009); *Cốt Chăm - bì Việt của một số tượng thờ trong ngôi chùa làng xứ Thuận Hóa* (2010)...

Khi nghiên cứu về vấn đề này, tác giả có nhiều bài viết, như: *Tín ngưỡng thờ Thiên Yana ở Khánh Hòa: một hiện tượng giao thoa văn hóa Việt - Chăm* (2010); *Giao tiếp văn hóa văn hóa Việt - Chăm qua tín ngưỡng thờ Thiên Yana ở Trung Bộ* (2012); *Tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na của người Việt ở Trung Bộ* (2014);… Ngoài ra, một số tác giả khác cũng bàn luận chủ đề này, như: *Truyền thuyết về Po Nagar ở khu vực Phú Khánh - Thuận Hải* của Nguyễn Duy Hinh (1978); *Sự hỗn dung văn hóa Việt - Chăm qua hiện tượng thờ Nữ thần Po Ina Nagar ở miền Trung Việt Nam* của Sakay/Trương Văn Món (2013), *Tiếp biến văn hóa trong tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt ở Bắc Bộ và người Chăm ở Trung Bộ từ góc nhìn so sánh* của Nguyễn Văn Bốn (2023)...

Các công trình nêu trên đã đề cập đến các phương diện của quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa Việt - Chăm được thể hiện trong tín ngưỡng Thiên Y A Na của người Việt ở Trung Bộ, như danh xưng nữ thần, thần điện, truyền thuyết, huyền thoại, nghi thức thờ cúng, các sinh hoạt văn hóa liên quan… Tuy nhiên, đây là những công trình nghiên cứu riêng lẻ, chỉ đề cập đến một trong các khía cạnh cụ thể (chủ yếu qua danh xưng và thần điện) mà chưa có sự tập hợp, bổ sung, thống nhất để từ đó nhìn nhận một cách khái quát, toàn diện sự giao tiếp giữa hai nền văn hóa Chăm - Việt ở Trung Bộ thông qua tín ngưỡng thờ Bà.

Giao tiếp văn hóa Việt - các dân tộc tại chỗ ở Trung Bộ

Không chỉ là biểu hiện của sự giao tiếp văn hóa Việt - Chăm, tín ngưỡng Thiên Y A Na còn thể hiện quá trình cộng cư, tiếp biến văn hóa giữa người Việt và các dân tộc sinh sống ở

Trung Bộ, như người Hoa, Cor, Hrê, Raglai, Ca dong, Cơ tu… trong hoạt động thờ phụng Bà.

Điện Trường Bà thờ Thiên Y A Na ở Trà Bồng (Quảng Ngãi) là một minh chứng tiêu biểu cho vấn đề nêu trên. Tác giả Nguyễn Văn Mạnh trong bài viết *Đền Trường Bà ở Trà Bồng* (1995) đã khẳng định "*Đền Trường Bà không chỉ là một khu di tích văn hóa, mà còn là nơi củng cố thêm mối đoàn kết Kinh - Thượng ở vùng núi Trà Bồng"*. Trong *Đạo Mẫu Việt Nam,* Ngô Đức Thịnh cũng khẳng định "*Điều đáng chú ý ở ngôi miếu (chùa) này không chỉ là sự giao thoa văn hóa Việt - Hoa, mà còn cả Kinh - Thượng"* [151, tr.298]. Nguyễn Đăng Vũ có nhiều bài viết về tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na ở Quảng Ngãi, như: *Tín ngưỡng thờ Mẫu của cư dân ven biển Quảng Ngãi* (2003); *Đền Trường Bà - Trà Bồng tín ngưỡng và giao lưu văn hóa* (2004); *Điện Trường Bà Trà Bồng - đặc trưng di tích và lễ hội* (2013)… đã khẳng định: "*Đền Trường Bà không phải là một ngôi đền lớn nhưng nơi đây đã tích hợp các luồng văn hóa của các tộc người khác nhau: Chăm - Việt - Hoa - các dân tộc thiểu số và có nhiều giá trị, ý nghĩa về lịch sử, chính trị, văn hóa*".

Tuy nhiên, những nghiên cứu trên mới chỉ đề cập đến vấn đề giao lưu, tiếp biến văn hóa giữa các tộc người ở Trà Bồng một cách chung chung, chưa lý giải các điều kiện và cơ chế của sự giao tiếp văn hóa đó được thể hiện như thế nào trong tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na. Vì vậy, đây là một khoảng trống cần được nghiên cứu, bổ sung.

Tổng quan vấn đề nghiên cứu có thể thấy, mặc dù có không ít công trình nghiên cứu về tín ngưỡng Thiên Y A Na của người Việt ở Trung Bộ, nhưng chủ yếu tập trung nghiên cứu về tín

ngưỡng Thiên Y A Na ở Thừa Thiên Huế và Khánh Hòa mà chưa hoặc ít nghiên cứu tín ngưỡng này ở các địa phương khác. Bên cạnh đó, các nghiên cứu trên chưa khái quát được các đặc trưng, tính thống nhất và đa dạng trong tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na của người Việt ở Trung Bộ cũng như quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa giữa các tộc người trong vùng. Vì vậy, trong công trình nghiên cứu này, chúng tôi mong muốn tiếp tục bổ sung những khoảng trống đó, để hiện tượng tín ngưỡng - văn hóa độc đáo của người Việt ở Trung Bộ được hiện diện sinh động và đầy đủ.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

2.1. Những khái niệm công cụ

Để làm sáng tỏ *Tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na của người Việt ở Trung Bộ*, chúng tôi làm rõ một số khái niệm công cụ liên quan đến nội dung cuốn sách như: *tín ngưỡng, văn hóa tín ngưỡng, Nữ thần, Mẫu thần, Đạo Mẫu, văn hóa Đạo Mẫu,...*

Tín ngưỡng

Ở Việt Nam cũng như trên thế giới có những hiện tượng tín ngưỡng nếu xét theo các tiêu chí của tôn giáo thì chúng không đáp ứng đầy đủ. Chúng còn được gọi là các tôn giáo nguyên thủy hay các tôn giáo sơ khai. Tuy nhiên, sự phân biệt tôn giáo và tín ngưỡng chỉ có tính chất tương đối, nó đều tồn tại trong đời sống xã hội. Trong chỉ thị của Bộ Chính trị về công tác tôn giáo ở nước ta, cụm từ "tín ngưỡng tôn giáo không phân biệt hai phạm trù *tín ngưỡng* và *tôn giáo*" [164, tr.68].

Nói đến tín ngưỡng là nói đến quá trình *thiêng hóa* một nhân vật, hiện tượng được con người gửi gắm niềm tin. Quá

trình ấy có thể đi kèm theo là huyền thoại hóa, lịch sử hóa nhân vật phụng thờ. Đại từ điển tiếng Việt định nghĩa tín ngưỡng là "*lòng tin và sự tôn thờ một tôn giáo*" [182, tr.1646]. Ngô Đức Thịnh đưa ra quan điểm rõ ràng hơn: "*Tín ngưỡng được hiểu là niềm tin của con người vào cái gì đó thiêng liêng, cao cả, siêu nhiên, hay nói gọn lại là niềm tin, ngưỡng vọng vào "cái thiêng", đối lập với cái "trần tục", hiện hữu mà ta có thể sờ mó, quan sát được. Có nhiều loại niềm tin, nhưng ở đây là niềm tin của tín ngưỡng là niềm tin vào "cái thiêng". Do vậy, niềm tin vào cái thiêng thuộc về bản chất của con người, nó là nhân tố cơ bản tạo nên đời sống tâm linh của con người, cũng như giống đời sống vật chất, đời sống xã hội tinh thần, tư tưởng, đời sống tình cảm..."*[151, tr.16].

Trần Ngọc Thêm cho rằng: "*Tổ chức đời sống cá nhân là bộ phận thứ hai trong văn hóa tổ chức cộng đồng. Đời sống mỗi cá nhân trong cộng đồng được tổ chức theo những tập tục được lan truyền từ đời này sang đời khác (phong tục). Khi đời sống và trình độ hiểu biết còn thấp, họ tin tưởng và ngưỡng mộ vào những thần thánh do họ tưởng tượng ra (tín ngưỡng). Tín ngưỡng cũng là một hình thức tổ chức đời sống cá nhân rất quan trọng"* [134, tr.262].

Ở phương Tây, phổ biến thuật ngữ tôn giáo bình dân (*popular religion*). Thuật ngữ đó có thể hiểu tôn giáo theo lối bình dân, nghĩa là theo tập quán, theo dư luận hoặc bị cuốn hút vào các nghi lễ, chứ không theo lối chính thống chủ yếu xuất phát từ việc nghiên cứu giáo lý, suy tư rồi giác ngộ mà theo [164, tr.68-71]. Trong công trình *Ma thuật khoa học và tôn giáo*, Malinowski cho rằng: "*tín ngưỡng ra đời khi mà cuộc sống của con người có nhiều sự trở ngại và bất trắc"* [70, tr.159].

S.A. Tokarev, cho rằng: "*Mặc dù bác bỏ luận thuyết về sự phát triển nội tại của tôn giáo, chúng tôi vẫn không bao giờ phủ định sự tồn tại của những mối liên hệ nguồn gốc giữa các tín ngưỡng. Chúng ta đã thấy rõ những tín ngưỡng đó có tính bảo thủ đến mức nào. Bất kỳ một tín ngưỡng nào đã bắt rễ vững chắc cũng đều tồn tại trong nhân dân rất lâu bền, thậm chí tồn tại ngay cả lúc những điều kiện sản sinh ra nó đã thay đổi*" [155, tr.55]. Theo ông, các hình thức tôn giáo sơ khai là: tô tem giáo, bùa ma và lễ ám hại, chữa bệnh bằng phù phép, lễ dục tình, ma chay, lễ thành niên, sự thờ cúng của nghề săn bắt, sự thờ cúng của thị tộc mẫu hệ, sự thờ cúng tổ tiên, Shaman giáo, sùng bái hội kín, thờ cúng thủ lĩnh, thờ thần bộ lạc, thờ thần nông.

Như vậy, ở phương Tây các nhà nghiên cứu thường dùng khái niệm tôn giáo bao hàm cả các tôn giáo có hệ thống và tổ chức, tôn giáo dân gian và tôn giáo nguyên thủy. Theo họ, tín ngưỡng là bộ phận quan trọng của tôn giáo, nằm trong khái niệm tôn giáo, là cơ sở hình thành tôn giáo.

Tuy nhiên, niềm tin vào cái thiêng đó, cũng theo hoàn cảnh và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của mỗi dân tộc, địa phương, quốc gia mà thể hiện ra dưới các hình thức tín ngưỡng và tôn giáo cụ thể, như: tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng thờ Thành hoàng, tín ngưỡng thờ Mẫu, tín ngưỡng sùng bái tự nhiên… Trong cuốn sách này, chúng tôi không đi sâu vào sự khác biệt giữa tín ngưỡng và tôn giáo, mà chủ yếu kế thừa các quan điểm nghiên cứu về tín ngưỡng, tôn giáo của các nhà khoa học đi trước để tìm kiếm các giá trị tâm linh - văn hóa biểu hiện trong tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na của người Việt ở Trung Bộ. Bởi vì "*Dù hiểu trên góc độ nào, tín ngưỡng - tôn giáo vẫn là một hình thái ý thức xã hội, cũng là một nhu cầu của xã hội. Và*

một khi những nhu cầu ấy chưa được những hình thái khác của ý thức xã hội hoàn toàn thỏa mãn thì đối với một số tầng lớp xã hội, tín ngưỡng - tôn giáo vẫn là nguồn gốc của giá trị đạo đức, niềm an ủi, sự nâng đỡ về tâm lý" [137, tr.12].

Văn hóa tín ngưỡng

Trong một công trình của mình, Ngô Đức Thịnh đã đề cập đến khái niệm *văn hóa tín ngưỡng* như sau: "*Tương ứng với các cộng đồng tôn giáo tín ngưỡng như Phật giáo, Kitô giáo, Hồi giáo, Nho giáo, đạo Mẫu... đều có các dạng thức văn hoá tương ứng: văn hoá Phật giáo, văn hoá Kitô giáo, văn hoá Nho giáo, văn hoá Hồi giáo, văn hoá đạo Mẫu... Bản thân các tôn giáo tín ngưỡng đã là một hình thức văn hoá đặc thù. Đấy là chưa kể, trong quá trình hình thành và phát triển, mỗi tôn giáo tín ngưỡng bao giờ cũng sản sinh, tích hợp trong nó những hiện tượng, những sinh hoạt văn hoá nghệ thuật*" [150, tr. 28]. Ông đã đưa một ví dụ điển hình: "*Từ nhân lõi tôn giáo tín ngưỡng này, đạo Mẫu đã sản sinh và tích hợp nhiều yếu tố, giá trị văn hoá: văn học đạo Mẫu, diễn xướng đạo Mẫu (âm nhạc, múa, hát chầu văn, sân khấu), kiến trúc và nghệ thuật trang trí, lễ hội và sinh hoạt cộng đồng gắn với đạo Mẫu*" [149, tr.765].

Văn hoá tín ngưỡng chính là sự gắn kết từ một hình thức tín ngưỡng nào đó, rồi tích hợp các giá trị văn hoá khác như: di tích, lễ hội, truyền thuyết, diễn xướng nghệ thuật… có liên quan. Tín ngưỡng mang tính nguyên hợp chính là sự tích hợp nhiều giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể cùng tồn tại như một tổng thể văn hoá. Tính nguyên hợp là một đặc trưng cơ bản của văn hóa dân gian, dùng để nói một hiện tượng văn hóa không chỉ tồn tại riêng biệt, đơn lẻ mà còn tồn tại và tích hợp các hiện tượng văn hóa khác vào xung quanh như một tổng thể.

Nữ thần và Mẫu thần

Nữ thần để nói đến các vị thần là phụ nữ. Đây là một đối tượng được thờ phụng phổ biến ở Việt Nam, như: Nữ thần Mặt Trời, Nữ thần Mặt Trăng, bà Nữ Oa…; các Nữ thần gắn với những hiện tượng tự nhiên như: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện. Không những thế, các yếu tố mang tính cội nguồn vũ trụ cũng được gắn cho nữ tính, đó là Bà Ngũ Hành. Các Nữ thần gắn với biểu tượng cho đất nước, quê hương như: Nữ thần Po Inư Nagar, Mẹ Âu Cơ, Bà Chúa Xứ…

Mẫu có nghĩa là *Mẹ, Mụ*. Ngoài ý nghĩa xưng hô của con đối với người phụ nữ sinh ra mình thì *Mẫu*, *Mẹ* còn bao hàm ý nghĩa tôn vinh. Trong tín ngưỡng thờ Mẫu thần nói chung hay mẫu Tam phủ, Tứ phủ có quan hệ mật thiết với tục thờ Nữ thần nhưng không đồng nhất. Mẫu thần đều là Nữ thần, nhưng không phải tất cả Nữ thần đều được coi là Mẫu thần, mà chỉ một số Nữ thần được cộng đồng tôn vinh thành Mẫu thần. Đó là những Nữ thần có công lao sáng tạo ra vùng đất, cây trồng, nguồn nước, truyền nghề cho người dân… có mức độ ảnh hưởng sâu rộng trong cộng đồng, như Mẫu Thượng Thiên, Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Thoải, Mẫu Liễu Hạnh, Linh Sơn Thánh Mẫu, Thiên Y Thánh Mẫu, Bà Chúa Xứ, Bà Thiên Hậu…

Đạo Mẫu và văn hóa Đạo Mẫu

Đạo Mẫu nghĩa là việc thờ Mẹ. Về cội nguồn và bản chất của tục thờ Nữ thần, Mẫu thần đều thuộc tín ngưỡng thờ tính nữ của người Việt, còn gọi là Đạo thờ Mẫu. Từ việc thờ Nữ thần, Mẫu thần đến các Mẫu Tam Phủ, Tứ phủ là bước phát triển về nhiều mặt. Tác nhân của sự phát triển ấy không chỉ có các yếu tố

nội sinh mà còn có cả ngoại sinh, đặc biệt là sự ảnh hưởng của Đạo giáo.

Đạo Mẫu Tam phủ, Tứ phủ so với tín ngưỡng thờ Nữ thần đã có bước phát triển đáng kể về tính hệ thống. Từ một tín ngưỡng tản mạn, nay bước đầu có một hệ thống tương đối nhất quán và rõ rệt về thần điện. Từ một tín ngưỡng dân gian bước đầu đã chứa đựng những nhân tố về một hệ thống vũ trụ luận nguyên sơ, thống nhất chia làm bốn miền do bốn vị Thánh mẫu cai quản: *miền trời* (Mẫu Thượng Thiên), *miền đất* (Mẫu Địa), *miền sông biển* (Mẫu Thoải), *miền rừng* (Mẫu Thượng Ngàn). Đây là một tín ngưỡng bước đầu thể hiện ý thức nhân sinh, ý thức về Phúc, Lộc, Thọ, ý thức cội nguồn dân tộc… đã được linh thiêng hóa mà Mẫu chính là biểu tượng cao nhất. Từ một tín ngưỡng dân gian thờ tính nữ đã bước đầu hình thành một hệ thống thờ cúng trong các đền phủ, những nghi lễ đã được chuẩn hóa, trong đó Hầu bóng (Hầu đồng) và lễ hội là một điển hình.

Từ tục thờ Nữ thần, Mẫu thần phát triển thành Đạo Mẫu đã chịu ảnh hưởng nhiều từ Đạo giáo Trung Quốc. Đó là các quan niệm về tự nhiên, đồng nhất con người với tự nhiên (Tam phủ/Tứ phủ). Một số vị thánh của Đạo giáo thâm nhập vào thần điện Tứ phủ như Ngọc Hoàng, Thái Thượng Lão Quân, Nam Tào, Bắc Đẩu… và các hình thức ma thuật, phù phép. Từ cơ sở đó đã hình thành và phát triển đạo Mẫu Tam Phủ/Tứ Phủ - một thứ đạo giáo đặc thù của Việt Nam, gọi là *Đạo Mẫu.*

Văn hóa Đạo Mẫu là toàn bộ những hiện tượng, những giá trị văn hóa mang tính hệ thống được hình thành, tích hợp và phát triển trên nền tảng một ý niệm, một giáo lý, một hệ thống tổ chức Đạo Mẫu. Chúng tạo ra những giá trị đích thực và thỏa

mãn những nhu cầu về nhận thức, lối sống, thẩm mỹ của con người, trở thành hiện tượng phái sinh gắn bó hữu cơ với tín ngưỡng Đạo Mẫu. Đó là các giá trị văn hóa mang sắc thái dân tộc độc đáo như: nghệ thuật ngôn từ, văn học dân gian, nghệ thuật diễn xướng và tạo hình dân gian, các hình thức sinh hoạt cộng đồng, lễ hội, tiêu biểu nhất là nghệ thuật *Hát văn* và diễn xướng *Hầu đồng, Hầu bóng*.

2.2. Lý thuyết nghiên cứu

Lý thuyết chức năng

Ra đời vào những năm 30 của thế kỷ XX, Lý thuyết chức năng được chia thành hai hệ tư tưởng, gắn với tên tuổi chủ chốt: trường phái *Chức năng tâm lý học* gắn với tên tuổi Bronislaw Malinowski, và trường phái *Cấu trúc - chức năng* gắn với tên tuổi Emile Durkheim, Radcliffe-Brown… Trường phái *Cấu trúc - chức năng* khẳng định các thiết chế văn hóa có chức năng duy trì trạng thái cân bằng và cố kết xã hội. Còn trường phái *Chức năng tâm lý học* nhấn mạnh đến chức năng tâm sinh lý của lễ nghi và những phong tục, và cho rằng các thiết chế văn hóa có chức năng đáp ứng các nhu cầu cơ bản về vật lý và tâm lý của con người trong xã hội. Malinowski tin rằng văn hóa tồn tại để làm thỏa mãn bảy nhu cầu cơ bản của con người: dinh dưỡng, sự tái tạo, thỏa mãn thể xác, an toàn, thư giãn, vận động và phát triển [119, tr.208].

Trong một thí dụ nổi tiếng về đời sống người Trobriand trên một hòn đảo ở Thái Bình Dương, Malinowski phân tích hiện tượng là khi đánh cá ở trong đầm mà không gặp nguy hiểm người Trobriand không cần phải tiến hành nghi lễ phù phép gì. Họ chỉ dựa vào kiến thức và tay nghề của chính họ. Tuy nhiên,

khi ra biển đánh cá, độ rủi ro tăng cao và kết quả cũng bấp bênh hơn, những ngư phủ Trobriand thường làm lễ và phù phép để trấn an chính mình về mặt tâm lý mong được an toàn và được mẻ cá to. Do đó, lý thuyết của Malinowski đưa ra một giả thuyết là "*môi trường càng bất trắc và kết quả càng bấp bênh thì con người càng cần đến lễ nghi phù phép"* [24, tr.159].

Trong bối cảnh người Việt ở Trung Bộ, theo quan điểm lý thuyết của B.Malinowski, họ tôn thờ Thiên Y A Na là vị thần tối thượng để cầu mong sự phù hộ được yên ổn ở vùng đất mới, mà đôi khi họ thường bị sợ hãi hay ám ảnh bởi những tục lệ, bùa ếm và bị quấy nhiễu bởi âm linh của người tiền trú (ma Hời). Họ cần một sự che chở, một điểm tựa tâm linh để tạo cảm giác an toàn cho cuộc sống. Họ tin vào quyền năng của Bà bởi vì Bà cũng chính là thần linh tối cao, Thần Mẹ xứ sở của người Chăm. Cũng theo lý thuyết này có thể giải thích được sự khác nhau ở cách thực hành nghi lễ, những kiêng kỵ và sự tôn thờ "*tính thiêng*" trong tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na của người Việt ở Trung Bộ với từng ngành nghề mưu sinh mà họ đã lựa chọn. Người dân đi biển, đi tìm trầm, tìm yến, khai thác lâm sản, buôn bán… thờ phụng Bà một cách kính cẩn với các hoạt động nghi lễ thường xuyên, nghiêm túc và quy củ hơn cư dân làm nông nghiệp, bởi tâm lý bất an cùng với mức độ rủi ro về giá trị lao động và tính mạng con người của các nghề kể trên luôn cao hơn.

Lý thuyết giao lưu tiếp biến văn hóa

Nội dung của lý thuyết giao lưu tiếp biến văn hóa được nêu tóm tắt trong giáo trình Nhân học đại cương của Khoa Nhân học, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG TP Hồ Chí Minh như sau: "*Giao lưu tiếp biến văn hóa là khái niệm do các nhà nhân học*

Anglo Saxon đưa ra vào cuối thế kỷ XIX để chỉ sự tiếp xúc trực tiếp và lâu dài giữa hai nền văn hóa khác nhau và hậu quả của cuộc tiếp xúc này là sự thay đổi hay biến đổi của một số loại hình văn hóa của cả hai nền văn hóa đó. Theo các nhà nhân học Mỹ, giao lưu, tiếp biến văn hóa là quá trình trong đó một nền văn hóa thích nghi, ảnh hưởng một nền văn hóa khác bằng cách vay mượn nhiều nét đặc trưng của nền văn hóa ấy. Sự giao lưu tiếp biến văn hóa cũng là một cơ chế khác của biến đổi văn hóa, đó là sự trao đổi những đặc tính văn hóa nảy sinh khi các cộng đồng tiếp xúc trực diện và liên tục. Các hình mẫu văn hóa nguyên thủy của một cộng đồng hoặc của cả hai cộng đồng có thể bị biến đổi thông qua quá trình tiếp xúc này... Qua quá trình tiếp xúc giao lưu giữa hai nền văn hóa thì xã hội yếu hơn sẽ bị xã hội mạnh tác động thay đổi" [40, tr.107 - 108].

Theo *Từ điển Nhân học* thì "*Tiếp biến văn hóa là quá trình biến đổi văn hóa diễn ra do sự tiếp xúc của hai hệ thống văn hóa riêng rẽ mà kết quả là làm cho chúng ngày càng trở lên giống nhau hơn"* [135, tr.1]. Quá trình này luôn có sự liên quan tới sự tương tác phức tạp với các quá trình xã hội kèm theo. Tiếp biến văn hóa còn có thể được cấu trúc rõ ràng về mặt xã hội, như trong trường hợp xâm lược hay trong tình trạng bất bình đẳng xã hội hoặc chính trị khác định hướng dòng chảy các yếu tố văn hóa. Tiếp biến văn hóa bao gồm quá trình *khuếch tán, thích nghi* mang tính ứng phó, các loại hình tái tổ chức xã hội và văn hóa khác nhau tiếp xúc và *giải văn hóa/phân giải văn hóa.* Điển hình là sự đồng hóa của nhóm tiếp xúc yếu hơn bởi nhóm tiếp xúc mạnh hơn (dù ít khi xảy ra) sự hỗn dung văn hóa, nhờ đó hai văn hóa có thể trao đổi đủ các yếu tố để sau đó tạo ra một văn hóa riêng.

Ứng dụng lý thuyết về giao lưu tiếp biến văn hóa khi nghiên cứu vấn đề cho thấy, giao lưu, tiếp biến văn hóa là một trong những cơ chế quan trọng của sự biến đổi văn hóa trên cơ sở cái cốt lõi. Khi cộng đồng người Việt từ đồng bằng Bắc Bộ di trú về phương Nam, ban đầu họ sống xen kẽ với bộ phận người Chăm còn ở lại và một số tộc người bản địa, khi đó người Chăm là một cộng đồng có sự phát triển huy hoàng về nền văn minh vật chất lẫn văn hóa tinh thần. Qua thời gian dài cộng cư dẫn đến hiện tượng giao lưu, tiếp biến văn hóa của các cư dân ở đây là tất yếu. Người Việt sinh sống cùng người Chăm ở duyên hải miền Trung, qua thời gian họ tiếp nhận cả kỹ nghệ, tri thức cùng hệ thống tín ngưỡng, văn hóa của người bản xứ vốn đã phát triển rực rỡ, cải biến rồi kết hợp với cái truyền thống của mình mang theo từ đất Bắc, hình thành nên các đặc trưng văn hóa của người Việt ở Trung Bộ.

Từ quan điểm của lý thuyết này, khi nghiên cứu về *Tín ngưỡng Thiên Y A Na của người Việt ở Trung Bộ* phải đặt trong quá trình người Việt cộng cư, giao lưu tiếp biến lâu dài với tín ngưỡng và văn hóa của người Chăm. Đó là sự kết hợp giữa tín ngưỡng thờ Mẫu thần của người Việt ở Bắc Bộ (Tam phủ, Tứ phủ) và tín ngưỡng thờ Mẫu thần của người Chăm ở Trung Bộ, được hiện diện đầy đủ ở hình tượng và tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na Thánh Mẫu.

Lý thuyết vùng văn hóa - lịch sử

Ra đời từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, lý thuyết *Đặc thù lịch sử* gắn với tên tuổi của các nhà nhân học Mỹ nổi tiếng như F.Boas, C.L.Wisler, A.L. Kroeber... Các kết quả nghiên cứu được đúc kết thành nhận định: *Các môi trường hay biến cố lịch*

sử tương ứng có thể sản sinh những đặc điểm văn hóa tương tự, độc lập ngoài tiến trình tiến hóa phổ biến... Vì vậy, F. Boas cho rằng giải thích các tập quán văn hóa ta phải kiểm chứng chúng trên ba phương diện cơ bản: *điều kiện môi trường, yếu tố tâm lý và các mối liên hệ lịch sử* [118, tr.177]. Do vậy, nghiên cứu văn hóa phải bắt đầu từ việc phân tích một tổ hợp các yếu tố văn hóa, bởi đó là sự thích ứng của nhóm cư dân với điều kiện môi trường sinh thái, vì thế chúng hợp thành một thể thống nhất không thể chia cắt; mối quan hệ đa chiều và lịch sử giữa trung tâm và ngoại vi là nhân tố làm nên sự hình thành các vùng văn hóa khác nhau, thể hiện trong mối quan hệ nguồn gốc hay gần gũi về lịch sử giữa các bộ lạc và các nhóm cư dân trong vùng [144, tr.42-43].

Lý thuyết *Đặc thù lịch sử* của các nhà nhân học Mỹ đã ảnh hưởng lớn đến các nhà dân tộc học Xô Viết từ những năm 30 của thế kỷ XX, tiêu biểu như S.P. Tônxtốp, A.M. Đôlôtarép, M.G. Lêvin, S.A. Tôkarev, N. N. Trêbôcxarôp... hình thành nên lý thuyết Vùng văn hóa - lịch sử/ khu vực lịch sử - dân tộc học. Trong một công trình nghiên cứu, các tác giả N. N. Trêbôcxarôp và I. A. Trêbôcxarôpva đã định nghĩa*: "Vùng văn hóa - lịch sử (vùng lịch sử - dân tộc học) là một vùng mà ở đó có những tộc người sinh sống. Trong quá trình lịch sử lâu dài, giữa họ có những giao lưu, ảnh hưởng khăng khít với nhau, từ đó hình thành nên những yếu tố văn hóa chung thể hiện trong văn hóa vật chất cũng như văn hóa tinh thần"* [dẫn theo 155, tr.40].

Trên cơ sở nghiên cứu các lý thuyết và khuynh hướng khác nhau về không gian văn hóa ở các nước châu Âu, ở Mỹ và Liên Xô (cũ), khi áp dụng vào thực tiễn Việt Nam, Ngô Đức Thịnh đưa ra khái niệm *vùng văn hóa/vùng văn hóa - lịch sử.* Theo

ông, "*vùng văn hóa được hiểu là một vùng lãnh thổ có những tương đồng về mặt hoàn cảnh tự nhiên, dân cư ở đó từ lâu đã có nhưng mối quan hệ nguồn gốc và lịch sử, có những tương đồng về trình độ phát triển kinh tế - xã hội; giữa họ đã diễn ra những giao lưu, ảnh hưởng văn hóa qua lại, nên trong vùng đã hình thành những đặc trưng chung, thể hiện trong sinh hoạt văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần của cư dân. Vùng văn hóa được hình thành và tồn tại là kết quả tác động của nhiều nhân tố tự nhiên, xã hội và lịch sử, trong đó quan hệ giao lưu và ảnh hưởng qua lại có vai trò quan trọng hàng đầu"* [144, tr.64-65].

Theo luận điểm của lý thuyết *Vùng văn hóa - lịch sử* thì tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na của người Việt được hình thành và phát triển trong môi trường *vùng văn hóa - lịch sử* duyên hải Trung Bộ (từ Quảng Bình đến Bình Thuận). Xét về mặt tự nhiên, duyên hải Trung Bộ có sự tương đồng về điều kiện địa hình, bao gồm các thành tố núi, đồng bằng, biển được phân bố từ tây sang đông. Tuy nhiên, cũng do địa hình bị chia cắt theo chiều bắc - nam bởi những dãy núi đâm ngang ra biển đã tạo nên những tiểu vùng tương đối độc lập, có sự khác biệt về địa hình, khí hậu. Tự nhiên ở đây rất ưu đãi cho cuộc sống con người nhưng cũng bao hàm nhiều ẩn trắc.

Trên phương diện lịch sử - xã hội, duyên hải Trung Bộ có phạm vi không gian tương ứng với lãnh thổ của vương quốc Chămpa xưa. Tại đây, người Chăm đã xây dựng một nền văn hóa, văn minh rực rỡ, bản sắc và có ảnh hưởng nhất định đến các tộc người xung quanh. Trong quá trình lịch sử, người Việt từ Bắc Bộ từng bước di cư đến Trung Bộ và sống xen kẽ với người Chăm còn ở lại. Buổi đầu lập nghiệp trên vùng đất mới, cùng

với hành trang văn hóa - tâm linh mang theo từ đất Bắc, họ đã tiếp thu văn hóa Chăm, rồi cải biến thành cái của riêng mình. Về mặt tín ngưỡng, ở Bắc Bộ người Việt có truyền thống thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ với sự suy tôn Thánh mẫu Liễu Hạnh là thần chủ. Khi đến sinh sống ở Trung Bộ, với truyền thống đó, họ dễ dàng tiếp nhận Mẹ xứ sở Po Inư Nagar của người Chăm, rồi "*biến/chuyển hóa*" thành Thánh Mẫu Thiên Y A Na. Họ thờ phụng Bà, mong nhận được ân điển và sự che chở từ Bà. Tuy nhiên, tùy từng điều kiện tự nhiên - xã hội cụ thể (đặc trưng địa hình, quá trình định cư, các chính sách của chính quyền đương thời…) mà sắc thái tín ngưỡng Thiên Y A Na của người Việt ở từng tiểu vùng Trung Bộ cũng mang những nét riêng biệt trong thể thống nhất chung.

Áp dụng các lý thuyết *Chức năng, Giao lưu tiếp biến văn hóa, Vùng văn hóa (vùng văn hóa - lịch sử/khu vực dân tộc học lịch sử)* trong nghiên cứu về tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na của người Việt ở Trung Bộ giúp chúng tôi có cái nhìn sâu sắc và toàn diện hơn về một hiện tượng tín ngưỡng - văn hóa độc đáo trong đời sống tinh thần người Việt ở duyên hải miền Trung.

3. PHƯƠNG PHÁP

3.1. Phương pháp luận

Trong nghiên cứu này chúng tôi vận dụng quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử vào việc xem xét, đánh giá tín ngưỡng Thiên Y A Na của người Việt ở Trung Bộ trong hoàn cảnh, điều kiện cụ thể cũng như trong quá trình phát triển và giao lưu tiếp biến văn hóa nói chung.

Trên quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, nghiên cứu về *Tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na của người Việt ở Trung Bộ* được đặt trong tổng thể mối quan hệ với môi trường tự nhiên - kinh tế - lịch sử - xã hội của vùng; và đặt nó trong trạng thái vận động, biến đổi và phát triển chứ không đứng im, sơ cứng.

Vận dụng quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, chúng tôi nghiên cứu tín ngưỡng Thiên Y A Na ở Trung Bộ gắn với tiến trình lịch sử vùng đất và con người nơi đây, trong mối liên hệ giữa truyền thống và hiện đại của loại hình tín ngưỡng này; nhìn nhận, dự đoán các dạng thức phát triển của nó trong tương lai.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp Điền dã Dân tộc học

Phương pháp chủ đạo được chúng tôi sử dụng để thu thập tư liệu là Điền dã Dân tộc học. Trong những cuộc điền dã đã triển khai, chúng tôi sử dụng kỹ thuật chính là quan sát tham dự tại các trung tâm thờ tự Thiên Y A Na nổi tiếng của người Việt ở miền Trung như điện Hòn Chén, đình Hải Cát (Huế), Tháp Bà Pô Nagar Nha Trang, Am Chúa (Khánh Hòa), Núi Chúa (Ngũ Hành Sơn - Đà Nẵng), lăng Bà Thu Bồn (Quảng Nam), điện Trường Bà, dinh Thiên Y ở Lý Sơn (Quảng Ngãi), Tháp Nhạn, dinh Thiên Y ở Hảo Sơn (Phú Yên)… và rất nhiều đền, miếu lớn nhỏ thờ Bà từ Quảng Trị đến Bình Thuận. Tại đây, chúng tôi đã quan sát, nghiên cứu về kiến trúc di tích, bố trí thờ tự, nghi thức thờ cúng, các lễ hội thờ Thiên Y A Na cũng như các sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng thờ Bà trong nhân dân ở cả ngày thường và ngày hội, như hầu đồng, múa bóng, hát chầu văn, hò bả trạo, đua ghe….

Nhằm tái hiện lại những gì đã quan sát được, chúng tôi sử dụng kỹ thuật mô tả, vẽ kỹ thuật, chụp ảnh... về kiến trúc di tích, bố trí thờ tự, nghi thức thờ cúng, lễ hội, các sinh hoạt văn hóa... trong tín ngưỡng Thiên Y A Na ở Trung Bộ.

Để hiểu hơn về vị trí và vai trò của Thiên Y A Na trong đời sống tâm linh của người Việt ở Trung Bộ chúng tôi sử dụng kỹ thuật phỏng vấn sâu các tầng lớp cư dân, các độ tuổi, các giới, ở các ngành nghề (nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp, thương nghiệp, công chức,…), từ đó hiểu được những ước vọng về cuộc sống hiện tại và tương lai của người dân mà họ gửi gắm, tin tưởng vào sự phù hộ của Bà.

Ngoài ra, chúng tôi cũng tìm hiểu về các chính sách và việc thực hiện các chính sách, chủ trương của Đảng, Nhà nước, địa phương về tín ngưỡng, tôn giáo và việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống trong đời sống xã hội qua việc thực hành tín ngưỡng. Chúng tôi tiến hành phỏng vấn lãnh đạo ngành văn hóa, Ban quản lý di tích - danh thắng địa phương và Ban quản lý di tích thờ Bà ở từng địa điểm cụ thể... để hiểu thêm về tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng Thiên Y A Na.

- Phương pháp so sánh

Trong nghiên cứu Dân tộc học/Nhân học, so sánh là phương pháp được sử dụng phổ biến để tìm ra và lý giải những điểm giống và khác nhau của một hiện tượng văn hóa. Chúng tôi tiến hành so sánh những biểu hiện trong tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt ở Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ để thấy được và giải thích về những nét tương đồng và khác biệt trong tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt nhằm làm nổi bật tín ngưỡng thờ Mẫu của

người Việt ở miền Trung. Chúng tôi cũng tiến hành so sánh tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na và tín ngưỡng thờ các vị thần linh, Mẫu thần, Nữ thần khác ở Trung Bộ để thấy được vai trò và vị trí của Bà trong đời sống tâm linh - văn hóa của người Việt ở đây. Đồng thời, chúng tôi so sánh tín ngưỡng Thiên Y A Na ở trung tâm phía Bắc (Thừa Thiên Huế) với tín ngưỡng Thiên Y A Na ở trung tâm phía Nam (Khánh Hòa) và các địa phương khác để thấy được sự thống nhất và đa dạng trong tín ngưỡng Thiên Y A Na của người Việt ở đây.

- Phương pháp phân tích tư liệu

Chúng tôi đã tiến hành thu thập các tài liệu viết về tín ngưỡng, văn hóa tín ngưỡng, đạo Mẫu, văn hóa đạo Mẫu, tín ngưỡng Thiên Y A Na của người Việt trên các phương diện: hệ thống di tích, bố trí thờ tự, nghi thức tế tự, hệ thống lễ hội liên quan đến tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na ở Trung Bộ để nhận diện tổng quát và đa dạng về vấn đề nghiên cứu. Đồng thời, chúng tôi kế thừa các tư liệu của những nhà nghiên cứu đi trước về các vấn đề có liên quan đến tín ngưỡng thờ cúng, văn hóa dân gian, giao thoa văn hóa của người Việt, người Chăm và các dân tộc khác ở duyên hải Trung Bộ... Ngoài ra, chúng tôi cũng thu thập những báo cáo tổng kết về tình trạng thực hành tín ngưỡng của từng di tích và các chính sách liên quan đến tôn giáo, tín ngưỡng để có thêm những cứ liệu nhằm đưa ra những phân tích, đánh giá khách quan nhất về thực trạng và xu hướng phát triển của tín ngưỡng Thiên Y A Na của người Việt ở Trung Bộ cũng như những sắc thái văn hóa kèm theo.

Cuối cùng, chúng tôi sử dụng những phương pháp *miêu tả, phân tích, tổng hợp...* để hoàn thành cuốn sách này.

4. KHÁI QUÁT VỀ ĐỊA BÀN VÀ TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU Ở TRUNG BỘ

4.1. Khái quát về vùng đất và cộng đồng người Việt ở Trung Bộ

Trung Bộ theo giới hạn của cuốn sách được tính từ Quảng Bình đến Bình Thuận, tương đương với địa bàn của vương quốc Chămpa xưa. Đây là vùng đất kéo dài nhiều vĩ độ, có chiều ngang hẹp, có sự gắn bó mật thiết giữa yếu tố núi rừng - đồng bằng - biển đảo. Địa hình của vùng bị chia cắt bởi các mạch núi cao đâm ngang đến biển như đèo Ngang, đèo Hải Vân, đèo Cù Mông, đèo Cả… tạo thành những khu vực địa lý tương đối riêng biệt. Hệ thống sông ngòi ngắn và dốc, chạy theo hướng tây - đông, song song với hướng các đèo rồi đổ ra biển, tạo nên những đồng bằng nhỏ hẹp ven sông. Các cồn cát xen lẫn đầm phá, hồ, bàu và những cửa biển thông thoáng, một số chỗ hình thành những vũng, vịnh kín gió thuận lợi cho tàu thuyền neo đậu. Lưng tựa vào núi, mặt hướng ra biển, đồng bằng nhỏ hẹp lại kém màu mỡ nên ngoài hoạt động nông nghiệp, cư dân bản địa ở duyên hải Trung Bộ đã sớm chiếm lĩnh nguồn tài nguyên biển giàu có, đồng thời tạo lập các mối quan hệ giao thương với cư dân vùng núi và trao đổi hàng hóa quốc tế bằng đường biển. M.Colani đã nhận định: Cư dân Sa Huỳnh có "*cuộc sống của người làm ruộng, làm thủ công, có sự tiếp xúc với Ấn Độ và Trung Hoa bằng đường biển*". Li Tana cũng cho rằng: "*Thương mại có lẽ là mối quan hệ lâu đời nhất giữa người đồng bằng và người cao nguyên tại vùng đất này. Quan hệ này có trước khi người Việt Nam từ đồng bằng sông Hồng tới*" [89, tr.175].

Tuy nhiên, điều kiện địa hình miền Trung không chỉ có xu hướng chia cắt mà còn có xu hướng kết nối, đặc biệt là hướng kết nối ngang. Các dòng sông ở đây không chỉ là mạng lưới giao thông kết nối Đông - Tây, mà qua đó còn thể hiện vai trò quan trọng của nó trong quá trình trao đổi kinh tế, giao lưu tiếp biến văn hóa giữa cư dân vùng núi và cư dân vùng duyên hải; giữa các tộc người thuộc hệ Mã Lai - Đa Đảo có văn hóa gốc biển với các tộc người thuộc ngữ hệ Nam Á có văn hóa gốc núi. Mặt khác, Việt Nam nói chung và miền Trung nói riêng là đầu nối giao thông đông tây, giữa đất liền và hải đảo, giữa Trung Hoa và Ấn Độ, là điểm chiến lược trong ngã tư đường của những nền văn minh… Do vậy, các cửa sông, cảng biển ở đây đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc tiếp nhận, giao lưu với văn hóa Trung Hoa và Ấn Độ.

Tuy có nhiều mặt thuận lợi nhưng điều kiện địa lý và khí hậu miền Trung cũng vô cùng khắc nghiệt. Đây là vùng núi cao, địa hình hiểm trở, nhiều thú dữ, gió phơn khô nóng và hứng chịu nhiều bão. Nó đã tác động đến đời sống hàng ngày cũng như trong tâm thức và ứng xử của cư dân miền Trung, nhất là trên lĩnh vực tôn giáo, tín ngưỡng. Đồng thời, đây cũng là vùng nhạy cảm, luôn nằm trong sự tranh chấp giữa các quốc gia trong khu vực. Do vậy, một mặt người dân phải vật lộn với thiên nhiên để sinh tồn, mặt khác họ phải đấu tranh với các nước láng giềng để bảo toàn và mở rộng lãnh thổ. Chính điều này đã tạo nên tính cương nghị, rắn rỏi, thượng võ của người Chăm xưa và người miền Trung hiện nay. Mặc khác, vùng đất này nằm trong khu vực Đông Nam Á với truyền thống nông nghiệp lúa nước, vì vậy, họ vẫn mang trong mình những đặc tính tôn trọng và hòa

hợp với tự nhiên qua tín ngưỡng phồn thực với tục thờ bái sinh thực khí. Môi trường tự nhiên, cùng với quá trình giao lưu kinh tế - văn hóa đã hình thành các đặc trưng riêng biệt về con người và văn hóa Việt ở Trung Bộ so với ở Bắc Bộ hay Nam Bộ.

Lịch sử vùng đất cũng có vai trò quan trọng trong quá trình hình thành đặc trưng văn hóa của cư dân nơi đây. Cách đây khoảng 2500 - 2000 năm, duyên hải Trung Bộ là địa bàn phân bố của nền văn hóa cổ Sa Huỳnh nổi tiếng. Đây là một nền văn hóa được hình thành trên nền tảng kinh tế chung là nghề trồng lúa ở đồng bằng hẹp trước núi và ven biển. Cư dân Sa Huỳnh ngoài làm nghề nông, còn làm nghề thủ công, biết kết hợp nghề nông với nghề rừng, nghề biển và buôn bán. Từ nam đèo Ngang, đặc biệt là từ đèo Hải Vân trở vào, với trung tâm là Quảng Nam, Quảng Ngãi, văn hóa Sa Huỳnh đã phát triển mạnh mẽ, để lại những thành tựu vô cùng to lớn như luyện sắt, làm gốm, làm trang sức bằng thủy tinh, đánh cá, đặc biệt là tục mai táng trong mộ chum.

Từ đầu công nguyên, duyên hải Trung Bộ là địa bàn cư trú chủ yếu của cư dân nói ngôn ngữ Nam Đảo. Thông qua con đường buôn bán và truyền bá Ấn Độ giáo cộng đồng cư dân này đã tiếp thu và ảnh hưởng khá sâu sắc văn hóa Ấn Độ. Một bộ phận đã tiếp nhận và bản địa hóa văn hóa Ấn Độ, trở thành người Chăm - chủ nhân của nền văn minh Chămpa nổi tiếng. Một bộ phận khác sinh sống ở vùng rừng núi, cao nguyên ít/không bị ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ, hậu duệ của họ chính là người Ê-đê, Gia-rai, Raglai, Chu-ru... hiện nay. Vào năm 192, Khu Liên - một thủ lĩnh của người Chăm ở huyện Tượng Lâm (tương ứng với vùng đất từ đèo Ngang tới đèo Hải Vân) khởi

nghĩa đánh đuổi phong kiến phương Bắc, dựng nên nhà nước Lâm Ấp (192-605), tiền thân của vương quốc Chămpa.

Khi miền Bắc rơi vào ách đô hộ một nghìn năm Bắc Thuộc thì Lâm Ấp vẫn nằm ngoài sự lệ thuộc vào phong kiến phương Bắc. Trong thời gian đó, Lâm Ấp và sau này là Chămpa đã phát triển thành một quốc gia hùng mạnh (về kinh tế, chính trị, văn hóa, quân sự) và có ảnh hưởng đến các quốc gia khác trong khu vực. Từ khi Đại Việt ở phía Bắc giành được độc lập (thế kỷ X) và phát triển, mối quan hệ giữa Chămpa - Đại Việt, khi thì giao hảo, lúc lại chiến tranh tùy từng thời điểm cụ thể. Năm 1068, Chế Củ (Rudravarman III) đem quân quấy nhiễu phía nam Đại Việt, vua Lý Thánh Tông thân chinh đánh Chămpa và đại thắng. Chế Củ phải dâng 3 châu Đại Lý, Ma Linh, Bố Chính để chuộc tội [41, tr.286-287]. Đến thời vua Chăm là Chế Mân (Jaya Simahavarman III, 1287-1307) kết hôn với công chúa Huyền Trân nhà Trần, đã mang đất hai châu Ô, Lý (khu vực Thừa Thiên Huế ngày nay) "*làm lễ vật dẫn cưới*" [42, tr.90]. Sau đó hai châu Ô, Lý được đổi thành châu Thuận Hóa và người Việt từ phía Bắc được chiêu mộ vào khai hoang, giữ đất, lập làng.

Dưới thời nhà Lê, vua Lê Thánh Tông đã 2 lần chinh phạt Chămpa (vào năm 1446 và năm 1471), mở rộng biên giới Đại Việt đến đèo Cù Mông, lập ra đạo Quảng Nam (Quảng Nam đến Bình Định). Năm Mậu Dần (1578) theo lệnh chúa Nguyễn Hoàng, Lương Văn Chánh- Tri huyện Tuy Viễn tiến hành công cuộc khẩn hoang về phương nam, đưa dân từ các vùng Thanh-Nghệ và Thuận- Quảng đến khẩn hoang lập ấp. Năm 1611, vua Chămpa là Po Nraop (Bà Tấm) tiến quân đánh Quảng Nam, bị thua trận bởi quân chúa Nguyễn đã đẩy biên giới Đại Việt đến

Vũng Rô và lập ra dinh Trấn Biên. Sau đó, vùng đất Kauthara (Khánh Hòa ngày nay) cũng được nhà Nguyễn thu nạp và chia thành hai phủ Thái Khang và Diên Ninh vào năm 1653.

Năm 1692, vua Po Saot (Bà Tranh) tiến quân chiếm lại vùng thánh địa Kauthara nhưng thất bại, chúa Nguyễn đem quân chinh phục Chăm pa, lập phủ Bình Thuận và giao cho hậu duệ của người Chăm pa là Po Saktiray Daputih (1693 - 1728) làm phiên vương Trấn Thuận Thành. Như vậy, đến năm 1692, Vương quốc Chăm pa không còn tồn tại như một quốc gia độc lập, người Chăm chính thức trở thành một dân tộc trong cộng đồng đa dân tộc Việt Nam.

Cùng với quá trình đó, từng bước người Việt ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ đã vào đây lập nghiệp và định cư. Họ gồm đủ các thành phần. Ban đầu là những phạm nhân bị lưu đầy dưới thời Lê[1], những người tị nạn (Trần Quý Khoáng với căn cứ địa Hóa Châu lập nên nhà Hậu Trần), Nguyễn Hoàng cùng gia quyến, tùy tùng và nghĩa dũng, trung thần nhà Lê chống lại nhà Trịnh, những dân nghèo xiêu tán hoặc được chiêu mộ… Đặc biệt, sau khi nhà Nguyễn xác lập cơ sở ở Đàng Trong vào năm 1558, các cuộc di cư vào nam của người Việt ở Bắc Bộ ngày càng đông đảo với sự khuyến khích của chính quyền họ Nguyễn. Từ thời điểm này, *người Việt Nam, như một dòng sông chảy, tuy chậm nhưng liên tục, vượt qua ranh giới Chăm pa tiến xuống phía Nam* [89, tr.32]. Trên vùng đất mới, người Việt đã thích ứng với môi sinh mới. Các làng nông nghiệp kết hợp với ngư nghiệp, được hình thành, tạo lập nền kinh tế khai thác và sản xuất, dần ổn định cuộc sống và hình thành nên một cộng đồng thống nhất, bền vững.

Người Việt di cư đến đây theo từng nhóm người, từng dòng tộc, định cư lâu dài và xen xẽ với các tộc người bản địa, đặc biệt là người Chăm. Cùng với hành trang văn hóa tinh thần mang theo từ cố hương đất Bắc, các di dân Việt đã tiếp nhận và thích nghi một cách khá thoải mái nhiều yếu tố của văn hóa Chăm trong quá trình dài vay mượn có chọn lọc. Quá trình hội nhập, sáng tạo đó đã xây dựng nên "*bản sắc văn hóa Việt*" ở Trung Bộ dựa trên nền tảng điều kiện tự nhiên, xã hội, văn hóa của vùng. Những thay đổi trong đời sống văn hóa vật chất, tín ngưỡng, tôn giáo và các giá trị văn hóa được biểu hiện rõ nét. Tín ngưỡng Thiên Y A Na của người Việt ở Trung Bộ là một minh chứng tiêu biểu cho quá trình đó.

4.2. Khái quát tín ngưỡng thờ Mẫu ở Trung Bộ

4.2.1. Các dạng thức thờ Mẫu ở Việt Nam

Thờ Nữ thần, Mẫu thần là tín ngưỡng phổ biến ở nước ta, có cội nguồn từ cơ tầng xã hội nông nghiệp, trọng tình. Trong từng điều kiện tự nhiên, lịch sử, xã hội cụ thể, tín ngưỡng thờ Mẫu ở các vùng miền cũng mang những sắc thái riêng biệt.

Tục thờ Mẫu ở Bắc Bộ

Có thể thấy, tục thờ Mẫu ở Bắc Bộ là đại diện đầy đủ nhất cho mô hình thờ Mẫu ở Việt Nam, nó có sự phát triển tuần tự và mang tính nội tại, mặc dù có du nhập các yếu tố bên ngoài. Đó là quá trình phát triển từ tục thờ Nữ thần đến thờ Mẫu thần, rồi đến thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ[2], đặc biệt là những thần nữ có liên quan đến: *Trời, Đất, Nước, Rừng* - bốn yếu tố quan trọng trong sản xuất cũng như đời sống tâm linh. Sau khi Mẫu Tam phủ, Tứ phủ định hình và phát triển nó lại Tam phủ, Tứ phủ hóa

tục thờ Nữ thần, Mẫu thần bằng việc sắp đặt hệ thống thần linh và nghi thức thờ cúng. Xu hướng này đang phát triển mạnh mẽ, thậm chí nó còn Mẫu hóa cả các tín ngưỡng khác, như tục thờ Cá Voi của ngư dân Bắc Trung Bộ (làng Cảnh Dương) hay mẫu hóa đền thờ Tam giáo ở Động Nhị Thanh (Lạng Sơn) [147, tr.39].

Tục thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ với thần chủ là Thánh Mẫu Liễu Hạnh phân bố chủ yếu ở đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Tuy xuất hiện sớm nhưng phải sau thế kỷ XV, đặc biệt là vào thế kỷ XVI, XVII tục thờ mẫu Tam phủ, Tứ phủ mới thực sự phát triển mạnh mẽ ở Bắc Bộ với sự thịnh hành của Đạo giáo dân gian.

Tục thờ Mẫu ở Trung Bộ

Do đặc thù của tự nhiên và lịch sử nên tín ngưỡng thờ Mẫu ở Trung Bộ mang tính chất riêng. Có thể nói, Thừa Thiên Huế là điểm đặc biệt nhất trong tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt ở miền Trung. Về hình thức, tục thờ Mẫu ở Huế mang đặc trưng của tục thờ Mẫu Bắc Bộ, nhưng hệ thống thần linh ở đây mang nguồn gốc Trung Bộ. Do vậy, đây là nơi giao thoa giữa tín ngưỡng thờ Mẫu ở Bắc Bộ và tín ngưỡng thờ Mẫu ở Trung Bộ, giữa tục thờ Mẫu của người Chăm và tục thờ Mẫu của người Việt.

Từ đèo Hải Vân đến cực Nam Trung Bộ đều thấy *không có sự hiện diện của Mẫu Tam phủ, Tứ phủ mà chỉ có lớp thờ Nữ thần, Mẫu thần* [147, tr.40]. Tuy nhiên, việc thờ Mẫu ở đây lại hết sức phức tạp, chồng chéo, với hai lớp chính: *thờ Nữ thần* (Tứ Vị thánh nương, Ngũ Hành nương nương) *và thờ Mẫu thần* (Thiên Y A Na, Po Inư Nagar). Ở đây, tín ngưỡng thờ Mẹ xứ sở

của người Chăm kết hợp với tín ngưỡng thờ Mẫu dân gian của người Việt, hình thành nên một dạng thức thờ tự mới, một vị thần linh mới - *Thiên Y A Na Diễn Phi Chúa Ngọc*. Ngô Đức Thịnh nhận xét rằng "*vị Nữ thần Chăm này là sự kết hợp giữa Nữ thần Chăm bản địa và Nữ thần Uma, vợ của Shiva. Bà là vị thần cao nhất của vương quốc Chămpa, được tôn xưng là Mẹ xứ sở* [147, tr.279]. Ý thức tôn vinh Thiên Phủ trong thờ Mẫu ở Bắc Bộ khi vào Trung Bộ đã được chuyển hoá. "*Ở Huế, tín ngưỡng thờ Mẫu nơi đây đã phân lập khái niệm Thiên phủ ra hai cõi: Thượng thiên và Trung thiên. Khái niệm Địa phủ lại được chuyển hoá thành khái niệm Thượng ngàn. Trung thiên được hiểu là cõi trời trung gian giữa cõi trời thượng thiên và thế gian*" [173, tr.137].

Tục thờ Mẫu ở Nam Bộ

Nam Bộ là vùng đất mới, hội tụ nhiều lớp cư dân và nhiều tộc người nên có đời sống tôn giáo, tín ngưỡng rất phong phú, đa dạng. Ở đây, các Nữ thần và Mẫu thần không có sự phân biệt rõ ràng về mặt hình thức mà chỉ khác nhau ở vị trí được tôn vinh cũng như hệ thống nghi lễ hàng năm mà nhân dân dành cho họ.

Các Nữ thần, Mẫu thần ở Nam Bộ là kết quả quá trình giao lưu tiếp biến văn hóa của nhiều tộc người cùng sinh sống, như Việt, Chăm, Khơ me, Hoa. Bà Chúa Ngọc/Thiên Y A Na là kết quả của quá trình tiếp biến văn hóa, tín ngưỡng Việt - Chăm, là vị Mẫu thần được người Việt ở Trung Bộ mang theo khi di cư vào Nam Bộ lập nghiệp. Tiến thêm một bước nữa, Bà Chúa Xứ là quá trình tiếp biến văn hóa Việt - Chăm - Khơ me (Nữ thần Neang Khmau), Bà Đen - Linh Sơn Thánh Mẫu là kết quả của quá trình tiếp biến văn hóa Việt - Khơ me. Thiên Hậu là Mẫu

thần của người Hoa, tuy không có sự Việt hóa nhưng sự linh thiêng của Bà ảnh hưởng đến cả người Việt ở Nam Bộ, làm cho họ phải đến cầu cúng và xin sự phù hộ của Bà.

Ở đây việc thờ *Phật Mẫu Diêu Trì* - một hình thức thờ Mẫu gắn với Phật giáo và đạo Cao Đài rất phổ biến. Diêu Trì Kim Mẫu là một vị thần của Đạo giáo Trung Hoa, nằm trong cặp Đức Chí tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế và Mẫu Diêu Trì hay chính là Cửu Thiên Huyền Nữ. Đây là hai nhân tố âm dương nguyên thủy để tạo nên càn khôn. Theo kinh sách, Đức Phật Mẫu là hóa thân/yếu tố âm của Đức Chí tôn (giống với Uma - tính nữ của Siva). Phật Mẫu Diêu Trì là hóa thân của Phật Mẫu ở cung Diêu Trì, Cửu Thiên Huyền Nữ là hóa thân của Phật Mẫu ở cung Cửu Trùng thiên.

Cũng như ở Bắc Bộ, trên nền tảng thờ Mẫu thần, Nữ thần cùng với ảnh hưởng Đạo giáo Trung Hoa đã hình thành nên Đạo Mẫu Tam phủ, Tứ phủ ở Nam Bộ. Theo Nguyễn Chí Bền và Hồ Tường thì "*Đạo Mẫu Tam phủ, Tứ phủ xuất hiện ở Nam Bộ sớm nhất vào thời kỳ Pháp thuộc, và mạnh mẽ nhất là từ sau năm 1954 do người Việt ở Bắc Bộ trực tiếp di cư mang vào"* [15, tr.395-396]. Trên phương diện nghi lễ, ở Nam Bộ nơi nào thờ Nữ thần, Mẫu thần thường có diễn xướng *hát rỗi, múa bóng - hát thỉnh mời và múa dâng thần linh* (ảnh hưởng Chăm), còn nơi nào có đền thờ Tam phủ, Tứ phủ thường có diễn xướng hầu đồng, hầu bóng do người Việt mang vào trong thời gian gần đây.

4.2.2. Tục thờ Mẫu ở Trung Bộ

Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Trung Bộ khá đa dạng và phức tạp. Bắc Trung Bộ do ảnh hưởng từ nhiều yếu tố tự nhiên và xã hội nên tục thờ Mẫu cơ bản thuộc dạng thức Bắc Bộ (Tam phủ, Tứ

phủ). Từ phía Nam đèo Hải Vân đến Bình Thuận thì dạng thức thờ Mẫu ở đây có đặc trưng cơ bản là không có sự hiện diện của Mẫu Tam phủ, Tứ phủ mà chỉ có lớp thờ Nữ thần và Mẫu thần

Tục thờ Nữ thần

Hệ thống Nữ thần ở Trung Bộ có nhiều nguồn gốc, tiêu biểu là tín ngưỡng thờ Tứ Vị Thánh Nương, Ngũ Hành Nương Nương, bà Thủy, bà Hỏa…

Thờ Tứ Vị Thánh Nương là hiện tượng tín ngưỡng khá phổ biến ở các làng Việt ven sông, ven biển miền Trung, mà trung tâm là đền Cờn (Nghệ An). Trong quá trình di cư vào Nam, cộng đồng người Việt ở Thanh - Nghệ đã mang tục thờ này vào Trung và Nam Trung Bộ. Ở đây, Bà ít được thờ riêng mà thường phối thờ với các thần linh như Thiên Y A Na, Thiên Hậu, Ngũ Hành và được gọi là Bà Giàng Lạch (thần chủ của sông biển). Triều đình Nguyễn ban tặng sắc phong cho Bà với tước hiệu *Đại Càn Quốc Gia Nam Hải Tứ Vị Thánh Nương Thượng Đẳng Thần*.

Có nhiều dị bản truyền thuyết giải thích tục thờ Tứ Vị Thánh Nương của người Việt ở đây, như: gắn với nhân vật Tống Hậu thời Nam Tống, với sự tích gỗ thần trôi về làng Phương Cần (Hà Tĩnh), tục thờ thần sóng Po Riyak của người Chăm... Theo giả thiết Ngô Đức Thịnh đưa ra [147, tr.256] thì tục thờ Tứ Vị Thánh Nương mang nhiều lớp áo văn hóa. Lớp thứ nhất là tín ngưỡng thờ cá (*càn, kàn*) của cư dân bản địa (nhóm ngôn ngữ Nam Đảo), sau này được nhân hóa, thiêng hóa thành Nữ thần biển. Muộn hơn, tín ngưỡng thờ Cá và Nữ thần biển này tiếp thu các ảnh hưởng của Trung Hoa, Đại Việt và cả thần linh Chăm để lịch sử hóa thành hệ thống nhân thần *Tứ Vị Thánh nương* với những ảnh hưởng từ khuôn khổ Nho giáo. Từ đó thần hiển linh

và trở thành lực lượng siêu nhiên hỗ trợ cho sự nghiệp dựng nước và giữ nước của các triều đình phong kiến Đại Việt.

Thờ Ngũ Hành (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ): Theo quan niệm dân gian, Ngũ Hành liên quan đến mọi mặt trong đời sống của con người, bất kể nghề nghiệp, môi trường cư trú khác nhau. Tuy nhiên, những lăng miếu thờ hay phối thờ Ngũ Hành thường phân bố ở ven biển, các lạch, cửa sông - xưa kia là nơi tụ cư của dân làm nghề đánh bắt cá, trồng trọt và buôn bán. Họ thờ Bà cầu mong phù hộ trong làm ăn, cầu sức khỏe, may mắn, tránh rủi ro, hoạn nạn. Ở Trung Bộ tục thờ Ngũ Hành rất phổ biến và thường được thờ ở miếu. Xưa kia mỗi làng có một miếu thờ Ngũ Hành, nay đã bị mất đi nhiều, chỉ còn ít miếu thờ riêng mà chủ yếu là phối thờ với Bà Thiên Y A Na. Thờ Ngũ Hành ở đây ít thấy linh tượng (5 bà với trang phục đen, đỏ, xanh, trắng, vàng) mà chủ yếu ở dạng ngẫu tượng - bài vị.

Ở Trung Bộ, ngoài thờ Ngũ Hành người Việt còn thờ riêng Bà Thủy và Bà Hỏa, được tách ra từ Ngũ Hành, hoặc là theo quan niệm thờ cúng thuần túy bản địa với hai lực lượng luôn đe dọa con người là "*Thủy, Hỏa đạo tặc*". Do môi trường sinh kế gần sông, biển nên người Việt còn thờ Bà Thủy Long - thần cai quản sông nước, biển khơi. Có ý kiến cho rằng đây là một dạng hóa thân của Bà Thiên Y A Na.

Tục thờ Mẫu thần

Thờ Po Inư Nagar: Trong các Mẫu thần ở Trung Bộ thì Po Inư Nagar là Mẫu thần tiêu biểu, quyền năng nhất của người Chăm. Đây là kết quả của quá trình bản địa hóa những ảnh hưởng của Ấn Độ giáo trong cộng đồng người Chăm, trong đó hình tượng Uma - vợ/shakti/tính nữ của thần Siva là một nguyên

mẫu. Vào thế kỷ X, Po Inư Nagar còn được Hồi giáo hóa trong bộ phận người Chăm theo Hồi giáo.

Người Chăm tôn thờ Po Inư Nagar là Thần Mẹ xứ sở, người sinh ra dân tộc Chăm và mọi thứ. Do vậy, Bà được các vương triều Chămpa xưa cho xây đền, tạc tượng để thờ, mà trung tâm lớn nhất là Tháp Bà Pô Nagar Nha Trang ở thánh địa Kauthara. Sau này Bà được dân gian hóa và cộng đồng người Chăm thờ phụng khắp nơi, bất kể họ theo Bàlamôn giáo hay Hồi giáo Bàni.

Thờ Thiên Y A Na: Ở Trung Bộ, Thiên Y A Na được thờ phụng với vai trò là một Mẫu thần tối thượng. Bà vốn là Thần Mẹ xứ sở Po Inư Nagar của người Chăm, khi người Việt từ Bắc Bộ di cư vào đây đã tiếp biến và Việt hóa Mẫu thần Chăm thành Mẫu thần Việt với tên gọi Thánh Mẫu Thiên Y A Na/Bà Chúa Ngọc.

Điểm cực Bắc của tục thờ Thiên Y A Na là vùng Thuận Hóa, tiêu biểu là Thừa Thiên Huế với trung tâm điện Hòn Chén và đình làng Hải Cát. Ở đây Thiên Y A Na nhập vào hệ thống thần linh Tam phủ, Tứ phủ với đặc trưng là nghi thức hầu đồng, hầu bóng. Ở Nam Trung Bộ người Việt thờ Thiên Y A Na là vị Thánh mẫu quyền năng, với các danh thần khác nhau: Bà Chúa Ngọc, Bà Chúa Xứ, Bà Chúa Đảo, Bà Chúa Lồi, Bà Hậu Thổ… với đặc trưng nghi thức là múa bóng có nguồn gốc Chăm. Các đền, miếu ở miền Trung thường phối thờ nhiều Nữ thần nhưng Thiên Y A Na luôn ở vị trí thần chủ.

Đặc trưng tục thờ Mẫu ở Trung Bộ: Thứ nhất, quá trình con người nhân cách hóa và sùng bái tự nhiên, đặc biệt là gắn với môi trường biển cả. Do vậy, những Nữ thần, Mẫu thần ở đây chủ yếu là thần biển. Tính hai mặt của biển phản ánh tính cách

của các Nữ thần, Mẫu thần - từ một ác thần chuyên phá phách, gây họa chuyển thành phúc thần hay sự hiện diện của cả hai tính cách đối lập nhau trong một vị thần, phụ thuộc vào cách ứng xử của con người. Thứ hai, hệ thống thờ Mẫu ở Trung Bộ thể hiện tính hỗn dung văn hóa, giữa văn hóa Việt - Chăm, sâu xa hơn là giữa văn hóa Ấn Độ và Trung Hoa. Thứ ba, tín ngưỡng thờ Mẫu ở Trung Bộ thể hiện tính dân gian và cung đình. Tính cung đình thể hiện ở quá trình tôn thờ Nữ thần, Mẫu thần Chăm của vua, chúa Nguyễn, làm cho tục thờ Mẫu ở đây có sự kết hợp giữa vương quyền và thần quyền, được lịch sử hóa, cung đình hóa. Thứ tư, tín ngưỡng thờ Mẫu ở Trung Bộ thường nặng phần lễ hơn phần hội, thậm chí nhiều nơi chỉ có tế lễ mà không có hội, có phần tưởng là hội (múa, hát, trò chơi) nhưng thực chất nó là một phần của nghi lễ, để phục vụ nghi lễ. Thứ năm, Mẹ xứ sở của người Chăm, trong nhiều trường hợp đã trở thành Thành hoàng của người Việt cho thấy rõ sự hội tụ, phát triển và đặc trưng riêng của văn hóa Việt ở miền Trung. Thứ sáu, đặc thù tự nhiên của vùng không có sự tách biệt giữa núi, đồng bằng, biển nên Mẫu thần ở đây có quyền năng bao trùm khắp xứ, từ miền núi đến đồng bằng và biển cả, hiện diện ở mọi ngành nghề trong đời sống nhân dân.

4.3. Thiên Y A Na và mối quan hệ với vương triều Nguyễn

Nghiên cứu tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na của người Việt ở Trung Bộ không thể tách rời mối quan hệ với vương triều Nguyễn, đặc biệt ở khu vực Thuận Hóa (Huế). Sự linh ứng của vị nữ thần phương Nam có gắn bó mật thiết với vương triều Nguyễn ngay từ buổi đầu lập nghiệp trên đất Nam Hà.

Người Việt tiếp cận với một nữ thần (có thể là Po Inư Nagar) từ rất sớm, trong cuộc nam chinh năm 1069 của Lý

Thánh Tông, được ghi lại trong *Việt điện u linh tập* do Lý Tế Xuyên viết năm 1329[3]. Người con gái ứng hiện đó được Lý Thánh Tông lập hiệu là *Hậu Thổ phu nhân*, gia phong *Ứng Thiên Hóa Dục Nguyên Trung Hậu Thổ Địa Kỳ Nguyên Quân*, được "*xây đắp đàn thờ ở làng Yên Lãng*", sau đó rước thần Hậu Tắc phối với Trời, Hậu Thổ phối với Đất, lập đàn ở Nam Giao cầu đảo. Từ vị thần xứ sở của người Chăm (tinh của Đại địa Nam Quốc) Bà được người Việt thờ phụng dưới dạng Thổ thần (Hậu Thổ phu nhân). Trong một chừng mực nào đó đây không đơn thuần là việc bổ sung thần linh vào hệ thống thần Việt, mà còn hàm chứa một mưu đồ chính trị, ít nhiều cũng làm yên ổn cho hàng ngàn chiến tù người Chiêm được đưa về an trí trên đất Việt [74, tr.103-104].

Khi Nguyễn Hoàng - lúc đó là Đoan Quận Công trước mâu thuẫn với Trịnh Kiểm phải xin trấn nhậm vùng Thuận Hóa để "*tự lắng xuống, kín đáo giữ mình*" [112, tr.645]. Vào năm Canh Tý (1600) theo kế "*Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung thân"* của Trình Quốc công Nguyễn Bỉnh Khiêm, ông đã xây dựng cơ đồ nhà Nguyễn buổi đầu ở phương Nam tương đối độc lập với triều đình Thăng Long bằng phương châm "*Khôn khéo trong ngoại giao, cắt đứt trong tư tưởng"*. Bên cạnh đó, Đàng Trong (từ Đèo Ngang trở vào) lúc đó đang là một xã hội "*hữu Phật, phi Nho*", cũng như sự trỗi dậy của các yếu tố văn hóa địa phương nên ông "*có xu hướng thu hút bởi các nữ thần"* [158, tr.201], và cũng bởi "*Nguyễn Hoàng có đủ đức độ để giành được sự quan tâm và giúp đỡ của các thế lực siêu nhiên* [59, tr.526].

Ở Bình - Trị - Thiên vẫn hiện hữu những di tích có truyền thuyết và lễ hội gắn liền với nhân vật là Bà Tơ - người trợ giúp chúa Nguyễn Hoàng trên phá Tam Giang: một ở làng Bác Vọng

Đông (Quảng Phú, Quảng Điền nay là xã Đan Điền, Thừa Thiên Huế) và một ở làng An Mô (Triệu Long, Triệu Phong nay là xã Ái Tử , Quảng Trị). Bà Tơ được "*lịch sử hóa*" và nghi lễ thờ Bà trở thành lễ hội của làng xã, được chính sử ghi nhận[4].

Ở cấp độ vùng, hiện tượng tín ngưỡng này gắn liền với sự kiện lịch sử quan trọng sau 14 năm tìm đất đứng chân của họ Nguyễn. Đó là sự ủng hộ của Thần sông Trảo Trảo qua hình ảnh cô gái áo xanh, hiến kế mỹ nhân giúp Nguyễn Hoàng có trận thắng đầu tiên trước quân nhà Mạc bên bờ sông Ái Tử năm 1572. Đây là vị thần chính thống đầu tiên của người Việt ở Nam Hà, bởi ngay sau chiến thắng đó, thần sông Ái Tử được Chúa "... *phong cho thần sông làm Trảo Trảo Linh Thu Phổ Tế Tượng Hựu phu nhân, và cho lập miếu thờ*" [115, tr.30].

Với hành động đó, Nguyễn Hoàng đã kịp thời trấn an quân tình, xoá dần những lo sợ trước quân thù và nỗi ám ảnh về những vị thần bản địa đầy quyền uy nhưng xa lạ. Tuy nhiên, từ Bà Tơ cho đến Trảo Trảo phu nhân cũng chỉ là bước thiết lập căn nguyên tư tưởng cho vùng đất mới, mở rộng tầm ảnh hưởng từ làng xã đến vùng miền. Và sứ mạng đó ở tầm vĩ mô quốc gia, *Bà Trời áo đỏ* giúp Nguyễn Hoàng dựng nghiệp Đàng Trong, và tiến lên một bước cao hơn là *bình ổn dân tình*. Việc Nguyễn Hoàng cho xây chùa Thiên Mụ (1601) đã được sử sách ghi lại [5]. Đây vốn là nơi người Chăm thờ Po Inư Nagar trước khi nhà Chúa cho xây chùa thờ Phật. Vì lẽ đó mà mỗi dịp đoàn thuyền rước Mẫu đến Điện Huệ Nam khi qua đây đều làm lễ bái yết, bởi các tín đồ tin rằng Thánh Mẫu hiển linh dưới dạng Bà Trời áo đỏ.

Các giai thoại ghi lại sự gặp gỡ giữa Nguyễn Hoàng với thần linh địa phương và thiết lập nơi thờ cúng gợi cho thấy việc áp dụng một phương thức đặc biệt trong sự thiết lập một địa điểm mới của quyền lực hợp pháp, lần đầu tiên tại vùng đất mới phương Nam. Đồng dạng với sự chuyển hóa từ "*tinh của nước Nam*" thành Bà *Hậu thổ* là quá trình Việt hóa thần *Po Yan Inư Nagar* thành *Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi*. Hay đúng hơn, *Hậu Thổ phu nhân* là một hóa thân của *Po Yan Inư Nagar*[6] mà quyền uy của thần bao quát khắp biển khơi, đồng bằng đến rừng núi.

Sau Tiên chúa Nguyễn Hoàng, các chúa Nguyễn sau này rất đề cao và tôn thờ thần Thiên Y A Na, theo nguyên tắc kết hợp các yếu tố vương quyền và thần quyền. Các đời chúa đều cho xây dựng nhiều nơi thờ tự vị Nữ thần này. Dưới thời Nguyễn Phúc Ánh, sự tích Thiên Y A Na được gắn với vị chúa này trong cuộc chạy trốn quân Tây Sơn. Tại dinh Bà Thiên Y A Na ở thôn Hảo Sơn phía Bắc chân đèo Đại Lãnh (Phú Yên) còn lưu truyền câu truyện: "*Trong khi chạy loạn, chúa Nguyễn Phúc Ánh có nghỉ tại Dinh Bà và được Bà che chở. Chúa đi đến đâu thì có mây trời che mát và có hình rồng ẩn hiện. Khi đi qua đầm hoặc eo biển thì có hai con rái cá nổi lên giúp Chúa vượt qua một cách dễ dàng. Khi chúa bị vây ở Thất Sơn, tướng Lê Văn Duyệt đem binh vào cứu và có ghé nghỉ ở Am Bà, được Bà cho mượn một con ngựa tốt nên đã kịp thời giải vây cho Chúa"*. Sau Bà được triều Nguyễn sắc phong là *Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi Thượng Đẳng Thần*, gia phong *Hồng Nhơn Phổ Tế Linh Ứng Thượng Đẳng Thần*. Hai con rái cá được phong là *Đông Nam soát hải lang lại nhị đại tướng quân*.

Sự hiển linh của Bà Thiên Y A Na ở đền Ngọc Trản còn ứng với nhiều đời vua Nguyễn sau này. Vào thời các vị vua đầu

triều, đã có những buổi cầu vũ, cầu quốc thái dân an ở đây và đều ứng nghiệm. Tương truyền năm 1806 (Gia Long 4) ba xã Định Môn, Kim Ngọc, Cư Chánh ở ven núi hay bị hổ quấy phá, vua Gia Long sai cầu thần núi Ngọc Trản, dân nhờ đấy được yên [111, tr.267]. Nhiều câu chuyện Bà hiển linh trả lại chén ngọc cho vua Gia Long và Minh Mạng, trả lại ống nhổ bằng vàng cho các bà phi của vua Thiệu Trị bị rơi xuống vực xoáy trước đền khi thành tâm cầu khấn[7]... Có lẽ vì thế mà đền Ngọc Trản trở thành nơi sinh hoạt tâm linh của cộng đồng, được triều đình thừa nhận và sự hiển linh của vị nữ thần này ngày càng được chú ý. Năm Minh Mạng thứ 13 (1832) vua cho sửa lại ngôi đền thờ Thiên Y A Na ở làng Hải Cát, những am miếu thờ Bà ở làng xã cũng được chấn chỉnh. Giới quý tộc, thượng lưu tham gia vào các hoạt động tín ngưỡng liên quan đến Bà ngày càng đông đảo [137, tr.163].

Tuy nhiên, với tư cách là những nhà nho chính thống, các vua Nguyễn ban đầu không xem Thiên Y A Na là vị Thánh mẫu mà chỉ thừa nhận đơn thuần là một vị sơn thần, thủy thần trong một khu vực linh thiêng [137, tr.161], việc hầu đồng, múa bóng trong đạo Mẫu bị luật cấm[8]. Đến đời vua Đồng Khánh mối liên hệ giữa Thiên Y A Na và triều Nguyễn trở lên đặc biệt, ứng nghiệm trực tiếp đến sự nghiệp của người đứng đầu vương triều[9]. Để trả ơn Thánh Mẫu, ông cho đại trùng tu ngôi đền vào năm 1886, đổi tên Ngọc Trản sơn từ thành điện Huệ Nam ngay sau khi được khoác hoàng bào. Thực tế, vị vua này đã mất hết quyền lực khi Việt Nam bị đặt dưới sự bảo hộ của thực dân Pháp. Trước bi kịch của triều đại, ông đã gởi gắm linh hồn của mình cho Thánh Mẫu để tìm sự bình an cho chính mình. Ông nhận Lục Vị Thánh trong Điện Mẫu làm huynh đệ, tự nguyện đứng hàng thứ bảy trong Thất Thánh. Thời điểm này, việc thờ

Thiên Y A Na ở miền Trung được chính thống hóa. Nhà vua còn ra lệnh "*mỗi năm hai lần vào mùa xuân, mùa thu làm lễ cúng có đại diện triều đình chủ lễ để nhớ ơn Nữ thần*".

Dựa vào hệ thống sắc phong dành cho Thiên Y A Na hiện còn ở các đền, miếu, đình, chùa của làng Việt ở Trung Bộ cho thấy triều Nguyễn rất coi trọng tín ngưỡng này. Khi sắc phong cho Bà Thiên Y A Na ở Huế thì đồng thời nhà Nguyễn cũng sắc phong cho Bà ở Tháp Bà Pô Nagar Nha Trang và rải rác ở một trung tâm thờ tự khác *(Xem thêm phụ lục 3: Những sắc phong Thiên Y A Na tiêu biểu ở Trung Bộ)*. Cùng với điện Hòn Chén thì Tháp Bà Pô Nagar Nha Trang được triều đình công nhận là hai trung tâm tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na lớn của cả vùng. Khi triều Nguyễn chấm dứt, bà Từ Cung - vợ vua Khải Định là người chủ trì việc thờ cúng Thiên Y A Na với chức danh *Hội chủ danh dự Hội Quý tế điện Huệ Nam*. Thời gian này Bà đưa thêm Đức Thánh Trần, ba công chúa Liễu Hạnh, Quế Hoa, Thụy Hoa vào phối thờ ở đây. Hiện nay, ông Lê Văn Ngộ - Trưởng ban Bảo trợ di tích điện Huệ Nam đồng thời là Tổng hội trưởng Thiên Tiên Thánh giáo và cũng là người chủ trì các nghi thức tế lễ ở lễ hội Điện Huệ Nam.

Sự hiển linh của Thiên Y A Na ở Trung Bộ phản ánh mối quan hệ giữa nữ thần có nguồn gốc Chăm với triều đình nhà Nguyễn. Bà được coi là vị thần bảo trợ tâm linh cho cơ đồ nhà Nguyễn chứ không phải là những vị Mẫu thần được mang đến từ Thăng Long. Sự công nhận và ban tặng sắc phong của nhà Nguyễn đã tạo động lực to lớn cho tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na phát triển mạnh mẽ và rộng khắp miền Trung, trong mọi tầng lớp xã hội. Nó không chỉ là một tín ngưỡng dân gian mà bước đầu phát triển có tổ chức khi Tổng hội Thiên Tiên Thánh giáo ra

đời năm 1953[10] (chính thức vào năm 1965). Đây là đỉnh cao của tín ngưỡng Tứ phủ ở khu vực Thừa Thiên Huế (sau này lan rộng khắp khu vực Thuận Hóa và Nam Trung Bộ), tích hợp Đạo giáo Trung Hoa đã thoái trào với tín ngưỡng thờ Mẫu và nhiều tín ngưỡng, tôn giáo khác của người Việt.

Tên gọi Thiên Tiên Thánh giáo được giải nghĩa là: Thiên là huyện Thiên Bản, Tiên là làng Tiên Hương (tức là thôn Vân Cát, làng An Thái nơi Liễu Hạnh công chúa giáng trần lần thứ hai), Thánh giáo là một tôn giáo thiêng liêng. Tổ chức này ra đời xuất phát từ sự gắn kết của Hội Sơn Nam (hội của những người dân từ Nam Định di cư vào Huế từ thời tiền Nguyễn) với ngôi điện Huệ Nam thời Nguyễn. Thiên Tiên Thánh giáo quan niệm thế giới có ba cõi: Thượng Thiên, Thượng Ngàn, Thủy Phủ, mỗi cõi do một vị Thánh mẫu đứng đầu là Mẫu Trung Thiên - Mẫu Thiên Y A Na ở giữa, hai bên là Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Thủy Phủ. Dưới mỗi Mẫu lại có các Thánh Bà hầu hạ (các Đức Chầu). Dưới quyền sai phái của Mẫu còn có năm vị quan lớn (Đệ Nhất đến Đệ Ngũ), mười ông Hoàng, mười hai Tiên cô, các Cậu Quận và những vong linh chết non (cô Bé, cậu Bé). Ngoài ra, Thiên Tiên Thánh giáo còn thờ cả Phật A Di Đà, Quan Thế Âm Bồ Tát, Quan Công, Sơn Tinh, Thủy Tinh, Đức Thánh Trần.

Thiên Tiên Thánh giáo là tổ chức không có kinh điển và luật lệ chính thức. Sinh hoạt của tín đồ mang tính tự túc, tự phát, tự nguyện, vài chục người họp thành một phổ. Rằm, mồng một âm lịch hàng tháng các tín đồ đến một am, miếu, điện… nhất định để dâng lễ, cầu cúng và hầu đồng. Họ kiêng cữ một số loại thực phẩm, như thịt chó, thịt trâu, bồ câu, cá chép… vì ăn sợ mắc tội. Lễ hội quan trọng nhất của tín đồ Thiên Tiên Thánh giáo là lễ hội Điện Huệ Nam và đình làng Hải Cát, tổ chức vào

tháng 3 và tháng 7 âm lịch. Điểm đặc biệt của lễ hội này là hoạt động hầu đồng diễn ra trên các bằng, án trong những ngày diễn ra lễ hội. Hiện nay, Thiên Tiên Thánh giáo ngày càng thu hút đông đảo tín đồ thờ Mẫu tham gia. Tổ chức này ngày càng có vai trò quan trọng trong việc phát triển tín ngưỡng Thiên Y A Na và định hướng đời sống tinh thần của các tín đồ thờ Mẫu ở miền Trung.

Điều kiện địa lý, lịch sử đã làm cho Thừa Thiên Huế trở thành cực Nam của tín ngưỡng thờ Mẫu Tam Phủ, Tứ Phủ của người Việt ở Bắc Bộ và là cực Bắc của không gian lan tỏa tín ngưỡng thờ Mẫu thần/Nữ thần của người Chăm. Chúng giao thoa, tiếp biến với nhau, hình thành nên tín ngưỡng Thiên Y A Na mang tính thống nhất, đặc trưng ở Trung Bộ. Tùy từng tiểu vùng cụ thể mà hiện tượng tín ngưỡng này có những sắc thái riêng, được quy định bởi các yếu tố địa - văn hóa, địa - chính trị, địa - lịch sử ở nơi đó.

Chương 2

TÍN NGƯỠNG, DI TÍCH VÀ HOẠT ĐỘNG PHỤNG THỜ THIÊN Y A NA CỦA NGƯỜI VIỆT Ở TRUNG BỘ

1. SỰ HÌNH THÀNH TÍN NGƯỠNG THỜ THIÊN Y A NA

1.1. Truyền thuyết về Thiên Y A Na

Hiện nay, ở quanh khu vực Tháp Bà Pô Nagar Nha Trang còn lưu truyền phổ biến những câu chuyện dân gian về vị thần chủ của ngôi tháp cổ linh thiêng trên đỉnh Cù lao Huân. Đó là truyền thuyết về Mẹ xứ sở-Nữ thần Pô Nagar và truyền thuyết về Thiên Y A Na Thánh Mẫu.

Trong *Xứ Trầm hương,* nhà văn Quách Tấn ghi chép câu chuyện về Nữ thần Pô Nagar được sinh ra từ những áng mây và bọt nước biển. Bà sinh ra từ ngoài biển khơi với một tấm thân cân đối, một khuôn mặt xinh đẹp tuyệt vời và chói rọi hào quang. Nước biển dâng cao đưa bà vào bến Yjatran (Nha Trang). Sấm nổi và gió đưa hương báo cho muôn loài biết tin Bà giáng thế. Liền đó, những khe suối trên nguồn dồn lại thành sông chảy xuống mừng Bà và núi hạ thấp xuống để đón rước Bà. Bà bước lên bờ. Cây cong cành xuống sát đất để tỏ lòng thần phục. Chim muông kéo nhau đến chầu hai bên đường và hoa cỏ vươn lên để điểm hương vào bước chân Bà đi. Khi đến Yjatran (Nha Trang), Bà dùng phép hóa ra cung điện nguy nga, hóa ra trầm hương, kỳ

nam, các giống gỗ quý và lúa bắp. Để cúng Trời, Bà tung lên mây một hạt lúa. Lúa mọc hai cánh trắng như hai mảnh bạch vân, bay ở giữa không trung. Bà lại đốt một phiến trầm hương, khói thơm tỏa lên cao vút, đỡ hạt lúa có cánh để dâng cúng trời. Ở hậu cung Bà có 97 ông chồng. Nhưng chỉ có ông Pô Yan Amo là có uy quyền và được trọng vọng nhất. Bà sinh được 38 người con gái, người nào cũng xinh đẹp. Song chỉ có ba người được Bà ban cho nhiều quyền phép là Pô Nogar Dara, Rarai Anaih - Nữ thần vùng Phan Rang và Pô Bia Tikuk - Nữ thần vùng Phan Thiết. Tại Tháp Bà Pô Nagar ở Nha Trang hiện còn lưu giữ tấm bia đá do Thượng thư Phan Thanh Giản triều Nguyễn cho dựng ghi lại truyền thuyết về Bà Thiên Y A Na ở khu vực Khánh Hòa. Đây cũng là nguyên mẫu cốt truyện về Mẫu Thiên Y A Na trong cộng đồng người Việt ở Trung Bộ, tùy điều kiện tự nhiên, xã hội từng vùng đất cụ thể mà các huyền tích về Bà được thêm bớt cho phù hợp, linh thiêng (xem thêm phụ lục 1: *Truyền thuyết, thơ ca về Mẫu Thiên Y A Na ở Trung Bộ)*. Truyền thuyết Thiên Y A Na bắt nguồn từ huyền thoại Mẹ xứ sở Po Inư Nagar (Mukjuk) của người Chăm ở xứ Kauthara. Qua thời gian, câu chuyện về "Mẹ" của người Chăm và người Việt ở đây cũng có những dị bản, nhưng có thể thấy trong đó sự tương đồng là chủ yếu. Truyện kể rằng:

Có hai vợ chồng ông lão nọ làm nghề trồng dưa, sinh sống trên núi Đại Điền. Hai ông bà không có con. Đến mùa thu hoạch dưa, hai ông bà thấy dưa luôn bị hái trộm hàng ngày. Ông lão canh chừng thì bắt gặp một bé gái chừng chín, mười tuổi đang hái trộm dưa của nhà mình. Ông hỏi cô bé sao phải ở đây một một mình hái trộm dưa. Cô kể mình không còn ai thân thích.

Thương tình, ông lão đưa cô bé về nhà nuôi nấng và yêu quý như con đẻ. Một hôm, mưa gió ngập lụt, cô nhớ cảnh bồng lai nên lấy đất đá đắp hòn giả sơn để chơi. Ông lão thấy vậy giận giữ và mắng cô con gái. Giận dỗi, cô ẩn mình vào khúc kỳ nam đang trôi và mặc cho sóng biển đưa đi.

Khúc kỳ nam trôi dạt đến bờ biển Bắc Hải. Người dân thấy khúc gỗ lạ ngát hương thơm liền cùng nhau vớt lên nhưng không ai nhấc nổi. Tin ấy đến tai triều đình, nhà vua cho quân lính đến vớt khúc kỳ nam về nhưng cũng không sao nhấc được. Thái tử đang tuổi đôi mươi nghe thấy lạ liền ra xem và nhấc được khúc kỳ nam đưa về cung. Một đêm trăng thanh, Thái tử thấy một cô gái xinh đẹp từ khúc kỳ nam hiện ra, chàng liền giữ lại và xin cưới làm vợ. Ít lâu sau, nàng sinh hạ được một nàng công chúa đặt tên là Quý và một hoàng tử đặt tên là Trí.

Tình nghĩa vợ chồng ngày càng thắm đượm, nhưng một ngày kia, nàng nhớ mẹ cha ở quê hương liền đưa hai con nhập vào cây kỳ nam và theo đường biển trở về quê hương. Đến Cù lao Huân, mẹ con nàng lên đất liền, tìm về quê thì cha mẹ già đã mất, cảnh cũ điêu tàn, cỏ dại mọc đầy, nàng liền xây đền thờ cha mẹ và dạy dân khai khẩn đất đai, trồng trọt, chăn nuôi và dệt vải. Rồi một ngày bà trở về trời.

Thái tử không thấy vợ con liền đi tìm, đến Cù lao Huân thuyền cập bến, nhưng thuỷ thủ không biết trên dưới, không tôn kính Bà, liền bị gió bão đánh đắm thuyền. Từ đó, nơi cửa biển nổi lên phiến đá có khắc chữ theo lối cổ không ai đọc được. Kể từ đây, bà hiển linh và thường qua lại non Yên đỉnh Cù cứu nhân độ thế. Ai cầu gì ứng nấy, dân chúng gần xa nhất nhất tôn thờ.

Trên ngọn Cù lao xây một ngọn tháp cao 6 trượng thờ bà Tiên Chúa. Lại xây thêm một tháp nhỏ thờ Thái tử, sau tháp lập một ngôi miếu nhỏ thờ hai người con của Bà. Còn xây cả tháp thờ cha mẹ nuôi. Trước tháp cũng có một bia khắc chữ giống như chữ ở hòn đá ngoài cửa biển. Đến nay, vườn xưa hoa quả tốt tươi, ai đến vãn cảnh lấy ăn cũng được nhưng không thể đem về. Mỗi khi tuần tiết thì từ loài thú rừng đến loài hải tộc đều chầu trước đền. Cổ nhân gọi Bà là Thiên Y A Na Diễn Phi, Chúa Ngọc Thánh Phi. Bản triều ban tặng Bà: *Hồng Nhân Phổ Tế Linh Ứng Thượng Đẳng Thần* và bắt dân ở đó coi giữ tháp (Bản dịch văn bia do Phan Thanh Giản phụng soạn ở Tháp Bà Nha Trang được lưu trữ tại Ban Bảo trợ Tháp Bà).

Đây là những truyền thuyết về Thánh Mẫu Thiên Y A Na được lưu hành trong ở miền Trung. Tùy từng địa phương mà truyền thuyết về Bà có thêm những dị bản, chi tiết về sự linh thiêng của Mẫu trong những hoàn cảnh cụ thể. Các câu truyện về Thánh Mẫu Thiên Y A Na của người Việt được bắt nguồn từ huyền thoại Mẹ xứ sở của người Chăm, do vậy, hình tượng của Bà là kết quả của quá trình giao lưu, tiếp biến lâu dài giữa hai dân tộc Chăm - Việt ở dải đất miền Trung trong suốt chiều dài lịch sử.

1.2. Quá trình hình thành tín ngưỡng Thiên Y A Na của người Việt ở Trung Bộ

Người Chăm là cư dân mẫu hệ, nên hình tượng người mẹ/người phụ nữ luôn chiếm vị trí và vai trò to lớn trong đời sống tâm linh, văn hóa của họ. Theo các nhà nghiên cứu, Mẹ xứ sở Po Inư Nagar của người Chăm có nguồn gốc từ Devi - biểu tượng âm tính cho sức mạnh sáng tạo và hủy diệt của vũ trụ, một

Nữ thần tối thượng trong thần điện của Ấn Độ giáo[11] được du nhập vào Chămpa từ những năm đầu công nguyên. Ấn Độ giáo thờ ba vị thần tối cao (Trimurti) là Brahma (thần sáng tạo), Visnu (thần bảo tồn), Siva (thần hủy diệt để tái tạo). Người Chăm, vốn là cư dân gốc nông nghiệp, khi tiếp nhận Ấn Độ giáo họ có phần tôn thờ Siva và các Shakti (tính nữ) của thần hơn. Tồn tại và phát triển trong xã hội mẫu hệ Chăm, những tính nữ của thần Siva đã được chuyển hóa thành Thần Mẹ xứ sở Po Inư Nagar.

Cái tên Mukjuk (Bà Đen)[12] của Po Inư Nagar đã thể hiện Bà là một trong những Shakti, hay người vợ Sơn nữ Parvati của thần Siva, được kể trong câu chuyện Varaha Purana của Ấn Độ giáo. Truyện kể rằng: một lần ba vị thần Brahma, Visnu, Siva gặp nhau trên núi Kailasa và rất tức giận vì thói ngạo mạn của các quỷ. Tình cờ, cả ba vị thần tối thượng đều nhìn về một cột khói mờ ảo đang bao quanh một cô gái tươi mát, ấm áp, rực rỡ và xinh đẹp nhất trần đời. Cô gái e lệ cúi đầu chào ba vị thần. Các vị thần trở nên lúng túng và nhẹ nhàng hỏi cô là ai mà có nước da vừa trắng, vừa đỏ, vừa đen. Cô gái đẹp rực rỡ như mặt trời buổi sớm mai trả lời: "*Thế ba thần không biết sao? Thần thiếp là Shakti, là kết tinh tất cả năng lực của các Ngài*". Lập tức cả ba vị thần đều muốn chiếm lấy cô gái cho riêng mình. Rất nhanh trí, thần Sáng tạo Brahma đưa ra quyết định: lệnh cho cô gái biến thành ba theo màu da: Nữ thần trắng như tuyết Sarasvati lấy thần Sáng tạo Brahma, Nữ thần đỏ rực rỡ Laksmi lấy thần Visnu và Nữ thần đen hơn than Parvati lấy thần Siva.

Không chỉ ở cái tên mà gần như cốt chuyện về nàng Mukjuk của người Chăm cũng phỏng theo những tình tiết trong thần thoại của Ấn Độ giáo về Devi/Parvati (cô con gái của núi), vợ thần Siva. Các Purana của Ấn Độ giáo kể rằng, người vợ kiếp

trước của thần Siva là nàng Rati đã tái sinh ở kiếp sau là sơn nữ Parvati - con của vua núi Himalaya và thiên nữ Mena. Để lấy được Siva, Parvati phải đến tận núi Kailasa- nơi ở của Siva, giống như tình tiết nàng Mukjuk ẩn thân vào khúc trầm hương trôi dạt trên biển đến tận vương quốc xa xôi ở Bắc Hải để đi tìm nhân duyên tiền kiếp với Thái tử nước đó.

Trong thần thoại Ấn Độ giáo, Siva yêu say đắm người vợ sơn nữ của mình và tìm cách cưới nàng bằng được. Nàng Parvati "hạ sinh" cho ngài hai người con trai Skanda và Ganesa và trở thành Devi (sức mạnh sáng tạo âm tính vô song của thần Siva). Sau đó nàng giận Siva khi bị xúc phạm và trở về quê hương[13]. Trong câu chuyện về nàng Mukjuk của người Chăm cũng có nhiều chi tiết về sự đau khổ vì tương tư nàng Mukjuk của hoàng tử, về cuộc sống hạnh phúc của hai người, việc sinh hai con trai, rồi giận chồng bỏ về quê hương. v.v. Tuy nhiên, do chịu ảnh hưởng từ tín ngưỡng bản địa, nên từ một Devi mang sức mạnh sáng tạo vũ trụ đã trở thành một nhân vật huyền thoại mang yếu tố của một anh hùng văn hóa của người Chăm hơn là một vị thần Ấn Độ giáo. Trong xã hội mẫu hệ Chăm thì Shakti hay Devi, cụ thể là nàng sơn nữ có nước da đen như than Parvati chứ không phải là thần Siva đầy quyền lực đã trở thành nhân vật thờ tự chính. Đó chính là người phụ nữ có làn da đen được thờ ở thánh địa Khauthara (Tháp Bà Pô Nagar Nha Trang).

Người Chăm tiếp thu Ấn Độ giáo và đã bản địa hóa tôn giáo này để phù hợp với truyền thống văn hóa dân tộc mình. Họ đã biến Nữ thần sáng tạo tối cao, một ý niệm triết học vũ trụ của Ấn Độ giáo thành Mẹ xứ sở của dân tộc mình [36, tr.47]: Po Inư Nagar - người được sinh ra từ mây trời và bọt biển, có quyền năng thần thánh và có mối liên hệ mật thiết với các thần linh

trên trời. Bằng quyền năng của mình, Bà đã tạo ra vùng đất Kauthara giàu có và thị tộc Cau ưu tú, Bà cai quản và dạy nhân dân trồng dâu, dệt vải, trồng lúa gạo, xây dựng thiết chế kỉ cương. Tại Chămpa, việc thờ Shakti/Devi phổ biến và lâu dài nhất tại khu Tháp Bà Nha Trang. Đối với người Chăm thì Po Inư Nagar là người:

"*Sinh ra đất đai, sinh ra con người,*

Sinh ra gỗ trầm hương là thần Po Inư Nưgar

Sinh ra vạn vật trên đời

Dựng lên làng xóm ruộng vườn là thần Po Inư Nưgar…" [120, tr.152-153]

"… Ngày xưa, thần Inư Nưgar sinh ra đất, gỗ trầm, lúa gạo

Gỗ trầm, kỳ nam từ Yan Inư Nưgar mà phát hương thơm tỏa ra

Không gian bao quanh, từ Yan Inư Nưgar, nức hương thơm của lúa…"

"Thần còn có tên khác là Po Yan Inư Nưgar

Là Nữ thần lớn của nước Chàm

Thần có tên nữa là Mukjuk (Bà Đen), chúa tể của phụ nữ

Thần sinh ra từ mây và bọt biển

Thần có 97 vị chồng, nổi tiếng là Po Amư (Thần Cha)

Thần sinh ra 38 cô con gái

Thần sinh ra lúa gạo…" [39, tr.128-129].

Quá trình tiếp biến và chuyển hóa từ Po Inư Nagar của người Chăm đến Thiên Y A Na của người Việt chịu nhiều ảnh hưởng từ các yếu tố tự nhiên, lịch sử. Điều kiện tự nhiên ở Trung Bộ có nhiều khác biệt so với Bắc Bộ làm cho tâm lý những di dân Việt có phần bất ổn và sợ hãi. Hơn nữa, quá trình di trú đó diễn ra song hành với quá trình triều đình phong kiến Đại Việt mở rộng cương vực về phương Nam. Đây là vùng đất lạ lẫm nhưng có quá khứ huy hoàng mà chủ nhân của nó vẫn đang hiện diện, đủ làm cho những người Việt mới đến thấy thu hút muốn khám phá, vừa nể phục về thành tựu, vừa kính sợ bởi sự uy hiếp về mặt tâm linh.

Sự quần tụ dân cư tứ xứ ở Đàng Trong với khối người Trung Hoa lưu vong, mang đến cho người Việt di cư các yếu tố mới của một nền văn minh quen thuộc, nhưng không phải là một loại của chốn triều đình mà là của một tập hợp thương nhân không bằng Nho gia về mặt triết lý tinh tế, nhiều ý thức tự do hơn, của đám bình dân có tin tưởng theo chiều hướng ma thuật, sẵn sàng chống lại bất cứ chính quyền nào đều không dung chứa một nhân sinh quan như thế. Chính vì thế, đất Đàng Trong, nối dài cả sau khi thống nhất ở thế kỷ XIX qua thế kỷ XX, là nơi của những cố gắng tụ tập, pha trộn những tín ngưỡng đã thành công khuất lấp trong các xóm làng, rồi sẽ nổi bật lên khi có điều kiện tiếp trợ [158, tr.203].

Các chúa Nguyễn Đàng Trong nhận thấy cần đưa ra một cái gì đó để củng cố tinh thần của di dân Việt và tạo sự thuần phục tuyệt đối của dân chúng dưới quyền, bao gồm những người cùng dân tộc nhưng không dễ gì ràng buộc và lớp người khác tộc đã quy hàng. Không thể sử dụng Nho giáo nhưng các chúa Nguyễn cũng không dám tìm ra một giải pháp hoàn toàn khác với truyền

thống người Việt ở Bắc Bộ. Trong hoàn cảnh đó, bên cạnh những thần linh quen thuộc mang theo từ cố hương, việc mượn quan niệm thần thánh của địa phương, sau một thời gian Việt hóa thành của mình sẽ đem lại hiệu quả, vừa cắt đứt được với quá khứ, vừa thâm nhập với hiện tại và sẽ có những thu hoạch cụ thể trong tương lai.

Sự tiếp nối thờ tự Po Inư Nagar hay Thiên Y A Na/Bà Chúa Ngọc ở Trung Bộ đã chứng tỏ rằng vẫn có sự giao tiếp bình thường giữa hai dân tộc Việt - Chăm trong khoảng thời gian lâu dài sau cuộc nam chinh của người Việt kết thúc. Tại Nha Trang vẫn tồn tại một xóm Bóng cho thấy phong tục cúng của người Chăm còn hiện diện cho đến ngày nay. Chen giữa những hệ thống đền tháp của người Chăm là những miếu thờ của người Việt đã khẳng định trong hoạt động tín ngưỡng của cư dân Trung Bộ xưa cũng như nay đã thực hiện một lối "*chung sống hòa bình*". Mỗi cộng đồng thờ theo lối riêng của mình, không ai lấn át, khuynh đảo ai.

Có thể thấy, tín ngưỡng thờ Mẹ xứ sở của người Chăm và tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt đã gặp nhau ở điểm chung, đó là tín ngưỡng nông nghiệp và nguyên lý thờ Mẹ. Do đó, mẫu thần Chăm đã trở thành mẫu thần Việt mà trong đó căn tính Chăm vẫn còn rõ nét (từ tên gọi, nghi thức thờ phụng, quyền năng của thần…). Quá trình tiếp biến và chuyển hóa từ Po Inư Nagar đến Thiên Y A Na (diễn ra từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVII-XVIII) coi như hoàn thành khi trở thành tín ngưỡng thờ Mẫu rộng khắp miền Trung với các tên gọi *Ngọc Bà Thiên Y A Na, Thiên Y A Na Diễn Bà Chúa Ngọc Thánh Phi (Bà Chúa Ngọc), Tiên Y Thánh Mẫu*… Những tên gọi Bà ở cả dạng chính danh và hóa thân [77, tr.32-33], có tên được phiên âm từ tiếng

Chăm, như Bố Y Na, Bô Bô phu nhân…, có tên mang âm hưởng Chăm - Việt như Thiên Y A Na (Thiên - Thần,trời/Hán Việt = Yan Pô/Chăm; Y A Na = Inư Nagar - Mẹ/Mẫu), Bà Giàng (Yang) Lồi, Bà Dương, Bà Cổ Vàng,… nhưng cũng có tên hoàn toàn được Việt hóa: Bà Chúa Ngọc, Thiên Y Thánh mẫu, Thiên Y Tiên nữ… Điều đó thể hiện sự giao lưu, tiếp biến và chuyển hóa giữa cộng đồng người Chăm và người Việt qua tên gọi của Bà. Triều Nguyễn sắc phong danh hiệu *Hồng Nhân Phổ Tế Linh Ứng Thượng Đẳng Thần* càng thể hiện sự tôn kính và uy linh của Bà. Và từ đó, Bà trở thành người Mẹ thiêng liêng của người Việt ở Trung Bộ.

Sau này, một bộ phận người Việt từ Trung Bộ cùng với những người Việt từ Bắc Bộ, người Hoa lưu vong sau phong trào phản Thanh phục Minh, người Chăm di tán trước những lần nam tiến của triều Nguyễn đã di cư vào khai phá vùng đất mới Nam Bộ. Cộng đồng người Việt từ Trung Bộ khi di cư vào nam đã mang theo tín ngưỡng nơi mình định cư từ nhiều đời trước đó là tục thờ Bà Thiên Y A Na, còn gọi là Bà Chúa Ngọc cùng với hai người con là Cậu Trí và Cậu Quý. Cũng có khi Bà được thờ dưới dạng một người phụ nữ áo nâu, tay cầm cây gậy đứng bên cạnh Thất Thánh (ở chùa Tây An, Vĩnh Tế, An Giang), có khi được thờ cùng với các Bà khác (Ba Tri, Bến Tre)… Hầu như ở Nam Bộ không có nơi nào Bà được thờ phụng riêng một miếu như ở Trung Bộ [133, tr.192]. Nghi lễ thờ Bà Chúa Ngọc ở Nam Bộ không có gì riêng biệt nhưng có thể nhận thấy dấu vết văn hóa Chăm khi các bà Bóng thực hiện nghi thức hát bóng rỗi.

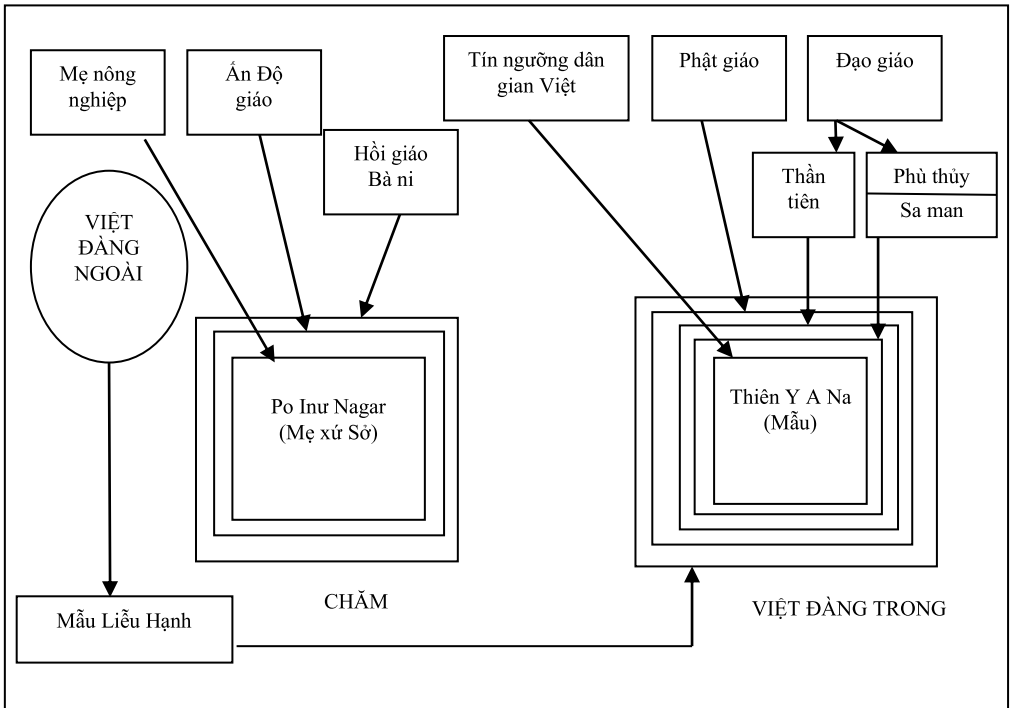

Sơ đồ 2.1: Sự chuyển hóa từ Mẫu thần Chăm => Mẫu thần Việt ở Trung Bộ

Nguồn: Nguyễn Hữu Thông, [137, tr.246]

2. HỆ THỐNG DI TÍCH THỜ THIÊN Y A NA Ở TRUNG BỘ

2.1. Không gian phân bố di tích

Thiên Y A Na là hiện tượng tín ngưỡng phổ biến và có ảnh hưởng lớn trong đời sống tinh thần của người Việt ở Trung Bộ. Khắp từ Quảng Bình đến Bình Thuận đều có cơ sở thờ tự hay những địa danh gắn với Thiên Y A Na Thánh Mẫu. Tiêu biểu như: điện Hòn Chén, chùa Thiên Mụ, đình Hải Cát, ở Huế; đền Thiên Y ở Ngũ Hành Sơn (Đà Nẵng); đền Thiên Y Tiên Nương ở núi Ấn ở Duy Xuyên (Quảng Nam), đền thờ Thiên Y ở núi Bầu Bèo ở huyện Bình Sơn, dinh Thiên Y A Na ở Sa Huỳnh, huyện đảo Lý Sơn, huyện Trà Bồng (Quảng Ngãi); đền thờ Thiên Y ở núi Đại Lãnh, Tháp Nhạn ở Tuy Hòa (Phú Yên); núi Đại An, Tháp Bà Pô Nagar ở Nha Trang (Khánh Hòa); miếu Thiên Y A Na ở Hòa Đa, Bình Thủy (Bình Thuận)… (*Xem thêm phụ lục 4: Những nơi thờ phụng Thiên Y A Na tiêu biểu ở Trung Bộ).* Những di tích thờ Bà hiện nay là do người Việt xây dựng hoặc kế thừa các di tích thờ thần của người Chăm. Không gian phân bố tín ngưỡng Thiên Y A Na ở Trung Bộ cũng đậm nhạt khác nhau, nổi trội hơn cả là hai trung tâm Khánh Hòa và Huế.

Am Chúa và Tháp Bà Pô Nagar Nha Trang (Khánh Hòa) được coi là nơi phát tích tín ngưỡng Po Inư Nagar của người Chăm ở xứ Khauthara, sau được chuyển hóa thành Mẫu Thiên Y A Na của người Việt. Tuy được Việt hóa nhưng yếu tố/căn tính Chăm vẫn còn đậm nét, được thể hiện trong các truyền thuyết, thần điện, linh tượng và nghi thức thờ phụng Bà. Truyền thuyết về Thiên Y A Na của người Việt ở Khánh Hòa[14] giống với huyền thoại Po Inư Nagar (Mukjuk) của người Chăm ở Ninh Thuận, Bình Thuận, đã chứng tỏ người Việt tiếp thu gần như

nguyên vẹn thần tích của người Chăm. Không những thế, người Việt còn sử dụng chính những đền tháp, linh vật, linh tượng Ấn Độ giáo của người Chăm làm nơi thờ cúng Mẫu Thiên Y A Na, nhưng được sắp xếp theo hướng Việt hóa[15]. Trong lễ hội Tháp Bà Nha Trang hiện nay còn có một số nghi thức thờ cúng thể hiện sự giao lưu tiếp biến văn hóa Chăm - Việt, như tục rước nước, cầu đảo, múa đèn, múa quạt, múa bóng… Tại đây, người Việt và người Chăm cùng thực hiện việc cúng tế Thần Mẹ xứ xở/Thánh Mẫu của mình nhưng theo nghi thức riêng.

Nếu Khánh Hòa là trung tâm phía nam thì Huế (rộng hơn là Thuận Hóa) là trung tâm phía bắc của một vùng không gian rộng lớn thờ Mẫu Thiên Y A Na. Xét ở góc độ thần chủ, Huế là nơi giao thoa giữa tục thờ Mẫu Liễu Hạnh của người Việt ở Bắc Bộ và tục thờ Po Inư Nagar của người Chăm ở Trung Bộ, hình thành nên tục thờ Thiên Y A Na mang sắc thái riêng, độc đáo. Xét ở góc độ hệ thống tín ngưỡng, Huế là nơi gặp gỡ giữa tín ngưỡng thờ Mẫu (Tam phủ, Tứ phủ) ở Bắc Bộ và tín ngưỡng thờ Nữ thần/Mẫu thần của người Chăm. Do vậy, *Huế có vị trí đặc biệt mang tính cầu nối, chuyển tiếp của Đạo Mẫu ở Việt Nam* [147, tr.233][16]. Xét ở mức độ phát triển thì tục thờ Mẫu ở Huế không chỉ là thờ Mẫu thần như các nơi khác ở miền Trung, mà đã vượt lên mức độ thờ Tam phủ, Tứ phủ, bước đầu hình thành tôn giáo sơ khai riêng: Thiên Tiên Thánh giáo (có trụ sở, tổ chức, kinh sách và tín đồ). Theo thống kê của Nguyễn Hữu Thông, ở Huế hiện nay có 72 am, điện thờ Thiên Y A Na [137, tr.78-91] dưới sự quản lý của Ban Vận động bảo tồn di tích điện Huệ Nam, nhưng con số thực tế lớn hơn rất nhiều (chúng tôi thống kê sơ bộ được 86 am, điện thờ Thiên Y A Na ở Thừa Thiên Huế, tuy nhiên số liệu vẫn chưa thể đầy đủ).

Từ phía nam đèo Hải Vân đến Phú Yên việc thờ cúng Thiên Y A Na cũng rất phổ biến[17], mặc dù mật độ và quy mô không lớn như hai trung tâm kể trên. Ở đây, Thiên Y A Na được thờ riêng hoặc phối thờ với nhiều vị thần linh khác như Bổn Cảnh Thành hoàng, Nam Hải Đại Vương (Cá Ông), Ngũ Hành nương nương, Thủy Long thần nữ, Tứ Vị Thánh nương, Thiên Hậu Thánh Mẫu,... Ở đây Bà còn có các tên gọi khác như Bà Chúa Ngọc, Bà Chúa Lồi, Bà Dàng, Lùm Bà Dàng, Bô Bô - Thu Bồn, Bà Chợ Được, Bà Chiêm Sơn, Bà Chúa Đảo, Bà Chúa Xứ… Việc thờ Thiên Y A Na ở Nam Trung Bộ khá thống nhất và tiêu biểu, nhưng không hoàn toàn đồng nhất mà rất đa dạng, từ tên gọi, hình thức thờ tự, nghi lễ….

Ở Trung Bộ, tín ngưỡng Thiên Y A Na hiện hữu khắp nơi, từ thành thị đến nông thôn, từ miền núi đến đồng bằng, ven biển. Nơi thờ Bà được tọa lạc trên đồi cao vùng sơn cước hay trong khuôn viên rộng rãi nhiều cây cối xum xuê ở đồng bằng, hoặc hướng ra biển… Các di tích thờ Thiên Y A Na ở đây phân bố không đồng đều, tập trung chủ yếu ở vùng đồng bằng, ven biển, thưa hơn ở vùng đồi núi, bán sơn địa. Ngoài những đền, miếu của làng xã thì các am, điện, phủ tư gia hiện diện khắp nơi cũng là những nơi thờ tự và thực hành tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na của các tín đồ ở miền Trung.

Theo lát cắt không gian cho thấy, các di tích thờ Thiên Y A Na ở Thừa Thiên Huế phân bố dày đặc ở vùng đồng bằng, đô thị và gần kinh thành Huế (nơi triều Nguyễn thừa nhận và tôn vinh Thiên Y A Na). Từ Đà Nẵng đến Phú Yên, Bà chủ yếu được thờ trong khu vực duyên hải (cư dân nông nghiệp và cư dân biển), cùng với Nam Hải Đại Vương, Ngũ Hành Nương Nương, Tứ Vị Thánh Nương, Thủy Long Thần Nữ nhưng cũng có nhiều nơi

thờ Bà tương tự tục thờ Mẫu ở Bắc Bộ (thờ cùng Nhạc phủ và Thoải phủ). Ở thành phố Đà Nẵng cũng có nhiều đình, đền, miếu thờ riêng Bà hoặc phối thờ Bà cùng với các thần linh khác, với hơn 20 đạo sắc phong của triều đình nhà Nguyễn dành cho Thiên Y A Na[18]. Ngoài ra còn có hơn 200 am, đền, điện tư gia thờ Mẫu Thiên Y A Na [99, tr.56]. Ở Hội An có 7/11 làng xã thờ vị thần này với 43 sắc phong thời Nguyễn dành cho Thiên Y Diễn Ngọc và Sát Hải tướng quân [153]. Trên đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi) có 12 địa điểm thờ nữ thần thì có đến 8 nơi thờ chính và phối thờ Thiên Y A Na [175, tr.67]. Ở Bình Định và Phú Yên, đền miếu thờ Thiên Y A Na phổ biến khắp thôn làng, cửa vạn[19]. Bà cũng được thờ ở vùng bán sơn địa như điện Trường Bà Trà Bồng (Quảng Ngãi), miếu Bà Duy Sơn (Quảng Nam)… Đặc biệt, ở Khánh Hòa, làng nào cũng có một hoặc nhiều hơn một am, miếu thờ Thiên Y A Na, phân bố ở cả vùng núi, đồng bằng và biển, đảo. Ở đây, Bà là thần linh tối thượng, là vị phúc thần che chở cho con dân, là người dạy dân khai khẩn ruộng vườn, dạy phép tắc nghề nghiệp để nuôi nhau. Bà thường hiển linh, ai cầu gì được nấy, phù hộ dân lành, trừng phạt kẻ ác đem lại cuộc sống yên bình. Thánh địa Kauthara thờ Po Inư Nagar của người Chăm trước đây, được người Việt tiếp tục thờ tự và Việt hóa trở thành trung tâm thờ Mẫu Thiên Y A Na lớn nhất ở Nam Trung Bộ hiện nay.

2.2. Các loại hình di tích thờ tự

Mẫu Thiên Y A Na ở Trung Bộ được người Việt thờ cúng trong các đền tháp, đình, chùa, miếu, am, điện..., được thờ riêng hoặc phối thờ với các vị thần linh khác. Nhiều di tích thờ Bà có quy mô lớn, có ảnh hưởng rộng rãi như Điện Hòn Chén, Núi

Chúa Ngũ Hành Sơn, Tháp Bà Nha Trang, Am Chúa... nhưng phổ biến hơn cả là những đền, miếu nhỏ ẩn khuất trong các xóm, làng và các am, điện thờ tư gia. Hầu hết các di tích tín ngưỡng ở Trung Bộ nói chung và di tích thờ Thiên Y A Na nói riêng được xây dựng dưới thời Nguyễn (thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XX), ngoại trừ một số trường hợp đặc biệt. Là tín ngưỡng của người Việt, do vậy đa số các di tích thờ Thiên Y A Na ở đây đều mang kiến trúc của các đền, miếu thờ thần linh ở Bắc Bộ.

Các di tích thờ Thiên Y A Na ở đây rất đa dạng. Có những di tích tháp Chăm được sử dụng nguyên trạng để thờ Bà như ở Tháp Bà Pô Nagar Nha Trang (Khánh Hòa), tháp Nhạn (Phú Yên). Bên cạnh đó còn có nhiều đền miếu thờ Bà được xây dựng trên nền các phế tích đền tháp Chămpa như điện Hòn Chén, chùa Thiên Mụ, đình Hải Cát (Thừa Thiên Huế) và Am Chúa (Khánh Hòa), miếu Ngũ Hành Sơn, miếu Bà Khuê Trung (Đà Nẵng), lăng bà Thu Bồn (Quảng Nam), đình Lý Hải, chùa Hang, chùa Đục (Lý Sơn, Quảng Ngãi), Chùa Thập Tháp, chùa Linh Sơn, chùa Phật Lồi (Bình Định), chùa Phật Lồi (Phú Yên), chùa Hoa Tiên (Khánh Hòa)... Tuy nhiên, phổ biến hơn cả là những di tích thờ Bà được người Việt xây mới.

2.2.1. Đền tháp Hindu giáo

Chúng ta sẽ không thỏa mãn khi muốn tìm hiểu xem một đền *(bumông)* thần Chàm đã trở thành một đền miếu Việt trong trường hợp nào, qua những biến đổi và biến dạng như thế nào? Không thể phủ nhận việc người Việt đã dùng nguyên trạng di tích và hệ thống thần linh, linh vật của người Chăm trong tháp trở thành cơ sở thờ tự và thần linh của mình. Sự tiếp nối thờ tự đã chứng tỏ rằng vẫn có sự giao tiếp bình thường giữa hai dân

tộc trong khoảng thời gian lâu dài chứ không phải có sự cắt đứt quá khứ tại chỗ như ký ức về các cuộc chiến tranh gợi lại. Trên phương diện tâm linh, người dân nơi đây đã "*chung sống hòa bình*", mỗi cộng đồng thờ Bà theo lối của mình, không ai lấn át, khuynh đảo ai [158, tr. 206-207].

Ảnh 2.1. Tháp Nhạn (Tuy Hòa, Phú Yên)

Nguồn: Tác giả

Rất nhiều ngôi/cụm đền tháp Chăm hiện còn rải rác ở khắp các tỉnh miền Trung, nhưng có lẽ nổi tiếng và nguyên vẹn nhất là cụm Tháp Bà Pô Nagar Nha Trang. Từ rất sớm cho đến nay, đây vẫn là một trung tâm văn hóa, tín ngưỡng lớn của cư dân trong vùng. Quần thể kiến trúc Tháp Bà nằm ở phía đông trên

núi Cù Lao, cạnh cửa biển Cù Huân (Nha Trang) gồm các công trình kiến trúc Mandapa và các tháp. Mandapa là nơi chuẩn bị các lễ vật cũng như việc tiến hành các nghi lễ tôn giáo cần thiết trước khi lên làm lễ chính thức ở các tháp phía trên. Cụm tháp phía trên bao gồm: tháp Chính (Kalan A), tháp Nam (Kalan B), tháp Đông Nam (Kalan C), tháp Tây Bắc (Kalan F). Đây là một cụm tháp Chăm điển hình với bình đồ vuông và nhiều tầng mái. Cấu trúc các tháp gồm ba phần: đế, thân và mái tháp, với phong cách kiến trúc tháp Chăm thế kỷ XI - XIII. Nghệ thuật điêu khắc ở Tháp Bà cũng rất phong phú, mang đặc trưng Chămpa, gồm linh tượng (Linga - Yoni), những vị thần, các con vật thiêng, phù điêu, đồ án trang trí ở góc và thân tháp… trên nhiều chất liệu như trên đá, gạch, đất nung và gỗ.

Khởi thủy của ngôi đền này không phải là thờ Po Inư Nagar mà là đền thờ Siva dưới dạng một Mukhalinga (sinh thực khí mặt thần). Minh văn đầu tiên của ngôi đền do vua Satyavarman - vị vua thứ hai của vương triều Hoàn Vương (758-859) khắc năm 706 Saka (tức năm 784) trên mặt một tấm bia đá ở Tháp Bà Nha Trang, gồm 5 khổ thơ với 18 dòng cho biết, đã từ rất lâu tại khu vực này có một ngôi đền bằng gỗ thờ Siva, do vị vua huyền thoại Vicitrasagara dựng lên hàng ngàn năm trước. Ngôi đền do vua Satyavarman xây dựng cũng bằng gỗ nhưng ở đây đã xuất hiện hiện tượng thờ Sivalinga với Bhagarvati - tính nữ của thần Siva[20]. Trải qua thời gian, tượng thần ở đây bị mất và làm lại đến 3 lần (lần cuối cùng được tạc bằng đá, có lẽ là tượng Nữ thần trong ngôi đền chính hiện nay). Đến năm 817, Nữ thần Bhagarvati được tôn làm đại Nữ thần Mahàbhagarvati và trở thành đối tượng thờ cúng chính của ngôi đền quan trọng nhất phía nam Chămpa. Bà được vua Harivarman I hiến cho vàng

bạc, đồ trang sức, trang phục nhiều màu sắc và nhiều đồ vật khác. Ngài cũng hiến tế những cánh đồng ở miền quê Kauthara cùng với những nô lệ nam và nữ, trâu, bò… (Trích Bia ký của Harivarman I năm 817 khắc trên mặt thứ 3 của trụ trái cửa bên trái của tháp Po- Nagar) [158].

Bài minh văn của Vikrantavarman (con vua Harivarman) ở đền Pô Nagar năm 854 đã khẳng định vị trí, vai trò của Nữ thần Bhagarvati ở ngôi đền xứ biển Kauthara: "*Nữ thần của Kauthara, người có tấm thân đẹp lộng lẫy và ngời sáng lên nhờ tấm choàng tuyệt vời bằng vàng, có khuôn mặt rực rỡ, lộng lẫy và xinh đẹp như đóa hoa sen, luôn ban thưởng hào phóng cho tất cả ước nguyện của những ai cúi đầu cầu khẩn người. Vị Nữ thần tôn kính, người có mái tóc vàng rực sáng nhờ những viên châu ngọc ở trên đầu ngự ngay sát biển Kauthara, người mà đôi tai dài được trang điểm bằng những viên ngọc ngời sáng không tỳ vết, luôn tỏa sáng ở cả ba thế giới*" [10, tr.207]. Sau đó, khu đền tháp này nhanh chóng trở thành trung tâm tôn giáo của vùng nam Chăm. Trên cơ sở thờ Nữ thần Bhagarvati của Ấn Độ giáo, ở đây đã xuất hiện tín ngưỡng thờ Nữ thần Mẹ Po Inư Nagar của cư dân Chămpa.

Những tư liệu lịch sử và dấu vết vật chất cho thấy khu đền tháp Po Nagar được các vua Chăm cho xây dựng liên tục trong nhiều thế kỷ, đặc biệt dưới vương triều Vijaya. Ngoài việc xây dựng, các vua Chăm còn cúng dường cho thần ở đây rất nhiều đồ vật quý. Po Inư Nagar luôn chiếm vị trí đặc biệt trong đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của người Chăm, được đồng nhất và trở thành vị thần chủ của ngôi đền trong một thời gian rất dài.

Năm 1653, người Việt tiếp thu và sử dụng cụm tháp này cho việc thờ Mẫu của mình. Chen giữa hệ thống tháp của người Chăm, người Việt lập riêng một miếu thờ Bà mà người Pháp đã dỡ đi năm 1919. Ở đây họ gần như không có những xây dựng gì, ngoại trừ một con đường phụ ở rìa phía tây của kiến trúc vòm cửa dẫn và một số công trình phụ gần ngôi tháp chính. Dấu tích vật chất của người Việt ở Tháp Bà còn tồn tại đến nay là 3 tấm bia đá. Bia thứ nhất ghi bằng chữ Hán kể về sự tích Thiên Y A Na do Phan Thanh Giản cho dựng năm 1856. Bia thứ hai là bản dịch ra chữ Quốc ngữ tấm bia thứ nhất của văn sĩ Quách Tấn dựng năm 1972. Bia thứ ba do quan tỉnh Khánh Hòa cho dựng năm 1881 với nội dung ca ngợi phong cảnh hữu tình của địa điểm này cùng với những lời cầu nguyện Thiên Y A Na Thánh Mẫu. Từ đầu thế kỷ XX đến nay, các nhà khảo cổ, mỹ thuật Pháp, Việt tiến hành nghiên cứu, trùng tu lại những phần hư hại của tháp nhằm bảo tồn, tái tạo và phát huy những giá trị vô giá của khu đền tháp này.

Người Việt đã sử dụng những di vật, linh tượng, tượng thờ của người Chăm ở trong tháp, rồi trang hoàng, sơn sửa cho phù hợp với tín ngưỡng truyền thống của mình[21]. Họ bố trí thần điện theo nội dung tích truyện của Phan Thanh Giản: Tháp Đông Nam (Kalan C) là Dinh Cố - thờ vợ chồng ông Tiều, tháp Nam (Kalan B) là dinh Ông - thờ Thái tử Bắc Hải, tháp Chính (Kalan A) thờ Thánh mẫu Thiên Y A Na, Tháp Tây Bắc (Kalan F) là dinh thờ Cô, Cậu - Hoàng tử Trí và công chúa Quý. Với cách bài trí như vậy, Po Inư Nagar của người Chăm không còn hiện hữu một cách nguyên vẹn, và chiếc áo văn hóa mới đã được khoác lên hình tượng này với tên gọi Thiên Y A Na. Với những giá trị

lịch sử, văn hóa đặc biệt, Tháp Bà Pô Nagar chính thức được xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt theo Quyết định số 152/QĐ-TTg ngày 17/1/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

Một trường hợp khác tương đối đặc biệt về việc người Việt tái sử dụng di tích, di vật Chăm để thờ Thiên Y A Na là Tháp Nhạn ở Tuy Hòa (Phú Yên). Nếu như ở Tháp Bà Nha Trang, sự chuyển giao thờ phụng từ người Chăm sang người Việt là lâu dài, liên tục thì Tháp Nhạn việc đó bị ngắt quãng, ngôi tháp đã trở thành phế tích có lẽ từ sau cuộc nam chinh của Lê Thánh Tông (1471)?. Từ đó cho đến những năm 1990 không thấy có sự thờ cúng của người Chăm hay người Việt ở tháp. Tuy nhiên, người Việt sống quanh núi dưới chân tháp đã lập một ngôi miếu nhỏ thờ bà *Thượng Đỉnh Chúa Thiên A Na Diễn Ngọc Phi,* theo Nguyễn Đình Tư có lẽ miếu này có từ thời Hậu Lê [159, tr.104]. *Lý lịch di tích Tháp Nhạn* do Bảo tàng Phú Khánh công bố năm 1984 cho thấy không có bệ thờ, tượng thờ và di vật nào trong tháp.

Năm 1990, trong cuộc khai quật khảo cổ di tích Núi Bà (thôn Mỹ Thạnh Đông, xã Hòa Phong, huyện Tây Hòa) đã tìm thấy một bệ thờ Yoni bằng đá lớn được điêu khắc rất đẹp, độc đáo với 36 bầu vú nổi chạy xung quanh và một tấm tựa tượng khá đơn giản. Họ đã chuyển bệ thờ đó về đặt trong Tháp Nhạn. Cùng lúc đó, ngôi miếu nhỏ thờ Thiên Y A Na ở dưới chân núi cũng bị hư hại nặng. Được sự đồng ý của chính quyền địa phương, nhân dân quanh núi Nhạn đã làm lễ đưa tượng Bà và bát nhang đặt trên bệ đá trong tháp. Từ đó cho đến nay, tháp Nhạn trở thành nơi thờ tự Thiên Y A Na của cư dân trong vùng.

Cách thức thờ tự và trang trí tượng thần ở Tháp Nhạn tương tự như ở Tháp Bà Nha Trang. Những năm gần đây, vào lễ vía Bà (21-23/3 âm lịch) đông đảo nhân dân địa phương, con nhang đệ tử và đồng bào Chăm thường đến đây lễ Mẫu sau khi dự lễ vía Bà Nha Trang[22].

Không chỉ những tháp Chăm còn hiện hữu, qua khảo sát thực tế và khảo cứu tư liệu chúng tôi thấy một hiện tượng khá phổ biến là rất nhiều cơ sở thờ Thiên Y An Na của người Việt ở Trung Bộ được xây dựng trên nền các phế tích đền, tháp Chămpa. Tiêu biểu như: Đông Lâm tự, Hoan Sơn tự (Hải Lăng), chùa Phật Lồi (Triệu Phong),… ở Quảng Trị [73, tr.16]; chùa Thiên Mụ, điện Hòn Chén (Tp Huế), chùa Ưu Đàm (Phong Điền), miếu Bà Chuẩn Đề, miếu Bố Y Na/Bà Giàng (Hương Thủy), miếu Bà Giàng (Phong Điền), miếu Kỳ Thạch Phu Nhân (Hương Trà), chùa Thành Trung (Quảng Điền)… ở Thừa Thiên Huế [140, tr.3-5]; miếu Bà Khuê Trung, miếu Bà Chúa Lồi, miếu Bà Dàng Phi… ở Đà Nẵng; lăng Bà Thu Bồn, miếu Bà Chợ Được,…ở Quảng Nam [79], [80]; dinh Thiên Y, đình An Hải, chùa Hang (Lý Sơn, Quảng Ngãi)…; chùa Thập Tháp, chùa Nhạn Sơn, miếu Bà Phô Chinh Đại Sơn, chùa Phật Lồi,… ở Bình Định; chùa Hồ Sơn, miếu Thiên Y, chùa Quan Thánh 2… ở Phú Yên; miếu ông Thạch, chùa Hoa Tiên, miếu Lỗ Lườn trên đảo Hòn Đỏ ở Khánh Hòa; miếu Thiên Y ở Hòn Bà, Bình Thuận...

Ảnh 2.2. Tượng Bà Thiên Y A Na được thờ trong Tháp Nhạn

Nguồn: Tác giả

Bên cạnh đó, người Việt cũng sử dụng nhiều linh tượng, linh vật của người Chăm vào thờ tự, như tượng tu sĩ Bàlamôn ngồi thiền, Linga-Yoni, Bò thần, Chim thần… dưới dạng Phật Bà, Phật Lồi, Bà Lồi, Bà Chúa Chàm - những hóa thân của Bà Thiên Y A Na. Họ thờ phụng theo cách riêng của mình mà không mấy quan tâm đến nguồn gốc, ý nghĩa tượng thần mà chủ nhân đã tạo ra nó. Cùng với việc thờ cúng, người Việt đã khoác lên tượng thần Ấn Độ giáo những câu chuyện linh thiêng, huyền bí mang hơi hướng thần Việt. Phải chăng, đối với người Việt, dù

theo đa thần giáo, nhưng những tượng thần, linh vật Ấn Độ giáo cũng khá xa lạ với họ. Vừa kính, vừa sợ, họ tiếp nhận và thờ tự những vị thần của người tiền trú nhưng không ở dạng nguyên mẫu, mà được đồng hóa thành Nữ thần, được Phật hóa hoặc quy về cõi Phật, với tên gọi dân gian là Mẫu, là Bà để phù hợp với tâm lý, tín ngưỡng của mình. Thế là, từ những vị thần linh xa lạ đã trở thành người Bà, người Mẹ gần gũi, quyền năng và đức độ, phù trợ cho con dân Việt ở đây, bất chấp nguyên mẫu thần là ai.

2.2.2. Đình

Đình ở Trung Bộ thường có niên đại muộn (khoảng thế kỷ XVII-XVIII), quy mô không lớn, xây dựng đơn giản, hầu hết được tu sửa trong những năm gần đây nên ít giữ được những kiến trúc cổ. Đình ở đây thường được xây dựng trên thế đất cao, hướng ra sông, biển theo thế tả thanh long, hữu bạch hổ, có lối kiến trúc, chức năng giống với đình làng Bắc Bộ. Tuy nhiên, do đặc thù tự nhiên, lịch sử, xã hội mà đình làng miền Trung có những đặc trưng kiến trúc riêng, có quy mô nhỏ, 1 gian 2 chái hoặc 3 gian 2 chái (được làm chủ yếu bằng gỗ mít) chứ không bề thế, uy nghi như đình miền Bắc (thường làm bằng gỗ lim), có lối trang trí, điêu khắc khá đơn giản, không cầu kỳ, phản ánh môi trường sinh thái, đời sống xã hội và tính cách con người nơi đây. Vì vậy, có ý kiến cho rằng đình làng Trung Bộ chỉ là bước phát triển của lối kiến trúc nhà ở dân gian truyền thống như các loại nhà rường, nhà mái lá [175, tr.125].

Đình là nơi thờ Thành hoàng làng và diễn ra các sinh hoạt cộng đồng. Trong khuôn viên đình làng Việt ở Trung Bộ thường có:

- Chánh điện thờ Thành hoàng làng;

- Miếu/ban thờ Thiên Y A Na Thánh mẫu ở bên phải (hoặc phía tây đình);

- Nhà tiền hiền ở bên trái (hay phía đông) hoặc ở phía sau đình. Cũng có làng xây nhà tiền hiền riêng, không đưa vào khuôn viên đình và là nơi giữ sắc phong thần của làng.

Trong khuôn viên đình của ngư dân thường có lăng thờ Ông Nam Hải và miếu thờ Thiên Y A Na. Đình ở đây thường có sân rộng và có mái che gọi là võ ca dành cho hát bả trạo, hát bội, hát bài chòi… khi làng tổ chức lễ hội.

- Trong sân đình ở hai bên sát tường rào thường lập hai miếu nhỏ. Bên trái thờ thần Hậu thổ (thần long mạch) hoặc Ngũ Hành nương nương, bên phải thờ Chúa Sơn Lâm. Đây là chỗ dựa tinh thần vững chắc cho những lớp người Việt đầu tiên đến lập làng, lập ấp ở vùng này.

Qua khảo sát thực tế các đình làng Trung Bộ cho thấy, hệ thống thần linh được thờ ở đây thường là *Bổn Cảnh Thành hoàng, Thiên Y A Na Thượng đẳng Thần, Đại Càn Quốc gia Cự tộc Ngọc Lân tôn thần, Tứ vị Thánh Nương Thượng Đẳng Thần, Cao Các tôn thần, Bạch Mã Trung Đẳng Thần*… Hầu hết các đình ở đây đều phối thờ Thiên Y A Na với các vị thần linh khác. Tuy nhiên, cũng có nhiều đình thờ Thiên Y A Na là Thành hoàng làng, như đình làng Hải Cát (Huế), đình Mân Quang (Đà Nẵng), đình Phú Câu (Tuy Hòa), đình Vĩnh Xuân (Nha Trang)...

Ảnh 2.3. Bố trí thờ tự Thiên Y A Na ở đình Phú Câu phường 6, Tp Tuy Hòa, Phú Yên

Nguồn: Tác giả

Việc thờ Thiên Y A Na trong các ngôi đình là một đặc điểm riêng biệt và quan trọng khi tìm hiểu về đình làng nói riêng và tín ngưỡng, văn hóa dân gian của người Việt ở Trung Bộ nói chung. Trước đây, Thiên Y A Na thường được thờ riêng ở một ngôi miếu nhỏ, đến khoảng năm 1839 (Minh Mệnh thứ 20) nhà vua chuẩn y lời tâu của bộ Lễ xin lập thêm thần *Bổn cảnh* đối với các tỉnh Nam Trung Bộ và Nam Bộ. Để tiện cho việc cúng lễ, một số nơi dân làng đã đưa Bà vào phối thờ với các vị Thành Hoàng trong đình. Thậm chí, nhiều đình không có miếu hay khám riêng thờ Bà nhưng khi tổ chức tế lễ vẫn có nghi thức thỉnh Bà về phối hưởng.

Những ngôi đình ở Trung Bộ có niên đại sớm thường được các triều vua Nguyễn ban đạo sắc phong, hoặc nhiều lần dưới một triều vua. Trường hợp những ngôi đình làng ở Khánh Hòa, việc sắc phong cho Bổn cảnh Thành Hoàng luôn gắn liền với sắc phong cho Thiên Y A Na. Tiêu biểu như: đình Phương Sài (Nha Trang) được xây dựng khoảng năm 1808; đình Vĩnh Cát (xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh) có niên đại khoảng cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX, đình Ninh Thành (Ninh Giang, Ninh Hòa); đình Cửu Lợi (Cam Hòa, Cam Lâm); đình Vạn Thạnh (Nha Trang)... Qua các sắc phong còn lưu giữ và những sinh hoạt lễ hội dân gian tại đình làng đã khẳng định tín ngưỡng Thiên Y A Na bao trùm lên toàn bộ đời sống tâm linh của nhân dân trong vùng.

Bảng 2.1. Sắc phong của triều Nguyễn dành cho Thiên Y A Na được thờ hoặc phối thờ trong đình làng ở Khánh Hòa (những ngôi đình còn giữ được sắc phong)

TT	Tên đình	Số lượng sắc phong	Sắc phong dành cho Thiên Y A Na
1	Đình Phú Lộc, Diên Khánh	13	02: Năm Khải Định 2; Năm Khải Định 9
2	Đình Đảnh Thạnh, Diên Khánh	11	01: Năm Khải Định 9
3	Đình Phước Thạnh, Diên Khánh	13	05: Năm Tự Đức 33; Năm Duy Tân 3; Năm Khải Định 9; Năm Đồng Khánh 2; Năm Đồng Khánh 5
4	Đình Vĩnh Điềm, Nha Trang	01	01: Năm Duy Tân 3: đã hư hỏng
5	Đình Thủy Tú, Nha Trang	06	02: Năm Duy Tân 5; Năm Khải Định 9

TT	Tên đình	Số lượng sắc phong	Sắc phong dành cho Thiên Y A Na
6	Đình Vĩnh Hội, Nha Trang	03	01: Năm Khải Định 9
7	Đình Bình Khánh, Diên Khánh	13	05: Năm Tự Đức 5; Năm Tự Đức 33; Năm Đồng Khánh 2; Năm Duy Tân 3; Năm Khải Định 9
8	Đình Cửu Lợi, Cam Lâm	04	03: Năm Đồng Khánh 2; Năm Duy Tân 3; Năm Khải Định 9
9	Đình Khánh Cam, Cam Ranh	04	02: Năm Duy Tân 5; Năm Khải Định 9
10	Đình Ninh Thành, Ninh Hòa	02	02: Năm Duy Tân 5; Năm Khải Định 9
11	Đình Phương Sài, Nha Trang	12	04: Năm Tự Đức 5; Năm Tự Đức 33; Năm Đồng Khánh 2; Năm Duy Tân 3
12	Đình Trà Long, Cam Ranh	07	01: Năm Khải Định 9
13	Đình Vĩnh Cát, Diên Khánh	10	05: Năm Tự Đức 5 (29/11/189); Năm Tự Đức 33 (24/11/1880); Năm Đồng Khánh 2 (1/7/1887); Năm Duy Tân 3 (11/8/1909); Năm Khải Định 9 (25/7/1924)

(Nguồn: Trung tâm Bảo tồn di tích tỉnh Khánh Hòa)

Giống như nhiều nơi khác, ở Huế, Thánh mẫu Thiên Y A Na cũng được phối thờ trong đình với Bổn Cảnh Thành hoàng. Tuy nhiên, Po Inư Nagar/Thiên Y A Na được coi là Bà Chúa xứ,

thần chủ đất nên nhiều nơi đồng nhất Thiên Y A Na với Bổn Cảnh Thành Hoàng. Tiêu biểu là ở làng Hải Cát. Ở đây Thiên Y A Na không chỉ là Thánh Mẫu linh thiêng mà Bà là Thành hoàng làng Hải Cát [139, tr.75].

Đình Hải Cát[23] là một ngôi đình có cách bài trí khá đặc biệt. Gian chính của đình thờ Tam vị Thánh mẫu, phía trước là bức khắc ghi bốn chữ "*Mẫu nghi thiên hạ*". Gian hữu thờ Thất Thánh, gian tả thờ Quan Thánh. Tựa trên bức vách tả, hữu của nội điện là hai bàn thờ nhỏ thờ các ngài khai canh, khai khẩn. Với cách bài trí như vậy Tam vị Thánh mẫu trở thành thần chủ của ngôi đình với vai trò và vị trí của Thành hoàng làng. Phía sân đình có Trung Thiên Đài - ngôi miếu nhỏ quay mặt vào chính điện. Bên hữu có bàn thờ Ngũ vị Thánh Bà, động Ông Hổ, bên tả có miếu thờ Thổ Công, Thổ Địa. Với lối kiến trúc và cách bài trí, thờ tự, có thể xem nơi đây là đình làng và cũng có thể xem nơi đây là một am, điện thờ Mẫu. Tại đình Hải Cát, Bà được sắc phong nhiều lần là *Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi Thượng Đẳng Thần* với nhiều danh hiệu và mỹ từ kèm theo, qua các năm: Minh Mạng thứ 15 (1834), Thiệu Trị thứ 2 (1842), Tự Đức thứ 3(1850), Tự Đức thứ 33 (1880), Đồng Khánh (1886), Duy Tân thứ 3 (1909), Khải Định thứ 9 (1924) (Xem thêm phụ lục 3: *Những sắc phong tiêu biểu dành cho Thiên Y A Na ở Trung Bộ*).

Việc thờ Thiên Y A Na ở đình làng Hải Cát cũng là một phong tục đặc thù, thể hiện sự ngưỡng vọng của người dân đến vị thần hiển linh, thông qua đám rước Mẫu Thiên Y A Na từ điện Hòn Chén về ngự ở đình làng và sau đó hồi loan điện Hòn Chén. Người dân thường gọi sự kiện này một cách trang trọng là "*rước Mẫu tuần du làng Hải Cát*".

Giống như đình Hải Cát, đình làng Mân Quang (Thọ Quang, Đà Nẵng) cũng là một di tích tiêu biểu thờ Thiên Y A Na. Ở đây Bà được thờ trong chính điện với tư cách là vị thành hoàng làng. Đình An Hải (thôn Đông, An Hải, Lý Sơn) được xây dựng dưới triều Minh Mạng (1820) do tám họ tiền hiền trong làng là Nguyễn, Trương, Dương, Nguyễn (Đình), Nguyễn (Văn), Trần, Lê, Võ cùng nhân dân góp công xây dựng. Đến nay đình đã qua năm lần trùng tu và có vẻ đẹp rất bề thế và vững chãi, gồm đình hạ, đình trung, đình thượng. Đình hạ có hương án và là nơi đặt long đình, cũng là nơi thực hiện nghi lễ tế thần vào các dịp lễ tết, xuống nghề, đua thuyền... Đình trung (chánh điện) thờ Thành hoàng làng, Tam hoàng Ngũ đế, Ngũ hành Tiên nương, Chúa Ngung Man nương, hai bên tả hữu thờ tiền hiền, hậu hiền. Đình thượng còn gọi là hậu tẩm trước đây thờ Thiên Y A Na còn nguyên cốt tượng cổ. Theo ông Nguyễn Đăng Vũ thì "*đình làng Lý Hải* (tên cũ của đình An Hải) *được xây dựng trên cơ tầng một dinh Thiên Y A Na cũ, hoặc dân làng Lý Hải trước đây đã xem Thiên Y A Na - một nữ thần Chăm - là Thành hoàng của làng mình*" [175, tr.121]. Tuy nhiên, theo khảo sát thực tế, việc thờ Thiên Y A Na trong hậu tẩm chỉ là tạm thời khi người dân chuyển tượng Bà từ dinh Thiên Y A Na ở xóm Trung Yên về đây cất giữ trong một phong trào bài trừ mê tín dị đoan ở Lý Sơn những năm 1970. Sau này tượng Bà Thiên Y A Na được dời từ đình An Hải về lại dinh Thiên Y A Na, và hậu tẩm của đình không còn thờ Bà nữa. Tuy nhiên, Bà vẫn được phối thờ trong đình và là vị thần có ảnh hưởng nhất ở khu vực này. Ngoài ra, Thiên Y A Na còn được thờ ở đình làng An Định (Hành Dũng, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi), đình Phú Câu (P.6, Tuy Hòa, Phú Yên)... với tư cách là Thành hoàng làng.

2.2.3. Chùa

Chùa làng Việt ở Trung Bộ thường theo lối kiến trúc hình chữ tam, gồm 3 tòa nhà: tiền đường, chánh điện, hậu cung được nối với nhau, bố trí thờ tự kiểu tiền Phật hậu Thánh. Chùa miền Trung có thể gọi là chùa nhưng thực chất nó chỉ là quán, đền vì nó không mang đậm kiến trúc một ngôi chùa Phật giáo như ở Bắc Bộ mà nó gần gũi với đền, miếu, đình làng hơn. Với kiểu dáng kiến trúc như vậy, chỉ cần thay các vị thần trong điện thờ chính thì nó trở thành một cơ sở thờ tự khác với tên gọi chùa, hoặc đình, đền, am, lăng, miếu...

Chùa ở Trung Bộ chủ yếu thờ Phật, nhưng cũng có nhiều ngôi chùa thờ Thiên Y A Na dưới nhiều dạng thức khác nhau. Những ngôi chùa đó ít nhiều có liên quan đến các di tích, di vật của người Chăm để lại, ở đó Thiên Y A Na thường được đồng nhất với Phật Bà/Phật Lồi hoặc Bà Lồi - một hiện tượng phổ biến trong tín ngưỡng của người Việt ở Trung Bộ.

Hoa Tiên tự là một ngôi chùa cổ nổi tiếng của huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, vốn là một quan tự, do tỉnh lập năm Gia Long thứ 10 (1811). Chùa thờ Quan Thánh đời Tam Quốc ở gian giữa, thờ bà Thiên Y ở bên hữu, thờ Phật bên tả. Dưới triều vua Bảo Đại (1925-1945) hưởng ứng phong trào chấn hưng Phật giáo, làng bèn đổi chùa thờ Thánh thành chùa thờ Phật, thỉnh tượng Phật vào thờ gian giữa, rước tượng Thánh sang thờ gian tả, còn gian hữu vẫn thờ Thiên Y A Na.

Trong chùa còn lưu giữ những tượng thần do người Chăm để lại, vừa kỳ vừa cổ, nhất là tượng bà Thiên Y A Na[24]. Tượng là một viên đá xanh hình khối chữ nhật, cao chừng sáu tấc, dày chừng một tấc rưỡi, rộng hai tấc. Người trong ấp tìm được tượng

khi đào giếng xây chùa. Trông nét mặt đàn bà, họ cho là tượng bà Thiên Y A Na nên đem vào chùa thờ phụng. Nhân việc đào giếng được tượng, ấp lấy tên là Phật Tỉnh và tin rằng bà Thiên Y cũng là một vị Bồ Tát, như Đức Quan Thế Âm. Trong chùa hiện nay còn lưu giữ ba đạo sắc phong, trong đó có 2 đạo sắc phong cho xã Phú Ân phụng sự Thiên Y A Na[25].

Chùa Minh Châu (Ninh Giang, Ninh Hòa) là ngôi chùa cổ ở Khánh Hòa được xây dựng năm 1872. Trong khuôn viên chùa, phía tay phải sau Tam Quan là miếu Thanh Châu/Miếu Thiên Y. Chính Điện của miếu có 5 ban thờ: chính giữa là ban thờ Thiên Y A Na, bên trái là ban thờ Quan Thánh Đế Quân, Quan Bình, Châu Sương, bên phải là ban thờ Cửu Thiên Huyền Nữ. Tường hồi phía bên trái là ban thờ Hoàng tử Trí - con trai Bà, tường hồi phía bên phải là ban thờ Công chúa Quý - con gái Bà. Trong miếu còn có một bức tranh miêu tả cảnh 3 mẹ con bà Thiên Y cưỡi khúc trầm hương vượt biển Bắc Hải để trở về quê cũ.

Ở Phú Yên cũng có nhiều ngôi chùa thờ Thiên Y A Na và rất linh ứng. Tiêu biểu là chùa Phật Thánh (chùa Phật Lồi - Thánh Mẫu) với tượng Phật Lồi ở thôn Tiên Châu, xã An Ninh, huyện Tuy An. Đây là một bức phù điêu Siva ngồi thiền, được thờ trong chùa, người dân gọi là Phật Lồi hoặc gọi là Thánh Mẫu họ Chiêm Vương Thành (trong chùa có bảng giới thiệu bức tượng Phật Lồi in vào năm 2014). Tượng được phát hiện cách đây khoảng 150 năm, là một bức phù điêu trên đá xanh, hình lá đề, dày khoảng 3 tấc, cao khoảng 5 tấc, rộng khoảng 4 tấc, trồi từ dưới đất lên, được các bô lão, bà con và Phật tử thành tâm thỉnh lên an vị và thờ cúng. Từ đó đến nay, nhờ sự linh thiêng của Thánh Mẫu mà nhân dân, Phật tử và khách thập phương

thường xuyên về đây cúng kính và được Mẫu che chở, ban cho sức khỏe, tài lộc, bình an, công việc hanh thông, thành tựu. Hàng năm, vào ngày mồng 8 tháng Giêng bà 23 tháng Ba (âm lịch, thời điểm trùng với lễ vía Mẫu Thiên Y A Na ở miền Trung) nhà chùa tổ chức cúng lễ Thánh Mẫu.

Ở Bình Định những ngôi chùa dạng này không hiếm. Chùa Linh Sơn cổ tự (Hải Giang, Quy Nhơn), có thờ một tượng Chăm lồi lên, mang dáng dấp của tu sĩ Bàlamôn thiền định, nhưng cư dân trong vùng lại gọi là Bồ Tát Quan Âm. Tại chùa Giác Hoàng (thị xã An Nhơn) lưu giữ bức phù điêu hình lá đề tạc hình Bồ tát cao 0,8m thể hiện trong tư thế ngồi thiền định kiểu bán già, tay lần hạt chuỗi, thân trần, bụng quấn thắt lưng, đầu đội mũ chóp cao có hình đức Phật tổ. Đây là dạng Quan Âm Bồ tát trong Phật giáo Chămpa. Trong khuôn viên chùa còn có một giếng cổ Chăm dạng tròn.

Vùng Thuận Hóa (Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế) có rất nhiều ngôi chùa tượng thờ mang "*cốt Chăm - bì Việt*"[140]. Tượng thờ ở chùa Thành Trung (trong khu di tích Thành Hóa Châu - Huế) ban đầu thờ tượng Visnu chính giữa, được chuyển hóa thành tượng Quan Âm, và người dân Việt quen gọi là Bà, tượng Đức Phật Thích Ca khi hành đạo ở bên phải (từ ngoài vào) và Đức Phật Địa Tạng (bên trái). Chùa Ưu Điểm (Phong Điền, Thừa Thiên Huế) còn có tên gọi là Phật Lồi, gắn với câu chuyện phát lộ tượng (lồi) trong quá trình người Việt khai phá vùng đất mới cùng việc hiển linh của Thánh Mẫu trên cùng một địa điểm. Trong khuôn viên của chùa Đông Lâm (Hải Lăng, Quảng Trị) có thờ một Mukhalinga được Việt hóa thành Mẫu với nhiều quyền năng trong cầu tự... Tại nơi này, các thần

linh Ấn Độ giáo được Phật hóa cả về tên gọi, hình dạng, bài trí và cách thờ tự. Ngoài ra, ở vùng Thuận Hóa còn có một nhóm ba Nữ thần mà hầu như chùa nào cũng có, là Thánh mẫu Thiên Y A Na ở giữa, hai bên có hai tì nữ đứng hầu - một dạng tín ngưỡng thờ Mẫu phổ biến và phát triển mạnh, nhất là từ đời vua Đồng Khánh. Từ đó, dần dần các chùa xây dựng thêm các điện riêng để thờ [117, tr.9].

Rõ ràng, chùa là nơi thờ Phật, nhưng sự gần gũi giữa Phật và Mẫu của người Việt ở Trung Bộ đã làm cho ngôi chùa không đơn thuần là nơi thờ Phật mà được bố trí *tiền Phật hậu Thánh/Mẫu*. Ngoài niềm tin vào sự từ bi của Đức Phật, người dân nơi đây còn tin vào sự che chở của Mẫu như sự bao dung và che chở của người Mẹ trong cuộc sống thường ngày.

2.2.4. Lăng

Với bờ biển dài, nguồn hải sản phong phú Trung Bộ rất thuận lợi để phát triển ngành khai thác thủy hải sản với những loài có giá trị kinh tế cao. Tuy nhiên, nghề khai thác biển có độ rủi ro rất lớn đến tính mạng và tài sản. Do vậy, ngư dân Trung Bộ ngoài sự may mắn, kinh nghiệm đi biển họ còn dựa vào những thế lực siêu linh để phù trợ và bảo vệ cho mình trên con đường mưu sinh đầy nguy hiểm. Điển hình là tín ngưỡng thờ Nam Hải Đại Vương (cá Ông), Thiên Y A Na, Tứ Vị Thánh Nương, Thủy Long Thần nữ, bà Chúa Đảo. Ngoài ra, họ còn thờ các vị thần linh biển, các vong hồn chết ngoài biển vì nghề nghiệp và bão tố như Hà Bá, Ngũ Vị Long vương, Bát Bửu công chúa, Bà chúa xứ, ông Sứa, Rái Cá, ông Nược, Rùa biển, Bà Lạch (rắn biển)…

Thờ cá Voi là tín ngưỡng phổ biến của ngư dân Trung Bộ và Nam Bộ với quan niệm "*dĩ Nam vi thần, dĩ Bắc vi ngư*". Hầu hết các vạn chài ở Trung Bộ đều có lăng thờ Ông với những nghi lễ trang trọng dành cho *Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân Tôn thần*, hàng *Thượng Đẳng thần*. Tuy nhiên, trong lăng Ông thường có ban hoặc miếu riêng thờ Bà Thiên Y A Na với niềm kính tín sâu sắc. Do vậy, "*Bà và cá Ông đã là một trong tâm trí người dân chài miền biển*" [158, tr.177]. Hàng năm, các vạn chài ở đây đều tổ chức lễ hội cầu ngư vào mùa xuân và mùa thu, bên cạnh việc nghinh Ông còn có lễ tế/rước sắc và cúng Bà. Dân vạn chài ven biển tôn thờ Bà Thiên Y A Na và các Mẫu thần, Nữ thần biển với mục đích phù hộ ngư dân ra khơi đánh bắt được thuận buồm xuôi gió và xóm làng được bình yên.

Ở các làng ven biển và trên các đầm, đảo ở miền Trung, lăng Ông phân bố dày đặc. Mỗi xã phường thường có một lăng, có nơi có đến hai, ba, bốn lăng, thậm chí như phường Vĩnh Nguyên, Nha Trang (nay là phường Nha Trang) có đến sáu lăng [92]. Kiến trúc lăng Ông cơ bản mang dáng dấp của một ngôi đình nhưng nhỏ hơn, thường được xây gần sông, cửa biển hoặc nằm trong các vạn chài nhưng địa thế cao ráo. Lăng Ông thường gồm 3 gian: gian giữa là điện thờ, sau/dưới điện thờ là quách đựng xương "Ông". Bên tả thờ bà Thiên Y Thánh mẫu, bên hữu thờ bà Vạn Lạch. Một số lăng nằm trong cụm kiến trúc bao gồm đình - chùa làng - lăng ông, như lăng Cù Lao, (Nha Trang), đình Phú Câu (Phú Yên)… cũng đều có thờ Thiên Y A Na.

Lăng Ông - Đền Bà Cam Xuân (Cam Ranh) là một tiêu biểu cho việc kết hợp thờ cúng Thiên Y A Na và Cá Ông của ngư dân Việt ở Trung Bộ. Đây là một di tích tín ngưỡng cổ ở Khánh Hòa được triều đình phong kiến nhà Nguyễn sắc phong 11 lần, trong số có 5 sắc dành cho Thiên Y A Na vào các năm: Tự Đức năm

thứ 3 (1850), Tự Đức năm thứ 33 (1880), Đồng Khánh năm thứ 2 (1886), Duy Tân năm thứ 3 (1909), Khải Định năm thứ 9 (1924).

Kiến trúc của khu lăng Ông, đền Bà bao gồm: Chính giữa là lăng Ông (thờ Nam Hải Đại Vương), bên phải là một khoảng sân có mái che dành cho việc hội họp của dân làng và bày biện lễ lạt khi cúng tế. Tiếp đó là đền Bà, bên trái là nhà bếp. Hàng năm, tại đây người dân tổ chức lễ hội cầu ngư vào 18 tháng 3 âm lịch. Mở đầu là lễ hội rước sắc của vua ban (sắc cho ông Nam Hải và bà Thiên Y A Na), sau đó mới đến lễ nghinh thủy triều và rước ông Nam Hải từ ngoài biển về chánh điện chuẩn bị cho lễ chính. Lễ hội cầu ngư tại đây là lời cầu xin Ông, Bà ban phát tài lộc, dân an cho cả vạn lạch. Ngoài ra, trong năm lăng Ông-đền Bà còn các lễ cúng vào các ngày (âm lịch): 12/2 cúng ông Nam Hải; 24/3 cúng ông Nhị Kiếm; 12/7 cúng ông Nam Hải; 25/9 cúng ông Nam Hải; 18/12 cúng Bà Thiên Y A Na.

Ở Quảng Ngãi, theo ông Nguyễn Đăng Vũ, thông thường kiến trúc một lăng Ông ở đây được bố trí như sau: Chánh điện thờ Ông (Nam Hải Đại Vương), bên cạnh có hòm đựng sắc phong, phía dưới để cốt Ông. Hai bên tả hữu thường thờ tiền hiền, hậu hiền. Cạnh lăng Ông thường có dinh Bà thờ Thiên Y A Na, Ngũ Hành thượng giới hoặc Thủy Long thần nữ, nhưng cũng có thể là thờ cả ba *tạo nên một cặp âm dương đối đãi theo kiểu tư duy lưỡng hợp của người Việt* [175, phụ chú 2 chương 2]. Ở Phú Yên, Bình Định, Quảng Nam, Đà Nẵng… cũng có rất nhiều lăng Ông có phối thờ Thiên Y A Na, khi tổ chức lễ hội cầu ngư tại lăng họ đọc chúc văn tế thần, bên cạnh *Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân tôn thần* luôn có *Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi Thượng Đẳng thần*.

2.2.5. Các loại hình di tích khác (đền, miếu, dinh, am, điện)

Đây là dạng di tích thờ Thiên Y A Na phổ biến nhất ở miền Trung và có quy mô xây dựng, niên đại và bố trí thờ tự khác nhau. Đáng kể và đặc biệt nhất là điện Huệ Nam (điện Hòn Chén) nằm trong quần thể di tích cố đô Huế.

Tại làng Hải Cát (xã Hương Thọ, thị xã Hương Trà nay là phường Long Hồ, tỉnh Thừa Thiên Huế) có một ngọn núi tròn trịa như hình chén úp, xưa gọi là Hương Uyển Sơn, sau đổi là Ngọc Trản, tục gọi là Hòn Chén vì có liên quan đến giai thoại về vua Minh Mạng đánh rơi chén ngọc. Lưng chừng núi có đền thờ thần núi gọi là Hàm Long Tự, có điện Hòn Chén là nơi ngày xưa người Chàm thờ Nữ thần Po Nagar, sau đó người Việt theo Thiên Tiên Thánh giáo tiếp tục thờ và Việt hóa Bà dưới danh xưng Thánh Mẫu Thiên Y A Na. Đến thời Đồng Khánh (1886-1888) ngôi đền được xây sửa khang trang và đổi tên là điện Huệ Nam. Từ năm 1954, Liễu Hạnh công chúa (Vân Hương Thánh Mẫu), gốc gác từ miền Bắc cũng được đưa vào thờ ở đây. Ngoài ra tại điện Hòn Chén còn thờ Phật, thánh Quan Công và hơn 100 vị thần thánh khác thuộc hàng đồ đệ của các thánh thần nói trên. Vua Đồng Khánh cũng là một trong những đồ đệ được "tòng tự" ở đây.

Theo truyền thuyết địa phương, núi Ngọc Trản là một trong những nơi mà Mẫu xuất hiện để giúp đời, dân làng nhớ ơn liền dựng lên một ngôi đền trên núi để thờ Bà. Không ai rõ ngôi đền này có từ bao giờ nhưng theo một tờ thần sắc do vua Minh Mạng ban cho đền Ngọc Trản ngày 8-5-1834 thì đền đã có từ thời Gia Long (1802 - 1819). *Đại Nam thực lục* chép rằng vào tháng 3-1832, Minh Mạng đã cho "sửa đền Sơn thần ở núi Ngọc

Trản, sai phủ Thừa Thiên thuê thợ để làm". *Đại Nam nhất thống chí* cũng ghi lại là trong dịp này, vua đã cho làm thêm nhà cửa để mở rộng ngôi đền. Năm 1834, vua Minh Mạng cho sửa sang thêm một lần nữa [157].

Ảnh 2.4. Điện Huệ Nam (Hương Thủy, Hương Trà, Huế)

Nguồn: Tác giả

Giai đoạn 1883 - 1885, do những biến cố lịch sử, vua Đồng Khánh chờ mãi mà chưa được nối ngôi, liền cho người lên Ngọc Trản cầu đảo và hỏi Thánh Mẫu xem mình có làm vua được không và được Mẫu hiển linh cho biết ông sẽ toại nguyện. Ngay sau khi tại vị, vua đã cho xây lại ngôi đền khang trang, lộng lẫy, đổi tên thành Điện Huệ Nam (mang lại ân huệ cho vua nước Nam) và tự nhận mình là đồ đệ thứ bảy của Mẫu để bày tỏ lòng biết ơn và tôn kính. Đồng thời, vua cũng công khai hóa việc thờ Thánh Mẫu Thiên Y A Na, ra lệnh mỗi năm hai lần vào mùa xuân và mùa thu tổ chức tế lễ tại đền có sự tham dự của viên Khâm mạng đại thần triều đình để tôn vinh Thánh Mẫu. Trải qua thời gian cũng như sự khắc nghiệt của thời tiết, Điện Huệ Nam

được trùng tu nhiều lần và có hình dáng, hiện trạng như ngày nay. Điện Huệ Nam gồm một công trình chính là Minh Kính Đài và các công trình phụ. Minh Kính Đài là một ngôi nhà kép "trùng lương trùng thiềm" 3 gian không có chái chia thành 3 cung, bao gồm:

- Minh Kính Cao Đài Đệ Nhất Cung (Thượng Cung) chia làm hai tầng. Tầng trên có các án thờ Mẫu Thiên Y A Na, Mẫu Vân Hương, Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Thủy Cung, Thất Thánh (có Lục Phủ Tôn Ông và vua Đồng Khánh). Tầng dưới làm nơi tiếp khách và nơi ở của thủ từ.

- Minh Kính Trung Đài Đệ Nhị Cung (Cung Hội Đồng): ở giữa là thờ Ban Hội Đồng, hai gian bên thờ 10 cô và 10 cậu hầu Thánh Mẫu, bên trong thờ thần Lục đinh, Lục giáp.

- Minh Kính Tiểu Đài Đệ Tam Cung: là nơi đặt một hương án lớn, hai bên là chỗ cử hành tế lễ. Phía trước là sân điện.

Ngoài ra, Điện Huệ Nam còn có các công trình thờ tự khác như: dinh Ngũ Hành, am Thượng Ngàn, am Các Cậu, am ông Hổ, Trinh Cát Viện (nhà Linh), Bắc Tế Đường (đền thờ Quan Thánh), am Thủy Phủ. Trong điêu khắc của Minh Kính Đài trang trí nhiều hình con phụng/phượng (tượng trưng cho nữ vì ở đây thờ Nữ thần). Các đồ thờ quý ở Minh Kính Đài đều được làm và cúng tiến dưới thời vua Đồng Khánh.

Hầu hết những am, miếu lớn thờ Thiên Y A Na ở Trung Bộ thường mang kiến trúc của một ngôi đình, chùa truyền thống, gồm trụ biểu, bình phong, sân, ban thờ ngoại đàn, tiền đường và hậu tẩm. Còn những miếu nhỏ thờ Bà nằm lẩn khuất trong các xóm làng, thường có kiến trúc hình chữ nhật, với bình phong, ban thờ, ngoại đàn (nơi cúng cô hồn), bên trong chỉ có ban thờ Bà và các con Bà/Tả, Hữu ban/Ngũ hành. Miếu thờ Bà thường

tọa lạc ở địa thế cao hơn so với tổng thể không gian xung quanh, hướng về phía đông hoặc hướng ra cửa sông, cửa biển mang hơi hướng kiến trúc thờ cúng của người Chăm truyền thống. Kiểu dáng kiến trúc, trang trí ở dạng thờ tự này đậm tính dân gian, hài hòa với môi trường tự nhiên và điều kiện lịch sử xã hội, qua hình ảnh những ngôi nhà rường, nhà mái lá.

Đền, miếu, dinh, am, điện… thờ Thiên Y A Na có thể nằm trong khuôn viên cụm di tích tín ngưỡng đình - đền - chùa - miếu - lăng, nhưng phần lớn là các miếu riêng biệt. Có những ngôi đền, miếu lớn, là nơi thờ tự của cả vùng, như điện Hòn Chén[26], Am Chúa[27], Núi Chúa - Ngũ Hành Sơn,… nhưng đa phần là miếu nhỏ, là nơi thờ Bà của thôn ấp. Các công trình này không mang nhiều giá trị về lịch sử, kiến trúc, nghệ thuật, nhưng đậm giá trị tâm linh. Nhiều am, miếu thờ Bà ở Quảng Nam - Đà Nẵng còn được gọi là lăng, như lăng Bà Khuê Trung (Khuê Trung - Đà Nẵng), lăng Bà Nam Thọ (Sơn Trà), lăng Bà Thu Bồn (Duy Xuyên), lăng Bà Chợ Được (Thăng Bình)… nhưng mang tính chất một miếu thờ thần, lăng mộ chứ không phải là Lăng thờ Nam Hải Đại Vương. Ngoài ra, có rất nhiều am, điện tư gia do tín đồ đạo Thiên Tiên Thánh giáo xây dựng để thờ phụng Mẫu Thiên Y A Na, phổ biến nhất là ở Huế, Đà Nẵng và Khánh Hòa (84 am, điện, cảnh ở Huế, hơn 200 am, điện, cảnh ở Đà Nẵng, 74 am, điện, cảnh ở Khánh Hòa… nhưng đây là các con số thông kê chưa thật đầy đủ). Các am, điện tư nhân thờ Bà thời gian gần đây ngày càng xuất hiện nhiều ở các địa phương như Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên.

Đền, dinh, miếu,… thờ Thiên Y A Na ở Trung Bộ được xây dựng chủ yếu dưới thời Nguyễn và dày đặc hơn ở những thời kỳ sau này. Cùng với việc lập làng, lập ấp, xây dựng đình, chùa, người Việt ở đây còn xây đền, miếu để thờ Thiên Y A Na - vị

Bản/Bổn Cảnh Thành hoàng, người bảo trợ cho dân làng. Bên cạnh những ngôi cổ miếu đang được gìn giữ, thì còn có rất nhiều ngôi đền, miếu được trùng tu hoặc xây dựng trên nền ngôi đền miếu cũ, có kiến trúc và vật liệu hiện đại (lợp tôn, lát đá hoa), hoặc được xây mới trong những năm gần đây nhằm đáp ứng nhu cầu tâm linh của nhân dân. Thông thường Thiên Y A Na được thờ độc lập tại các am, miếu trong xóm, ấp. Khi quy mô thờ Bà phát triển đến cấp làng xã thì miếu Thiên Y A Na được nhập vào những kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống, như đình, chùa, lăng...

Các am, miếu, điện thờ Thiên Y A Na phân bố đậm đặc ở các xóm làng, có quy mô, niên đại khác nhau; của cư dân các ngành nghề, như: nghề nông, nghề rừng, nghề biển, nghề buôn bán; được chính thờ hay phối thờ; ở dạng chính danh hay hóa thân. Hầu hết các am, miếu, điện cổ thờ Thiên Y A Na ở Trung Bộ được triều Nguyễn ban tặng là: *Hoằng huệ Phổ tế Linh cảm Diệu thông Mặc tướng Trang Huy Dực Bảo Trung Hưng Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi Thượng Đẳng thần*. Nhiều nơi vẫn giữ được hệ thống sắc phong như Điện Huệ Nam và đình Hải Cát (Huế), các miếu Bà ở làng ven biển, như An Hải, Mỹ Khê, Mân Thái, Mân Quang, Nam Thọ (Quảng Nam - Đà Nẵng) [77, tr.25-25], dinh Bà ở thôn Tây (Lý Sơn, Quảng Ngãi), miếu Thiên Y A Na ở Hảo Sơn (Phú Yên),… Nhiều nơi do loạn lạc, chiến tranh… mà các đạo sắc phong đó bị phá hủy hoặc thất lạc.

Thống kê ở Hội An (Quảng Nam) có 7/11 làng xã thờ Thiên Y A Na cùng 43 đạo sắc phong thời Nguyễn dành cho Bà, sắc phong sớm nhất vào năm Minh Mạng thứ 7 (*1826*), muộn nhất vào năm Khải Định thứ 9 (*1924*). Đây là những làng xã có lịch sử hình thành lâu đời và có vai trò quan trọng đối với sự hình thành và phát triển của vùng đất Hội An.

Bảng 2.2. Bảng kê các đạo sắc phong thần Thiên Y A Na ở Hội An trong tư liệu Quảng Nam xã chí[1]

TT	Tên làng xã	Số lượng sắc phong
1	Làng Cẩm Phô	7
2	Làng Tân Hiệp	8
3	Làng Thanh Hà	2
4	Làng Thanh Đông	2
5	Làng Thanh Nam	8
6	Làng Sơn Phong	8
7	Làng Sơn Phô	8
Tổng số		**43**

Nguồn: Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An

Ở Khánh Hòa có nhiều ngôi cổ miếu hiện vẫn còn giữ các sắc phong thần dành cho Bà Thiên Y A Na xem Bảng 2.3.

Bảng 2.3. Những ngôi am, miếu tiêu biểu ở Khánh Hòa thờ Thiên Y A Na hiện còn giữ được sắc phong

TT	Tên di tích	Địa điểm	Thời gian xây dựng	Số lượng sắc phong	Sắc phong cho Thiên Y A Na
1	Miếu Thiên Y A Na	Phú Ân Bắc, Diên Phú, Diên Khánh	Thế kỷ XIX	03	02: Năm Duy Tân 5; năm Khải Định 9
2	Miếu cây Ké (miếu Ấp Trung)	Khóm Phú Lộc Tây, Diên Khánh	Thế kỷ XIX	06	02: Năm Khải Định 2; năm Khải Định 9

[1] Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An (2020), *Làng xã ở Hội An qua tư liệu Địa bạ triều Nguyễn & Quảng Nam xã chí*, Tác giả: Nguyễn Bội Liên, Tống Quốc Hưng, Trần Văn An dịch, hiệu đính, Nxb. Đà Nẵng.

TT	Tên di tích	Địa điểm	Thời gian xây dựng	Số lượng sắc phong	Sắc phong cho Thiên Y A Na
3	Miếu Tam Tòa	Khóm Phú Lộc Tây, Diên Khánh	Thế kỷ XVII	06	02: Năm Duy Tân 5; năm Khải Định 9
4	Miếu Hội Đồng/ Miếu Chuột	Phước Đa 2, Ninh Đa, Ninh Hòa	Nửa đầu thế kỷ XIX	01	01: Năm Khải Định 9
5	Miếu An Lạc	Phương Sài, Nha Trang	Đầu thế kỷ XIX	03	02: Năm Duy Tân 3; Năm Khải Định 9
6	Miếu Bà Thiên Y A Na	Đại Điền Đông, Diên Điền, Diên Khánh	Đầu thế kỷ XIX	02	02: Năm Tự Đức 5; Năm Khải Định 9
7	Miếu Cây Gạo	Phú Ân Nam, Diên An, Diên Khánh	Đầu thế kỷ XX	02	02: Năm Khải Định 2; Năm Khải Định 9
8	Miếu Thanh Tự Đông	Phú Ân Nam, Diên An, Diên Khánh	Thế kỷ XIX	03	01: Năm Khải Định 9
9	Miếu Cổ Chi	Khóm Phú Lộc Tây, Diên Khánh	Đầu thế kỷ XIX	02	01: Năm Khải Định 9
10	Am Chúa	Đại Điền Trung, Diên Khánh	Trước năm 1849	02	02: Năm Duy Tân 5; năm Khải Định 9

TT	Tên di tích	Địa điểm	Thời gian xây dựng	Số lượng sắc phong	Sắc phong cho Thiên Y A Na
11	Miếu Bà Thánh Mẫu	Lạc Lợi, Diên Hòa, Diên Khánh	Nửa đầu thế kỷ XIX	06	05: Năm Tự Đức 5; Năm Tự Đức 33; năm Đồng Khánh 2; Năm Duy Tân 3; năm Khải Định 9

Nguồn: Trung tâm Bảo tồn di tích tỉnh Khánh Hòa;[122]

Có thể thấy việc thờ Thiên Y A Na ở Trung Bộ khá phổ biến trong nhiều loại hình di tích thờ tự, nó chứa đựng những giá trị vật chất và tâm linh rất lớn. Đó là nơi thực hành tín ngưỡng thờ cúng với niềm tin mãnh liệt vào Mẹ - người tạo lập xứ sở và bảo trợ cuộc sống của nhân dân. Không những thế, tín ngưỡng Thiên Y A Na còn chứa đựng những thông tin về lịch sử, văn hóa cộng đồng người Việt nơi đây.

Tại những di tích "đặc biệt" thờ Thiên Y A Na, như Am Chúa, Tháp Bà, Tháp Nhạn, Núi Chúa Ngũ Hành Sơn, điện Hòn Chén… đã thành lập những đơn vị Quản lý nhà nước (Trung tâm quản lý di tích và danh lam thắng cảnh Khánh Hòa, Trung tâm Bảo tồn di tích cố đô Huế) kết hợp những Hội, Ban (Hội Bảo trợ Tháp Bà, Ban Bảo trợ di tích điện Huệ Nam…) có nhiệm vụ hướng dẫn nhân dân thờ phụng Bà trong những ngày sóc, ngày vọng, bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân, tham gia tổ chức lễ hội và chống mê tín dị đoan, khai thác giá trị các di tích thờ Bà phục vụ phát triển kinh tế địa phương. Những di tích thờ Bà được công nhận là di tích cấp tỉnh, cấp thành phố, cấp huyện đều thành lập Ban Quản lý di tích (có Trưởng, Phó ban, Thư ký, Thủ quỹ) dưới sự quản lý của chính quyền cấp

huyện trên địa bàn. Những di tích khác thờ Bà ở địa phương giao cho chính quyền cấp xã, trực tiếp là thôn làng quản lý và điều hành việc thờ tự và tổ chức lễ hội. Cơ chế quản lý này đã làm cho các di tích và tín ngưỡng thờ Bà ở đây phát huy được những giá trị vốn có trong đời sống nhân dân, đồng thời định hướng tín ngưỡng này phát triển đúng bản chất, trong khuôn khổ pháp luật và hạn chế những tiêu cực vốn luôn biến hóa và thường trực bùng phát của hiện tượng tín ngưỡng này.

2.3. Bố trí điện thờ

Thiên Y A Na là Mẫu thần được thờ phụng phổ biến ở miền Trung, nhưng do ảnh hưởng các yếu tố địa - chính trị, địa - văn hóa và quá trình tiếp biến văn hóa mà cách bố trí điện thờ Thiên Y A Na của người Việt ở đây cũng có sự khác nhau, tạo nên tính thống nhất, phổ biến nhưng không đồng nhất và mang tính địa phương của tín ngưỡng này. Hai trung tâm lớn thờ Thiên Y A Na là điện Hòn Chén (Huế) và Tháp Bà Pô Nagar Nha Trang (Khánh Hòa) cũng có cách bố trí thờ tự khác nhau, từ đó ảnh hưởng đến việc bố thần điện trong các di tích thờ Bà ở Trung Bộ.

Ở khu vực Huế, được triều Nguyễn ủng hộ và sự ra đời của Tổng hội Thiên Tiên Thánh giáo nên tín ngưỡng Thiên Y A Na ở đây có sự hỗn dung nhiều tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau, đặc biệt là tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ ở Bắc Bộ. Trong môi trường đó tất yếu là sự dung nạp đa thần, và tất cả cùng được thiết trí trong trục tâm linh thờ tự. Thần điện ở đây thờ đa thần, phổ biến hệ thống thờ Phật và Bồ Tát, bên cạnh là các Mẫu, Đức Ông, Đức Bà, các Cô, các Cậu. Hệ thống thần linh trong quan niệm của tín đồ thờ Mẫu ở Huế được hình dung như sau (xem thêm Sơ đồ 2.2, 2.3).

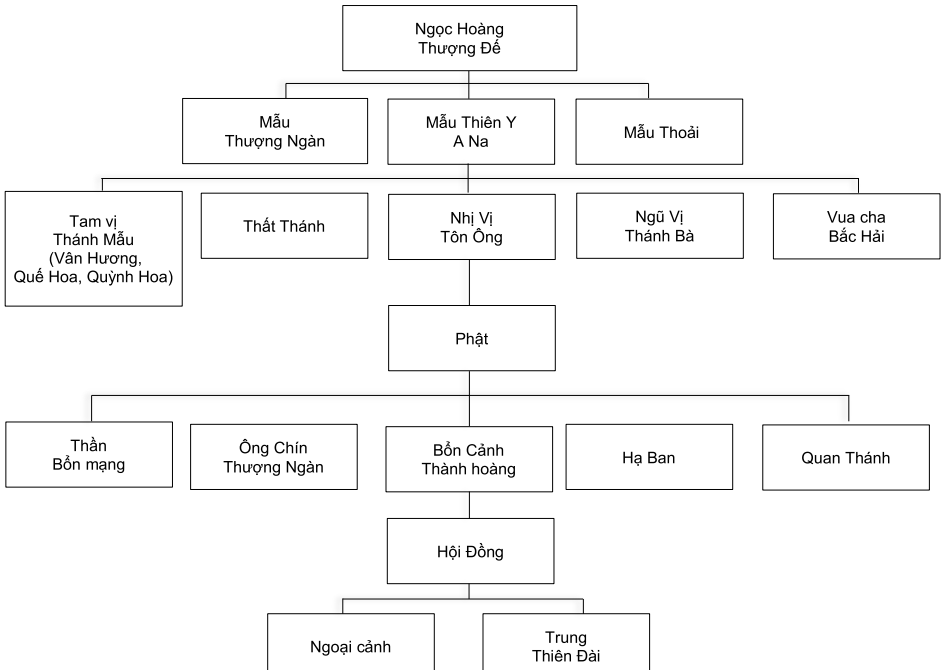

Sơ đồ 2.2. Hệ thống thần linh trong quan niệm của tín đồ thờ Mẫu ở Huế

Nguồn: Nguyễn Hữu Thông, [137]

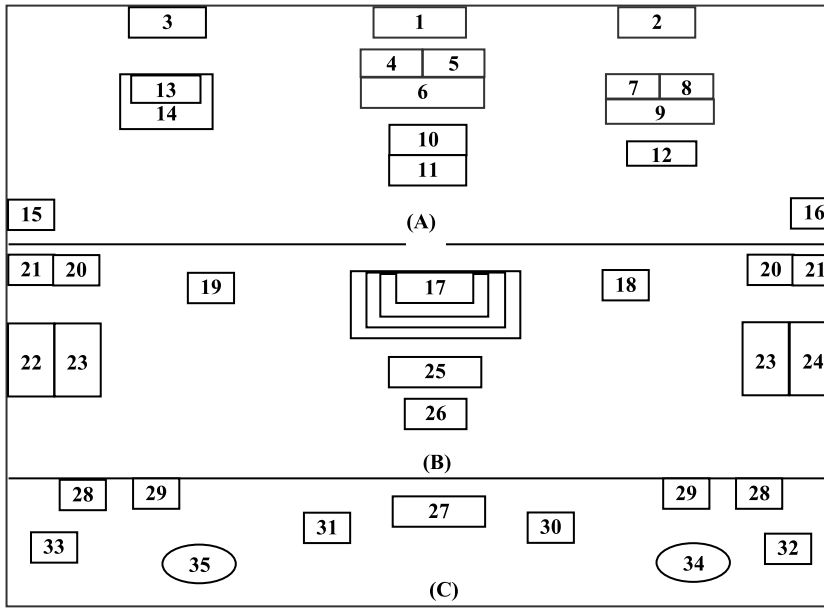

Sơ đồ 2.3. Bố trí điện Hòn Chén (Huế)

(A) Minh Kính Cao Đài đệ nhất cung
1. Mẫu Thiên Y A Na
2. Mẫu Thoải
3. Mẫu Thượng Ngàn
4,5,7,8. Hai vị hầu Mẫu
6. Bàn thờ
9. Bàn Ngũ vị Thánh bà
10. Tam vị Thánh Mẫu
11. Bát nhang và 3 bài vị
12. Nhị vị Tôn Ông
13. Thất Thánh
14. Bát nhang
15, 16. (?)

(B) Minh Kính Trung Đài đệ nhị cung
17. Cửu trùng đài
18. Võng
19. Kiệu, long đình
20. Bàn thờ
21. Lục đinh, lục giáp
22. Mười Cậu
23. Bát nhang
24. Mười Cô
25. Bàn thờ Ngọc Hoàng
26. Bàn thờ dành cho vua ba ngôi

(C) Minh Kính Tiền Đài đệ tam cung
27. Bàn thờ Hội đồng
28. Câu đối
29. Hoành phi
30. Lọng
31. Binh khí
32. Ngựa trắng
33. Ngựa đỏ
34. Chuông
35. Trống

Nguồn: Nguyễn Hữu Thông cb, [137]

Qua cách bố trí thờ tự ở các am, điện thờ Mẫu tại Huế cho thấy, đây không phải là điện thờ Mẫu thần nói chung mà là điện thờ Tam phủ, Tứ phủ nhưng thần chủ là Mẫu Thiên Y A Na. Ở vị trí trang trọng nhất trong hậu cung là Tam vị Thánh Mẫu: Thiên Y A Na Thánh Mẫu ở giữa, hai bên là Mẫu Thượng Ngàn và Mẫu Thủy Cung. Hầu cận Tam vị Thánh Mẫu có các Cô, các Cậu, Ngũ Hổ... Tam vị Thánh Mẫu (Vân Hương, Quế Hoa, Thụy Hoa) được thờ thấp hơn, ở phía trước tượng mẫu Thiên Y A Na. Việc thờ Liễu Hạnh ở Huế chỉ xuất hiện sau năm 1954 và chỉ thấy ở điện Hòn Chén và Phổ Hóa cung, ngoài ra trong các đền, miếu khác ở Huế chỉ thấy Thiên Y A Na độc tôn [137, tr.286].

Tuy thần chủ đạo Mẫu ở Huế có nguồn gốc từ tục thờ Po Inư Nagar của người Chăm, nhưng bố trí thần điện và cách thức thờ cúng lại mang tính chất của tục thờ mẫu Tam phủ, Tứ phủ của người Việt có gốc Bắc Bộ. Nếu không kể đến thần điện của Đạo mẫu Tam phủ, Tứ phủ khá mờ nhạt ở Quảng Nam - Đà Nẵng và một phần do người Việt ở Bắc Bộ mang theo khi di cư vào Nam Bộ thế kỷ XX thì Huế được coi là điểm cực nam của hệ thống thờ phụng này. Do vậy, *Huế có vị trí rất đặc biệt, mang tính cầu nối, chuyển tiếp của Đạo Mẫu ở Việt Nam* [147, tr.233].

Ở Nam Trung Bộ (nam đèo Hải Vân đến Bình Thuận), Mẫu Thiên Y A Na được thờ khá đa dạng. Có nơi Bà được thờ dưới dạng một miếu một thần vị nhưng kiểu thờ phụng này không phổ biến. Thông thường, Bà được thờ ở dạng hợp tự, nhưng luôn ở vị trí trung tâm của thần điện: chính giữa thờ Thiên Y A Na, phối thờ hai bên là Ngũ Hành, Tứ Vị Thánh Nương, Thiên Hậu, Tiền - Hậu hiền, thậm chí là Bổn Cảnh Thành hoàng….

Cũng có những miếu chỉ thờ Bà và các con là cậu Tài, cậu Quý (Cô Quý, cậu Trí), nhưng có miếu thờ đủ các vị thần nêu trên.

Nhìn chung, bố trí thần điện trong miếu thờ Thiên Y A Na của người Việt ở Nam Trung Bộ khá đơn giản, không có quá nhiều thần ngự trị, phổ biến chỉ có: Mẫu Thiên Y A Na => Tả ban, Hữu ban (phối thờ các thần) => Tiền hiền, Hậu hiền => âm hồn (Cô bác) [175, tr.65].

Chúng ta có thể nhận thấy đặc điểm này được thể hiện qua một số Sơ đồ bố trí điện thờ Mẫu Thiên Y A Na ở Nam Trung Bộ (xem sơ đồ 2.4,2.5,2.6,2.7).

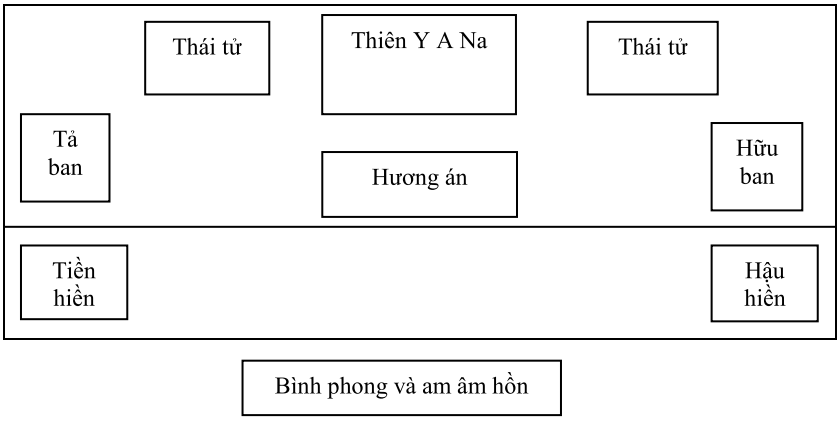

Sơ đồ 2.4. Bố trí thờ tự trong dinh Thiên Y A Na ở Thạch Bi, Sa Huỳnh, Quảng Ngãi

Nguồn: [175]

Tháp Bà Nha Trang là một trường hợp đặc biệt thờ Mẫu Thiên Y A Na, theo kiểu "*đền Chăm nhưng thần linh Việt*". Người Việt sử dụng ngôi đền, các linh tượng, thần Chăm một cách sáng tạo, biến thành thần của mình với những nhân vật

xung quanh Mẫu. Tháp trung tâm thờ Thánh mẫu Thiên Y A Na (Po Inư Nagar dưới dạng Sivalinga), ngực nở, bụng thon có 6 ngấn chứng tỏ đã qua nhiều lần sinh đẻ. Không rõ trong hoàn cảnh nào mà tượng bị mất đầu, người Việt đã đắp lại đầu mới cho tượng thần với gương mặt thuần Việt, rồi khoác lên tượng thần mũ mão, xiêm y của thần Việt, phủ danh mới là Mẫu Thiên Y A Na. Hầu cận hai bên Bà có hai bức tượng cũng mũ mão xiêm y, người dân thường gọi là Cô, Cậu con Bà. Ba ngôi tháp còn lại là nơi thờ Ông (Thái tử Bắc Hải), vợ chồng Tiều công (cha mẹ nuôi) và Cô, Cậu (con Bà) thực chất chỉ là những cặp linga-yoni của Ấn Độ giáo, nhưng được trang trí theo điện thần Việt. Trong lòng tháp, giáp tường phía sau Linga-Yoni có treo những bức trướng đỏ thêu các nhân vật thân cận Thánh Mẫu.

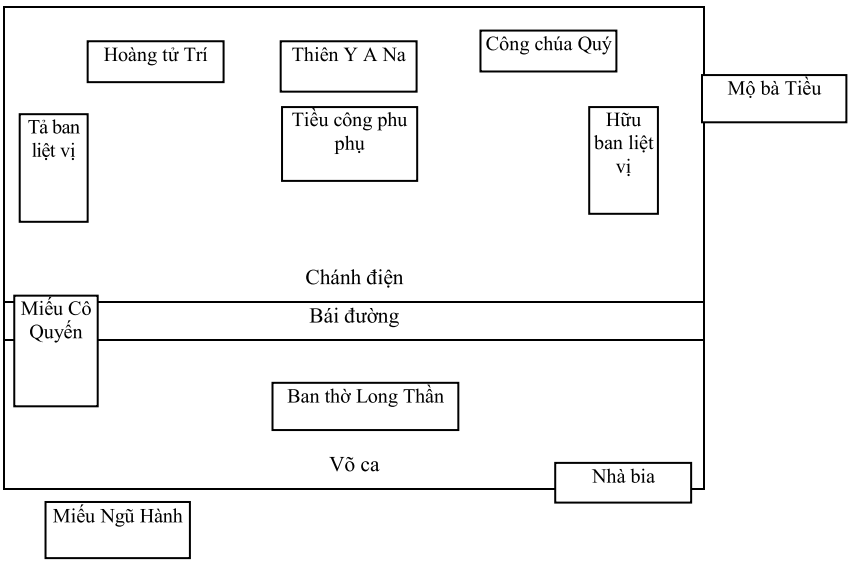

Sơ đồ 2.5. Bố trí thờ tự ở Am Chúa (Diên Điền, Diên Khánh nay là xã Diên Điền, Khánh Hòa)

Nguồn: Tác giả

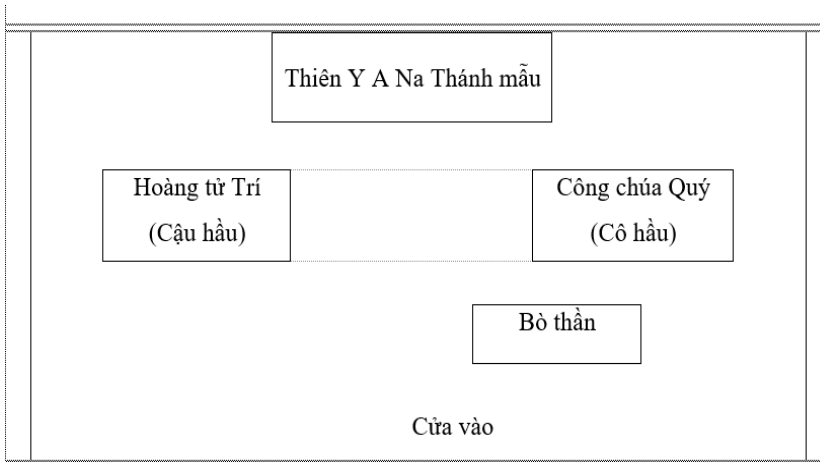

Sơ đồ 6. Bố trí thờ tự Thiên Y A Na tại Tháp chính ở Tháp Bà Pô Nagar Nha Trang

(Nguồn: Tác giả)

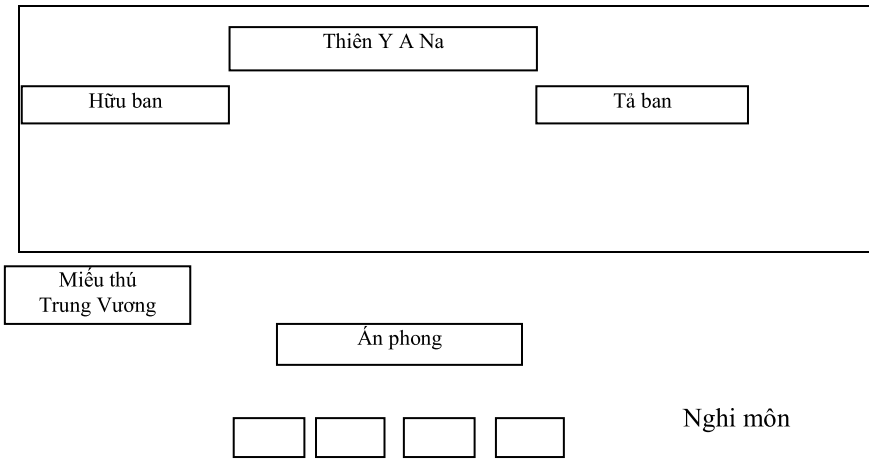

Sơ đồ 2.7. Bố trí thờ tự ở miếu Hội Đồng (Ninh Đa, Ninh Hòa, Khánh Hòa)

Nguồn: Trung tâm Bảo tồn di tích tỉnh Khánh Hòa

Trong các ngôi đình, chùa ở Trung Bộ có phối thờ Thiên Y A Na thì Bà không còn chiếm vị trí trung tâm, mà được xem là vị thần thứ yếu trong hệ thống Phật và Bồ Tát. Trong những chùa này thường bố trí thờ tự như sau: Chính điện thờ Phật, bên phải thờ Đức Ông (Quan Thánh), bên trái thờ Thiên Y A Na Thánh mẫu. Ở đình, Mẫu Thiên Y A Na cũng được phối thờ trong thần điện theo mô hình: chính điện thờ Thành hoàng, bên phải thờ tiền hiền, bên trái thờ Thiên Y A Na. Những làng thờ phụng Thiên Y A Na là Thành hoàng làng thì Bà được thờ ở vị trí trung tâm, trang trọng nhất trong đình, như đình làng Hải Cát (Huế), đình Mân Quang (Đà Nẵng), đình Phú Câu (Tuy Hòa, Phú Yên), đình Vĩnh Xuân (Nha Trang, Khánh Hòa)... Ở vùng ven biển từ Đà Nẵng đến Khánh Hòa, trong các Lăng Ông, Mẫu Thiên Y A Na cũng được phối thờ với Nam Hải Đại Vương theo cách thức: chính điện thờ Nam Hải Đại Vương, bên tả thờ Thiên Y A Na/Bà Vạn Lạch/Bà Thủy Long, bên hữu thờ Âm hồn, Các bác. Ngày vạn lạch làm lễ Nghinh Ông cũng phải có lệ rước Bà.

Qua cách bố trí điện thờ Thiên Y A Na ở Trung Bộ cho thấy ở đây Bà là Thánh Mẫu quyền năng, là thần chủ của vùng và thường ngự ở vị trí trung tâm của thần điện. Tuy nhiên, tùy từng địa phương và điều kiện lịch sử cụ thể mà tín ngưỡng này mang những sắc thái riêng. Ở trung tâm phía bắc (Thừa Thiên Huế) cách bố trí thần điện thờ Thiên Y A Na cho thấy có sự ảnh hưởng lâu dài của tín ngưỡng thờ Mẫu Tam Phủ, Tứ Phủ ở Bắc Bộ và Đạo giáo Trung Hoa. Còn ở trung tâm phía nam (Khánh Hòa) cách bố trí điện thờ Bà tiêu biểu cho thần điện thờ Mẫu thần của người Việt nói chung và có ảnh hưởng từ các yếu tố tôn giáo, tín ngưỡng của người Chăm.

3. LỊCH THỜ VÀ NGHI THỨC THỜ CÚNG THIÊN Y A NA Ở TRUNG BỘ

3.1. Lịch thờ cúng

Tuy Mẫu Thiên Y A Na có nguồn gốc từ Thần Mẹ xứ sở Po Inư Nagar của người Chăm nhưng đã được Việt hóa trên nhiều phương diện, như truyền thuyết, di tích, bố trí thần điện, lịch thờ cúng… cho gần gũi với truyền thống người Việt ở Bắc Bộ và cộng đồng người Việt nam tiến.

Hàng năm, người Chăm tổ chức cúng Po Inư Nagar vào tháng 9 Chăm lịch (khoảng tháng 12 dương lịch - Lễ Mbang Chabun) nhưng người Việt lại cúng Thiên Y A Na vào tháng 3 âm lịch theo quan niệm truyền thống "*tháng 8 giỗ Cha, tháng 3 giỗ Mẹ*". Vào tháng 3 âm lịch khắp nơi ở miền Trung tưng bừng lễ vía Mẹ. Từ ngày 1-3/3 người Việt tổ chức lễ hội vía Bà tại Am Chúa, điện Hòn Chén, ngày 21-23/3 lễ hội vía Bà tại Tháp Bà Nha Trang, Tháp Nhạn Phú Yên, miếu Thiên Y ở Bình Thủy (Bình Thuận)… Ở Khánh Hòa trong tháng 3 ở mỗi nơi thờ Bà lại tổ chức lễ cúng vía Bà vào những ngày khác nhau để các tín đồ trong vùng và lân cận về viếng Mẫu. Cũng trong tháng 3, các đền miếu thờ Thiên Y A Na ở Phú Yên, Bình Định… tổ chức lễ vía Bà theo nghi thức lễ vía Bà Nha Trang. Ở đình làng Hải Cát (Huế) và điện Hòn Chén lễ vía Mẫu Thiên Y A Na còn được tổ chức vào mùa thu (8-10/7 âm lịch) với nghi thức cúng tế thành hoàng làng.

Tuy nhiên, lịch thờ cúng Thiên Y A Na ở các địa phương cũng có sự khác nhau. Người Việt Quảng Nam - Đà Nẵng coi Thiên Y A Na là Bà Mẹ Đất nên ngày lễ Bà Chúa Ngọc/Thiên Y A Na và các lễ thức liên quan cũng tương đối thống nhất. Theo

lệ hàng năm, ngày vía Bà vào ngày 24, 25 tháng Giêng [77, tr.26]. Còn tục tế tự Thiên Y A Na ở Quảng Ngãi chủ yếu tập trung vào tháng 2 âm lịch.

Bảng 2.4. Lịch tế tự các dinh, miếu thờ Thiên Y A Na ở Quảng Ngãi

TT	Địa điểm	Ngày tế tự (âm lịch)
1	Miếu Thiên Y ở xóm Trung Yên (An Hải, Lý Sơn)	25/2
2	Miếu Thiên Y A Na ở lân Đông Thạnh (An Hải, Lý Sơn)	25/2
3	Miếu Thiên Y xóm Vĩnh Lộc (An Vĩnh, Lý Sơn)	29/10
4	Dinh Thiên Y ở xóm Tây (An Vĩnh, Lý Sơn)	25/2
5	Miếu Vĩnh Hòa ở An Vĩnh (Lý Sơn)	25/2
6	Dinh Thiên Y ở Thạch Bi (Sa Huỳnh, Đức Phổ)	16/2
7	Điện Trường Bà ở Trà Xuân (Trà Bồng)	15/4

Nguồn: Nguyễn Đăng Vũ, [182]

Sự không đồng nhất về lịch thờ cúng Thánh Mẫu Thiên Y A Na ở các tỉnh Trung Bộ chịu ảnh hưởng từ quá trình giao thoa và lan tỏa văn hóa. Hai trung tâm thờ phụng Thánh Mẫu Thiên Y A Na là Thừa Thiên Huế và Khánh Hòa đều thờ Bà vào tháng 3, tương đồng với lịch *giỗ Mẹ* của người Việt ở Bắc Bộ. Điều này cho thấy, tuy tiếp nhận Mẫu thần Chăm nhưng Bà ở đây mang *"hình bóng"* của Thánh Mẫu nơi cố hương Bắc Bộ, và

triều Nguyễn đóng vai trò không nhỏ trong quá trình Việt hóa vị thần này.

Ở các nơi khác, đặc biệt là vùng ven biển người Việt thờ Thiên Y A Na, Ngũ Hành Nương Nương, Tứ Vị Thánh Nương, Thủy Long Thần Nữ... là những vị thần hội tụ các tôn giáo Nho, Phật, Đạo và mang các sắc thái văn hóa Việt - Chăm - Hoa. Khu vực biển đảo là vùng ngoại vi nên việc thờ các nữ thần gốc/mang sắc thái Chăm mạnh hơn, cũng bởi truyền thống của lưu dân Việt là *nhạt biển*. Do vậy, Mẫu Thiên Y A Na ở đây đậm mang căn tính Chăm và yếu tố biển, lịch thờ Bà cũng không đồng nhất, mang sắc thái địa phương và gắn với các trường hợp cụ thể. Trường hợp Mẫu Thiên Y A Na được phối thờ trong đình, chùa, lăng thì lịch tế Bà trùng vào lịch tế tự của Phật giáo hoặc tế đình làng, lăng Ông.

3.2. Nghi thức thờ cúng

Thiên Y A Na là Mẫu thần tối thượng trong đời sống tâm linh của người Việt ở Trung Bộ, nên nghi thức thờ cúng Bà được diễn ra trang trọng và linh thiêng, đặc biệt ở những nơi Bà là thần chủ. Nhà Nguyễn muốn làm yên lòng lưu dân Việt, chiêu an người Chăm và tìm một điểm tựa tâm linh cho mình trên vùng đất mới nên đã "*biến*" Thần Mẹ xứ sở của người Chăm thành Thánh Mẫu của người Việt bằng những hành động cụ thể, như cho sưu tầm điển tích chép vào sử sách và "*Bản triều ban tặng Bà là Hồng Nhân Phổ Tế Linh Ứng Thượng Đẳng Thần, bắt dân ở đó coi tháp*". Dưới thời vua Đồng Khánh, tín ngưỡng Thiên Y A Na được chính thống hóa nên nghi thức tế Bà rất long trọng, mang tính quốc gia ở hai trung tâm Huế (điện Hòn Chén, đình làng Hải Cát) và Khánh Hòa (Am Chúa, Tháp Bà).

Điện Hòn Chén và đình làng Hải Cát (Huế) có quan hệ sâu sắc với triều đình nhà Nguyễn trên lĩnh vực tâm linh qua tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na. Các vua chúa nhà Nguyễn có những quan tâm đặc biệt đến vị thần này, nhất là dưới thời vua Minh Mạng, Thiệu Trị… thể hiện qua việc ban cấp bằng sắc, tu sửa miếu thờ, bổ sung vật tế tự. Nhưng sự công nhận của nhà nước phong kiến mới chỉ dừng lại ở việc thừa nhận tính chất tín ngưỡng của cộng đồng dân cư trong vùng đối với một vị thần có vai trò nổi bật. Bởi vậy, triều Nguyễn luôn đặt toàn bộ những vấn đề liên quan đến hoạt động thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu như *"hầu đồng - múa bóng"* ngoài vòng pháp luật, mặc dù sự linh nghiệm đã làm cho ngôi đền ngày càng nổi tiếng, thậm chí còn ảnh hưởng đến cả triều đình, được chính sử ghi nhận.

Đến thời vua Đồng Khánh (1885 - 1888) khi ý thức Nho giáo rơi vào bế tắc bởi xâm lược của thực dân Pháp, Lúc này ngôi vị của tầng lớp quan lại, quý tộc tồn tại một cách mong manh đã dẫn họ tìm đến Mẫu như một chiếc phao để bấu víu qua cơn sóng dữ. Họ tin vào sự linh ứng của vị Thánh Mẫu đang được lớp bình dân sùng tín, truyền tụng và họ thỏa mãn khát vọng quyền lực bằng những lời phán truyền của Mẫu qua những giá hầu đồng tại các am, điện. Vua Đồng Khánh đã cho xây dựng đền Ngọc Trản thành điện Huệ Nam tráng lệ, tự nhận mình là đồ đệ của Mẫu và là vị thứ 7 trong hàng Thất thánh, mặc dù ông chỉ gọi Bà bằng chị. Ông còn sáng tác và tự tay ký tất cả các bài thơ, câu đối đặt ở điện thờ để tôn vinh Thánh Mẫu, đồng thời ra lệnh "*mỗi năm hai lần vào mùa xuân, mùa thu làm lễ cúng, có đại diện triều đình chủ lễ để nhớ ơn nữ thần*"[69, tr.345]. Có thể thấy đây là ông vua duy nhất của các triều đại phong kiến Việt Nam chính thức thừa nhận, tôn vinh và bảo trợ cho đạo Mẫu. Trên cơ sở đó, việc thờ Thiên Y A Na được chính thống hóa và

phát triển mạnh mẽ. Những điển lệ mới được đặt ra, như cắt cử dân phu (người làng Hải Cát) để triều đình điều động coi sóc việc lễ Thánh mẫu[28].

Ở Tháp Bà Nha Trang nghi thức tế Bà Thiên Y A Na cũng được liệt vào hàng quốc lễ. Nhiều vua triều Nguyễn đã sắc phong tặng Bà với tước hiệu *Hồng nhân Phổ tế Linh ứng Thượng đẳng thần*, giao cho dân làng Cù Lao đời đời hương khói. Hàng năm, đích thân Quan đầu tỉnh làm chủ tế trong lễ vía Mẫu ở Am Chúa và Tháp Bà. Quách Tấn đã viết: *"Am Chúa nằm lưng chừng núi Đại An, còn gọi Núi Chúa, truyền rằng Núi Chúa rất linh thiêng, thường có hào quang chiếu sáng. Xưa kia, hàng năm quan Tỉnh phải thân hành đến tế vào tháng trọng Xuân.*"[128, tr.73]. Với nghi thức thờ cúng trên đã khẳng định vị trí của Thiên Y A Na trong đời sống tinh thần của nhân dân và vương triều Nguyễn khi xây dựng cơ nghiệp ở đất Nam Hà. Ngày nay, lễ vía Thiên Y A Na ở hai trung tâm trên vẫn diễn ra theo nghi thức xưa[29].

Bên cạnh nghi thức tế lễ của triều đình phong kiến thì việc tế Bà trong dân gian cũng rất trang trọng, kể cả quy mô cấp thôn, xóm. Chủ tế và những người phục vụ tế lễ được chọn phải là những người mẫu mực, được cộng đồng kính trọng, có thân nhân tốt, phải chay tịnh trong thời gian diễn ra lễ tế. Việc thờ Bà tại các tự sở, nếu miếu tọa lạc ở địa phận của xóm/thôn nào thì thôn, xóm ấy lo hương hỏa, tế tự. Những tín tục, lễ nghi tế Bà tại các thôn xóm còn giữ đến ngày nay đều mang đậm dấu ấn đã được định chế dưới thời Nguyễn, đồng thời nó làm mờ nhạt những tín tục của giai đoạn truớc. Hàng năm vào dịp tế lễ, Thiên Y A Na và các vị thần khác được quy tụ về đình làng để làng làm lễ hợp tế. Đây là nghi thức tế lễ, tuân thủ "*trật tự điển*" mà

triều Nguyễn đã ban tặng cho chư thần. Cho nên, hầu hết các làng xã ở miền Trung, nghi thức tế lễ chư thần khá tương đồng mà không có khác biệt lớn.

Theo thời gian và hoàn cảnh xã hội cụ thể mà nghi lễ thờ Thiên Y A Na của người Việt ở Trung Bộ cũng bị biến đổi và giản lược khá nhiều, nhất là giai đoạn 1975-1986, khi phần công điền mà làng dành cho hương hỏa điền bị bãi bỏ theo chủ trương hợp tác hóa nông nghiệp, các đền, miếu thờ Bà bị bỏ hoang hoặc tàn phá sau cuộc vận động bài trừ mê tín dị đoan... Do vậy, ở nhiều thôn làng chúc văn tế Thiên Y A Na cũng được thay đổi theo hướng giản lược, còn rất ít làng sử dụng mẫu văn tế xưa, ngày sóc, ngày vọng chỉ cắt cử người quét dọn, thắp hương. Hàng năm, ngày vía tại các dinh Bà chỉ được tế tự đơn giản, ở mức trầm trà, hoa quả, mà ít nơi còn giữ nghi lễ truyền thống, có ban nhạc lễ hầu thần và được tế sau khi nghi lễ tế đình kết thúc. Thời gian gần đây (sau đổi mới) nhiều làng Việt ở miền Trung đã phục hồi lại những nghi thức tế Bà tương đối đầy đủ, tuân thủ theo điển lệ "*tam hiến, bát bái*", lễ nhạc chinh cổ, nếu có đại tế thì có nhạc sinh. Trong lệ vía Bà, ngoài mộc dục còn có hai lễ chính: Nhập yết/Tam hiến trơn (ngày hôm trước) và Chánh tế (0 giờ hôm sau).

4. HỆ THỐNG LỄ HỘI TIÊU BIỂU THỜ THIÊN Y A NA

Lễ hội thờ Thiên Y A Na tiêu biểu nhất ở miền Trung là các lễ hội diễn ra tại điện Hòn Chén, đình làng Hải Cát (Huế) và Am Chúa, Tháp Bà Nha Trang (Khánh Hòa). Ngoài ra, khắp vùng còn có hệ thống lễ hội lớn nhỏ thờ Bà, ở cả dạng chính danh hoặc hóa thân, như lễ hội Bà Thu Bồn (Quảng Nam), lễ hội Điện Trường Bà ở Trà Bồng, lễ hội Dinh Bà ở Lý Sơn (Quảng Ngãi),

lễ Tá thổ ở Nam Trung Bộ, lễ tế miếu Thiên Y ở Bình Thủy (Bình Thuận)...

Ở Huế, hàng năm cứ "*xuân thu nhị kỳ*" lại tổ chức lễ vía Thánh Mẫu Thiên Y A Na (ngày 1-3/3 và ngày 8-10/7 âm lịch) tại điện Huệ Nam (điện Hòn Chén) và đình làng Hải Cát. Xưa kia, lễ hội này do triều Nguyễn và dân làng Hải Cát đảm nhiệm, được coi là trường hợp điển hình về sự kết hợp hài hòa giữa nghi thức cung đình và tín ngưỡng dân gian. Sau khi nhà Nguyễn tan rã (1945), việc cúng tế này giao lại cho *Hội Quý tế Điện Huệ Nam*. Hiện nay, Ban vận động trùng tu di tích Điện Huệ Nam (Ban bảo trợ Điện Huệ Nam) phối hợp với làng Hải Cát tổ chức lễ hội Vía Bà dưới sự quản lý của Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế và chỉ đạo của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế.

*Lễ hội xuân Điện Huệ Nam (*còn gọi là ngày vía Mẹ) diễn ra từ ngày 1-3/3 âm lịch, thu hút đông đảo tín đồ đạo Mẫu và khách thập phương trong cả nước về dự lễ. Ngày thứ nhất, các bằng của con nhang đệ tử từ Thánh đường của Tổng hội Thiên Tiên Thánh giáo (252 Chi Lăng, Huế, hiện nay là 153 Đặng Văn Ngữ, An Cựu, Huế) ngược dòng sông Hương hội tụ về điện Huệ Nam. Sáng ngày thứ hai tiến hành đại tế lễ Thánh Mẫu ở điện Huệ Nam, buổi chiều làm lễ rước Mẫu về đình làng Hải Cát ngự tại đó cùng con dân của mình một ngày. Chiều ngày thứ ba làm lễ cung nghinh rước Mẫu hồi loan điện Hòn Chén, sau đó thực hiện các nghi thức phóng sinh và thả đèn hoa đăng. Kết thúc 3 ngày lễ hội tại điện Huệ Nam, các con nhang đệ tử lại tập trung về trụ sở Tổng hội Thiên Tiên Thánh giáo để lễ tạ Mẫu.

Ảnh 2.5. Rước Mẫu về đình Hải Cát trong lễ hội thu Điện Huệ Nam

Nguồn: Tác giả

Trong khi tổ chức lễ hội, việc di chuyển từ điện Huệ Nam đến đình làng Hải Cát và ngược lại hoàn toàn bằng đường thủy. Mỗi am, điện, cảnh người ta lập một bàn thờ Mẫu trên các bằng, châu án (do 2-3 đò ghép lại), trang trí đèn nến lung linh, cờ xí rực rỡ. Trên đường rước các bằng phải di chuyển theo thứ tự: đi đầu đoàn rước là thuyền của giám sát Thượng Ngàn để mở đường, tiếp sau là bằng rước Mẫu Thượng Ngàn và Quan Thánh để dẹp đường cho bằng của Thánh Mẫu và Hội đồng đi. Theo

sau là bằng của Mẫu Thủy Cung và các vị thần hộ vệ cho Bà. Trên đường đi đoàn rước phải dừng lại ở chùa Thiên Mụ để cúng Mẹ, bởi theo quan niệm dân gian Mẫu Thiên Y A Na từng giáng ở đây (Bà Trời áo đỏ). Trên các bằng, con nhang đệ tử tổ chức tế Mẫu và hầu đồng. Đoàn rước còn có nhiều tín đồ mặc trang phục người dân tộc thiểu số như Tày, Nùng, Dao, Cơ tu, Tà ôi, Bru-Vân Kiều... đã thể hiện Bà không là Mẫu riêng của người Việt. Lễ rước Mẫu từ điện Huệ Nam về đình làng Hải Cát mang nghi thức dân làng nghinh đón Mẫu trở về. Trong thời gian diễn ra lễ hội trên các bằng luôn diễn ra hoạt động lễ tế, hầu đồng, múa bóng của tín đồ dâng lên Thánh Mẫu.

Lễ hội thu Điện Huệ Nam: được tổ chức trong 3 ngày (ngày 8-10/7âm lịch) để tế cha và tôn vinh Mẫu. Đây cũng là mùa mưa lũ ở Huế nên lễ hội này còn mang mục đích cầu quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa. Đối với dân làng Hải Cát đây là dịp tế Thành hoàng làng Thiên Y A Na. Nghi thức, thời gian và trình tự tế lễ giống như *lễ hội xuân Điện Huệ Nam.* Hàng năm, cứ vào dịp lễ hội, điện Huệ Nam thu hút khoảng 20.000 - 30.000 lượt người tham dự, với khoảng 40 bằng, án của con nhang đệ tử đã đăng ký tế lễ Mẫu trước với với Ban Tổ chức. Với những giá trị văn hóa - tâm linh đặc sắc, tháng 12/2024 lễ hội Điện Huệ Nam được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể cấp Quốc gia.

Ở Khánh Hòa, các di tích thờ Thiên Y A Na dù có quy mô lớn hay nhỏ đều tổ chức lễ hội trong tháng 3 âm lịch để tưởng nhớ công ơn của Bà. Không chỉ có dân chúng mà xưa kia triều Nguyễn ra lệnh hàng năm, cứ xuân thu nhị kỳ đích thân quan đầu tỉnh làm chủ tế trong lễ hội ở Am Chúa và Tháp Bà.

Lễ hội Am Chúa

Am Chúa (miếu Đại An) là nơi thờ Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi (dân gian thường gọi là Bà Chúa Xứ, Bà Chúa Ngọc). Sách *Đại Nam nhất thống chí* trong phần tỉnh Khánh Hòa có ghi: "*Núi Đại Điền ở cách huyện Phước Điền 11 dặm về phía Bắc, tục gọi là núi Chủ Sơn, thế núi cao cả, chu vi hơn trăm dặm. Tượng truyền đây là chỗ hiển linh của Thiên Y A Na Diễn Bà, cấm người vào núi hái củi, cây cối um tùm, thường có ánh sáng thiêng chiếu xuống. Năm Tự Đức thứ 3 đổi tên hiện nay và chép vào điển thờ*" [114, tr.97].

Hàng năm lễ hội Am Chúa diễn ra từ ngày 1-3/3 âm lịch, tương truyền là ngày Bà giáng trần. Hàng nghìn tín đồ, hàng trăm đoàn múa bóng khắp nơi về đây dự lễ hội. Đặc biệt trong lễ hội này có sự tham gia của đồng bào Chăm ở Ninh Thuận, Bình Thuận. Khi khai mạc lễ hội Am Chúa đều có sự hiện diện của các quan đầu tỉnh (xưa) và đại diện các ban ngành chức năng trong tỉnh (nay) làm chủ tế và dâng hương lên Thánh Mẫu. Lễ hội Am Chúa có những nghi thức bắt buộc sau: lễ Tam Hiến Trơn; lễ cúng Ngọ; lễ dâng hương và múa bóng; lễ tế nữ quan; lễ tế chánh; lễ tất [57]. Trong những ngày diễn ra lễ hội, hoạt động hầu đồng, múa bóng ở Am Chúa diễn ra suốt ngày đêm theo một trật tự đã được đăng ký từ trước với Ban tổ chức lễ hội.

Lễ hội Tháp Bà

Nếu Am Chúa là nơi Thiên Y A Na hiển nhân thì Tháp Bà Nha Trang là nơi Bà hiển thánh. Lễ hội Thiên Y A Na tại Tháp Bà được tổ chức 3 ngày (từ 21-23/3 âm lịch) có quy mô lớn, thu hút đông đảo nhân dân từ các tỉnh xa, gồm cả người Kinh, Hoa, Chăm, Raglai… về đây dự lễ. Xưa kia, làng Cù Lao được giao

nhiệm vụ thành lập *Ban phụng sự tế lễ,* cùng nhân dân chuẩn bị cho ngày lễ Vía Bà. Sau khi Tháp Bà được công nhận là Di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia (1979) thì lễ hội này do Sở Văn hóa - Thông tin (nay là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Khánh Hòa) quản lý, thành lập *Hội Bảo trợ di tích Tháp Bà* hoạt động theo quy định và điều lệ Hội đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa thông qua. Năm 2013, lễ hội Tháp Bà Nha Trang được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là *Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia* và năm 2025 di tích Tháp Bà Pô Nagar được Chính phủ công nhận là *Di tích quốc gia đặc biệt* càng trở thành lực hút các tín đồ và nhân dân khắp nơi về dự lễ hội Vía Bà từ trước đó nhiều ngày.

Lễ hội Tháp Bà Nha Trang thường diễn ra các nghi lễ chính sau: Lễ rước nước, lễ mộc dục (lễ tắm tượng và thay y phục); lễ phục y (lễ tế gia quan); lễ thả hoa đăng, lễ cầu quốc thái dân an, lễ cúng thí thực, lễ cầu an của đồng bào Chăm, lễ tế Thiên Y A Na (lễ tế chính); lễ hát thứ lễ và tôn vương; lễ rước sắc; lễ hồi sắc.

Hằng năm, vào ngày vía Bà, bên cạnh người Việt còn có đông đảo đồng bào Chăm ở Ninh Thuận, Bình Thuận ra Tháp Bà để cúng tế Mẹ xứ sở của mình. Theo Báo cáo kết quả tổ chức Lễ hội Tháp Bà Nha Trang năm 2025 của Trung tâm Bảo tồn di tích tỉnh Khánh Hòa, có gần 200 đoàn thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu với khoảng 6.000 người trong tỉnh và các tỉnh khác từ Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Phú Yên, Ninh Thuận, Bình Thuận, các tỉnh Tây Nguyên, TP Hồ Chí Minh… về dự lễ hội. Du khách và khách hành hương trong dịp lễ hội ước đạt hơn 100.000 lượt người.

Tại đây hiện đang tồn tại hai dạng thức thờ Mẫu của người Chăm và người Việt, với không gian và hình thức tế lễ khác nhau nhưng đều thờ cúng một vị thần trong tháp. Phía trước tháp là nơi cúng Thánh mẫu Thiên Y A Na của người Việt, với nghi thức tế lễ long trọng, được tổ chức chặt chẽ và có sự tham gia của "*quan hàng tỉnh*" cùng với những người đứng đầu làng Cù Lao - nơi Bà được thờ là Thành hoàng làng. Khách hành hương và các đoàn con nhang đệ tử ở khắp nơi kiên trì, nhẫn nại để được vào trong tháp dâng hương lên Thánh mẫu tỏ lòng thành kính. Chương trình hầu đồng, múa bóng[27] và các trò dâng Mẫu diễn ra liên tục trong những ngày lễ hội theo thứ tự đã được bố trí trước. Nghi thức tế ở lễ hội Tháp Bà những năm gần đây ảnh hưởng từ Phật giáo (có các lễ thả hoa đăng, lễ cầu quốc thái dân an, lễ cúng Tý, lễ cúng Ngọ, cúng thí thực… được chủ trì bởi các nhà sư chùa Pháp Tánh, Nha Trang). Lễ vật người Việt dâng cúng lên Mẫu là đồ chay, bởi họ quan niệm Bà là Phật Mẫu (trừ nghi thức cúng tế Thành hoàng của làng Cù Lao là cúng lễ mặn - heo quay).

Phía sau tháp, người Chăm cúng Mẹ xứ sở Po Inư Nagar của mình theo cách riêng, quy mô lớn hay nhỏ tùy thuộc vào từng cá nhân, gia đình, dòng họ. Họ tổ chức múa Bóng dâng thần và tạ ơn tổ tiên. Người Chăm không dâng đồ lễ vào trong tháp, mà có thể tổ chức cúng tế ở bất cứ địa điểm nào quanh tháp với lễ vật là đồ cúng mặn, như dê, gà, trầu cau, rượu, cá... Không khí cúng lễ của người Chăm trầm lắng, khá tương phản với không khí lễ hội sôi động của người Việt phía trước tháp, kể cả khi họ có ban nhạc phục vụ hoạt động múa Bóng.

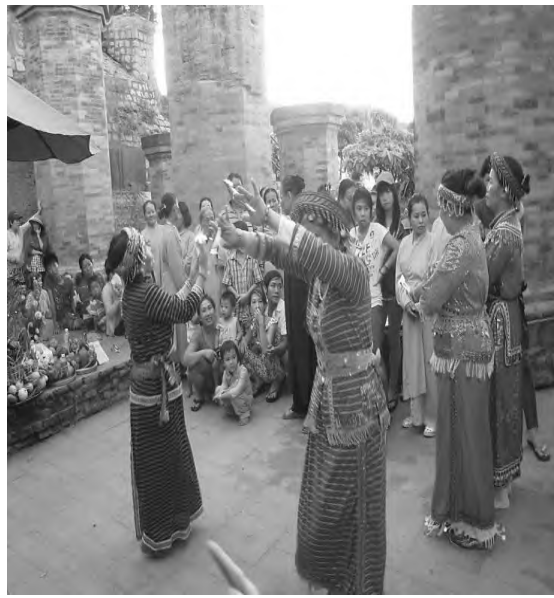

Ảnh 2.6. Múa bóng dâng Mẫu ở Madapa trong lễ hội Tháp Bà

Nguồn: Tác giả

Ảnh 2.7. Lễ vật người Chăm dâng Mẫu trong lễ hội Tháp Bà

Nguồn: Tác giả

Lễ hội Điện Trường Bà

Tục thờ Thiên Y A Na ở Trà Bồng (Quảng Ngãi) là một hiện tượng khá đặc biệt. Không chỉ người Kinh, người Hoa mà các tộc người thiểu số ở Trà Bồng như Hre, Ca Dong, Cor đều coi Thiên Y A Na là người Mẹ tôn kính nhất trong những vị thần tôn kính. Bà luôn phù hộ cho buôn làng sức khỏe, mùa màng tốt tươi, cuộc sống sung túc, phòng tránh thú dữ, chống giặc ngoại xâm. Trong các dịp cúng tế của mình, người Cor đều có mâm cúng riêng mời Bà về dự lễ với danh xưng là "Mop Trơn"[31],

Ảnh 2.8. Lễ hội Điện Trường Bà Trà Bồng

Nguồn: Tác giả

Xuân thu nhị kỳ (tháng 4, tháng 8 âm lịch hàng năm), đặc biệt là trong lễ hội Điện Trường Bà dịp cúng xuân (14-16/4 âm lịch) khi tế Thiên Y A Na người Việt, người Hoa dâng Mẫu hương hoa, trà quả, rượu thịt… thì người Co, người Hrê, người Ca Dong cúng Bà quế, trầu cau, mật ong. Trong nghi thức tế lễ

người Việt có lễ tế ngoại đàn, lễ tế chính điện thì người Co có lễ hiến tế/lễ ăn trâu dâng Bà tại cây nêu ở bãi đất trống bên cạnh (nay lễ hội Điện Trường Bà đã bỏ nghi thức này). Khi tế Bà thầy cúng người Co phải mặt một bộ áo the khăn xếp giống người Việt. Trong phần hội, người Việt có tổ chức hát bội, hát bả trạo, hầu đồng, múa võ, hát bài chòi, đánh cờ người…; thì người Co, người Hrê có trình diễn cồng chiêng, múa cà-đáo, xà-ru, a-giới, đi cà kheo.

Cũng giống như lễ hội Điện Hòn Chén, Am Chúa, Tháp Bà Nha Trang, ở lễ hội Điện Trường Bà đều có sự tham dự của các tộc người thiểu số trong vùng và họ giữ những vai trò nhất định trong lễ tế và nghi thức rước Thiên Y A Na. Điều đó chứng tỏ Bà có vai trò rất lớn trong đời sống tâm linh các dân tộc nơi đây. Không những thế đây còn là điển hình cho sự giao lưu, tiếp biến văn hóa giữa các tộc người trong vùng, và cũng là tiêu biểu cho tinh thần đại đoàn kết các dân tộc ở Việt Nam qua việc cùng thờ cúng một vị thần Mẹ linh thiêng. Với giá trị tiêu biểu, Lễ hội Điện Trường Bà được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia theo Quyết định số 1852/QĐ-BVHTTDL ngày 08/5/2017.

Lễ tế miếu Thiên Y A Na ở Bình Thủy (Bắc Bình, Bình Thuận)

Một địa điểm khác ở miền Trung thờ Thiên Y A Na mà hiện nay được cả người Chăm và người Việt cúng tế là miếu Thiên Y A Na ở thôn Bình Thủy xã Phan Rí Thành, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận (nay là xã Bắc Bình, Gia Lai). Đây là một ngôi miếu cổ (theo truyền thuyết miếu được xây dựng khoảng thế kỷ XIV-XV) thờ Thiên Y A Na của người Việt (truyền thuyết vị Mẫu thần ở đây cũng có mô típ về một khúc gỗ trầm trôi trên

sông, sau đó được tạc thành tượng Bà để thờ). Miếu Bà ở đây được xây dựng theo kiến trúc đền miếu Việt truyền thống, hình chữ T, đầu hồi bít đốc, mái lợp theo kiểu chéo đan, trên đỉnh nóc có hình lưỡng long chầu nguyệt, nóc đao cong có đắp nổi hình long chầu phượng vũ. Miếu chia làm hai phần: Tiền đường và hậu điện, trong hậu điện có thờ cốt tượng Thiên Y A Na. Phía dưới bệ thờ Bà dân làng đặt hai hộp kính có đựng các khúc trầm hương. Hai bên tả hữu là thờ cô, cậu con Bà.

Cổ miếu này hàng năm diễn ra nhiều lễ cúng của người Việt và người Chăm:

- Lễ Thanh minh (3/3 âm lịch): do người Việt thực hiện.

- Lễ Yang wak pabah (cúng trả lễ, tạ ơn Po - tháng Giêng lịch Chăm): do người Chăm thực hiện.

- Lễ Cầu Huê (15/10 âm lịch): do người Việt thực hiện.

- Lễ Chabun (tháng 9 lịch Chăm): do người Chăm thực hiện.

Việc cúng tế, lễ hội ở tại miếu này có sự đan xen giữa nghi thức của người Việt và của người Chăm. Mặc dù nghi thức, cộng đồng thực hiện nghi lễ tế Bà tại đây khác nhau nhưng không đối chọi nhau. Họ cùng tham dự lễ cúng tế của nhau, và chấp nhận sự đan xen, hòa đồng một cách tự nhiên. Nhìn tổng thể tín ngưỡng thờ Mẫu của người Chăm và người Việt ở ngôi miếu này là không có ranh giới, và họ cùng thờ chung một vị Mẫu trong ngôi cổ miếu.

Lễ hội Bà Thu Bồn

Bà Thu Bồn (Bô Bô phu nhân) là một dạng phái sinh của Bà Thiên Y A Na, hiển linh ở vùng Duy Xuyên (Quảng Nam), được

thờ phụng dọc lưu vực sông Thu Bồn từ trên nguồn xuôi về biển. Lăng Bà Thu Bồn được xây dựng trên nền di tích tháp Chăm xưa. Tương truyền Bà là nữ tướng Chiêm Thành, đánh nhau với tướng của vua Lê Thánh Tông bị thua trận, chạy qua làng Thu Bồn, mái tóc của Bà bị vướng vào cành cây khiến Bà ngã voi và bị quân nhà Lê giết chết. Bà hiển linh và được nhân dân địa phương thờ cúng. Một truyền thuyết khác kể rằng Bà là nữ tướng nhà Lê, đánh nhau với quân Chiêm Thành, bị truy đuổi đến khu vực này, do vướng mái tóc dài nên Bà bị địch giết, sau đó nhà Lê phong tặng Bà là *"Tiền cổ Lê Triều Bô Bô phù hóa tôn thần"*. Cũng có truyền thuyết kể rằng, Bà là con gái của một phú ông ở địa phương, xinh đẹp và có mái tóc dài, biết chữa bệnh cứu người. Khi chết, bà hiển linh và được nhân dân lập lăng thờ phụng. Vì có công trạng nên Bà Thu Bồn được triều Nguyễn phong sắc là "*Thiên Y A Na Diễn Phi Chúa Ngọc; Bô Bô thượng đẳng thần. Thần hiệu là Bô Bô phu nhân",* được nhân dân tôn thờ là "*Đại tôn thần sắc chi Bô Bô phu nhân; Thiên Y A Na Diễn Phi Chúa Ngọc… Thượng đẳng thần vị tiền; nhân dân làng Thu Bồn dâng lễ vật cầu mong vị thần phù hộ độ trì cho muôn đời".*

Ngày kị của Bà là ngày 12/2 âm lịch thu hút đông đảo tín đồ khắp nơi về dự, gồm cả người Chăm, người Kinh, người Hoa, người Katu, Tà ôi… Lễ hội Bà Thu Bồn gồm các lễ: rước nước thiêng trên sông Thu Bồn, rước "*Ngũ hành tiên nương*"[32] về lăng Bà để cúng tế, lễ cầu quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa... Lễ vật cúng là một con trâu nguyên con được làm sạch và mâm xôi lớn. Cùng với phần lễ, phần hội có hát tuồng, hát bài chòi, hát đối đáp, thả hoa đăng trên sông, và quan trọng nhất là hội đua thuyền Lệ Bà (Nam-Nữ) bởi Bà chính là Bà Chúa ghe đua của làng Thu Bồn và một số làng biển xứ Quảng. Lễ hội Bà Thu

Bồn được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia vào năm 2020.

Tục cúng đất (Tá thổ)

Khắp các làng Việt ở Trung Bộ phổ biến một nghi lễ, đó cũng là cách ứng xử của người dân đối với thần đất đai bản địa, tục gọi là lễ tá thổ/tạ thổ/mãi thổ (cúng đất/mua đất). Hệ thống thần linh trong lễ tá thổ gồm đại diện khá đầy đủ các thần linh ở Trung Bộ. Có thần được người Việt mang theo từ quê hương Bắc Bộ, có thần từ Trung Hoa đến Đàng Ngoài rồi đồng hành cùng các đoàn lưu dân Nam tiến, có thần là của riêng tộc người tiền trú, nhất là Po Inư Nagar của người Chăm (sau này được Việt hóa thành Thiên Y A Na/Chủ Ngung Man Nương/Thần Hậu Thổ…). Điều này phản ánh đặc tính của vùng đất có nhiều sắc dân chung sống hòa hợp, cũng từ đó mà người Việt thừa nhận và thỉnh mời các thần linh của mình, của người trong các kỳ lễ và hội.

Lễ Tá thổ được tổ chức thường niên trong từng gia đình, và 3 năm một lần ở quy mô cấp làng, xã. Ngoài lễ vật hương, hoa, đăng, đèn, quả, phẩm thông thường, thì *rau khoai luộc*, *chén nước ruốc* (hoặc mắm), *gắp cá tôm nướng*, *tam sên* (3 con cua/tôm, 3 miếng thịt ba chỉ, 3 quả trứng được luộc chín, bày trên ba đĩa) là những món không thể thiếu trong lễ cúng đất. Đây là thức ăn dành cho *ma Mọi* hay *Mọi rừng*, *ma núi,* được đặt trên những chiếc đĩa làm bằng bẹ chuối. Sau khi lễ tất, gia chủ đem mỗi thứ một ít trong mâm thức ăn bỏ vào xàlet treo ở ngã ba đường hoặc bỏ vào bè chuối thả xuống sông (*tống bè*) nhằm cung cấp lương thực để chư thần về nơi trú ngụ của mình, mang đi bệnh tật và tai nạn, để lại phước lành cho gia chủ.

Trong nghi lễ này, đáng chú ý là văn khế được "*soạn thảo*" với đầy đủ các bên: *người mướn/mua* (chủ đất ở dương thế - "trạch chủ"), *người chuyển nhượng* (Bà Hậu Thổ, Chủ ngung Đào Lương Ban, Man nương Nguyễn Thị Thúc, các hoang quỷ, ngũ phương thổ công, thổ chủ, tả hữu long thần, các vị thổ địa), *người làm chứng* (Kim niên hành khiển, Thổ địa chính thần), *người kiểm soát* (Ngọc Hoàng, Thái Thượng Lão quân, Hành khiển). Trong văn khế khẳng định công lao khai khẩn đất đai của người tiền trú, nên muốn yên ổn làm ăn ở dương thế người Việt đã "*thế cấp*" cho thần linh tiền trú trước khi nhận phần đất của mình, gồm: con hầu, súc vật, phương tiện đi lại, vũ khí, vật dụng sinh hoạt, tiền vàng... Rõ ràng, ngoài yếu tố tâm linh thì đây là hành động rất thành tâm, thể hiện quan niệm và cách ứng xử của người Việt ở nơi "*đất có chủ*" với chuẩn mực "*có trước, có sau*".

Chương 3

THIÊN Y A NA TRONG ĐỜI SỐNG TINH THẦN NGƯỜI VIỆT Ở TRUNG BỘ

1. THIÊN Y A NA TRONG ĐỜI SỐNG TÂM LINH CỦA NGƯỜI VIỆT Ở TRUNG BỘ

Hiện nay, tùy từng nơi, do tính chất của hoạt động sản xuất mà việc thờ cúng Thiên Y A Na của người Việt ở Trung Bộ mang những sắc thái khác nhau. Với các ngư dân chuyên khai thác biển thì Bà và Ông Nam Hải được coi là vị thần phù hộ cho nghề cá và ngư dân, trong khi đó, ở những làng chuyên nghề nông, người dân thờ Bà là Thánh Mẫu dạy cho dân biết trồng trọt, phù hộ cho mùa màng, khai hóa văn minh. Đối với cư dân thành thị, đặc biệt là người làm nghề buôn bán, Bà được thờ như một vị phúc thần, phù hộ cho họ buôn may, bán đắt. Với cư dân chuyên nghề khai thác lâm sản, Thiên Y A Na trở thành Bà chúa Trầm hương, chúa rừng. Một số nơi cư dân thờ Bà với vai trò là người ban thuốc quý và làm nhiệm vụ trị bệnh cứu người…

1.1. Thiên Y A Na trong tín ngưỡng của cư dân nông nghiệp

Cùng quá trình lịch sử, người Việt từ Bắc Bộ (chủ yếu từ vùng Thanh - Nghệ) di cư vào Trung Bộ. Đối với họ đây là một cơ hội kiến tạo cuộc sống mới nhưng cũng ẩn chứa những lo âu vì đây là vùng đất khá lạ lẫm mà cư dân trước đây là một tộc

người khác. Khi rời quê hương bản quán, hành trang tâm linh mà người Việt Bắc Bộ mang theo khi đến vùng đất này là tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ Thành hoàng làng, tín ngưỡng nông nghiệp... Nhưng "*với sự hiện diện phổ biến của nhiều vị thần xứ sở/bản xứ, người Việt buộc phải hình thành nên một đối tượng thờ tự có tính chất phổ quát trong đời sống làng xã bằng cách tích hợp yếu tố địa lý trong Bà Mẹ xứ sở, chuyển hóa thành Bổn thổ/Bản cảnh/ Bản xã với yếu tố danh xưng Thành hoàng của làng Việt, trở thành một vị thần Bổn Thổ Thành hoàng phổ biến ở mọi làng xã nhưng đầy tính chất phiếm xưng, bởi không dễ gì phác họa nên được diện mạo, hay tính chất của thần*" [60, tr.56].

Cộng đồng cư dân sinh sống ở Trung Bộ trước đây là người Chăm. Trong tín ngưỡng của họ Po Inư Nagar là Mẹ xứ sở vĩ đại, người sinh ra dân tộc Chăm và mọi thứ. Quá trình chuyển tiếp thờ phụng Po Inư Nagar trong cộng đồng người Việt ở đây diễn ra dưới dạng thức: ảnh hưởng của Bà đã ăn sâu vào tâm linh của tầng lớp bình dân người Chăm còn ở lại, sau đó có cuộc tiếp xúc diễn ra trong hòa bình, lâu dài giữa người Việt với người Chăm. Ở đây, di dân Việt và người Chăm đã gặp/ tương đồng nhau trong cùng một ước vọng chung của người nông dân là cầu mong mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt. Do vậy, người Việt đã kế thừa và thờ phụng Po Inư Nagar của người Chăm, sau đó Việt hóa và chuyển sang thờ tự theo lối Việt với tên gọi Thiên Y A Na.

Việc Bà là thần phù trợ cho cư dân nông nghiệp được bắt nguồn từ gốc gác "*nông dân*" của Bà. Bà thác sinh ở ruộng Dưa của vợ chồng lão nông nghèo trên núi Đại An. Hàng năm vào

ngày vía Bà Thiên Y A Na ở Am Chúa và Tháp Bà, các đoàn con nhang, đệ tử khắp nơi về đây dâng lễ vật cho Bà, ngoài trầm trà, hoa, quả, tấu cổ, vàng mã… họ còn dâng lên Bà những mâm lễ vật là nông sản do họ làm ra, như dưa leo, khổ qua, su hào, đậu bắp, ớt, chuối, củ cải… được bày biện kỳ công. Sau khi tế lễ kết thúc, họ phát tặng cho người trong đoàn và khách thập phương để lấy lộc Mẫu. Những mâm lễ vật đó là sự tạ ơn Thánh Mẫu đã phù hộ cho người nông dân được mùa no ấm.

Mẫu Thiên Y A Na được tôn vinh không chỉ là đấng linh thiêng có chức năng "*hộ quốc, tý dân*", mà còn giúp "*phong điều vũ thuận*"- một khát vọng ngàn đời của người nông dân. Sử sách đã từng ghi *"Đền Y- NA. Đền ở xã Khuất Phố, huyện Kim Trà, tục truyền thần là đàn bà, cũng có linh ứng. Hằng năm, đầu xuân, đảo vũ, mở hội đua thuyền, quan bản hạt thân hành chủ tế thì được mưa ngay"* [1, tr.291,86]. Vào đầu triều Nguyễn, đã có những buổi cầu đảo, cầu quốc thái dân an ở núi Ngọc Trản và có những ứng nghiệm. Dưới đời vua Đồng Khánh (1885-1889) trị vì hạn hán xảy ra khắp nơi, mùa màng thất bát, dân tình khốn khổ. Nhà vua lo lắng đi cầu đảo khắp nơi đều không nghiệm, chợt nhớ sự linh thiêng của nữ thần Thiên Y A Na trên núi Ngọc Trản liền cho làm lễ cầu đảo ở đây, quả nhiên linh ứng. Người dân Khánh Hòa khi tiến hành làm lễ cầu mưa ở miếu Quá Quan trên núi Lố (Vĩnh Phương, Nha Trang) phải thực hiện một nghi lễ bắt buộc là phải ném một hòn đá lớn xuống lòng hồ, hoặc chọc gậy vào khe nứt/lỗ/hố đất (mô phỏng động tác giao hợp), và thường linh ứng, thế nào trong ngày cũng có mưa.

Bên cạnh đó, tục thờ sinh thực khí (Linga-Yoni) trong tín ngưỡng Thiên Y A Na của người Việt ở Tháp Bà Nha Trang,

Tháp Nhạn, miếu Ông Thạch, miếu Bà ở chùa Đông Lâm và nhiều đền miếu ở khắp miền Trung… cũng thể hiện những khát vọng của cư dân nông nghiệp về sinh sôi, nảy nở, mùa màng bội thu. Những biểu hiện của tín ngưỡng phồn thực kể trên khó được chấp nhận trong xã hội người Việt Bắc Bộ truyền thống chịu ảnh hưởng nhiều của Nho giáo, nhưng lại được người Việt ở đây thực hành một cách cung kính và thường xuyên giống như những tiền dân, và cũng bởi sự ảnh hưởng, tiếp thu từ tín ngưỡng từ những người tiền trú.

Tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na của nông dân Việt ở Trung Bộ còn được thể hiện ở những nghi lễ, thói quen trong cuộc sống, với những biểu hiện khác nhau ở môi trường vụ thể. Tín ngưỡng thờ Bà ở đây được cụ thể hóa bằng hai nghi lễ tiêu biểu: *Kỳ an* (lễ cúng đình) quy mô cấp làng, xã thường diễn ra xuân thu nhị kỳ tại đình làng và *Tá thổ* (lễ cúng đất) quy mô gia đình diễn ra vào tháng 2 - 3 âm lịch.

** Lễ Kỳ an (lễ cúng đình)*

Tục truyền, người Chiêm Thành xưa rất giỏi bùa phép, ếm đối. Trước cuộc di cư của người Việt, người dân Chiêm Thành thường phải tản cư. Khi rời khỏi xóm làng, họ ếm đặt âm binh để giữ gìn của cải, vàng bạc được chôn giấu và ruộng đất, vườn tược của mình để không ai chiếm đoạt được, hi vọng có ngày trở lại tiếp quản. Tuy nhiên, phần đông họ ra đi mà không trở lại nên ruộng đất thành vô chủ. Người Việt vào đây lập nghiệp, ban đầu họ khai phá và canh tác trên những mảnh ruộng vườn vô chủ đó và thường bị quấy nhiễu bởi thần linh, ma quỷ của người tiền trú nên luôn có cảm giác bất an. Do vậy, họ phải dựa vào sự bảo trợ của một lực lượng tâm linh là *Bản Thổ/Bổn Cảnh Thành*

hoàng. Bổn Cảnh Thành hoàng ở đây là kết quả của một dạng chuyển hóa thần linh từ *Mẹ xứ sở Po Inư Nagar* của người Chăm sang *Thổ Thần/Bổn Cảnh Thành hoàng* của người Việt, mà Bà Thiên Y A Na là vị thần cao nhất.

Hàng năm người Việt ở Trung Bộ tổ chức lễ Kỳ an ở đình làng, theo lệ mỗi năm hai lần (xuân thu nhị kỳ). Cúng xuân vào tháng 3 hoặc tháng 4 âm lịch là cúng kỳ an, cầu thần hộ trì cho quốc thái dân an, cúng thu vào tháng 9 hoặc tháng 10 âm lịch là Thu tế để lễ tạ ơn Thần. Nghi lễ này nhằm cầu xin *Bổn Cảnh Thành hoàng,* các Tiền hiền, Hậu hiền và các vị thần linh của người tiền trú về nhận lễ vật, phù hộ cho họ được bình an, mùa màng tươi tốt, đồng thời cũng để tạ ơn các bậc tiền nhân đã có công lao khai phá vùng đất này.

Lễ *Kỳ an* tại các đình làng ở Khánh Hòa gồm các nghi lễ chính như: lễ rước sắc Bổn Cảnh Thành hoàng và Thiên Y A Na (nếu xóm làng nào thờ Bà), lễ cúng cô hồn, lễ thỉnh sanh, lễ tế Thiên Y A Na, lễ tế chánh (tế Thành hoàng), hát thứ lễ và tôn vương, lễ hồi sắc, lễ tế tiền hiền, lễ dâng hoa; lễ tụng kinh cầu an; lễ tống na, hát bội cùng các trò chơi dân gian.

** Lễ Tá thổ (lễ cúng đất)*

Trong tâm thế của người đi lập nghiệp, cách ứng xử nhân văn trên tinh thần dung hợp văn hóa là một hình dung khác về hình ảnh của những lớp lưu dân Việt trong hành trình Nam tiến. Những sắc thái biểu hiện trong nghi lễ *Tá thổ* ở Trung Bộ chính là một dẫn chứng cho sự dung hợp ấy.

Với bản chất cố hữu của người nông dân, cho dù đã "*an cư*" sau quá trình canh phá điền thổ, người Việt ở Trung Bộ vẫn băn

khoăn trước những mối đe dọa dưới dạng khuất lấp, khó lường của vùng ác địa. Lễ *Tá thổ* được người Việt duy trì cho đến ngày nay dưới nhiều tên gọi (*tạ thổ kỳ an, tá thổ, mãi thổ, khao thổ*…)[30] chính là mảnh thấu kính, mà qua đó, chúng ta sẽ phần nào soi thấu những căng thẳng và cả những điều chỉnh trong chiều sâu tâm lý của các lớp lưu dân vốn luôn tâm niệm "*Đất có Thổ Công, sông có Hà Bá"* [55, tr.2-3].

Nghi lễ này rất phổ biến ở Trung Bộ, được tổ chức ở quy mô gia đình, thường vào tháng 2, tháng 3. Đây là lễ *thuê, mượn, mua* đất của người Việt trên trần gian đối với những người ở cõi âm, mà trước đây họ từng là chủ nhân của mảnh đất ấy. Ban đầu khi mới đến người Việt thường bị thần linh, ma quỷ quấy nhiễu, sau khi cúng lễ họ mới biết vùng đất này vốn thuộc về các thần linh Chăm. Do vậy, muốn được yên ổn làm ăn, họ phải làm giấy thuê đất, nạp lễ vật[34] cho thần linh tiền chủ, phải lăn tay điểm chỉ vào tờ văn khế mượn đất trước khi thầy cúng đốt để gửi xuống cho các tiền thần ở cõi âm.

Vậy *thần linh của người tiền chủ là ai*? Trong lễ Tá thổ của người Việt ở Trung Bộ thì thần Hậu Thổ được thờ là vị thần linh cao nhất (Bà Hậu Thổ có hiệu là *Thừa Thiên Hoàng Hậu Vạn Phước (hay Diệu Tú) Phu Nhân Tôn Thần*, hiểu nôm na là Bà Vợ của ông Vua Trời hay Bà Chúa Đất, cũng có nghĩa là Po Inư Nagar - TG), sau đó là Chủ ngung Đào Lương Bang (người Hời), Man nương Nguyễn Thị Thúc (người Thượng) và con trai là cậu Hai Nguyễn Lương, Thổ Địa, Thổ Chủ, cô hồn, ma quỷ... Từ khi vào đây lập nghiệp, người Việt đã coi Po Inư Nagar của người Chăm (sau này Việt hóa thành Thiên Y A Na) là chủ đất nên phải thờ Bà. Do vậy, dù là lễ *Kỳ an* hay lễ *Tá thổ* đều thể

hiện tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na. Họ kính sợ những vị thần tiền chủ nhưng cũng muốn thể hiện quyền làm chủ của mình khi tiền nhân đã dời đi nơi khác bằng hành động trấn yểm đất sau khi đã hoàn thành lễ *mượn, mua* đất. Lễ *Kỳ an- Tá thổ* được đặt dưới sự hành lễ của thầy pháp đóng vai trò là cầu nối giữa cõi âm và cõi dương. Trong lễ *Tá thổ* có nghi lễ "*Xạ quỷ*" và "*Xuất Tam thánh diệt Hỏa tinh*" thể hiện việc khẳng định chủ quyền của người Việt đối với đất đai trước thần linh tiền chủ không cùng sắc dân. Trong nghi lễ này còn có múa bóng, múa siêu và hò bả trạo tạo nên sự hoàn chỉnh trong một nghi lễ văn hóa tâm linh.

Thiên Y A Na luôn hiện diện trong đời sống tâm linh của nông dân Việt ở Trung Bộ. Đối với họ, Bà là người bảo trợ cho dân làng, người dạy dân khai phá ruộng đồng, trồng lúa, trồng dâu và nhiều kỹ nghệ khác để sinh sống. Ngoài ra, Bà là vị phúc thần, là người sinh ra lúa gạo, là mơ ước về mùa màng bội thu[35]. Khi thất bát hay sự biến xảy ra, thậm chí mùa màng bị sâu bọ, chuột phá hoại, người dân không tìm ra cách chế ngự đều đến cầu xin và Bà đã hiển linh phù hộ[36]. Trong tâm thức người Việt, Bà vừa linh thiêng, gần gũi, vừa oai nghiêm, để người ta vừa kính trọng vừa nể sợ.

1.2. Thiên Y A Na trong tín ngưỡng của cư dân biển

Người Việt ở Bắc Bộ có tâm lý "*xa rừng, nhạt biển",* thậm chí là sợ biển, ngại biển và quay lưng lại với biển. Trong quá trình di cư vào Nam, với truyền thống của cư dân nông nghiệp họ tụ cư thành các làng ở vùng đồng bằng ven sông, ven biển, bằng lòng với sự ổn định mà ít thích phiêu lưu. Tuy nhiên, khái

niệm đồng bằng ở miền Trung mang đầy tính ước lệ, bởi núi đâm ngang ra tận biển nên chúng rất nhỏ hẹp. Vì vậy, rất nhanh chóng nó trở nên chật chội. Bên cạnh đó, các đồng bằng này không được màu mỡ, ít thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. Cho nên để mưu sinh, người Việt đã/phải mạnh dạn tiến về hai hướng mới: về phía núi (vùng lâm tộc) và phía biển (vùng đầm phá, biển, đảo), nhanh chóng lấp đầy những vùng còn hoang hóa. Họ hỗn cư và học cách sinh tồn của người dân bản địa, trong đó có nghề khai thác biển từ người Chăm.

Nghề biển có nguồn lợi lớn nhưng cũng là nghề nguy hiểm nhất trong các nghề và thường gặp rủi ro đến tính mạng. Trường hợp ngư phủ tử nạn thường hay xảy ra, ngoài bởi bão tố, cá lớn sát hại, còn bởi cả nước độc, xà thiêng ở những hòn đảo hoang vu ngoài khơi. Trước thực tế đó họ cảm thấy mình quá nhỏ bé, yếu đuối, lạc lõng trong một vũ trụ bao la đầy hiểm nguy mà sức người không thể chống chọi nổi. Bên cạnh đó họ còn có nỗi sợ hãi bởi người khuất mặt hay quỷ thần phá phách hoặc trừng phạt. Khi phương tiện đánh bắt còn thô sơ, người Việt đã phải tự trấn an và tìm lối thoát bằng cách dựa vào các thế lực siêu nhiên để chống lại sức mạnh của tự nhiên và các thế lực thần bí, để được hộ trì trong công việc làm ăn và cuộc sống hàng ngày. Do vậy, họ thờ cúng rất nhiều thần linh, đặc biệt là những vị thần linh biển ít nhiều có nguồn gốc Chăm nhằm cầu mong yên ổn và phù hộ cho sinh kế trên biển, như Nam Hải Đại Vương (Cá Ông), Thiên Y A Na, Thủy Long Thần Nữ, Bà Chúa Đảo, Bà Chúa Dàng, Bà Lỗ Lường, Bát vị Tiên Nương, ông Nược, ông Sứa, những người chết bất đắc kỳ tử (cô hồn) trên biển…

Theo Lê Quang Nghiêm trong *Tục thờ cúng của ngư phủ Khánh Hòa* cho biết, đối tượng thờ cúng của ngư dân Khánh Hòa là những vị thần linh hữu hình, vô hình mà ngư phủ tôn thờ từ xưa đến nay gồm có: Các vị Hiền thần (Thành hoàng làng); những linh vật hiền lành được triều đình sắc phong (cá Voi); những thần linh vô hình, những hung thần, ác quỷ do thầy cúng, thầy pháp bày vẽ hoặc do bùa phép ếm đối của người Chiêm Thành xưa để lại; những linh vật hung ác; những người đã chết vì nghề nghiệp hoặc những người chết bất đắc kỳ tử tại địa điểm làm ăn của họ; những bất động vật ngẫu nhiên có sự linh thiêng... Việc cúng kiến được thực hiện dưới nhiều hình thức như: Đứng đắn theo khuôn khổ của Đạo giáo hoặc quái lạ và vô nhân đạo vì ảnh hưởng của bùa phép tả đạo bàn môn [100, tr.18-19].

Cùng với Ông Nam Hải thì Bà Thiên Y A Na là những vị thần linh chủ đạo trong đời sống tâm linh của ngư phủ Trung Bộ. Trước khi khởi sự đánh cá ngư phủ thường làm lễ cúng ra mắt với lễ vật trọng thể, gồm thịt heo, gà, vịt, bánh trái, hoa quả… được bầy trên nhiều mâm để cúng:

- Chư vị thần linh biển cả (cúng tại miếu thờ Hội đồng).

- Bà Chúa Xứ - tức Thiên Y A Na (cai quản cả vùng) tại miếu thờ riêng hay phối thờ trong miếu Hội đồng.

- Bà Chúa Giàng, Bà Chúa Lồi, Bà Chúa Mối, Bà Chúa Đảo (cai quản các hòn đảo - ảnh hưởng cổ tục của Chiêm Thành). Trước đây, ngoài những vật phẩm kể trên thì lễ cúng các Bà phải có một cái gùi theo phong tục Chiêm Thành, nay lệ này đã được bãi bỏ.

Các làng chài, vạn, lạch, lân, xóm của người Việt ở ven biển miền Trung đâu đâu cũng thờ Thiên Y A Na. Ở đây Bà được thờ riêng, hoặc được phối thờ trong đình làng, lăng Ông, miếu thần. Mỗi khi vạn chài cúng đình, lăng Ông bao giờ cũng tế Bà một cách trang trọng.

Sự hiển linh cũng như đức phù độ, bảo trợ chúng sinh của Bà Thiên Y A Na được ngư dân Trung Bộ rất sùng tín. Người dân Quảng Nam - Đà Nẵng gọi Bà là Bà Chúa Ngọc hay Đức Đồng Thiên, tụng xưng là *Thánh Mẫu Thiên Y A Na Diễn Phi Chúa Ngọc đại từ tôn*. Trong tâm thức của họ, đức độ của Bà sánh ngang trời nên mới có danh xưng Đức Đồng Thiên, ân đức lớn nhất của Bà là làm theo đức Trời để ban bình an, tài lộc, tống tiễn ôn tà cho con dân làng biển. Ngư dân ở đây tôn Bà là Thánh Mẫu, thường cầu Bà độ trì cho tai qua nạn khỏi, tiêu trừ bệnh tật, tống ôn, tống tà cho dân vạn, hộ mạng cho kẻ ra khơi vào lộng [77, tr.30].

Ở miếu Nam Thọ (Đà Nẵng), thủ từ hàng ngày phải dọn dẹp hương khói, ngày sóc, ngày vọng phải ăn chay, tụng Địa mẫu chơn kinh và Kinh Nhật tụng để cầu bình an cho xóm làng. Nếu vạn làng có chuyện không may như mất mùa, đánh nhau, dịch bệnh thì thủ từ phải ăn chay, nằm đất tụng kinh 7 ngày tại miếu. Những khi biển đói các vạn lại làm lễ tống ôn tại Miếu Bà, thủ từ phải đọc kinh trong hai đêm lễ. Nếu ghe thuyền nào thất bát liên tục, chủ ghe phải mời thủ từ đến đọc Kinh Nhật tụng cầu Bà ban tài lộc cho ngay tại ghe thuyền của mình. Trong trường hợp này, thủ từ đọc thêm câu chú và cho nước cúng (nước Cam Lồ) để chủ ghe thuyền xối rửa phương tiện đánh bắt, và lời cầu khấn của chúng dân thường linh nghiệm.

Với ngư dân Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa thường đi đánh bắt xa bờ, trên thuyền đều có ban thờ Bồ Tát Nam Hải. Trước khi ra khơi họ làm lễ tế Ông (Nam Hải Đại Vương) và khấn Bà (Thiên Y A Na) thì công việc sẽ được thuận lợi. Khi đánh bắt ngoài khơi không được cá, lúc biển động hoặc có những nguy hiểm rình rập khi đang trên biển… họ thường kêu vái Bà Thiên Y A Na ngay tại thuyền hoặc báo tin cho người nhà sắm sửa lễ vật lên miếu Bà cúng lễ để cầu xin[37] và thường được linh ứng. Với ngư phủ miền Trung, Thiên Y A Na được đồng nhất với Phật Bà Quan Âm Nam Hải.

Ở Khánh Hòa, trong lễ hội vía Bà Nha Trang hoặc trong lễ mộc dục Thánh Mẫu (22/7 và 20/12 âm lịch), ngư phủ khắp nơi đổ về Tháp Bà Nha Trang để xin nước tắm tượng Bà. Họ vẩy nước tắm tượng lên những tấm lưới, lên thuyền hoặc lên người ngư dân để lấy may mắn cho cả năm đánh bắt trên biển. Điều này cũng diễn ra tương tự ở điện Trường Bà ở Trà Bồng, miếu Thiên Y A Na ở Lý Sơn, Sa Huỳnh (Quảng Ngãi),… Những khi lưới đăng bị mắc, kẹt, biển động hoặc mất mùa cá, các chủ đầm đăng và ngư dân Khánh Hòa thường tổ chức cúng tế ở miếu Lỗ Lường trên đảo Hòn Đỏ (vịnh Vân Phong), với nghi thức dùng bộ đồ gồm 6 chiếc gậy (tượng trưng cho dương vật - Linga) thọc vào khe đá nứt tự nhiên (giống hình âm hộ phụ nữ - Yoni) 3 lần tượng trưng cho sự giao hợp để cầu được mùa cá hoặc để giải xui.

Đối với ngư dân ở Trung Bộ, Thiên Y A Na không chỉ được thờ cúng ở dạng chính danh (Thiên Y A Na, Bà Chúa Ngọc…) mà còn ở dưới dạng các hóa thân[38]. Nơi các hóa thân của Bà hiển linh chủ yếu ở những cộng đồng cư trú dọc các con sông, ven biển, trên nền những di tích kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng

Chăm pa xưa. Bà Thu Bồn/Bô Bô phu nhân là một hóa thân của Thiên Y A Na, từ một nữ thần Chăm chuyển hóa thành thần Việt. Bà hiển linh và nổi tiếng khắp nơi, từ nguồn xuống biển và nơi đâu người dân cũng kính tín Bà. Với ngư dân Đà Nẵng - Quảng Nam thì Bô Bô phu nhân được suy tôn là *Nữ thần bảo trợ cho cư dân sông biển* [77, tr.39). Mỗi lần đi biển gặp sóng to gió lớn họ thường khấn: *Vái Bà Bà thổi gió đông/Ghe tôi xuôi trước chồng Bà xuôi sau* (nếu đi vào phía trong) và *Vái Bà Bà thổi gió nồm/Ghe tôi xuôi trước chồng Bà xuôi sau* (nếu đi ra).

Ngoài ra Bà còn là Bà Chúa ghe đua của làng Thu Bồn và một số làng biển ở Quảng Nam - Đà Nẵng như Cẩm Nam (Hội An), Duy Hải (Duy Xuyên), An Hải (Đà Nẵng), Phước Ấm (Thăng Bình)… Ghe Bà Chúa khi có hội thì rước đi đua, xong hội lại cất vào nơi quy định để thờ và cấm không cho ai sờ vào mắt, mũi ghe. Khi trở thành thần linh phù trợ cho cư dân sông biển, Bà Thu Bồn trở về với danh xưng Bà Chúa Ngọc. Khi cúng tế, thần hiệu của Bô Bô phu nhân cũng là *Thiên Y A Na Diễn Phi Chúa Ngọc Thượng đẳng thần*. Còn với ngư phủ từ Quảng Ngãi đến Khánh Hòa thì Thiên Y A Na còn có các hóa thân là Bà Chúa Xứ, Bà Chúa Đảo, Bà Lỗ Lường, Bà Vạn Lạch… và họ thường gọi chung là Bà.

1.3. Thiên Y A Na trong tín ngưỡng của cư dân khai thác lâm sản

Từ lâu miền Trung Việt Nam nổi tiếng với nhiều loại lâm thổ sản quý ở vùng núi. Đây là một trong những nguồn lực chính để phát triển nền thương mại Chăm pa trước đây và Đại Việt sau này. Người Việt ở từ Bắc Bộ di cư vào có truyền thống *xa rừng nhạt biển trọng nghề nông* thì vùng núi phía tây ở

Trung Bộ rộng lớn, nhiều sản vật nhưng là vùng rừng thiêng nước độc, nhiều thú dữ và những phong tục kỳ quái của các tộc người bản địa luôn bí hiểm và nguy hiểm với họ. Ở đây, đồng bằng không có nhiều thuận lợi để phát triển nông nghiệp tương ứng với sự gia tăng dân số, nhưng khu vực rừng núi bên cạnh lại được thiên nhiên ưu đãi, có nhiều sản vật quý giá, như quế, tiêu, mật ong, sừng tê,… đặc biệt là *kỳ nam, trầm hương*. Đây là lý do thu hút những lưu dân Việt mạnh dạn tiến vào khai thác vùng kinh tế mới này. Vì lạ lẫm và đầy nguy hiểm nên họ phải dựa vào sự bảo trợ của các bậc thần linh, và họ đã cầu xin Mẫu Thiên Y A Na - vị thần quyền năng phù hộ và bảo trợ.

Kỳ nam và trầm hương không phải là một loại cây mà là lõi của cây dó. Cây dó có nhiều ở các vùng rừng Việt Nam, nhưng chỉ có cây dó bầu ở rừng núi Trung Bộ và Tây Nguyên, nhất là ở Khánh Hòa mới sinh ra trầm hương và kỳ nam. Dân gian ở đây có câu:

Khánh Hòa là xứ trầm hương

Non cao biển rộng người thương đi về

Loại lâm sản quý hiếm này được đề cập đến rất nhiều trong cổ sử Việt Nam và Trung Quốc[39]. Trầm hương còn được các vua triều Nguyễn khắc lên Cửu đỉnh đặt trước sân thế miếu trong Hoàng thành[40]. Đây cũng là cống vật chủ yếu của Chămpa trước kia. Từ thế kỷ IX, người Hồi giáo và phương Tây cũng biết đến trầm hương và nó được liệt vào bảng danh sách những sản vật của Chămpa. Giáo sĩ Alexandre de Rhodes còn nhấn mạnh "*chỉ có Việt Nam mới có kỳ nam*". Cho đến nay, trầm hương của Việt Nam vẫn khẳng định được giá trị của nó[41].

Người Việt ở đây đã học hỏi kinh nghiệm khai thác và sử dụng trầm hương của người Chăm xưa. Họ hiểu rất rõ giá trị dược liệu của trầm hương và kỳ nam[42], nên chúng thường rất đắt. Kỳ nam được chia làm bốn hạng: nhất bạch, nhì thanh, tam huỳnh, tứ hắc. Còn trầm thì cũng được chia làm bốn loại: trầm mắt kiến, trầm rễ, trầm mắt tử và trầm tốc[43]. Kinh nghiệm dân gian của người dân Khánh Hòa đã cho biết nơi nào có trầm tốt:

Cây quế Thiên Thai mọc ngoài khe đá

Trầm nơi Vạn Giã hương tỏa sơn lâm

Công việc đi tìm trầm cũng vô cùng gian lao, vất vả. Đi lấy trầm phải đi lâu ngày, vào rừng sâu nên người đi tìm trầm được gọi là đi điệu. Dự kiến chuyến đi bao nhiêu ngày họ phải mang theo đủ lương thực, thực phẩm, các loại thuốc chống khí độc và rắn rết trong rừng do các thầy cúng miền Thượng (Tây Nguyên) bán cho. Khi đi vào rừng, người tìm trầm phải ngậm ngải để không phát ra tiếng động, nếu gặp cọp, rắn, voi… thì phải tránh để cho chúng tự do đi lại. Thông thường, khi đi tìm trầm họ đi thành một nhóm (khoảng từ 5 đến 10 người), do một trưởng bầu là người thông thuộc địa hình, có kinh nghiệm tìm trầm, có đức độ dẫn đầu và cũng là người được chia phần nhiều hơn. Trước đây, các điệu bầu thường đi tìm trầm khoảng từ 15 ngày đến một tháng rồi về, còn ngày nay họ đi tìm đến khi được trầm mới về, thậm chí tìm được trầm, kỳ họ bán luôn cho thương lái từ Nha Trang hay Sài Gòn lên tận nơi thu mua rồi đi tìm tiếp. Địa bàn lấy trầm được mở rộng từ Khánh Hoà đến Đà Nẵng lên Đắk Lắk vùng người Thượng rồi vào đến tận Đồng Nai. Trước khi đi tìm trầm, người đi điệu phải xem ngày tốt mới đi, phải ăn chay 3

ngày, kiêng kỵ tuyệt đối việc sinh hoạt vợ chồng từ một tuần đến nửa tháng, trước khi đi và phải sắm lễ vật lên miếu, vào rừng cầu khấn Thiên Y A Na - Bà Chúa Trầm hương [44] xin phù hộ. Sau khi khấn Bà, điệu bầu còn khấn Cậu - con Bà.

Hiện nay, người đi điệu ở miền Trung vẫn tin rằng trầm hương trong vùng là của Bà Thiên Y A Na, Bà cho ai thì người đó được, nếu Bà không cho thì dù người đó có đứng cạnh cây trầm cũng không thể tìm thấy. Bởi vậy, trước khi đi tìm trầm, người đi điệu phải làm lễ cầu khấn Bà tại tư gia hay tại miếu Bà trong thôn. Vào đến cửa rừng họ phải làm lễ khai sơn. Đồ cúng lễ phải để sạch sẽ, tinh khiết, và không lẫn với các thứ khác, thường do điệu bầu chuẩn bị. Dọc đường gặp rắn lớn là điềm hên, người đi điệu tin rằng sẽ tìm được của, vì họ cho rằng đó là "*quân của Bà*" báo trước. Còn nếu bị bể ly, chén hoặc gà mang theo để cúng tự dưng lăn ra chết là điềm xui, cần đề phòng. Bà ưa lương thiện nên những người tốt thường được Bà cho "lộc" tìm được trầm, làm việc xấu là có tội với Bà và sẽ bị trừng phạt.

Những người đi tìm trầm ở vùng Khánh Hòa tin rằng Bà có bốn cây trầm hương trấn ở bốn phương: Một cây ở Đồng Bò trấn phía nam, một cây ở Hòn Bà (Ninh Hòa) trấn phía bắc, một cây ở Hòn Dữ (Diên Khánh) trấn phía tây và một cây ở Suối Ngổ trấn phía đông. Theo dân gian truyền tụng những cây trầm này không còn lá, không còn giác, mưa nắng không thể làm hư mục và có chim muông, cọp rắn canh giữ không cho ai lấy.

Một số danh thắng ở Khánh Hòa cũng có truyền thuyết gắn với Mẹ Trầm hương Thiên Y A Na như: Hòn Bà nằm ở tây nam của huyện Ninh Hòa là núi được dân địa phương gọi là núi Bà

(của riêng Bà Thiên Y A Na), ở đó có nhiều trầm hương, trên núi có miếu thờ Bà. Trước khi đi tìm trầm, điệu bầu phải sắm lễ vật đến đây cầu khấn Bà. Nằm sát Ninh Hòa và Diên Khánh có núi Hòn Dữ cũng được coi là núi của Bà Thiên Y A Na và có nhiều trầm hương. Ở Suối Đổ tương truyền Bà Thiên Y A Na thường đến hóng mát, có cây trầm to đến bốn người ôm, dài hơn 10 thước tỏa hương ngát một vùng. Tại đây, nơi hồ thấp nhất trong ba hồ có miếu thờ Thiên Y. Vùng Suối Cát (Ninh Hòa) có nhiều cây dó và cọp, đây cũng là nơi Bà thường đến. Suối Ngổ (Diên Khánh) cũng được cho là đất của Bà bởi nơi đó có rất nhiều cây dó sinh ra trầm hương.

Ở đây, Bà là Mẹ Trầm hương - một loại cây quý nhất trong vùng. Bà là người sinh ra trầm hương và bảo trợ nghề tìm trầm. Hình ảnh cây dó sinh trầm được coi là "*để diễn tả và mô tả ý tưởng về tính phồn thực của Thần Mẹ sáng tạo… Dùng cây trầm hương để biểu tượng cho Nữ thần Mẹ vĩ đại của xứ sở là một hình ảnh đẹp và hoàn hảo cả về ý niệm cũng như biểu tượng*" [38, tr.53]. Vì vậy, nơi phát tích của Bà Thiên Y A Na được mệnh danh là Xứ Trầm hương và khúc gỗ trầm là hiện thân của chính Bà, đưa Bà đến những nơi mà tiền duyên đã định.

Rừng Trung Bộ còn là nơi cung cấp nguyên liệu dồi dào cho nhiều nghề thủ công truyền thống như nghề đóng ghe thuyền, đan lát mây, tre, lá buông, nghề chằm nón, nghề đốt than… Mỗi nghề đều có kiêng kỵ riêng nhưng đều khai thác nguyên liệu từ rừng. Vì rừng là của Bà Thiên Y A Na nên họ phải thường xuyên phải cúng lễ trước khi khai thác. Theo lệ trước kia của cư dân nghề chằm nón lá, đan võng,… ở Diên

Khánh và Ninh Hòa (Khánh Hòa), sau khi ăn tết xong, muốn vào rừng lấy cây dứa, tre hoặc lá buông về làm thì người dân phải bày một lễ cúng khai sơn ở cửa rừng. Mỗi lần cúng như thế phải lỉnh kỉnh nồi niêu xoong chảo đem vào núi để cúng. Hai họ Võ và Hồ ở làng Mỹ Thạnh (Ninh Hòa) trước đây chuyên nghề chằm nón lá. Nhận thấy công việc cúng trong núi khó khăn nên cùng với dân làng xin lập miếu gần khu dân cư, tiện giao thông, dân gọi là miếu Trung Mỹ. Miếu thờ bà Thiên Y A Na và họ coi Bà là người bảo trợ cho làng và nghề khai thác lá buông để chằm nón lá trong vùng.

Núi rừng Quảng Ngãi, Bình Định, với sản vật là quế, tiêu, mật ong, trầu, trầm hương… từ lâu đã là nguồn hàng trao đổi chủ yếu với bên ngoài. Những người làm nghề sơn tràng ở đây cũng tôn Bà Thiên Y A Na là thần bảo trợ. Trước khi đi khai thác, trao đổi hàng hóa ở miền thượng, người Việt thường đến Điện Trường Bà (Trà Bồng, Quảng Ngãi) để cúng Bà Thiên Y A Na mong được thuận lợi trong công việc. Trước ngày mở hội tế Bà, người ta làm đàn hướng về rừng núi phía tây thỉnh mời các sơn thần về dự lễ để phù hộ cho nhân dân trong hoạt động khai thác rừng. Hằng năm, vào ngày vía Bà (14-16/4 âm lịch), các tộc người Kinh, Hoa, Chăm, Co, Hrê, Cơ tu ở các nơi về đây viếng Thánh mẫu. Họ thường mang quế, mật ong, trầu cau… để bày lễ cúng Bà. Ở đây, Bà không chỉ là vị thần bảo trợ cho người sơn tràng mà hình tượng Bà cũng như lễ hội Trường Bà còn chồng lấp, giao thoa nhiều nền văn hóa khác nhau (Chăm - Hoa - Kinh - Co - Hrê - Cơ tu) và là biểu tượng của tình đoàn kết Kinh - Thượng trong quá trình thống nhất đất nước.

1.4. Thiên Y A Na trong tín ngưỡng của cư dân các ngành nghề khác

Trong tín ngưỡng của cư dân buôn bán

Do đặc thù nghề nghiệp nên người làm nghề buôn bán rất tin vào sự linh thiêng và sự phù hộ của các bậc thần linh cho công việc của mình, và đây cũng là những đối tượng cúng tiến nhiều tiền của và hiện vật cho các cơ sở tín ngưỡng. Hàng năm, vào ngày lễ mộc dục tại Tháp Bà Pô Nagar (Nha Trang), Am Chúa (Diên Khánh), Điện Huệ Nam (Huế), Lăng Bà Thu Bồn (Quảng Nam), Điện Trường Bà (Quảng Ngãi)… họ xin nước tắm tượng Bà để vẩy lên hàng hóa như phước lộc thần linh ban cho được buôn may bán đắt. Khi việc buôn bán hanh thông, họ thường lễ tạ ơn Bà, còn khi buôn bán không suôn sẻ họ cũng sửa lễ đến cầu mong Bà che chở, phù hộ. Những mâm lễ của giới thương nhân thường chu đáo, hậu hĩnh, nhiều tiền vàng mã kể cả tiền thật, thể hiện ước vọng nghề nghiệp và sự cầu xin của họ lên Thánh Mẫu.

Không chỉ các miếu lớn thờ Bà Thiên Y A Na ở các thành phố, trung tâm đô thị, mà các miếu nhỏ ở thị trấn, thị tứ, trong xóm làng cũng được những người buôn bán cầu cúng kính cẩn thường xuyên. Họ rất tin vào sự hiển linh và phù hộ của Bà. Hàng ngày, họ đến miếu cúng cầu xin Bà phù hộ cho công việc của mình, không cứ là ngày vía, ngày rằm hay mồng một. Những ngày lệ, họ thường cúng Bà lớn hơn và tổ chức ăn chay để tỏ lòng tôn kính Thánh Mẫu.

Không chỉ ở dạng chính danh mà các hóa thân của Bà cũng được cư dân buôn bán sùng tín. Theo truyền thuyết của người

dân xứ Quảng thì Chợ Được là một hành cung mới của bà Phường Chào (một hóa thân của Thiên Y A Na) ở làng Phúc Ấm, Thăng Bình (Quảng Nam). Một ngày nọ, Bà vân du đến đây, ban phúc, lập chợ, giúp dân phát triển thương nghiệp. Để ghi nhớ công lao, dân làng Phúc Ấm gọi chợ đó là Chợ Bà, sau đổi thành Chợ Được, đồng thời lập lăng thờ, gọi là Lăng Bà Chợ Được [77, tr.41-42].

Người Việt đến khai phá và tụ cư ở Trà Bồng (Quảng Ngãi) đã chọn thị trấn Trà Xuân làm nơi giao thương, xây điện Trường Bà và thờ Thiên Y A Na ngoài mục đích giúp dân diệt ác thú, khử yêu ma, khai sơn, trị thủy, cuộc sống no đủ mà còn cầu mong Bà phù hộ "gặp may mắn trong buôn bán". Tương truyền xưa kia Bà giáng ở đây cứu giúp thiên hạ. Trong một lần mưa lụt, cốt tượng Bà trôi về Thạch An, sau dân làng phải kêu cầu nhiều lần, tu sửa điện thờ, mở chợ trước điện thì Bà mới thuận cho rước tượng về thờ[45].

Tại chợ trước Điện Bà, ngày thường cũng như lễ hội, bà con người Co, người Hrê thường mang trầu cau, mật ong, quế xuống đổi với người Kinh, người Hoa để lấy gạo, cá, muối. Điều đó có thể khẳng định rằng điện Trường Bà trước đây là một địa điểm trao đổi hàng hóa giữa miền núi và đồng bằng ven biển trong hệ thống thương mại Chăm pa trước kia và Đại Việt sau này, qua mạng lưới thương nhân người Việt và người Hoa để đưa lâm thổ sản xuống các cảng thị ven biển. Trong tín ngưỡng của người Việt và người Hoa ở Trà Bồng, Mẫu Thiên Y A Na nhiều khi được đồng nhất với Mẫu Thiên Hậu - một vị thần phù trợ cho nền thương nghiệp của người Hoa. Hàng năm vào ngày vía Bà

các thương nhân người Việt, người Hoa ở khắp nơi trong vùng về đây dâng lễ, xin hưởng lộc Bà và nghe phán bảo của Bà qua lễ *xin xăm*.

Trong tín ngưỡng của cư dân làm nghề thuốc

Trong cộng đồng người Việt ở Trung Bộ lưu truyền nhiều truyền thuyết về Bà là một vị thần y giáng thế để chữa bệnh cứu người hoặc chỉ cách chữa bệnh cho dân. Bà đã chữa khỏi mắt cho mẹ vua Đồng Khánh (lúc còn là Thái tử), phù hộ cho vua đăng quang ngôi báu theo nguyện cầu[46]. Cảm tạ công ơn, vua cho tu sửa miếu Ngọc Trản sơn từ thành điện Huệ Nam uy nghi tráng lệ, hàng năm dâng tặng lễ vật, thờ cúng chu đáo và tự nhận làm đệ tử của nữ thần.

Ở Khánh Hòa những truyền thuyết về sự linh ứng trong chữa bệnh của Bà cũng rất phổ biến. Truyền rằng, vua Minh Mệnh có một người con gái rất xinh đẹp, đến tuổi 18 tự dưng bị bệnh về mắt, triều đình mời cả thầy thuốc trong nước, thầy thuốc người Tàu, thậm chí cả thầy thuốc người Tây chữa mãi mà không khỏi. Sau đó, nghe tin ở phủ Bình Khang có một ngôi đền thờ Mẫu rất linh ứng bên cạnh cửa sông Cái nhìn ra biển. Hoàng hậu liền đích thân đưa công chúa đến đây cầu khấn Mẫu phù hộ để chữa khỏi mắt. Họ lấy nước tắm tượng trong ngày vía Bà cho công chúa uống và bôi lên mắt hàng ngày. Chẳng mấy chốc mà mắt công chúa khỏi bệnh. Để đáp lại ơn đức của Bà, hoàng hậu và công chúa cúng tiến rất nhiều vàng bạc, của cải để sửa sang lại đền thờ và hương khói quanh năm. Vua Minh Mệnh vì ơn của Bà đối với con gái nên phong tặng Bà là Thiên Y Thánh mẫu (thuốc của Mẹ trời)[47].

Truyền thuyết chùa Suối Ngổ (Vĩnh Phương, Nha Trang) kể về chuyện Bà hiển linh cứu giúp người dân bị bệnh hiểm nghèo, truyền cho một vài người cách làm thuốc và trị bệnh cứu người. Hiện nay, người dân và khách thập phương vẫn giữ lệ xin nước tắm tượng trong ngày lễ Vía Bà để về chữa bệnh, đặc biệt là những bệnh nan y để cầu mong sự may mắn và được Bà chữa khỏi bệnh[48]. Tại Tháp Bà Nha Trang, hàng ngày có rất nhiều người đến cầu khấn Bà, xoa tay lên tượng, ngai Bà rồi bôi lên khắp cơ thể. Họ tin rằng như thế Thánh Mẫu sẽ phù hộ cho mình sức khỏe, tránh được bệnh tật, con trẻ sẽ được khai trí, thai phụ sẽ được thuận lợi trong sinh đẻ. Những người dân ở thôn Hội Quảng 1 (Vạn Giã, Vạn Ninh, Khánh Hòa) có lệ khi lấy cây thuốc về trị bệnh, họ mang ra miếu Thiên Y để khấn Bà rồi mới mang về nhà nấu thành nước uống. Thậm chí, họ còn mang những chai nước lọc lớn ra miếu Bà thắp hương, có người để lại cho mọi người cùng uống, có người mang về làm nước uống hàng ngày. Họ tin rằng uống nước đó vào Bà sẽ phù hộ cho khỏe mạnh và tránh được các bệnh tật.

Sự linh ứng trong chữa bệnh của Bà Thiên Y A Na còn được lưu truyền ở nhiều nơi khác. Tại miếu Lùm Bà Dàng ở Hội An (Thanh Chiếm, Thanh Hà) vẫn còn một bệ đá Chăm có niên đại khoảng thế kỷ 5-11, nhiều mảnh sa thạch, gạch Chăm và lưu truyền sự tích: "*vào một ngày mưa giông của tháng ba, tháng tư, có một Nữ thần ẩn hiện theo gió mây, đi từ hướng núi Trà Kiệu ngang qua khu vực Lùm Bà Dàng và phán truyền rằng: Ta là Cổ Nương chi thần, đi ngang qua đây thấy cảnh đẹp mà lưu lại. Tại đây, Bà đã ở lại khoảng 5 - 10 năm để phát thuốc và chữa bệnh cho dân lành*...". Danh xưng vị Nữ thần tại miếu Lùm Bà Dàng

là *Cổ Nương chi thần* chính là vị Nữ thần Pô Inư Nưgar/ Thiên Y A Na [153].

Miếu Bà Cổ Vàng (Cẩm Hà, Hội An) tương truyền rất linh thiêng, ai ốm đau đến thắp hương cầu Bà đều được Bà cho thuốc về chữa khỏi. Thuốc Bà cho có khi chỉ là vài cây cỏ xung quanh miếu nhưng hiệu nghiệm. Dân làng thường cầu Bà để được ban bình an và sức khỏe. Một truyền thuyết về Bà Thu Bồn (Duy Xuyên, Quảng Nam) vốn là một cô gái trẻ có tài năng chữa bệnh cứu người, chữa khỏi bệnh dịch cho người dân trong vùng. Bên cạnh đó, miếu Bà Chợ Được (Phúc Ấm, Thăng Bình, Quảng Nam), cũng rất linh thiêng, mỗi khi có người đến xin thuốc, Bà liền giáng bút cho ông đồng - người làm "*xác*" của Bà kê đơn thuốc cho con bệnh. Trước khi nhận đơn Bà cho, ông đồng phải đọc văn cầu Bà.

Hiện tượng làm "*xác đồng"* Bà để chữa bệnh khá phổ biến trong tín ngưỡng của người Việt ở Trung Bộ. Bà chọn một vài người có căn, có số, bầy cho họ cách trị bệnh cứu người trong những lần nhập xác. Thông thường, những người này chữa bệnh không lấy tiền của con bệnh (mà tùy tâm con bệnh đặt lễ ít nhiều), nhưng theo họ thì "*Bà công bằng lắm, mình không lấy tiền của con bệnh thì Bà lại cho mình những lộc khác*, *như buôn may bán đắt, chăn nuôi phát triển ít dịch bệnh, con cái thành tài… để mình yên tâm chữa bệnh cứu người"*[49]. Những đồng cô, đồng cậu vinh hạnh được Bà "*nhập xác*" bày cho cách chữa bệnh cứu người phải là người có đức hạnh và phải ăn chay trường mới linh ứng.

Ở điện Trường Bà (Quảng Ngãi) những người Hoa làm nghề thuốc bắc ở thị trấn Châu Ổ (Bình Châu) thường xuyên đến

đây cúng, nhất là vào ngày vía Bà và ngày 5/5 âm lịch (ngày thầy thuốc của người Hoa). Người Việt ở Trà Bồng mỗi khi vào núi hái cây thuốc để chữa bệnh hoặc sử dụng làm nước uống hàng ngày họ đều qua điện Bà làm lễ cúng, mong Bà phù hộ cho sức khỏe. Vào ngày vía Bà, những tín đồ có bệnh trong người ở khắp nơi tìm về đây xin Bà chữa bệnh cho bằng cách *xin xăm*. Rút được xăm nào, họ xin nhà đền cho đơn thuốc, rồi đến hiệu thuốc nam, thuốc bắc bốc thuốc theo "*đơn Bà cho*". Rất nhiều người chữa bệnh bằng cách này đã khỏi, họ đều trở lại để tạ ơn Bà. Điều này càng làm cho Điện Bà thêm linh ứng.

Trong tín ngưỡng của người làm nghề y, Thiên Y A Na không phải là vị tổ nghề, nhưng họ luôn coi Bà là vị thần bảo trợ nghề nên rất thành tâm cúng kính. Người dân tin vào sự linh ứng và phù hộ của Bà, đặc biệt là việc chữa trị những bệnh nan y. Dù có hay không phương thuốc thần y, nhưng niềm tin vào sự che chở, linh nghiệm của Bà đã là thần dược, giúp cho con người chiến thắng bệnh tật, đem lại bình an và sức khỏe. Chính điều đó đã làm cho Bà luôn hiện hữu và quan trọng trong đời sống tâm linh của nhân dân nơi đây.

Đời sống tâm linh của người Việt ở Trung Bộ rất phong phú và đa dạng, mỗi ngành, nghề lại có những kiêng kỵ đặc thù với những vị thần linh chủ đạo nhưng đều thấy sự xuất hiện của Bà Thiên Y A Na, dù trực tiếp hay gián tiếp. Khi cầu khấn Bà họ luôn tụng *Nam mô Thiên Y A Na Bồ Tát đại từ tôn* hoặc *Nam Mô Thiên Y Thánh Mẫu Đại Từ Tôn.* Phải chăng, Bà là vị Phúc thần của cả vùng, luôn anh linh và hiện hữu khắp nơi, là chỗ dựa tinh thần không thể thay thế được, tựa như những người con dựa vào sự che chở của Mẹ.

2. THIÊN Y A NA TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA NGHỆ THUẬT CỦA NGƯỜI VIỆT Ở TRUNG BỘ

2.1. Thiên Y A Na trong văn học dân gian

Trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam có một mảng riêng, rất phong phú gắn với tín ngưỡng thờ Mẫu, như văn chầu, thần tích, thần phả, huyền thoại, truyền thuyết, giáng bút, ứng khẩu, câu đối, văn bia... Thiên Y A Na không chỉ hiện hữu trong đời sống tâm linh của người Việt mà Bà còn là đề tài phong phú cho sự hình thành, phát triển và bảo tồn văn học dân gian Trung Bộ xưa và nay.

Hình tượng Thiên Y A Na trong văn học dân gian tồn tại dưới nhiều hình thức, như truyền thuyết, truyện kể, thần tích, thơ ca, văn bia, câu đối… Điển hình như: Bia ký *Thiên Y Tiên Nữ truyện* của Phan Thanh Giản tại Tháp Bà Pô Nagar Nha Trang (năm 1856); C*huyện kể về tích cây kỳ nam; sự tích Hòn Chồng Nha Trang*; *Thiên Y A Na* (Xứ Trầm hương của Quách Tấn); *Thiên Y Thánh Mẫu* (Việt Nam văn học toàn thư Sài Gòn, 1973 của Hoàng Trọng Miện); *Cổ tháp linh tích* (Việt Nam Khảo cổ tập san số 3, Sài Gòn, 1962); *Thiên Y thánh tích* (Tổng hội Thiên Tiên Thánh giáo Thừa Thiên An Hùng, 1970) và nhiều truyền thuyết được lưu truyền trong dân gian… Nội dung cốt truyện phản ánh thân thế, cuộc đời, thánh tích của Bà đối với người Việt và triều Nguyễn. Mặc dù mang sắc thái thần bí nhưng nó bao hàm những giá trị nhân văn to lớn trong đời sống tinh thần của người Việt và người Chăm ở nơi đây.

Truyền thuyết, truyện kể

Truyền thuyết, truyện kể về Po Inư Nagar/Thiên Y A Na luôn tồn tại và hiện hữu trong cộng đồng người Việt và người

Chăm với nội dung phong phú, đa dạng. Quá trình Việt hóa Mẹ xứ sở của người Chăm làm cho hình ảnh của Bà trong tâm trí người Việt ở Trung Bộ mang màu sắc huyền bí nhưng rất đỗi gần gũi. Đồng thời nó cũng là một biểu hiện của sự giao thoa văn hóa Việt - Chăm nơi đây.

Truyền thuyết về Thiên Y A Na lưu truyền ở Nam Trung Bộ được ghi vào bia đá ở Tháp Bà Nha Trang năm 1858 là truyện Bà Thiên Y của người Việt, nhưng có nguồn gốc từ truyền thuyết Thần Mẹ xứ sở Po Inư Nagar của người Chăm ở khu vực Kauthara. Qua thời gian, câu chuyện về "Mẹ" của người Chăm và người Việt ở đây cũng có dị bản, nhưng trong đó sự tương đồng là chủ yếu.

Truyện nàng Mưjưk của người Chăm và truyện Thánh mẫu Thiên Y A Na của người Việt đều kể rằng: Bà được vợ chồng ông tiều phu già không có con nhặt trong rừng/ruộng dưa đem về nuôi. Cuộc đời Bà gắn liền với sự xuất hiện của một loại cây gỗ quý (trầm hương) trên sông/biển. Bà ẩn vào cây trầm hương theo sóng biển lên phía Bắc, dạt vào một quốc gia nọ kết duyên cùng Thái tử, hạ sinh con cái (một trai, một gái/hai trai hoặc hai gái). Vì nhớ quê hương/hoặc vì không chịu nổi người chồng tàn bạo nên Bà cùng các con ẩn vào thân cây trầm hương trở về quê sinh sống, tạo lập xóm làng, dạy dân làm ăn, sau đó hóa thánh phù trợ cho nhân dân trong vùng. Thái tử cho người đi tìm vợ con nhưng vì đoàn tuỳ tùng xúc phạm đến uy linh của Bà nên bà đã hóa phép cho giông tố nổi lên nhấn chìm đoàn thuyền tùy tùng của Thái tử tại cửa biển Nha Trang mà dấu tích hiện nay vẫn còn.

Bà trở thành vị thần được thờ phụng rộng rãi trong vùng bởi những thánh tích của Bà. Bà dạy dân biết trồng lúa, dệt vải, sản

xuất, lo sinh kế, tránh hoạn nạn và các phép tắc nghề nghiệp để nuôi nhau. Bà là thần bảo trợ cho mọi nghề nghiệp, thường hiển linh, cứu nhân độ thế. Những người bị bệnh hiểm nghèo, người hiếm muộn, cầu mùa, trị dịch bệnh,… đến cầu Bà đều được linh ứng. Đối với người Chăm và người Việt ở Trung Bộ, Po Inư Nưgar/Thiên Y A Na đều là Thánh Mẫu tối thượng trong đời sống tâm linh của họ. Tuy nhiên, truyền thuyết Po Inư Nưgar của người Chăm mang đậm tính sáng thế, còn truyện về Thiên Y A Na của người Việt mang tính đời thường hơn.

Các truyền thuyết về Thiên Y A Na của người Việt ở Trung Bộ tồn tại ở hai dạng: Văn bản và truyền khẩu dân gian. Hiện nay, các câu chuyện về Bà đã được sưu tầm và ghi chép lại. Mặc dù là một nhân vật thần thoại, có nguồn gốc từ một tộc người khác, nhưng do ảnh hưởng của Bà trong đời sống tâm linh của người dân và triều Nguyễn ở miền Trung, nên thân thế, cuộc đời và sự linh ứng của Bà đã được ghi lại trong Quốc sử và khắc trên văn bia.

Ghi chép sớm nhất về vị nữ thần linh thiêng phù hộ cho vua Lý Thánh Tông nam chinh, sau được phong là *Hậu Thổ Phu Nhân* thờ ở Thăng Long trong *Việt Điện U Linh Tập* của Lý Tế Xuyên. *Ô Châu Cận Lục* của Dương Văn An cũng ghi chép về Thần Y Na [1, tr.291]. Đây là các dạng thức linh hiển (hóa thân) của Po Inư Nagar được người Việt tiếp thu, thờ phụng. Sau này, Quốc Sử quán triều Nguyễn cũng ghi lại nhiều câu chuyện về nguồn gốc và sự hiển linh của nữ thần Chăm như truyền thuyết về *Nữ thần áo xanh - Trảo Trảo phu nhân* ở Quảng Trị hay sự tích chùa Thiên Mụ gắn với *Bà Trời áo đỏ* [115, tr.35]. *Đại Nam nhất thống chí* ghi lại thân thế, sự nghiệp và thánh tích của

Thánh mẫu Thiên Y A Na dựa trên nội dung câu chuyện mà Phan Thanh Giản cho khắc ghi lại. Ngoài ra còn nhiều tích về sự linh ứng của Bà được ghi lại có liên quan đến quá trình xác lập và xây dựng cơ đồ nhà Nguyễn, như các câu truyện về Nữ thần trên núi Hương Uyển, truyện Bà Thiên Y hiển linh và che chở và giúp chúa Nguyễn Ánh chạy loạn ở Phú Yên, Khánh Hòa, truyện Bà linh ứng trong các lễ cầu đảo của triều đình…

Ngoài việc được ghi trong sử sách, các tích truyện về Thiên Y A Na còn được ghi lại ở dạng bia ký. Ở Khánh Hòa hiện còn 3 tấm bia, được lưu giữ ở Tháp Bà Nha Trang và Am Chúa (Diên Khánh)[50] ghi lại truyền thuyết Thiên Y A Na hiển linh mà những người phụng soạn đều là mệnh quan triều Nguyễn. Việc đó đồng nghĩa rằng những truyền thuyết về Thiên Y A Na được văn bản hóa và Bà trở thành nhân vật văn học chính thống.

Ngoài những truyền thuyết kể trên thì ở mỗi vùng, mỗi ngành nghề của người Việt ở Trung Bộ đều gắn với những câu chuyện khác nhau về Bà Thiên Y A Na, chủ yếu là sự hiển linh, giúp người của Bà trong cuộc sống thường ngày. Nó cũng ít nhiều đề cập đến nguồn gốc và nơi phát tích của Bà. Những câu chuyện linh thiêng về một vị Mẫu thần được thờ phổ biến ở Trung Bộ có những tình tiết khẳng định "*Bà quê ở Cầu Bóng Nha Trang*", hoặc "*Thiếp là tinh của đại địa Nam quốc*", "*Gốc Bà ở Qua Sơn (Núi Dưa, Đại Điền, Diên Khánh, Khánh Hòa), thác ở trên núi cạnh cửa biển Cù Huân (cửa biển Nha Trang), hiển linh khắp vùng. Nơi Bà hiển linh, đâu đâu người dân cũng lập miếu thờ…*", "*Bà lớn lắm, cửa thánh của Bà ở Nha Trang. Bà hiển đến đâu đâu thì ở đấy phải lập miếu thờ Bà*" [77, tr.26].

Những tình tiết đó không làm đảo lộn cấu trúc nguyên thủy của câu chuyện, mà ngược lại nó bổ sung, làm phong phú những câu chuyện liên quan đến Bà.

Tại Huế hiện còn lưu truyền nhiều câu chuyện về Thiên Y A Na hiển linh, như: truyện về lai lịch Thiên Y Thánh mẫu ở làng Hải Cát, truyện Bà trả vật quý cho các vua Nguyễn, chữa mắt cho mẹ vua Đồng Khánh, giúp dân cầu mưa giải hạn, giết thú dữ... Ở khu vực Quảng Nam, Đà Nẵng, Quảng Ngãi có những truyền thuyết về Bà giống ở Khánh Hòa, chỉ thêm một số chi tiết về sự hiển linh của Bà khi ngao du một số nơi như Ngũ Hành Sơn, Lý Sơn, Trà Bồng... Ngoài dạng chính danh, Bà còn hiển linh dưới dạng các hóa thân, như truyền thuyết về Bô Bô phu nhân, Bà Phường Chào, Bà Giàng Lồi... Ở Phú Yên có truyền thuyết về miếu Bà Hảo Sơn giúp chúa Nguyễn Ánh chạy trốn sự truy sát của quân Tây Sơn, truyện Bà trừng phạt những kẻ dám ăn trộm tượng Bà ở Hải Giang (Bình Định)…

Ở Khánh Hòa những câu chuyện về sự linh ứng của Bà được lưu truyền rộng rãi. Miếu Hội Đồng (Ninh Đa, Ninh Hòa) còn được gọi là miếu Chuột, được bắt nguồn từ câu chuyện: Trước đây mùa màng vùng này bị chuột phá hoại mà không làm thế nào để diệt trừ, người dân cầu Bà giúp sức và đã diệt được nạn chuột nên họ lập miếu thờ Bà, dân gian thường gọi là miếu Chuột. Câu chuyện về củ khoai Dương Ngọc[51] khá giống với mô típ chuyện về Thiên Y A Na ở Tháp Bà Nha Trang (Thái tử một nước đến tuổi kết hôn nhưng chưa chọn được người vợ ưng ý, rồi tình cờ gặp một cô gái, kết hôn, sinh con. Khi có giặc giã hay biến cố, cô gái giúp chồng vượt qua hoạn nạn rồi hóa thánh

trở về thiên đình). Người dân trong vùng gọi Bà là Thiên Y Thánh mẫu bắt nguồn từ câu chuyện Bà chữa khỏi bệnh mắt cho con gái vua Minh Mạng. Trong truyền thuyết về chùa Suối Ngổ (Nha Trang) Bà hiển linh cứu giúp người dân bị bệnh hiểm nghèo. Những câu truyện Bà giữ trầm hương, Bà hiển linh trong ngày Vía, Bà hiển linh giúp quan trấn thủ Nguyễn Văn Thành diệt nạn hổ dữ trên núi Cầu Hùm... đến nay vẫn được lưu truyền rộng rãi.

Những câu truyện về Thiên Y A Na có nguồn gốc từ truyền thuyết Mẹ xứ sở của người Chăm, hoặc được người Việt sáng tác sau này đã góp phần làm phong phú thêm kho tàng văn học dân gian ở Trung Bộ. Dù mang yếu tố tôn giáo, tín ngưỡng nhưng qua những câu chuyện này đã thể hiện khát vọng của nhân dân về một cuộc sống tốt đẹp, về sự công bằng trong xã hội, góp phần định hướng lối sống và giáo dục đạo đức cho con người. Đó cũng là những chân giá trị truyền thống phổ biến trong văn học dân gian Việt Nam.

Thơ ca dân gian

Thơ ca về Thiên Y A Na Thánh Mẫu khá phổ biến trong văn học dân gian Trung Bộ. Nhiều thi sĩ rung động trước cảnh đẹp của Tháp Bà và những truyền thuyết ly kỳ về Thiên Y Tiên Nữ đã ứng khẩu thành thơ. Bên cạnh đó, không ít thơ ca về Bà do dân gian sáng tác và được truyền khẩu rộng rãi.

Các truyện thơ về Bà có nội dung chính lấy từ cốt truyện *Thiên Y Tiên Nữ truyện ký* của Phan Thanh Giản. Nó được diễn xướng bằng thơ Nôm, giai điệu trữ tình kể về thân thế, sự nghiệp

và công đức của Bà đối với nhân dân, đất nước. Điển hình là hai tác phẩm *Cổ tháp linh tích* và *Vãn Bà*.

Cổ tháp linh tích là một tác phẩm văn vần theo thể thức song thất lục bát, được lưu truyền tại Huế, và được sáng tác bởi một lớp nho sĩ *kỳ thị, kênh kiệu* [158, tr.239], gọi ông bà Tiều - cha mẹ nuôi của Bà Thiên Y A Na là "*vợ chồng cả Mọi*". Phải chăng đây cũng là nguồn gốc xuất thân của Bà mà tầng lớp trên của triều đình nhà Nguyễn hiểu rất rõ. Từ đây, chuyện tích được sửa đổi cho phù hợp với tính chất của thần linh: *Bà tự xây tháp, chuyện kết hôn mang tính trần tục nhưng mang sự tích khác thường, Thái tử Bắc Hải là người trần tục nhưng có tính thần lực vì là người duy nhất mang nổi cây trầm hương về cung và cũng là người kiến Bà xuất đầu lộ diện dẫn đến một cuộc hôn nhân như những người phàm trần*. Công tích của Bà đối với dân chỉ gói gọn trong một câu "*Ra tay sửa đặt kỷ cương*", vì trong tầng lớp nho sĩ đã có những thần lúa, thần dệt… không thể dành xưng tụng cho một người đàn bà theo quan niệm của Nho giáo, lại là thần linh của một dân tộc đã chịu khuất phục.

Vãn Bà là một truyện thơ được sử dụng phổ ở Khánh Hòa lại có phong văn lục bát bình dân, tuy vẫn có dáng danh nho và ảnh hưởng của văn phong truyện Kiều rõ rệt. Lời kể chú trọng đến những chi tiết của cuộc sống thường nhật (Bà có con trai, con gái, dạy dân biết lễ nghi, làm ruộng, dệt vải… tự lo cho cuộc sống, bảo trợ cho dân và phát triển cộng đồng). Bài văn diễn tả diễn tả hợp lý về tấm lòng biết ơn của người dân với thần theo một cung cách rất "*người*", như việc xây tháp tưởng nhớ, cắt cử người dân của làng Cù Lao để trông nom khu đền tháp.

Những truyện thơ lưu truyền ở khu vực Huế và Khánh Hòa về cơ bản có nội dung giống nhau, đều kể về cuộc đời của Bà từ lúc xuất hiện trên trần thế ở núi Qua Sơn (Đại An) đến lúc hiển thánh ở Tháp Bà Nha Trang. Tuy nhiên, những truyện thơ lưu truyền ở Khánh Hòa thường kết thúc khi Bà hóa thánh tại ngôi đền (Tháp Bà) ở cửa biển Cù Huân (Nha Trang), ban phước và bảo trợ cho dân tình. Vẫn nội dung đó nhưng các truyện thơ (văn chầu) về Bà lưu truyền ở Huế được sáng tác thêm những tình tiết, như Bà hiển linh ở đền Ngọc Trản, việc các vua, chúa Nguyễn cầu khẩn đến Bà, rồi trùng tu, xây dựng điện Huệ Nam, việc triều đình ban tặng sắc phong *Thượng đẳng thần* cho Bà cũng như sự linh ứng, bảo trợ của Bà ở đây.

Từ Mẫu thần Chăm xứ Kauthara Bà đã trở thành Mẫu thần Việt qua thơ văn, mang dạng tiên nương của một khung cảnh huyền tích hư ảo của Đạo giáo nhưng chưa mất dấu vết nguồn gốc của thần. Việc Bà nổi giận tạo giông bão đánh chìm thuyền bè của Thái tử cất công đi tìm vợ chỉ vì đoàn tùy tùng đi theo không biết kính trọng tượng thần mang dáng dấp, tính cách của một vị thần Chăm (yếu tố mẫu hệ), chưa có khuôn phép của một người vợ phải tòng phu theo đạo nhà Nho (yếu tố phụ hệ). Tuy nhiên tích truyện về Bà đã được Việt hóa cao độ: Bà xuất hiện tại ruộng dưa của ông bà Tiều phu nghèo chứ không phải được sinh ra từ áng mây trời và bọt biển, Bà có 1 chồng và 2 con chứ không phải có đến 97 chồng và 38 người con gái như trong truyền thuyết Chăm. Đây là lý do để tên Việt của Bà vừa được dịch theo lối phiên âm, vừa chuyển nghĩa một cách gượng ép: Po Inư Nưgar/Thiên Y A Na Diễn Bà Chúa Ngọc Thánh phi/Chúa Ngọc Diễn Phi mà dân gian thường gọi là Bà Thiên Y

A Na/Thiên Y Thánh mẫu. Tính cộng tồn văn hóa trong chữ nghĩa là biểu hiện tính cộng tồn trong sinh hoạt, là bằng chứng một thời của sự cộng tồn ấy, dù có thể một thành phần của cộng tồn ấy đã tan biến đi [158, tr.240].

2.2. Thiên Y A Na trong nghệ thuật dân gian truyền thống

Từ năm 1653, khi những lưu dân Việt ở Bắc Bộ theo chân chúa Nguyễn vào khai hoang, tạo lập cuộc sống trên dải đất ven biển Trung Bộ, họ đã mang theo cả văn hóa nơi quê hương bản quán của mình, trong đó có *tục thờ Mẫu* và *nghi lễ hầu đồng - hầu bóng*. Ở đây nó đã hòa cùng tín ngưỡng thờ Mẫu thần của người Chăm, hình thành nên đặc trưng tục thờ Mẫu của người Việt ở Trung Bộ. Tín ngưỡng này đã để lại những dấu ấn và giá trị đặc sắc trong nghệ thuật dân gian truyền thống của người Việt nơi đây.

Nghệ thuật hầu đồng, múa Bóng

Múa Bóng là đặc trưng tiêu biểu nhất trong lễ hội vía Bà của người Chăm và người Việt ở Trung Bộ, đặc biệt là ở Nam Trung Bộ. Đây là một loại hình diễn xướng dân gian tổng hợp, một loại hình sân khấu tâm linh đặc sắc. Ngoài yếu tố tín ngưỡng (điệu múa nghi lễ dâng thần, còn gọi là múa lục cúng) thì múa Bóng chính là một di sản nghệ thuật dân tộc cần phải gìn giữ và phát triển cho đời sau. Người dân ở Khánh Hòa hiện nay vẫn còn truyền tụng câu ca dao:

Ai về xóm Bóng thăm nhà

Hỏi xem điệu múa dâng Bà còn không?[52]

Múa Bóng được thực hiện ở các lễ hội có liên quan đến tín ngưỡng Thiên Y A Na, nhất là ở Khánh Hòa (tiêu biểu trong lễ hội Am Chúa và lễ hội Tháp Bà Nha Trang). Về tục múa Bóng ở lễ Vía Bà, Quách Tấn đã miêu tả: "*Người múa toàn là con gái*[53]*. Xiêm áo rực rỡ, đầu đội, người cổ hoa tươi, kẻ đèn lồng ngũ sắc. Đèn và hoa chồng cao như ngọn tháp. Vũ nữ múa theo điệu đàn, điệu trống, quanh lộn nhịp nhàng dưới ánh đuốc ánh đèn lừng lẫy. Họ múa rất khéo và rất tài. Chẳng những đôi chân, đôi tay luôn cử động, vừa dẻo vừa mềm, mà đầu và thân cũng luôn luôn ngửa nghiêng uốn éo theo bước chân nhịp tay, rộn ràng đều đặn. Thế mà đèn và hoa đội trên đầu, không vịn không đỡ mà vẫn không hề dịch, dường như có những bàn tay vô hình đỡ nâng.*

Cảnh tượng vô cùng ngoạn mục" [128, tr.165-166]

Trước đây, việc múa Bóng trong lễ Vía Bà do người trong một xóm cạnh Tháp Bà đảm nhiệm, hầu hết vũ nữ múa Bóng là người trong xóm. Trường dạy múa cũng ở đây nên xóm này được gọi là xóm Bóng (thuộc làng Cù Lao). Đầu triều Nguyễn việc ngồi đồng, múa Bóng được xem như hoạt động tà ma, mê tín, đồng cốt quàng xiên và bị cấm, ai tham gia sẽ bị nghiêm trị. Đến đời vua Đồng Khánh, vị vua đầu tiên và duy nhất công nhận tín ngưỡng của con đồng, bà cốt thì hoạt động hầu đồng, múa bóng được phục hồi và phát triển mạnh mẽ trong dân gian. Dưới triều vua Bảo Đại, lệ múa Bóng trong lễ vía Bà bị bãi bỏ, nhưng những năm gần đây nó được phục hồi và trình diễn trong lễ hội với sự nhìn nhận đúng đắn, khách quan đối với một loại hình nghệ thuật diễn xướng dân gian truyền thống giàu bản sắc.

Hiện nay, tham gia múa Bóng trong lễ Vía Bà Po Nagar Nha Trang không chỉ có đội múa Bóng truyền thống của xóm Bóng (làng Cù Lao) mà còn có nhiều đội múa Bóng của các địa phương trong tỉnh Khánh Hòa và các tỉnh khác như Huế, Đà Nẵng, Phú Yên, Đắk Lắk, Gia Lai, Ninh Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, của cả người Việt và người Chăm (đa phần là đội múa Bóng của người Việt). Trong 3 ngày diễn ra lễ hội Vía Bà tại Tháp Bà Nha Trang năm 2025 (từ 21-23/3 âm lịch), có 54/105 đoàn con nhang đệ tử đăng ký với Ban tổ chức lễ hội Tháp Bà tham gia múa Bóng dâng Mẫu ở sân khấu trước Tháp Chính (số lượng các đoàn múa Bóng trên thực tế lớn hơn rất nhiều). Hoạt động múa Bóng ở đây diễn ra liên tục cả ngày lẫn đêm, từ khi khai hội cho đến khi kết thúc, mặc dù thời gian mỗi đội múa dâng Mẫu tối đa chỉ được 30 phút và phải đăng ký trước với Ban tổ chức lễ hội Tháp Bà từ trước đó rất lâu.

Không chỉ trong lễ vía Thiên Y A Na mà tục múa Bóng ở đây còn nhập vào tục hầu đồng, hầu bóng truyền thống của người Việt. Sau khi kết thúc lễ vía Bà ở các đền, tháp, miếu, phủ công cộng, trong tháng vía Mẫu (tháng 3 âm lịch), các tín đồ đạo Mẫu đều tổ chức ngồi Đồng, múa Bóng tại các am, phủ, điện tư gia.

Tục múa Bóng không chỉ diễn ra trong lễ hội vía Bà mà còn xuất hiện trong trong lễ tá thổ, lễ cúng đình làng và lễ cúng lăng Nam Hải. Theo Ngô Văn Doanh trong cuốn *Thiên Y A Na hành trình của một Nữ thần* thì tục múa Bóng bao giờ cũng có phần múa Dâng bông (còn gọi là múa Rỗi, múa Mời hay múa Dâng trả hiếu). Thông thường tại các lễ ngồi Đồng, múa Bóng, đoàn

múa dâng bông thường có sáu, tám hay mười hai thiếu nữ mặc áo dài, khăn đóng, khăn vắt vai cột chéo xuống thắt lưng. Mở đầu múa dâng bông là múa Dâng hoa linh. Các vũ nữ tay cầm loại dây xoắn như thừng tẩm dầu đốt và múa theo tiếng nhạc. Sau phần múa Dâng hoa linh là phần múa Dâng hoa (múa Lục bình). Trong lễ này các vũ nữ đầu đội mâm hoa thơm đủ loại màu sắc và múa theo tiếng nhạc, và sau đó là màn múa Dâng hoa đăng (múa Lục cúng, múa dâng Bông hay múa Bóng rỗi). Khi múa điệu này, các vũ nữ đội trên đầu mâm nến thắp sáng, mâm trái cây các loại, hoặc mâm tháp cao (tấu cổ, vàng mã) làm bằng giấy được gắn cờ xí hay giấy kính đủ màu mà múa [40].

Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng trong tục múa Bóng ở Tháp Bà và Am Chúa còn lưu giữ/ảnh hưởng không ít từ các điệu múa Bóng của người Chăm. Quách Tấn đã khẳng định: *Điệu múa Bóng là điệu múa của Chiêm Thành truyền lại* [128, tr.165]. Hàng năm, người Chăm ở Ninh Thuận, Bình Thuận tham dự lễ hội vía Bà Nha Trang và thường cử đoàn múa của mình tham gia vào các điệu múa dâng bông. Điểm giống nhau trong múa dâng bông của người Việt và người Chăm hiện nay là "*việc dùng hoa để dâng cúng thần linh*" [39, tr.198]. Nó xuất phát từ nghi lễ cúng hoa cho Linga của thần Siva trong Ấn Độ giáo, đặc biệt trong lễ cúng Sivalinga (linga-puja). Lễ cúng này yêu cầu người cúng chỉ dâng cúng cho thần những bông hoa tươi đẹp nhất và thích hợp nhất do bản thân người dâng cúng trồng ra chứ không phải là hoa lấy trộm hay đi xin. Trong kinh sách của Ấn Độ giáo thì hoa là hiện thân cho linh hồn bất tận (samsara). Trong mỗi loại cây tất cả các thần linh đều hiện hữu: Brahma sống trong gốc rễ, Visnu sống trong lá và thân, Siva sống trong

hoa và hạt. Phấn hoa và hạt giống đánh dấu sự kết thúc chu kỳ sống của một cây và khởi đầu cho một chu kỳ mới, do vậy nó thuộc về thần Hủy diệt (Siva). Tuy nhiên, không phải loại hoa nào cũng có thể được đem đến dâng cúng cho thần Siva mà chỉ có một số loài hoa cụ thể, tùy từng mùa cụ thể mà thôi.

Hiện nay, trong lễ hội Tháp Bà Nha Trang, các gia đình Chăm thường tổ chức múa Bóng trong khuôn viên thờ cúng tập trung mà Ban tổ chức lễ hội dành cho họ phía sau tháp. Họ múa để cầu xin hoặc tạ ơn tổ tiên, thần linh, đôi khi là do "*ông bà, tổ tiên nhập*" để báo trước một sự kiện nào đó sắp đến với gia đình, dòng họ. Tuy nhiên múa Bóng của người Chăm hiện nay có nhiều khác biệt so với tục múa bóng của người Việt.

Trong lễ hội của người Chăm người múa Bóng có thể là nam hoặc nữ, tùy từng trường hợp cụ thể, nhưng quan trọng nhất là các màn múa Bóng dâng lên Nữ thần. Múa bóng trong lễ hội Mbăng Chabun của người Chăm ở Ninh Thuận hiện nay gồm hai phần: phần hát lễ mời Nữ thần về dự lễ do thầy Kadhar kéo đàn Rabap hát và phần kết thúc lễ cúng Po Inư Nưgar bằng vũ điệu múa thiêng của bà Bóng (Muk Pajau)[54]. Cùng lúc đó những người dự lễ có thể tham gia múa mừng, tạo nên không khi sôi động ở các đền tháp Chăm trong những ngày diễn ra lễ hội. Mỗi palei Chăm đều có một bà Bóng hoặc ông Bóng thực hiện nghi lễ múa dâng thần. Họ là những người trong độ tuổi từ 30 đến 80 tuổi, được truyền theo dòng mẹ, đồng thời cũng là người trong ban tế lễ chức sắc đạo Ahiêr (người Chăm ảnh hưởng Ấn Độ giáo), am hiểu và thực hiện những nghi lễ tế thần. Khi múa, bà/ông Bóng lắc lư theo tiếng nhạc và dâng cúng thần linh những điệu múa đẹp nhất.

Điểm khác giữa tục múa Bóng của người Chăm và người Việt ở chỗ: trong nghi lễ múa Bóng của người Chăm, bà/ông Bóng là nhân vật chính, tượng trưng cho sự giáng thế của thần, những người tham gia lễ hội có thể múa cùng, không hạn chế số lượng. Còn tục múa của người Việt được đóng khuôn trong một đội hình nhất định, trước đây thường gồm khoảng 20 cô gái trẻ chưa chồng. Sau này đội múa Bóng có thể là từ 8 - 10 cô gái, hoặc từ 30 - 40 người bao gồm cả đồng cô, đồng cậu, đủ cả già trẻ gái trai trong một đội hình được tập hợp từ trước đó, thường là những người cùng sinh hoạt tín ngưỡng trong một am, điện nhất định. Múa Bóng là việc con người dâng các điệu múa lên thần linh chứ không thay lời thần linh phán bảo như hiện tượng giáng trong hầu đồng ở Bắc Bộ. Tục múa Bóng của người Việt ban đầu chỉ lưu truyền ở Khánh Hòa phục vụ trong các ngày lễ vía Bà Thiên Y A Na, sau đó lan rộng trong cộng đồng tín đồ Thiên Tiên Thánh giáo ở miền Trung.

Với trung tâm phía Bắc lan xuống đến Quảng Nam - Đà Nẵng tục hầu đồng, hầu Bóng trong tín ngưỡng thờ Mẫu rất phổ biến, nó không chỉ diễn ra trong ngày lễ hội mà còn diễn ra trong cả ngày thường ở những nơi thờ Bà. Điển hình là tục hầu đồng, hầu bóng ở điện Hòn Chén (Huế). Vào ngày vía Thiên Y A Na (mồng 1-3/3 và mồng 8-10/7 âm lịch) mỗi am, điện, cảnh đều lập một bàn thờ Mẫu trên bằng, ở đó các ông đồng, bà cốt và con nhang đệ tử tổ chức cúng lễ, hầu đồng liên tục trong 3 ngày diễn ra lễ hội.

Theo Ngô Đức Thịnh [151, tr.288-289] thì lên Đồng ở Huế cơ bản giống hình thức lên Đồng ở các đền thờ Mẫu Tam phủ,

Tứ phủ ở Bắc Bộ và Nam Bộ. Đó là hình thức các thần linh Tứ phủ nhập vào thân xác các ông/bà Đồng. Tuy nhiên, so với các vùng trên thì Hầu đồng ở Huế cũng có nét riêng. Ở Huế có hai dạng Hầu đồng là hầu lễ và hầu vui. Hầu lễ là lần lượt các vị thánh Tứ phủ nhập vào thân xác các ông Đồng, bà Đồng, thường là hầu đơn - một người nhập đồng (giống như ở Bắc Bộ và Nam Bộ) bằng những điệu bộ lắc lư và người hầu phải trùm khăn phủ diện khi thánh nhập. Nếu như ở Bắc Bộ, người ta lần lượt nhận sự giáng đồng của Thánh Mẫu rồi đến các giá Quan lớn nhập đồng, thì ở Huế, ngay sau Mẫu giáng (chứ không nhập) thì đến các Chầu nhập đồng. Theo quan niệm của người Huế, Chầu chính là Á Mẫu, là khâm sai hầu cận cạnh Mẫu. Ngũ Chầu đại diện cho Ngũ Hành, gồm Đệ Nhất cung (Thiên), Đệ Nhị cung (Thượng Ngàn), Đệ Tam cung (Thủy phủ), còn hai cung kia là Địa phủ.

Còn hầu vui là các giá đồng ở ban thờ Cô, Cậu, Ông Hoàng, thậm chí là cả thần linh là tổ tiên, ruột thịt của ông, bà đồng đã qua đời. Hầu vui có lúc trở thành hình thức hầu tập thể, nhiều người cùng ốp đồng đứng ra nhảy múa. Giữa họ gần như không có sự phối hợp nào khi nhảy múa, chủ yếu là do tùy hứng. Hầu vui này gần giống như múa Bóng ở Tháp Bà Nha Trang nhưng ít tính ngẫu hứng và ít người tham gia hơn (có lẽ do không gian các bằng quá chật). Những ngày vía Thiên Y A Na ở điện Hòn Chén, tục lên đồng diễn ra trên nhiều bằng còn có hình thức *hầu âm* - hầu mà không có chầu văn, *hầu chìm* - chỉ được ngồi nhập đồng mà không được nhảy múa. Một khác biệt nữa là khi hầu lễ cũng như hầu vui ở Huế không thực hiện việc thay quần áo trước điện Mẫu như trong hầu đồng Bắc Bộ, mà sau khi vị thần

nào nhập thì ông/bà đồng vào trong thay lễ phục xiêm y rồi mới ra hầu trước ban thờ Mẫu. Nó như là một khiêng kị để các con đồng tỏ sự kính trọng thần.

Nét khác biệt dễ nhận thấy giữa hầu đồng và múa Bóng ở chỗ, tuy cùng là diễn xướng tổng hợp âm nhạc, múa nhưng nếu hầu đồng chú ý nhiều đến âm nhạc và hát thì múa Bóng lại chú ý nhiều đến múa. Nếu hầu đồng là sự nhập hồn của Thánh vào thân xác con đồng và phán bảo, thì múa bóng chỉ là hành động dâng lễ của người trần tới các bậc thần linh, mặc dù Thánh vẫn nhập (thì con đồng mới có thể múa nhiều và lâu đến như vậy). Tính linh thiêng và tuân thủ lề luật của hầu đồng cao hơn nhiều so với múa Bóng. Các ông/bà Đồng chỉ được hầu những giá trong 36 giá đồng và những bài chầu văn cụ thể tương ứng. Còn múa Bóng là một hành động mang tính nghi lễ, do vậy nó có thể trở thành những trò mua vui trong ngày hội. Múa bóng cũng dùng tới âm nhạc để làm nền, nhưng âm nhạc rất tùy hứng, là một bản nhạc chầu văn, dân ca hoặc có thể là một bản nhạc hiện đại như *Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây, Tây Du Ký*, thậm chí cả *Chiều lên bản Thượng*… được diễn ra trong nhiều dịp Lễ hội Tháp Bà Nha Trang. Đội hình múa Bóng ở đây cũng đa dạng, số lượng thành viên các đoàn cũng khác nhau, từ 8 - 40 người, bao gồm cả già, trẻ, gái, trai cùng lên sân khấu biểu diễn. Khi âm nhạc nổi lên, mỗi người một kiểu, người múa đằng đông, kẻ múa đằng tây, không có trật tự hàng lối và điệu thức rõ ràng, trang phục cũng rất tùy hứng, đa dạng, gồm cả trang phục cổ nhân, áo dài, trang phục người dân tộc thiểu số, giả thú… Đó là những trò mà con nhang đệ tử mua vui cho Mẫu trong ngày hội. Nó cũng tạo nên một không khí vui nhộn, thoải mái cho cả

người trên sân khấu lẫn khán giả ngồi xem nhưng vẫn đảm bảo được tính thiêng trong nghi thức tế Mẫu.

Các hình thức diễn xướng dân gian khác

Không chỉ có nghi thức hầu đồng, múa Bóng mà trong những ngày lễ hội vía Thiên Y A Na ở Trung Bộ còn diễn ra rất nhiều loại hình nghệ thuật dân gian khác, mang đặc trưng của vùng đất và sự giao thoa văn hóa giữa các tộc người.

Trong lễ *Kỳ an* và *Tá thổ* ở vùng nông thôn Trung Bộ, sau những nghi thức bắt buộc (lễ tế, lễ xạ quỷ, lễ xuất Tam thánh diệt Hỏa linh) là đến phần "*Thứ lễ*". Đây là phần biểu diễn nghệ thuật phục vụ thần linh, được xem là phần hội, thu hút đông đảo người xem. Diễn *Thứ lễ* trong *Tá thổ* ở Phú Yên, Khánh Hòa được nối kết bởi hai phần. Phần thứ nhất là trò múa bóng, múa siêu và hò bả trạo. Phần thứ hai là trò hát Mộc diễn tích vua Tống Chân Tông cầu an mượn đất đuổi yêu quái (*Chân Tông Kỳ an tá thổ khu mộc cổ truyền ca*).

Múa siêu: là điệu múa dùng một loại binh khí của các vị tướng khi ra trận để làm đạo cụ, vũ công thường là nam (hoặc nữ giả nam). Múa siêu cũng là một điệu múa tôn thần, tôn vinh công đức của Thái thượng lão quân đã thống lĩnh chư Tiên xuống hạ giới trừ yêu quái, cứu con dân. Thái thượng lão quân lập trận đồ bát quái thu phục hết thảy yêu quái. Sự chuyển đảo đội hình múa, sự xắp xếp các thanh Siêu theo các mẫu tự, hình khối là huyền pháp biến ảo của trận đồ bát quái. Trong lễ cúng *Tá thổ* của các làng Việt ở đây thay vì lập trận đồ bát quái, các vũ công múa Siêu và xếp hình 4 chữ Hán "*Thiên Hạ Thái Bình*". Việc đó thể hiện sự bản địa hóa, từ một điệu múa tôn vinh các

đấng thần linh ở chốn thiên đường (thần thoại Trung Quốc) thành ước mong cuộc sống bình an nơi trần thế.

Hò Bả trạo: Đây là trò diễn trong lễ cầu ngư, tôn vinh công đức ông Nam Hải của ngư phủ miền Trung. Có nhiều ý kiến cho rằng tục thờ Cá Ông có nguồn gốc từ tín ngưỡng thờ thần sóng Pô Ryak của người Chăm, nên nghệ thuật diễn xướng trong nghi lễ này cũng có ảnh hưởng ít nhiều của nghệ thuật diễn xướng dân gian Chăm. Trong quá trình cộng cư, nhiều yếu tố văn hóa Chăm - Việt đan xen đã làm cho Hò Bả Trạo trở thành một loại hình độc đáo trong nghệ thuật diễn xướng dân gian Trung Bộ.

Do đặc thù của trò diễn nên diễn viên đều là nam giới. Những trạo phu đứng xếp hàng thành hình thuyền, trên khoang thuyền có Tổng Lái, Tổng Thương và Tổng Mũi. Các trạo phu vừa hò, vừa hát vừa làm động tác chèo thuyền ra khơi. Nội dung các bài hát ca ngợi đức ông Nam Hải, cầu trời yên biển lặng, ngư dân được mùa cá, cuộc sống ấm no.

Lúc đầu, Bả Trạo là những điệu hò dân gian được sử dụng trong lao động và sinh hoạt thường ngày, thể hiện nỗi nhớ của người dân về quê hương đất tổ phía bắc đèo Ngang. Về sau, cùng với quá trình cộng cư và giao tiếp với người Chăm, loại hình này được chuyển hóa nâng lên thành trò diễn, gồm mái chèo thuyền và điệu hò biển khỏe khoắn để phục vụ nghi thức trong lễ cầu ngư. Tuy nhiên, ở Trung Bộ hò Bả Trạo không chỉ được diễn ra trong lễ cầu ngư mà nó còn được diễn ra trong lễ hội cúng đình, nơi thờ Thiên Y A Na là Bổn Cảnh Thành hoàng/Bà Chúa đất. Nội dung chính của hò Bả Trạo là ca ngợi đức ông Nam Hải nhưng khi diễn có nhiều đoạn hát tôn vinh công đức của Bà Thiên Y A Na với cư dân nghề biển:

Nay rước Bà về chốn miếu môn

Truyền Bá Trạo chèo hầu cho cẩn thận

Cẩn thận rước Bà tới trước

Chốn ba đào nhờ đức thần linh

Rước Bà xa giá hồi dinh

Lạch làng trông đợi, dân tình vẻ vang…

… Bà bay khắp hết bốn phương

Coi trong bổn trạch đầm trường ấm no

Ai bay giống dạng Bà bay

Quần hồng áo trắng hướng tây bay về [53, tr.210-211]

Trong âm nhạc dân gian truyền thống

Tín ngưỡng Thiên Y A Na của người Việt ở Trung Bộ cũng là môi trường phát sinh, phát triển và gìn giữ một loại hình âm nhạc dân gian đặc sắc - nhạc chầu văn và văn chầu. Nhạc chầu văn là một dạng âm nhạc mang tính nghi lễ [137, tr.190], phổ biến trong phạm vi toàn quốc. Ở mỗi vùng, miền trên nền nhạc chầu, những nghệ nhân đã biến tấu, tạo nên tính đặc thù trong những buổi hầu đồng.

Nhạc chầu văn cùng với hầu đồng, múa bóng là một bộ phận quan trọng, có sự gắn bó, hữu cơ cấu thành lễ thức đặc trưng trong tín ngưỡng thờ Mẫu. Nhạc chầu văn có những đặc trưng riêng trên cơ sở hệ thống thang âm cổ truyền (thang năm âm - ngũ cung). Nó chính là quá trình biến lời trên những bài

văn chầu được cấu tạo bởi những khổ thơ lục bát hay song thất lục bát thành điệu nhạc, phụ thuộc vào ngữ điệu lời thơ kể cả nội dung đặc tả để hình thành những làn điệu khác nhau. Nhạc chầu văn mang tính không ổn định, không chính xác, linh hoạt và lệ thuộc vào từng động tác, điệu bộ của con đồng trong mỗi giá đồng, mỗi điệu múa bóng.

Nhạc chầu văn của người Việt ở miền Trung có nguồn gốc từ Bắc Bộ, nhưng do ảnh hưởng văn hóa giữa các tộc người, các vùng miền tạo nên sự tiếp nhận, chuyển hóa thành đặc điểm riêng. Với tiết tấu nhanh, dồn dập, sự trộn ghép nhiều làn điệu khác nên văn chầu ở miền Trung đã tránh được sự đơn điệu, tẻ nhạt, ngược lại chúng tạo nên sự vui tươi, hưng phấn để các con đồng thăng hoa và tạo nên sự sôi động trong những buổi hầu. Có thể nói làn điệu và tiết tấu đóng vai trò chủ đạo, là linh hồn của những buổi chầu văn.

Dàn nhạc trong chầu văn cơ bản gồm có đàn nhị, đàn nguyệt, kèn Sona, bộ gõ (trống, phách, chuông, thanh la…), sênh tiền (gọi là dàn bát âm), tùy từng điều kiện cụ thể mà có thể hơn hoặc khuyết một vài loại nhạc cụ. Có lúc dàn cung văn đủ cả bát âm (sến, đàn nhị, đàn nguyệt, chuông, trống, phách, thanh la, sáo) nhưng đôi khi chỉ có người hát, người đàn nguyệt, người đánh trống. Cung văn ở đây cũng có thể là hát đơn, hát đôi, hát tập thể, có khi cả ban cung văn lên đến 8-10 người (khác với cung văn miền Bắc, thường có một đến hai người). Người hát chầu văn vừa là người sử dụng một loại nhạc cụ trong dàn nhạc. Dù chầu văn là loại nhạc nghi lễ, gắn với tín ngưỡng thờ Mẫu nhưng chúng lại không bị gò bó bởi những khuôn khổ quy định

của lễ nhạc, mà nó mang đậm tính dân gian (tính linh hoạt, ứng tác, dị bản, khuyết danh…).

Văn hầu (người Huế gọi là văn chầu) là những bài ca được cung văn hát trong buổi lễ. *Văn hầu là văn để hầu bóng. Gọi là văn ca thỉnh hàm nghĩa là văn được thể hiện thành lời ca, hát để mời Thiên Tiên, Thánh Mẫu hay một vị thánh, thần, ma thiêng nào đó giáng xuống trần, hóa thân thành con đồng để phán bảo"*[173, tr.203]. Với tín đồ Thiên Tiên Thánh giáo thì văn chầu chính là kinh sách của đạo Mẫu, bởi họ quan niệm "*Phật thì nghe kinh còn Thánh thì nghe văn*". Tại lễ hội Điện Hòn Chén, Tháp Bà Nha Trang… ngoài các nghi thức tế lễ còn có màn thỉnh cung văn dâng lên Thánh Mẫu. Các thần, thánh được chầu trong các bản văn thường là: Mẫu Thiên Y A Na, Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Thoải, Ngũ vị Thánh Bà, Quan Thánh Đế Quân, Ngũ vị Tôn Ông, Cô Bơ Thoải phủ…

Cấu trúc một bản văn chầu thường gồm: Phần 1: Mở đầu (giới thiệu), miêu tả cảnh trí thiên nhiên, con người (lai lịch, nguồn gốc vị Thánh được chầu); phần 2: tính cách vị thánh đó; phần 3: tài năng và quyền uy của vị Thánh; phần kết: nhận may mắn từ các vị thánh vừa chầu. Văn chầu ở Trung Bộ chủ yếu được sáng tác bằng thể thơ lục bát hoặc song thất lục bát. Trong sinh hoạt tín ngưỡng các tín đồ Tiên Thiên Thánh Giáo thường dùng văn chầu về Bà để hát thờ (hát trước khi lên đồng, mở đầu cho cuộc lễ, hát thỉnh Thánh mẫu tới chứng giám…), phổ biến là các bài: *Thiên Y Thánh Mẫu, Sự tích Thiên Y Thánh Mẫu, Văn Đàn 3, Văn Đàn 4, Văn sám hối, Thiên Y A Na khuyến thiện kinh, Văn đàn Năm Bà, Kinh văn Đức Thiên Y A Na Bồ Tát…*

Trong văn chầu thì hình ảnh các vị thần được khắc họa bằng các thủ pháp nghệ thuật, như thậm xưng, so sánh, ước lệ, tượng trưng… và được vận dụng linh hoạt, tối đa khi miêu tả hành trạng của các vị thần.

Sự kết hợp giữa âm nhạc, văn chầu và hầu đồng, múa Bóng đã làm lên một nghệ thuật diễn xướng dân gian tổng hợp vô cùng đặc sắc. Nó không chỉ đơn thuần là những động tác và âm thanh hòa hợp tạo nên hiệu quả thẩm mĩ mà vượt lên trên những cái đó, nó tạo nên sự phấn khích, đẩy con người tới chỗ hợp nhất với thần linh. Mặt khác, thần linh cũng thông qua diễn xướng của con đồng mà tái sinh, sống động lại trong mỗi con người. Đó là thời điểm tạo nên sự hợp thể và hòa đồng, một ngưỡng vọng vươn tới của con người. Ngoài ra nó còn thể hiện cái *"tài"* của con người qua sự kết hợp nhuần nhuyễn và ăn ý giữa người hầu - người hát - người hầu dâng trong buổi hầu. *Còn hơn cả một hình thức diễn xướng tổng hợp, hầu bóng đã hội tụ đủ những đặc tính của một loại hình sân khấu dân gian mang tính tâm linh (sân khấu tâm linh)* [147, tr.362].

Ngoài ra, tín ngưỡng Thiên Y A Na còn là môi trường cho sự tồn tại và phát triển của một mảng nghệ thuật tạo hình dân gian đặc thù của người Việt. Đó là kiến trúc đền, miếu, am, điện, phủ khắp miền Trung, tượng thờ và tranh thờ, màu sắc trang trí trong điện thờ, trang phục của thần và trang phục tín đồ[55]. Trang phục, trang trí ở đây thường có màu sắc sặc sỡ và đa dạng, thể hiện sự đa dạng về tín đồ và nguồn gốc, tính cách của các vị thần linh được thờ tự. Tất cả đã tạo nên những giá trị văn hóa độc đáo, đặc sắc trong đời sống dân gian đương đại.

3. SẮC THÁI ĐỊA PHƯƠNG TRONG TÍN NGƯỠNG THIÊN Y A NA CỦA NGƯỜI VIỆT Ở TRUNG BỘ

Khắp Trung Bộ, Thiên Y A Na được thờ phụng là Mẫu thần tối thượng, việc thờ Bà khá tương đồng và thống nhất. Tuy nhiên, do ảnh hưởng bởi các yếu tố địa - chính trị, địa - lịch sử, địa - văn hoá mà tín ngưỡng Thiên Y A Na của người Việt ở các tiểu vùng lại mang sắc thái riêng.

Xứ Thuận Hóa với trung tâm Huế là vùng đất cực bắc giáp với Đại Việt của Chămpa và đã được sáp nhập sớm nhất vào lãnh thổ Đại Việt (đầu thế kỷ XIV). Do vậy, đây là nơi gần nhất, dễ nhất và có thời gian lâu nhất người Việt cộng cư với người Chăm. Do vậy, vùng này diễn ra một quá trình lâu dài giao thoa giữa hình thái tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ của người Việt ở Bắc Bộ và tín ngưỡng thờ Mẫu thần của người Chăm. Trong quá trình tiến về phương nam, người Việt đã tiếp biến tục thờ Mẫu thần, Nữ thần của người Chăm, nhưng đồng thời tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ của người Việt cũng được xác lập. Từ đó, tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt ở Huế mang tính chất "*thần Chăm nghi thức Việt*" (thần chủ Thiên Y A Na có nguồn gốc Chăm nhưng nghi thức thờ cúng là nghi thức của đạo Mẫu Tam phủ, Tứ phủ). Điều đó được thể hiện trong bố trí thần điện ở điện Huệ Nam và các điện thờ ở khu vực Thuận Hóa, cùng với sự phổ biến của nghi thức hầu đồng, hầu bóng.

Hơn thế nữa, dưới tác động của triều đình Nguyễn, nên từ một tín ngưỡng dân gian, tín ngưỡng Thiên Y A Na đã được cung đình hóa, Bà trở thành một vị thần "*hộ quốc, tí dân*". Chúa Nguyễn Hoàng với mưu đồ cơ nghiệp phía nam đèo Ngang đã lựa chọn một Nữ thần Chăm - thần bản thổ để làm chỗ

dựa tâm linh trên vùng đất mới, để độc lập với lãnh thổ phía bắc đèo Ngang. Vị Nữ thần/Mẫu thần bản thổ ấy luôn hiện hữu trong quá trình xây dựng cơ nghiệp nhà Nguyễn, từ Nữ thần Áo xanh (Trảo Trảo phu nhân) trên sông Ái Tử (Quảng Trị) đến Bà Trời Áo Đỏ ở Thiên Mụ, Ngọc Trản sơn thần, Thiên Y A Na Thánh mẫu, với trung tâm là chùa Thiên Mụ, điện Hòn Chén và đình Hải Cát. Dưới thời vua Đồng Khánh tín ngưỡng Thiên Y A Na đã phát triển mạnh mẽ, ảnh hưởng sâu rộng đến mọi tầng lớp trong xã hội, tạo động lực cho loại hình tín ngưỡng này phát triển.

Nam Trung Bộ, đặc biệt là Khánh Hòa (mãi đến giữa thế kỷ XVII mới được sáp nhập vào lãnh thổ Việt Nam), do ảnh hưởng của yếu tố tự nhiên - lịch sử - xã hội nên tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt khá tương đồng với tín ngưỡng thờ Mẫu thần/Nữ thần của người Chăm. Tháp Bà Nha Trang nguyên là nơi thờ Thần Mẹ xứ sở Po Inư Nagar và cũng là trung tâm tôn giáo, tín ngưỡng lớn nhất của vương quốc Nam Chăm. Ở đây người Chăm và người Việt cộng cư lâu dài, cho đến hiện nay cả hai vẫn thờ Bà theo cách riêng của mình. Có lẽ, do quá xa trung tâm Huế, lại gần người Chăm nên người Việt ở đây đã tiếp thu và cải biến tín ngưỡng cũng như nghi thức thờ tự của người Chăm, hình thành nên dạng thức thờ Thiên Y A Na ở Nam Trung Bộ. Đó là dạng thức thờ Mẫu thần chứ không phải thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ. Ở đây phổ biến là nghi thức múa Bóng mang đặc trưng văn hóa Chăm và phần lễ thường nặng hơn phần hội.

Từ Tháp Bà Nha Trang, tín ngưỡng Thiên Y A Na lan tỏa ra Bắc, đậm đặc ở Khánh Hòa, Phú Yên, nhạt hơn khi đến vùng đất Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam… Điều đó được thể hiện ở

quy mô, mật độ phân bố cơ sở thờ tự và dấu ấn của Bà trong đời sống tâm linh người dân. Bên cạnh đó, tín ngưỡng Thiên Y A Na ở dạng Tam phủ, Tứ phủ phổ biến ở Thừa Thiên Huế có xu hướng lan tỏa vào nam, tuy đã vượt qua ranh giới đèo Hải Vân, nhưng chỉ là những dấu hiệu rơi rớt.

Thuận Hóa là nơi người Việt đến sớm nhất, và mưu sinh chính của họ là nông nghiệp nên ở đây Thiên Y A Na là Mẫu thần phù trợ cho nông dân. Từ đèo Hải Vân vào nam, với đặc trưng địa hình dốc từ tây sang đông, bờ biển dài và sự phát triển của nghề biển nên việc thờ Thiên Y A Na ở đây mang đậm yếu tố của Nữ thần biển. Các di tích thờ Bà đậm đặc ở vùng ven biển, đầm phá, hải đảo, nghi lễ mang tính saman giáo nhiều hơn. Có lẽ, đây là khu vực người Chăm còn cư trú đông đảo và lâu dài cùng với người Việt, nên tín ngưỡng của người Việt mang đậm tính Chăm hơn, như tín ngưỡng của ngư dân đảo Lý Sơn, ngư dân vịnh Vân Phong... Ở Phú Yên - Khánh Hòa, mưu sinh bằng nghề rừng - nghề nông - nghề biển đều phát triển, cùng với sự lan tỏa của hai trung tâm tín ngưỡng Tháp Bà và Am Chúa thì Bà Thiên Y A Na hiển linh khắp xóm làng, trong mọi ngành nghề của cư dân Việt.

Sau này, Phật giáo ở Nam Trung Bộ phát triển mạnh thì tín ngưỡng Thiên Y A Na mang dấu ấn/ảnh hưởng của Phật giáo. Bà được phối thờ trong nhiều ngôi chùa dưới dạng chính danh Thiên Y A Na hoặc Bà Chúa Ngọc, lối thờ tự cũng ảnh hưởng Phật giáo khác hẳn với ở Huế. Ở điện Huệ Nam người dân cúng Bà theo nghi thức cúng thần. Họ có quan niệm: *đi với Bụt mặc áo cà sa, đi với ma mặc áo giấy, đi với thánh mặc áo màu*, do

vậy, trang phục của tín đồ khi lễ mẫu phải thật sặc sỡ. Bên cạnh đó, đồ cúng lễ Mẫu phải là lễ mặn (heo sống, heo quay), nghi thức phải có hát cung văn và hầu đồng với rất nhiều vàng mã… Còn ở Tháp Bà Nha Trang người dân cúng Bà theo nghi thức của Phật giáo: lễ vật là đồ chay, có tụng kinh Phật trong ngày lễ, người vào trong tháp lễ Bà phải mặc áo xám, trong lễ hội thường tổ chức lễ cầu siêu, thả hoa đăng, cầu quốc thái dân an của các sư chùa Pháp Tánh (Nha Trang)…

Còn ở Bình Định tín ngưỡng Thiên Y A Na mờ nhạt hơn so với các nơi khác. Lý giải hiện tượng này, theo tôi phải đặt vấn đề trong bối cảnh lịch sử - văn hóa của vùng. Đây là khu vực tiểu quốc Vijaya của người Chăm, với trung tâm là thành Đồ Bàn (Chà Bàn). Sau cuộc nam chinh của Lê Thánh Tông (1471), trung tâm này bị tàn phá. Người Chăm tiếp tục di chuyển về phương nam và để lại toàn bộ hệ thống đền, tháp của mình trong hoang phế. Trong bối cảnh đó, người Việt mới đến đã ứng xử với thái độ *kính nhi viễn chi* (chối bỏ) hệ thống đền tháp và thần linh Bàlamôn xa lạ của người tiền trú. Cùng với quá trình đó, Đạo Phật du nhập và phát triển mạnh ở Bình Định đã nhận được sự ủng hộ nhiệt tình từ đại bộ phận nhân dân. Ở đây, tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na được ẩn khuất trong xóm làng, dưới dạng những hóa thân như Bà Lồi, Bà Giàng, Bà Hậu Thổ, Chủ Ngung Man Nương,… và hòa vào các tín ngưỡng dân gian khác.

Chương 4

PHÁT HUY GIÁ TRỊ TÍN NGƯỠNG THỜ THIÊN Y A NA TRONG ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI VIỆT Ở TRUNG BỘ HIỆN NAY

1. GIÁ TRỊ CỦA TÍN NGƯỠNG THIÊN Y A NA TRONG ĐỜI SỐNG TINH THẦN CỦA NGƯỜI VIỆT Ở TRUNG BỘ

Có thể khẳng định tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na có vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống tinh thần của người Việt ở Trung Bộ. Đây là nơi hình thành và nuôi dưỡng các giá trị văn hóa cộng đồng, mang tính nhân văn, góp phần làm nên sắc thái văn hóa Việt Nam thống nhất trong đa dạng, tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

1.1. Là điểm tựa tinh thần cho người Việt ở Trung Bộ

Dù hiểu trên góc độ nào thì tôn giáo - tín ngưỡng vẫn là một hình thái ý thức xã hội, là một nhu cầu của xã hội. "*Một khi những nhu cầu ấy chưa được những hình thái ý thức của xã hội hoàn toàn thỏa mãn thì đối với một số tầng lớp xã hội, tôn giáo - tín ngưỡng vẫn là nguồn gốc của giá trị đạo đức, niềm an ủi và sự nâng đỡ về tâm lý*" [137, tr.12]. Trước đây người Chăm ở Trung Bộ đã xây dựng hình tượng Mẹ xứ sở Po Inư Nagar quyền năng - người sinh ra vương quốc, sinh ra vạn vật và con

người… từ quá trình bản địa hóa Ấn Độ giáo và Hồi giáo. Cộng đồng người Việt từ Bắc Bộ di cư vào xa lạ từ địa lý, môi trường, khí hậu, con người đến văn hóa, cũng có nghĩa họ phải đối diện với bất trắc, hiểm nguy có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Họ cần một điểm tựa để trấn an tinh thần. Họ nhận thấy Mẹ xứ sở của người Chăm tương đồng với "Mẹ" của họ nơi đất Bắc, rất nhanh chóng họ tiếp nhận thờ Bà, rồi Việt hóa cho gần gũi mà không làm giảm về vai trò tâm linh.

Với đặc thù tự nhiên của vùng, từ một cộng đồng cư dân nông nghiệp người Việt buộc phải mở rộng và tiến xa hơn trong hoạt động kinh tế của mình, kể cả những nghề nguy hiểm như khai thác rừng và khai thác biển. Và Bà trở thành người bảo trợ về mặt tinh thần, làm cho họ vững tin hơn trong lao động sản xuất, đặc biệt khi kỹ thuật khai thác còn thô sơ và người ta không thể lường hết những hiểm nguy ở phía trước. Ngày nay, khi đời sống ngày càng phát triển, con người hiểu hơn và dần làm chủ trước tự nhiên, nhưng bệnh tật, tai ương và rất nhiều hiểm họa xã hội mới phát sinh nên con người vẫn luôn có cảm giác bất an trong cuộc sống. Và họ lại cầu đến Bà, mong rằng bằng những quyền năng của mình Bà luôn bảo vệ con dân của mình luôn bình an trước mọi hiểm họa. Với niềm tin đó, họ lạc quan hơn trong cuộc sống bởi họ tin rằng Mẫu đang che chở cho họ. "*Bà linh lắm, nhiều lần tôi tưởng tôi và mọi người trên thuyền tưởng sẽ chết ở biển khơi bởi mưa bão, chẳng biết làm gì chỉ biết van vái mong Bà phù hộ. Thế rồi cũng vượt qua hoạn nạn. Khi về đến đất liền gia đình tôi liền sắm lễ vật (nhỏ thôi) lên miếu tạ ơn Bà*" (Nguyễn Văn Kỷ, 53 tuổi, ngư dân ở An Vĩnh, Lý Sơn).

1.2. Thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn của người Việt ở Trung Bộ

Uống nước nhớ nguồn là đạo lý tốt đẹp của dân tộc ta, thể hiện sự kính trọng biết ơn đối với những người đã tạo nên thành quả cho đời sau hưởng thụ. Ở đời những thành quả không tự nhiên mà có, do đó, người hưởng thụ phải biết tri ân, giữ gìn, phát huy thành quả của người làm ra chúng. Đây là lời nhắn nhủ hết sức ngắn gọn và giản dị, nhưng là một chân lí muôn đời.

Người Việt ở Trung Bộ thờ cúng Thiên Y A Na cũng bởi đạo lý đó. Vùng đất này trước khi người Việt vào định cư đã được các tộc người bản địa cơ bản hoàn tất việc khai phá, xây dựng nền văn minh vật chất tiên tiến và nền văn hóa huy hoàng. Vốn là cư dân nông nghiệp nên đất đai luôn quan trọng đối với người Việt. Vượt qua đèo Ngang, dải phù sa duyên hải Trung Bộ, tuy không quá lý tưởng nhưng cũng là nơi để người Việt tụ cư, lập làng. Với bản chất cố hữu của người nông dân, cho dù đã "*an cư*" sau một quá trình canh phá điền thổ dưới sự bảo trợ của triều đình, họ vẫn không thể không băn khoăn trước những mối đe dọa dưới dạng khuất lấp, khó lường ở vùng đất mới.

Trong tâm thế của người đi lập nghiệp, cung cách ứng xử nhân văn trên tinh thần dung hợp văn hóa là một hình dung khác về hình ảnh của những lớp lưu dân Việt trong hành trình Nam tiến. *Cúng đất/tạ thổ/mãi thổ/khao thổ* là từ để chỉ hoạt động nghi lễ dâng cúng cho các vị thần liên quan đến đất đai. Những biểu hiện trong nghi lễ cúng đất của người Việt ở Trung Bộ là một minh chứng cho sự dung hợp ấy của một tập hợp cư dân

đến sau nhưng luôn tâm niệm "*Đất có Thổ Công, sông có Hà Bá*". Vị thần chủ trong tập hợp các thần linh trong nghi lễ cúng đất của người Việt ở Trung Bộ là bà Hậu Thổ - một dạng hóa thân của *Po Inư Nagar*, sau được chuyển hóa thành Thiên Y A Na. Sự hiện diện của lễ vật dâng cúng, món ăn, cách bày biện món ăn không phải Việt, sau đó là khế ước, đồ thế cấp trong nghi lễ đã thể hiện thái độ trân trọng của người Việt trước công lao khai khẩn của những người tiền trú. Đây là một sự thừa nhận của người Việt trước uy vũ của thần linh các tộc người tiền trú, song nó không đơn thuần là một giải pháp "*đền bù hư ảo*" của các lưu dân, mà xét cho cùng, là một hành vi đạo đức xã hội, lòng biết ơn của *những kẻ đến sau*.

Bên cạnh đó, việc thờ Thành hoàng làng (nhiều nơi Thiên Y A Na cũng chính là Bản Thổ Thành hoàng), tiền hiền, hậu hiền… ở các làng Việt Trung Bộ cũng thể hiện sâu sắc đạo lý uống nước nhớ nguồn đối với tổ tiên, những người khai phá và phát triển vùng đất này từ những ngày còn gian khó.

1.3. Thể hiện tính giáo dục về đạo đức, lối sống và văn hóa cho cộng đồng

Tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na ở Trung Bộ đã tạo ra một hệ thống các chuẩn mực, những giá trị nhằm điều chỉnh hành vi của con người có niềm tin. Những hành vi được điều chỉnh ở đây không chỉ là những hành vi trong thờ cúng mà cả ở cuộc sống hàng ngày trong gia đình và xã hội, như không nói dối, hướng làm điều thiện, không làm điều ác… Nói cách khác "*Thờ Mẹ, hiện tượng không chỉ có ý nghĩa lịch sử - văn hóa, đó còn là sự*

biểu thị một thái độ nhân văn… có tác dụng tốt cho sự phát triển đạo lý con người" [137, tr.10].

Những tín đồ của Mẫu Thiên Y A Na luôn được khuyên dạy phải biết cái đức làm người, phải biết nhớ công ở cha mẹ, tổ tiên và những người có công tạo lập cuộc sống, xây dựng xóm làng. Trước điện Mẫu họ luôn tâm niệm và làm những điều tốt, hướng thiện, như: ăn chay, không sát sinh, giúp đỡ kẻ khó, sống chuẩn mực… bởi họ biết Bà luôn giúp kẻ yếu, trừng phạt kẻ ngạo mạn, tàn ác, xúc phạm đến oai Bà. Theo lời kể của ông Trần Kim Thật (Trưởng BQLDT điện Trường Bà ở Trà Bồng, Quảng Ngãi) cho biết: *Bà ở đây linh lắm, thời chiến tranh Bà thường lái bom đạn của Mỹ về phía núi mà không để rơi xuống vùng dân cư và điện Bà. Những kẻ ác đi qua điện Bà đều bị Bà vật, những kẻ hay trộm cắp cũng thường bị trị tội"*. Những câu chuyện về sự linh thiêng, trừng trị những kẻ trộm tượng Bà khá phổ biến trong cộng đồng người Việt ở miền Trung.

Không những vậy, tín ngưỡng Thiên Y A Na còn góp phần điều chỉnh hành vi, dạy con người không được tham lam. Truyền thuyết về cây trầm hương nói rằng đây là cây của Bà, nếu Bà không cho thì cố gắng mấy cũng không thấy được mặc dù nó ngay ở trước mắt. Truyền thuyết về Bà ở Cù Lao (Nha Trang) và Trà Bồng (Quảng Ngãi) đều có chi tiết: *Nơi thờ Bà có vườn cây ăn trái rất sai, mọi người vào ăn bao nhiêu cũng được nhưng không thể mang về dù chỉ một quả.* Mặc dù chỉ là những câu truyện tản mạn nhưng nó góp phần giáo dục cho con người về sự tiết chế lòng tham, biết cái nào là của người - của mình.

Tín ngưỡng Thiên Y A Na cũng giáo dục tính nhân văn cho con người. Nếu quan niệm "*văn hóa chính là hệ thống các chuẩn mực ứng xử xã hội, thì chính tôn giáo tín ngưỡng cũng thể hiện đầy đủ các quy tắc ứng xử đó*" [150]. Trước Mẫu mọi tín đồ đều bình đẳng như nhau, không phân biệt giàu nghèo, sang hèn. Trong lễ hội Tháp Bà Nha Trang, hay Lễ hội Điện Trường Bà… thì tất cả các tín đồ và khách thập phương đều được dự hưởng lộc Mẫu. Điều mà Mẫu Thiên Y A Na có thể phù hộ hay không không phải là sự nhiều ít của lễ vật mà là từ sự thanh sạch và lòng thành của bản thân. Đó cũng chính là cách ứng xử chứa đựng nội dung đạo đức xã hội.

1.4. Thể hiện giá trị cố kết cộng đồng

Tục thờ Thiên Y A Na là minh chứng tiêu biểu cho tính cố kết cộng đồng, được thể hiện trên hai mặt cộng cảm và cộng mệnh, điều mà họ ít thấy ở một dạng tổ chức xã hội khác. Đầu tiên là sự tập hợp và cộng cảm của một cộng đồng người quanh một đồng trưởng (cùng sinh hoạt ở một am, điện), sau đó là tập hợp những con người có cùng một đức tin vào Thánh Mẫu (không phân biệt thân phận, nghề nghiệp, lứa tuổi và dân tộc). Sự cố kết này tạo thành một mạng lưới rộng lớn (đôi khi nó vượt khỏi phạm vi địa phương lên đến quy mô quốc gia), không chỉ liên kết với nhau trong các hoạt động tín ngưỡng (cầu cúng, lên đồng, tế lễ…) mà còn liên kết với nhau trong hoạt động kinh tế (những tín đồ trợ giúp nhau làm ăn) hay hoạt động văn hóa - nghệ thuật (trình diễn nghệ thuật hầu đồng, múa Bóng, tranh thờ, hát văn…).

Vai trò cố kết cộng đồng trong tín ngưỡng Thiên Y A Na còn được thể hiện rõ ràng và quan trọng hơn khi ta xem xét nó ở phương diện quốc gia, trong khối đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam. Thiên Y A Na không chỉ là Mẫu thần của người Việt, người Chăm, người Hoa ở đồng bằng, thành thị mà còn là Mẫu tối thượng của nhiều dân tộc thiểu số vùng Trường Sơn - Tây Nguyên. Do vậy, tín ngưỡng thờ Bà Thiên Y A Na là điển hình cho tinh thần đại đoàn kết các dân tộc, sự tiếp xúc, biến đổi văn hóa giữa các tộc người không cùng sắc dân, góp phần củng cố hơn nữa khối đại đoàn kết các dân tộc, tạo nên sức mạnh đưa Việt Nam phát triển bền vững.

1.5. Ẩn tiềm những giá trị về vật chất

Không chỉ mang những giá trị văn hóa tinh thần to lớn mà tín ngưỡng Thiên Y A Na của người Việt ở Trung Bộ còn thể hiện *những giá trị văn hóa vật chất* tiềm ẩn trong nó. Đảng và Nhà nước ta đã nhận định tôn giáo, tín ngưỡng là một hiện tượng xã hội còn tồn tại lâu dài, không chỉ chứa đựng những giá trị văn hóa và đạo đức, nó còn là một trong những động lực thúc đẩy sự phát triển xã hội. Phát huy vai trò của loại hình tín ngưỡng này để phát triển kinh tế địa phương bằng việc kết hợp phát triển loại hình du lịch văn hóa tâm linh.

Ngoài là nơi thực hành văn hóa tâm linh thì nhiều di tích thờ Thiên Y A Na ở Trung Bộ đã được đưa vào khai thác du lịch góp phần phát triển kinh tế. Các di tích thờ Bà như Tháp Bà PôNagar Nha Trang, tháp Nhạn Phú Yên, điện Hòn Chén, Núi Chúa Ngũ Hành Sơn, lăng Bà Thu Bồn,… đã trở thành những

điểm du lịch văn hóa - tâm linh thu hút đông đảo du khách trong và ngoài nước. Cùng với đó các loại hình văn hóa nghệ thuật, thể thao diễn ra trong lễ hội vía Bà, như múa Bóng, hò bả trạo, hát bội, đâm trâu, đua thuyền… đã đem lại sự tìm tòi, hứng khởi cho người dân và du khách, cũng như chất liệu cho phát triển công nghiệp văn hóa. Có thể thấy loại hình du lịch văn hóa tâm linh này đã và góp phần không nhỏ trong sự phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh Trung Bộ và nó ngày càng chứng minh được điều đó trong thời đại hiện nay.

1.6. Là môi trường nảy sinh, tích hợp và bảo tồn các sinh hoạt văn hóa nghệ thuật dân gian của người Việt ở Trung Bộ

Tín ngưỡng Thiên Y A Na là môi trường sinh hoạt văn hóa cộng đồng của người Việt ở Trung Bộ. Các nghi thức tế tự là dịp để người dân trực tiếp giao cảm với thần linh (mà Bà là vị thần chủ), cầu mong thần linh phù hộ cho cuộc sống. Bên cạnh đó, đây là nơi để trình diễn những sinh hoạt văn hóa cộng đồng trong thờ Mẫu như múa Bóng, hầu đồng, chầu văn, diễn tuồng, hò Bả trạo, hát bài chòi, múa võ Bình Định, chơi cờ, thể thao… và thưởng thức các đặc sản địa phương của từng vùng miền cụ thể. Trong các sinh hoạt nghi lễ như vậy, mọi người không phân biệt dân tộc cùng nhau tham gia lễ hội, cùng sáng tạo và hưởng thụ văn hóa, tạo nên sự cộng cảm, gắn bó giữa các thành viên, tạo nên sự nhất quán trong việc trao truyền văn hóa giữa các thế hệ.

Bên cạnh đó, tín ngưỡng Thiên Y A Na còn là môi trường nảy sinh, tích hợp và bảo tồn các sinh hoạt văn hóa nghệ thuật

dân gian. Trong các tôn giáo, tín ngưỡng không bao giờ chỉ có những tín điều và nghi lễ thuần túy, tức các hạt nhân tôn giáo tín ngưỡng đơn thuần, mà để biểu đạt thể hiện, truyền tải các biểu tượng, các ý niệm của các tôn giáo, tín ngưỡng ấy, nó cần phải có các "công cụ", "phương tiện", coi đó là thứ "ngôn ngữ" biểu đạt riêng, nếu thiếu cái đó khó có thể trở thành tôn giáo, tín ngưỡng thực sự.

Thiên Y A Na là Mẫu thần của người Việt ở miền Trung, được biểu hiện qua một hệ thống ngẫu tượng, linh tượng, tranh thờ, tượng thờ trên khắp các đền miếu. Các tượng và tranh thờ này đã phản ánh rõ nét tính chất và nguồn gốc của thần cũng như sự tiếp nhận và biến đổi văn hóa Chăm của người Việt. Đồng thời, Thiên Y A Na còn là nguồn cảm hứng cho sự ra đời của các huyền thoại, truyền thuyết, thần tích, kinh kệ… để mô tả nguồn gốc và "đời sống" các vị thần linh. Đôi khi nó không chỉ được thể hiện bằng ngôn ngữ bình thường, mà nó được nâng lên thành "*nghệ thuật ngôn từ*", tiêu biểu là chầu văn.

Tín ngưỡng Thiên Y A Na ở Trung Bộ cũng là môi trường nảy sinh và tích hợp các hình thức nghệ thuật, như chầu văn, hầu đồng, múa Bóng, múa cồng chiêng và các diễn xướng dân gian khác (các trò diễn mô phỏng). Nó tạo nên trạng thái phấn khích vừa để người trần hòa nhập với thần linh, vừa để thần linh tái hiện trước đời sống trần tục của con người. Đó cũng chính là môi trường tạo nên cảm hứng cho các sáng tạo văn hóa nghệ thuật. Rõ ràng, không có sự tiếp biến từ Po Inư Nagar của người Chăm thành Thiên Y A Na của người Việt thì không thể có dạng thức múa Bóng mang đặc trưng trong tín ngưỡng thờ Mẫu của

người Việt ở Nam Trung Bộ. Có thể thấy: "*Lên đồng (hầu bóng) là kho tàng sống của di sản văn hóa Việt Nam là nguồn tư liệu quý giá bộc lộ bản thân của người Việt Nam về lịch sử của họ, về di sản văn hóa, về vai trò của giới và bản sắc tộc người*"[50, tr.267-274]. Ngoài ra, bản thân tín ngưỡng Thiên Y A Na cũng là một sự tích hợp văn hóa nhiều tộc người Việt - Chăm - Hoa - các tộc người thiểu số, của nhiều loại hình nghệ thuật truyền thống kết hợp với hiện đại.

Không những thế, tín ngưỡng Thiên Y A Na còn là môi trường bảo tồn các giá trị văn hóa nghệ thuật truyền thống của các tộc người. Đây không còn là những sinh hoạt nghệ thuật thông thường mà nó mang tính phong tục, nghi lễ không thể thêm bớt tùy tiện bởi nó có thể ảnh hưởng đến vận mệnh của cá nhân và cộng đồng. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay khi văn hóa truyền thống đang bị biến đổi mạnh mẽ bởi cả yếu tố bên trong và bên ngoài cùng sự hội nhập các dòng văn hóa mới thì các sinh hoạt văn hóa trong tín ngưỡng, những di sản văn hóa dân tộc vẫn được bảo tồn. Tuy nhiên, nó không phải được bảo tồn ở dạng tĩnh tại mà bản thân nó cũng vận động, biến đổi theo quy luật riêng, tạo nên những giá trị văn hóa độc đáo của hiện tượng ngưỡng này.

2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

Bên cạnh vai trò và những giá trị văn hóa tiêu biểu nêu trên, tín ngưỡng Thiên Y A Na của người Việt ở Trung Bộ cũng giống như các hiện tượng văn hóa khác nó chậm biến đổi hơn so với cơ sở kinh tế - xã hội sinh ra nó. Do vậy nó là môi trường rất

tốt để bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống tộc người, nhưng bản thân nó cũng chứa đựng những giá trị mang tính tiêu cực, cản trở sự phát triển chung của xã hội.

Các loại ma thuật, đặc biệt là ma thuật chữa bệnh kết hợp với y học cổ truyền có giá trị nào đó trong xã hội nguyên thủy và xã hội chưa phát triển. Ở một chừng mực nó như một liệu pháp tinh thần, giúp con người lạc quan hơn trong cuộc sống để chiến đấu với bạo bệnh. Tuy nhiên hình thức đó không còn phù hợp với điều kiện xã hội văn minh khi nền y học đã rất phát triển như hiện nay nhưng nó vẫn còn tồn tại phổ biến. Trong các lễ vía Bà Thiên Y A Na, không khó để bắt gặp hình ảnh những tín đồ chen lấn, xô đẩy, chờ đợi để xin bằng được nước tắm tượng Bà. Họ lấy nước đó để vẩy lên công cụ lao động mong cuộc sống vật chất đầy đủ, vẩy lên thân thể để mong cuộc sống khỏe mạnh, uống vào cho bệnh tật tiêu tan. Họ quan niệm làm như vậy sẽ được Bà phù hộ cho sức khỏe. Họ còn dành thứ nước đó để tắm và cho trẻ con uống với mong muốn đứa trẻ đó luôn được khỏe mạnh, thông minh… Bỏ qua những yếu tố tâm linh, xét trên lĩnh vực y học và vệ sinh thực phẩm thì nước tắm tượng Bà không thể uống chứ chưa nói đến tác dụng chữa bệnh. Không những thế, họ còn phó mặc sức khỏe, mạng sống của mình cho những lá xăm xin được vì đó là những lời phán bảo của Thánh Mẫu hơn là việc chữa trị tại các cơ sở y tế.

Niềm tin vào các thần linh đôi khi là cần thiết, nhưng trong một số hoàn cảnh nhất định, sự ỷ lại vào thần thánh, trông chờ sự trợ giúp của thần linh bằng những buổi lễ tế với nhiều hình thức ma thuật và những lễ vật dâng cúng (vàng mã, tiền), sự sự

thiếu tự tin vào bản thân, phó mặc cho "số phận" cũng là một phản giá trị cản trở sự phát triển của bản thân và xã hội.

Điều này diễn ra ở hầu hết các nghi lễ, lễ hội ở Việt Nam nói chung và nghi lễ, lễ hội về Thiên Y A Na nói riêng. Với họ, đi lễ như một *sự bảo hiểm trong cuộc sống* [93]. Họ nghĩ rằng cúng tiến càng nhiều thì thần linh càng phù hộ cho họ may mắn. Họ đang sống cuộc sống hư ảo mà quên đi sự cố gắng trong cuộc sống thực tại bởi họ tin vào phép nhiệm màu quyền năng của Thánh mẫu. Họ cho rằng càng hầu Thánh mẫu nhiều với lễ vật càng lớn thì Mẫu sẽ càng cho họ nhiều lộc trần.

Một vấn đề còn tồn tại khác là sự lãng phí trong việc cúng đốt vàng mã trong các lễ vía Bà Thiên Y A Na ở Trung Bộ, mặc dù nó không nhiều như ở Bắc Bộ. Theo quan niệm truyền thống đồ hàng mã là hàng hóa gửi cho con người ở thế giới bên kia một cuộc sống như con người thực tại và có thể sống thoải mái, đầy đủ. Điều này rất phù hợp với tâm lý của người Việt là *trần sao âm vậy*. Theo họ, đốt vàng mã là để tưởng nhớ đến ông bà, tổ tiên, đến lịch sử dân tộc qua các buổi tế, cầu mong những điều tốt lành đến cho mình và cho mọi người. Rõ ràng, ban đầu ý nghĩa của tục đốt vàng mã nó mang tính rất nhân văn, tuy nhiên sau đó nó biến tướng phức tạp và trở thành một vấn đề nhức nhối của xã hội. Trong lễ hội Điện Hòn Chén, việc cúng vàng mã ở đây rất nhiều. Ở mỗi bằng, tùy theo điều kiện kinh tế và lượng tín đồ mà họ sắm nhiều hay ít, nhưng thường họ phải bỏ ra từ vài triệu đến vài chục triệu để mua vàng mã, còn đồ lễ cúng Mẫu trên bằng có khi lên đến cả trăm triệu. Ngoài việc hóa trên bờ, họ còn dải rất nhiều vàng mã xuống sông Hương trên

hành trình rước Mẫu tuần du làng Hải Cát rồi hồi loan điện Hòn Chén. Ở lễ vía thu Điện Hòn Chén họ sử dụng vàng mã nhiều hơn lễ vía xuân bởi vì lễ hội này nằm trong tháng xá tội vong nhân (tháng 7 âm lịch), nên họ kết hợp với cúng cô hồn và cầu an. Không những lãng phí mà sau mỗi mùa lễ hội khúc sông Hương ở khu vực đó bị ô nhiễm, ngập trong rác. Không chỉ có hiện tượng đốt vàng mã mà truyền thống thắp nhiều hương của tín đồ và khách hành hương cũng làm cho không khí trở lên vô cùng ngột ngạt mà vốn dĩ nó đã ngột ngạt bởi quá đông người.

Áp lực về mặt tiền bạc và thời gian cũng là một vấn đề lớn đối với tín đồ thờ Mẫu, đặc biệt là những người có căn đồng. Đó là những người có căn quả "căn cao số dầy" và buộc phải ra trình diện để hầu Thánh. Những người căn nặng còn phải mở phủ hầu thánh, nếu không sẽ bị "đầy", như đau ốm, tai họa bất thường, làm ăn lụn bại, thậm chí là điên loạn. Cô Lâm - một người có căn đồng ở Quảng Ngãi cho rằng mình có căn Mẫu nhưng do cha mình không đồng ý cho lập điện mở phủ hầu mà bị *Mẫu hành* đến phá sản, ốm đau mặc dù trước đó cô có gia cảnh rất khá giả. Thường thì trước khi trở thành ông đồng, bà đồng, họ đã phải chịu đựng những kiếp nạn nào đó, họ mở phủ hầu thánh mong muốn chấm dứt việc đó, cầu bình an cho gia đình và có được lợi lộc trong cuộc sống trần thế.

Tuy nhiên, để trở thành ông đồng bà đồng không phải đơn giản. Những người căn nặng phải xây điện thờ Mẫu, rước cốt tượng Bà và chủ trì những buổi hầu Mẫu, ngoài ra họ phải gánh thêm cả bổn phận với các thần linh mà họ đang hầu. Mỗi năm ông đồng, bà đồng phải hầu 2 lần/năm (thường là đầu năm và

cuối năm), ngoài ra họ còn phải hầu ở nhiều dịp khác trong năm, như tiệc của các Quan, các Mẫu, khi sức khỏe gặp trục trặc hay gia đình có vấn đề… Hàng năm, vào ngày vía Thánh mẫu Thiên Y A Na (xuân tế, thu tế) ở trong vùng, nếu có điều kiện, thường họ sẽ cố gắng để đi lễ mẫu/hầu mẫu ở các am, phủ điện Mẫu. Họ không thể bỏ hầu Mẫu được mặc dù một buổi hầu tốn không ít tiền (tùy điều kiện kinh tế mà mỗi giá đồng thường tốn khoảng một triệu đến vài triệu đồng, gồm tiền lễ và tiền phát lộc, tiền trả ban cung văn…, mỗi người hầu một hoặc nhiều giá). Ngoài ra, các ông Đồng, bà Đồng còn phải sắm sửa đạo cụ, trang phục hầu Thánh, như roi, mái chèo, khăn, kiếm, đặc biệt là quần áo (một bộ quần áo hầu có thể từ vài trăm ngàn đến vài chục triệu/bộ, mỗi con đồng phải có ít nhất 5-7 bộ, nếu không có thì phải đi thuê, cũng vài trăm ngàn một bộ, nhưng ít khi họ đi thuê). Ngoài ra, vào các ngày vía Mẫu Thiên Y A Na trong vùng (lễ hội Điện Hòn Chén, Tháp Bà Nha Trang, Am Chúa, Núi Chúa Ngũ Hành Sơn…) họ đều phải thu xếp thời gian, công việc và tiền bạc (tiền xe cộ, tiền ăn ở) để tham gia, vì nếu không tham gia họ sẽ cảm thấy lo lắng, không yên tâm, sợ rằng vận hạn sẽ đến với mình và người thân. Theo lời kể của đồng Định (chủ một điện ở Huế - kinh doanh bất động sản ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh) cho biết: trong lễ hội Điện Hòn Chén năm 2024, điện của ông gồm có 32 đệ tử tín đồ tham gia, kinh phí phải chuẩn bị bao gồm: tiền thuê bằng 3 ngày là 50 triệu, trang trí bằng + chuẩn bị lễ vật, đồ cúng trên điện Mẫu và trên bằng khoảng 130 triệu. Số tiền này, chủ điện chịu nhiều, còn thiếu bao nhiêu các tín đồ, đệ tử đóng góp cho đủ. Các điện khác thì tùy theo thỏa thuận mà đóng góp. Ngoài ra ai hầu giá nào, bao nhiêu giá, tiền phát lộc

của từng giá hầu… người đó phải tự chịu. Tính trung bình mỗi đệ tử phải chi khoảng từ 15 - 20 triệu đồng hoặc nhiều hơn nữa cho một lần hành hương vía Mẹ. Đây là một số kinh phí không nhỏ đối với những tín đồ bình dân, nhưng họ vẫn phải cố gắng thu xếp để tham gia bởi những lo sợ hư ảo.

Lên đồng (hầu bóng) được coi là kho tàng sống của di sản văn hóa Việt Nam (Franhk Proschan). Nó là sự kết hợp giữa nghi lễ và sân khấu, âm nhạc và lời hát, trang phục và phong tục, nhảy múa và nhập thần. Đó là một dạng đặc biệt của "*biểu diễn văn hóa"*. Những ông, bà đồng đang nỗ lực (một cách vô thức) bảo tồn những giá trị truyền thống cho các thế hệ mai sau khi mà chúng đang dần nhạt nhòa trong đời sống hàng ngày, chỉ còn hiện diện trong thần điện Đạo Mẫu. Tuy nhiên, trên phương diện nào đó hoạt động lên đồng nó cũng thể hiện những mặt trái của nó. Chính vì điều đó mà xưa kia triều Nguyễn cấm các hoạt động đồng cốt, quàng xiên (ngoại trừ dưới triều vua Đồng Khánh). Tham dự các lễ vía Bà Thiên Y A Na ở khắp miền Trung các hoạt động hầu đồng múa bóng luôn diễn ra sôi động và thu hút đông đảo người tham dự. Trong khi nhập đồng, một số ông bà coi mình là những xác Thánh, lời nói được coi là Thánh phán, thường yêu cầu tín đồ đệ tử làm theo đòi hỏi của mình hoặc phán bảo đến tiền vận, hậu vận đến các đệ tử tín đồ, chữa bệnh bằng nước lã hòa với tro của nhang và giấy sớ… Bên cạnh đó, hầu đồng ở các điện Mẫu, đặc biệt là giá ông Hoàng Bẩy các ông, bà đồng thường giáng bút cho tín đồ những con số, họ thường sử dụng những con số đó trong việc chơi lô, đề - một dạng cờ bạc phi pháp. Và không ít trường hợp tín đồ vì nghe

theo đã mất nhiều tiền của cho hoạt động này, thậm chí dẫn đến phá sản, ly tán vì họ quá tin vào lộc những con số và lời Thánh mẫu phán bảo.

3. PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TÍN NGƯỠNG THIÊN Y A NA TRONG SỰ NGHIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tư tưởng nhất quán, xuyên suốt của Đảng và Nhà nước ta là tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, đồng thời Hiến pháp cũng quy định việc bài trừ mê tín dị đoan. Điều đó được thể hiện bằng hệ thống chính sách phù hợp với từng giai đoạn cách mạng. Thực tế cho thấy "*trong một thời gian tương đối dài, quan sát trên bề mặt xã hội, ta có thể yên tâm quan điểm duy vật vô thần đã chế ngự đời sống tinh thần toàn xã hội. Ấy vậy mà chỉ hơn mười năm nay, ta trở lại với nền văn hóa toàn dân tộc; cùng với các lễ hội dân gian truyền thống được phục hồi thì các hiện tượng mê tín dị đoan cũng bùng phát trở lại. Không những một số hủ tục cũ được hồi phục mà các hủ tục mới cũng mọc ra không ít. Xưa kia những tục lệ thường chỉ loanh quanh nơi lũy tre làng, nay nó có mặt ngay cả nơi phố phường đô hội*" (Đề dẫn Hội thảo khoa học Tín ngưỡng - Mê tín - Hủ tục do Cục Văn hóa Thông tin cơ sở, Bộ Văn hóa - Thông tin tổ chức tại Hà Nội, tháng 9/1998, trích theo Nguyễn Hữu Thông [137, tr.248]).

Tín ngưỡng Thiên Y A Na của người Việt ở Trung Bộ là một hiện tượng tín ngưỡng - văn hóa có vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống tinh thần của nhân dân nơi đây. Nó chứa

đựng những giá trị nhân văn sâu sắc, nhưng bên cạnh đó cũng tồn tại những hạn chế cần khắc phục nhưng phải linh hoạt. Từ kết quả nghiên cứu tín ngưỡng Thiên Y A Na ở Trung Bộ, chúng tôi thấy có một số vấn đề cần trao đổi, định hướng và đề xuất giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tiêu biểu tín ngưỡng Thiên Y A Na trong phát triển bền vững hiện nay theo hướng gạn đục khơi trong.

3.1. Nhận định về tín ngưỡng Thiên Y A Na của người Việt ở Trung Bộ

Có thể thấy hiện tượng thờ Mẫu Thiên Y A Na ở miền Trung là sự tập hợp một cách tự nhiên nhiều yếu tố, tạo nên một tổ hợp thần linh cũng như nghi thức và hành vi tôn giáo đa dạng trong đó. Theo nhận định của Nguyễn Hữu Thông [137] có thể thấy các dạng hoạt động văn hóa tín ngưỡng ở miền Trung như sau:

- Dạng hoạt động có tính chất lễ hội, nguồn gốc tưởng nhớ, báo đáp Bà Thiên Y A Na đã giúp dân vượt qua tai ách: Bà dạy dân trồng lúa, dệt vải, bảo vệ dân chúng trước tai họa ngoại xâm (do đoàn quân Thái tử đem đến) và các tai họa thiên nhiên (mất mùa, dịch bệnh, thú dữ…) Dưới góc nhìn đó, tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na là hình thức tưởng nhớ công lao tiền nhân, người anh hùng dân tộc.

- Dạng hoạt động mang tính chất đa dạng và phức tạp về tâm thức tôn giáo, biểu hiện trong các lễ thức lên đồng, múa bóng, chầu văn, xin xăm,… dựa vào các thế lực siêu nhiên để giải thích, giải quyết, dự báo những hiện tượng không có chứng lý.

- Dạng mê tín thể hiện qua những lễ thức có tính chất Saman, phù thủy phương hại đến môi trường sinh thái, sức khỏe, hòa khí, an sinh cộng đồng…

Từ những nhận định về tín ngưỡng Thiên Y A Na của người Việt ở Trung Bộ chúng tôi mạnh dạn đưa ra một số giải pháp nhằm hạn chế những hủ tục và phát huy những giá trị nhân văn trong loại hình tín ngưỡng - văn hóa độc đáo này.

3.2. Một số giải pháp bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa trong tín ngưỡng Thiên Y A Na của người Việt ở Trung Bộ

Khuyến khích và tôn vinh các giá trị văn hóa tốt đẹp trong tín ngưỡng Thiên Y A Na của người Việt ở Trung Bộ. Đó là chỗ dựa tinh thần, là khởi nguồn cho tinh thần lạc quan tin vào cuộc sống, là cội nguồn thờ Mẹ, là đạo lý uống nước nhớ nguồn, là nơi cố kết cộng đồng, đoàn kết các dân tộc, giao lưu văn hóa giữa các dân tộc anh em, là môi trường sinh hoạt văn hóa của cộng đồng và sản sinh, lưu giữ những loại hình văn hóa mang bản sắc dân tộc… Để làm được điều này, các cấp chính quyền, các nhà quản lý văn hóa cần hỗ trợ về kinh phí và cách thức tổ chức cho đúng đắn, trật tự, có quy định, kế hoạch rõ ràng, công khai đến tất cả các tín đồ, hướng dẫn nhân dân thực hành tín ngưỡng theo các giá trị nhân văn vốn có của nó.

Thiên Y A Na là Mẫu thần tối thượng của nhiều dân tộc ở Trung Bộ. Đây cũng là điển hình cho sự cố kết cộng đồng tôn giáo không phân biệt tộc người, ẩn chứa trong đó là sức mạnh đoàn kết. Vì vậy, các cơ quan chức năng cần nhìn nhận đúng đắn và tôn trọng các hình thức thờ phụng Bà của các tộc người,

tạo điều kiện thuận lợi cho bà con thực hành tín ngưỡng thờ Bà theo truyền thống của họ. Đây cũng chính là môi trường rất tốt, tạo điều kiện cho các dân tộc trong vùng hiểu và xích lại gần nhau hơn.

Hầu đồng, múa Bóng là một hoạt động đặc biệt, không thể thiếu và chính nó làm lên đặc trưng trong tín ngưỡng Thiên Y A Na ở Trung Bộ. Tuy nhiên, đây là dạng hoạt động mang tính đa dạng và phức tạp về tâm thức tôn giáo, mang cả các giá trị và phản giá trị. Do vậy, cần phải có những nhận định đúng đắn và có những giải pháp phù hợp, linh hoạt đối với hoạt động nhạy cảm này, điều chỉnh theo hướng gạn đục khơi trong. Đồng thời, cần công nhận hầu đồng, múa bóng là một hoạt động nghi lễ chính thức, hợp pháp trong tổng thể nghi lễ của lễ hội và tín ngưỡng, từ đó có những chính sách quản lý và định chế phù hợp, định hướng hoạt động này đến giá trị nhân văn vốn có của nó, đồng thời kiểm soát và hạn chế những tiêu cực vốn có hoặc mới nảy sinh. Cần có sự phối hợp chặt chẽ, linh động giữa các ban ngành chức năng và các cơ sở tín ngưỡng thờ Mẫu. Với dạng thức này tuyệt đối không được xử lý một cách cứng nhắc, cực đoan, gây căng thẳng.

Đối với nhưng biểu hiện của tín ngưỡng Thiên Y A Na dưới dạng mê tín, thể hiện qua những nghi lễ có tính chất Saman giáo, chữa bệnh bằng nước lọc hoặc các loại lá cây; xem bói, xem gia sự, tìm mồ mả; đồng thời có một số người lợi dụng tín ngưỡng Thiên Y A Na xem như một nghề để kiếm sống, lợi dụng lòng tin của người khác để trục lợi, buôn thần bán thánh… cần có sự can thiệp của các cơ quan quản lý và chính quyền địa

phương nhằm ngăn chặn những hậu quả đáng tiếc xảy ra, nếu có thì xử lý theo pháp luật.

Để quản lý có hiệu quả các hoạt động tín ngưỡng thờ Mẫu nói chung và thờ Thiên Y A Na ở Trung Bộ nói riêng chính quyền và các cơ quan chức năng cần thành lập một tổ chức dưới hình thức câu lạc bộ để tập hợp các hội viên gồm những nhà nghiên cứu, nhà quản lý và những tín đồ thờ Mẫu đứng đầu các am, đền, điện công cộng và một số người đại diện cho các đền, điện tư gia. Về nguyên tắc *Câu lạc bộ của tín ngưỡng thờ Mẫu* sẽ làm đầu mối quan hệ với các cấp chính quyền và các cơ quan chức năng liên quan. Đồng thời nó là nơi gặp mặt của cộng đồng, giúp đỡ nhau trong hoạt động, hướng dẫn thực hành nghi lễ, bồi dưỡng, đào tạo thế hệ kế cận. Đây là một tổ chức tự nguyện của những người có cùng mục đích tập hợp, đoàn kết trong hoạt động thờ Mẫu theo nguyên tắc: tự nguyện, tự quản, dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch; tự bảo đảm kinh phí hoạt động; không vì mục đích lợi nhuận, hỗ trợ nhau hoạt động đúng pháp luật và điều lệ hội nhằm bảo tồn, phát triển giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc; đồng thời ngăn chặn các tiêu cực, trục lợi trong thờ Mẫu, góp phần giữ gìn loại hình văn hóa phi vật thể của dân tộc và phải xây dựng được quy chế hoạt động theo chiều hướng tích cực.

Ngoài ra, để tín ngưỡng Thiên Y A Na của người Việt ở Trung Bộ là một hoạt động tín ngưỡng thuần túy cần phải tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho chính những con nhang đệ tử, tín đồ và nhân dân - những người thực hiện tín ngưỡng hiểu được bản chất, ý nghĩa và giá trị nhân văn của loại hình tín

ngưỡng này. Đồng thời cũng chỉ ra cho họ những tác hại và biểu hiện của các hủ tục trong đó, bởi đôi khi bản thân họ không hiểu/nhận thức/phân biệt được đâu là cái hủ tục, lạc hậu và đâu là những nghi thức truyền thống mà họ làm theo sự chỉ dẫn của niềm tin. Đây là giải pháp chủ đạo, lâu dài để tín ngưỡng này trở nên trong sạch, đậm bản sắc và phù hợp với sự phát triển trong xu thế thời đại.

Để phục vụ sự nghiệp phát chung của xã hội cần gắn kết loại hình tín ngưỡng này với các hoạt động du lịch, nhưng phải được quy hoạch và quản lý cụ thể, bởi nếu không nó dễ dẫn đến sự thương mại hóa các hoạt động tín ngưỡng, lễ hội. Duyên hải Trung Bộ là vùng đất giàu tiềm năng về lĩnh vực này, trong tín ngưỡng Thiên Y A Na chứa đựng nhiều giá trị văn hóa đặc sắc. Đây là giải pháp có nhiều lợi thế, một mặt nó giúp địa phương phát triển kinh tế bằng các hoạt động du lịch văn hóa - tâm linh, bên cạnh đó nó cũng làm cho các giá trị văn hóa nghệ thuật trong tín ngưỡng Thiên Y A Na có điều kiện được thể hiện, được bảo vệ và phát huy. Đó là những sản phẩm nghệ thuật độc đáo như chầu văn, hầu đồng, múa bóng, hát bộ, hò bả trạo, múa dân gian, nghệ thuật kiến trúc - điêu khắc… mang bản sắc tộc người, vùng miền. Qua hoạt động này, các loại hình nghệ thuật dân gian nói trên được nâng tầm vị trí, trình độ kỹ thuật, vừa truyền bá những giá trị văn hóa độc đáo, đặc sắc đến du khách, bạn bè trong nước và quốc tế.

KẾT LUẬN

1. Trung Bộ là vùng đất có những đặc điểm tự nhiên - lịch sử - xã hội đặc thù. Điều kiện tự nhiên là tổng hợp các đặc trưng địa hình nhưng bị phân tán mạnh mẽ, đặc biệt là sự hiện diện và vai trò của yếu tố rừng và biển. Cộng đồng người Việt từ đồng bằng Bắc Bộ đã có một quá trình lịch sử lâu dài di trú về phương nam. Ở đây, họ cộng cư, giao lưu và tiếp biến văn hóa với cộng đồng tiền trú, đặc biệt là người Chăm. Đây chính là môi trường cho sự ra đời và phát triển của một hiện tượng tín ngưỡng, văn hóa độc đáo mang đặc trưng riêng của người Việt ở Trung Bộ. Từ Thần Mẹ xứ sở Po Inư Nagar của người Chăm có cội nguồn và sức mạnh của một Devi trong Ấn Độ giáo, Bà được Việt hóa thành Thánh mẫu tối thượng vô cùng quyền năng và đức độ của người Việt với tên gọi Thiên Y A Na.

2. Thiên Y A Na có vai trò rất quan trọng trong đời sống tâm linh của người Việt ở Trung Bộ. Bà là vị thần chủ, được thờ tự ở khắp nơi, từ đồng bằng, miền núi đến ven biển, hải đảo; Bà được thờ trong nhiều loại hình di tích thờ tự như đình, chùa, lăng, miếu, đền tháp… do người Chăm để lại hay người Việt xây mới với niên đại và quy mô khác nhau; Bà được thể hiện trong các lễ hội và các nghi thức thờ cúng trang trọng và linh thiêng, đặc biệt là những nơi Bà là thần chủ. Nhà Nguyễn muốn làm yên lòng lưu dân Việt, chiêu an người Chăm và tìm một điểm tựa tâm linh cho mình trên quê hương mới nên đã tiếp biến và Việt hóa Thần Mẹ xứ sở của người Chăm thành Mẫu Thiên Y

A Na của người Việt, cho sưu tầm điển tích, ban tặng Bà là *Hồng Nhân Phổ Tế Linh Ứng Thượng Đẳng Thần*, cắt cử người trông coi nơi thờ tự. Xuân thu nhị kỳ các lễ tế ở điện Hòn Chén, Am Chúa và Tháp Bà được tổ chức long trọng, chủ tế phải là quan đầu tỉnh hoặc đại diện triều đình.

3. Đối với người Việt ở Trung Bộ, Thiên Y A Na là Thánh mẫu - vị Phúc thần có quyền năng tối thượng, luôn hiện hữu ở gần như tất cả các cộng đồng dân cư. Với ngư dân thì Bà và Ông Nam Hải được coi là vị thánh phù hộ cho nghề cá và ngư dân khi lao động trên biển. Trong khi đó, ở những làng chuyên nghề nông, Bà là người dạy cho dân biết trồng trọt, phù hộ mùa màng, khai hóa văn minh. Đối với cư dân buôn bán, Bà là vị phúc thần, phù hộ buôn may, bán đắt. Với cư dân chuyên nghề khai thác lâm sản, Thiên Y A Na trở thành Bà chúa Trầm hương, Chúa rừng… Từ một tín ngưỡng dân gian, tục thờ Thiên Y A Na đã được phát triển và khẳng định vị trí và vai trò của mình trong đời sống tâm linh người Việt ở Trung Bộ. Bên cạnh yếu tố tâm linh, tín ngưỡng Thiên Y A Na còn là môi trường rất tốt cho việc sáng tạo, gìn giữ và phát huy những giá trị văn hóa - nghệ thuật dân gian truyền thống hiện hữu trong nó. Do vậy, cần phải quản lý và định hướng đúng đắn để bảo vệ, sáng tạo và phát huy những tinh túy văn hóa trong tín ngưỡng Thiên Y A Na nhằm làm phong phú hơn đời sống tinh thần của người dân và lưu giữ những giá trị văn hóa cho các thế hệ tương lai.

4. Thiên Y A Na không chỉ là hiện tượng tín ngưỡng dân gian mà còn thể hiện quá trình giao tiếp văn hóa giữa hai dân tộc

Việt - Chăm trong quá trình cộng cư lâu dài ở Trung Bộ. Có thể nói, đây là một điển hình của "*sự tiếp xúc và biến đổi của văn hóa Chăm - Việt*". Bên cạnh đó, tín ngưỡng Thiên Y A Na ở Trung Bộ còn là kết quả của quá trình tích hợp, tiếp biến nhiều nền văn hóa khác nhau, như Ấn - Hoa - Chăm - Việt - các tộc người khác trong vùng qua việc thờ cúng một vị Mẫu thần. Nó trở thành sợi dây kết nối các tộc người khác nhau thành một thể thống nhất trước khi hòa nhập vào dòng chảy văn hóa Việt Nam. Đó cũng chính là cơ sở hình thành nên đặc trưng văn hóa của người Việt, với truyền thống nội sinh kết hợp với ảnh hưởng, tiếp thu văn hóa bên ngoài, tái tạo rồi liên kết, dân tộc hóa góp phần làm cho văn hóa Trung Bộ đa dạng, giàu bản sắc.

5. Thờ Thiên Y A Na của người Việt ở Trung Bộ là một hiện tượng tín ngưỡng - văn hóa độc đáo, chứa đựng nhiều giá trị văn hóa, nghệ thuật, lịch sử của vùng đất, của các tộc người sinh tụ nơi đây. Vì vậy cần nhìn nhận và có những giải pháp đúng đắn nhằm gạn đục khơi trong và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của tín ngưỡng này để phục vụ sự nghiệp phát triển chung của Trung Bộ và của đất nước trong giai đoạn hiện nay.

Phụ lục 1

TRUYỀN THUYẾT, THƠ CA VỀ THIÊN Y A NA Ở TRUNG BỘ

I. CÁC TRUYỀN THUYẾT, TRUYỆN KỂ

1. Truyền thuyết về Thần Mẹ xứ sở của người Chăm

**** Truyện nàng Mujuk***

Ngày xưa, tại núi Lănggari thuộc xứ Nha Trang có vợ chồng nhà nọ ăn ở phúc đức, nhưng hiềm một nỗi đến cuối đời vẫn không sinh được một mụn con cho vui cửa vui nhà.

Năm ấy, vợ chồng già nọ trồng được một rẫy dưa rất nhiều quả. Đêm rằm tháng 7 một cô gái nhan sắc tuyệt trần, độ mười sáu tuổi, không biết từ đâu đi vào rẫy dưa. Nàng điềm nhiên hái những trái dưa rồi tung lên trời làm trò chơi. Sáng hôm sau, vợ chồng ông già vào thăm rẫy thấy có dấu chân người và những trái dưa rơi rớt lung tung thì rất ngạc nhiên. Liền ba đêm đều như vậy. Đến đêm thứ tư, ông bà quyết bắt cho được thủ phạm phá dưa. Nửa đêm, họ thấy một nàng tiên từ trên trời bay xuống hái dưa tung lên không trung chơi. Hai vợ chồng già vừa mừng vừa sợ. Họ nhủ thầm: có lẽ trời thương cảnh già hiu quạnh nên cho tiên nữ xuống đây. Thế rồi, hai ông bà chạy đến ôm cô gái và nói rõ ý định của mình cho cô gái biết. Cô gái vui lòng ở lại

và nhận hai ông bà làm bố mẹ nuôi. Họ yêu thương cô gái như con đẻ và đặt tên cho nàng là Mukjuk (tiếng Chăm có nghĩa là Bà Đen).

Phía nam nhà ông bà lão có một con sông lớn chảy ra biển, ngày ngày nàng Mukjuk thường ra sông tắm. Hôm ấy, nàng thấy một cây trầm hương lớn độ một ôm, dài chừng 3 sải tay đang lập lờ theo con sông trôi xuôi. Nàng liền bám vào cây trầm để tập bơi, đột nhiên một ngọn sóng lớn ấp tới mang theo cây gỗ trầm và nàng Mukjuk xinh đẹp trôi ra biển khơi.

Tại một xứ nọ, dân tình đang làm ăn yên ổn bỗng dưng bị nạn hạn hán liên miên, ruộng đồng trở thành sa mạc, xóm làng tiêu điều vì thiếu nước. Hạn hán kéo dài bảy năm liền, nhân dân lâm vào cảnh đói rách, thiên hạ tràn ngập người ăn xin. Nhà vua và triều đình lo lắng vô cùng, đã nhiều lần cho lập đền cầu mưa mà không được. Có một vị đạo sĩ tâu rằng: "*Ngoài cửa biển có một cây trầm hương từ phương xa dạt vào. Muốn hết hạn hán phải vớt cây trầm hương đó lên*". Ngay sau đó, hàng trăm người được vời đến cửa biển, họ tìm thấy cây trầm hương nhưng không thể nào vớt lên được. Quần thần phải về tâu với vua về cây trầm hương kỳ diệu đó. Chuyện đến tai hoàng tử con vua, vì hiếu kỳ nên chàng tới đó xem và kéo thử cây trầm lên. Lập tức, cây trầm trở nên nhẹ bẫng và hoàng tử đưa cây trầm đó về cung.

Từ khi cây trầm được vớt lên thì mưa thuận gió hòa, nhân dân no ấm nhưng riêng hoàng tử lại đổ bệnh quên ăn mất ngủ. Cứ đêm đêm chàng lại ra ngồi cạnh cây trầm. Thế rồi, một đêm

trăng thanh gió mát, hoàng tử ra ngồi cạnh cây trầm như thường lệ thì thấy một nàng tiên xinh đẹp bước ra từ cây trầm. Hoàng tử hỏi nàng là ai, từ đâu đến mà lại ẩn mình vào cây trầm. Nàng trả lời: "*Nhà thiếp ở xa, vì mải chơi nên trôi dạt tới đây, mong chàng che chở, cha mẹ thiếp gọi thiếp là Mukjuk*". Sau buổi tối hôm ấy, hoàng tử không còn bị sầu não nữa và muốn lấy nàng Mukjuk làm vợ. Thế nhưng, nhà vua và hoàng hậu nhất quyết không cho vì không muốn có một nàng dâu có gốc tích không rõ ràng và bí hiểm. Thế rồi, hoàng tử lại đổ bệnh mà không ai chữa khỏi, không còn cách nào khác, nhà vua phải mời vị đạo sĩ nọ tới. Vị đạo sĩ đó tâu rằng: "*Số là hoàng tử và nàng tiên trầm hương kia đã có duyên từ kiếp trước. Thiếu nữ ấy chính là con của Thượng đế sai xuống nước Chiêm Thành. Muốn hoàng tử khỏi bệnh chỉ còn cách là cho hai người lấy nhau*".

Nghe vị đạo sĩ nói Mukjuk là con trời nên nhà vua và hoàng hậu mừng lắm, liền sai người chọn ngày để làm đám cưới cho họ. Nghe tin hoàng tử liền khỏi bệnh và đi báo cho Mukjuk. Đến lúc đó nàng Mukjuk mới từ cây trầm bước ra với vẻ đẹp tuyệt trần và ngát mùi hương trầm. Đám cưới của họ kéo dài cả trăm ngày. Sáu năm chung sống, nàng hạ sinh được hai người con trai khôi ngô tuấn tú.

Thế nhưng, chồng nàng về sau hay đem quân đi đánh phá các nơi, gây bao cảnh chết chóc đau thương. Mukjuk nhiều lần khuyên can chồng nhưng không có tác dụng. Cuối cùng, không chịu nổi người chồng tàn bạo, nàng biến vào cây trầm trôi ra biển để sóng gió đưa nàng về quê hương xứ sở. Nàng dạy dân

làm nông, dệt vải và tự xưng là Pô Inư Nưgar. Hay tin vợ về quê cũ, hoàng tử vô cùng tức giận liền cùng hai con lên thuyền đi gọi nàng về. Một hôm, nhìn thấy một chiếc thuyền lạ tiến vào cửa biển Nha Trang, nàng Mukjuk biết ngay là người chồng tàn bạo đã tới. Lập tức, nàng hóa phép cho giông tố nổi lên nhấn chìm chiếc thuyền đó xuống đáy biển. Hoàng tử và hai người con biến thành ba hòn đá ngay ở của biển Nha Trang mà nay dấu tích vẫn còn. Bà chết, dân thờ Bà vì Bà dạy dân cày cấy, chữa bệnh và đỡ đẻ.

Nguồn: Tháp Bà Thiên Y A Na
hành trình của một Nữ thần của Ngô Văn Doanh

**** Huyền thoại Po Nagar của người Chăm***

Po Nagar là một Nữ thần do ánh mây và bọt nước biển biến sanh. Bà sinh ra với một tấm thân cân đối, một khuôn mặt xinh đẹp tuyệt vời và chói rọi hào quang. Bà sinh ra tận ngoài biển khơi. Nước biển dâng cao đưa bà vào bến Yjatran. Sấm trời và gió hương nổi dậy báo cho muôn loài biết tin bà giáng thế. Liền đó những khe suối trên nguồn dồn lại thành sông chảy xuống mừng Bà, và núi hạ mình thấp xuống để đón rước Bà. Bà bước lên bờ. Cây cong cành xuống sát đất để tỏ lòng thần phục, chim muông kéo nhau đến chầu hai bên đàng cái. Và hoa cỏ vươn lên để điểm hương vào bước chân bà đi.

Đến Yjatran, Bà dùng phép hóa ra cung điện nguy nga, hóa ra trầm hương kỳ nam, các giống gỗ quý và lúa bắp. để cúng Trời, Bà tung lên mây một hột lúa. Lúa mọc hai cánh trắng như hai mảnh bạch vân, bay ở giữa không trung. Bà lại đốt một

phiến trầm hương, khói thơm tỏa lên cao vút, đỡ hột lúa có cánh về dâng cúng Trời.

Nơi hậu cung Bà có 97 ông chồng. nhưng chỉ có ông Pô Yan Amo là có uy quyền và được trọng vọng hơn cả. Bà sanh được 38 Nữ thần, người nào cũng xinh đẹp. Song chỉ có 3 người được bà ban cho nhiều quyền phép là Pô Nogar Dara, Rarai Anaih, Nữ thần vùng Phan Rang, và Pô Bia Tikuk, Nữ thần vùng Phan Thiết.

Nguồn: Xứ Trầm hương của Quách Tấn

2. Truyền thuyết về Thiên Y A Na của người Việt

2.1. Những truyền thuyết lưu truyền ở Khánh Hòa

**** Truyền thuyết về chùa Suối Ngổ***

Chùa Suối Ngổ tọa lạc trên núi Phượng Hoàng, tục danh là núi Hòn Én thuộc địa phận phường Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang có niên đại đã trên một trăm năm. Trong dân gian còn truyền tụng câu chuyện về sự hình thành ngôi chùa.

Chùa Suối Ngổ được tạo lập năm Thành Thái nguyên niên (1889) do thượng tọa Thích Thanh Hậu (tục danh là Võ Văn Thế) đứng ra xây dựng, tên gọi ban đầu của chùa là Thanh Long tự.

Truyền thuyết dân gian kể lại rằng, xưa có ông tên là Võ Văn Thế làm nghề thợ bạc giàu có ở làng Phước Đa, tổng Phước Khiêm, phủ Ninh Hòa. Đang làm ăn phát đạt bỗng đâu hai người con, một trai, một gái đột ngột qua đời. Vợ ông do buồn rầu mà

sinh bệnh ho lao. Hồi ấy, bệnh lao là bệnh nan y vô phương cứu chữa. Ông Thế bèn lập bàn thờ trước sân nhà thành tâm khấn vái Thần, Phật hàng đêm. Đến đêm thứ ba ông mệt quá ngủ thiếp đi. Trong mơ ông gặp một vị thần dặn rằng cứ đi về hướng nam sẽ gặp được người dẫn đường đi tìm thuốc chữa bệnh. Sáng hôm sau, ông Thế lên đường. Đi mãi đến thôn Xuân Phong, xã Vĩnh Phương, nơi có miếu Quá Quan dưới chân hòn đá lố, ông bèn nghỉ lại đó và gặp người đàn ông trạc tuổi mình đang ở trong miếu. Người đàn ông hỏi ông Thế: *Có phải ông là người đang đi tìm thuốc chữa bệnh cho vợ không*? Ông Thế đáp: *Phải*. Hỏi xong, người đàn ông đó bước đi xăm xăm vào rừng. Ông Thế đi theo mãi, lội suối băng rừng, vượt qua năm ngọn núi cao, gặp một khoảng đất rộng hơn một sào có đá xếp lại như một cái nền nhà (sau này là nền chùa Suối Ngổ). Người đàn ông chỉ đường bỗng nằm xuống thiếp đi. Khi tỉnh dậy ông ta ngơ ngác không biết tại sao mình lại đến nơi này.

Lúc ấy, ông Thế mới kể rõ cho ông ta đầu đuôi câu chuyện. Người dẫn đường cho ông Thế khi hỏi ra mới biết tên là Phạm Văn Thống, quê ở xã Xuân Phong, tổng Trung Châu, phủ Diên Khánh. Nghe xong câu chuyện ông Thế kể lại, ông Thống nguyện cùng với ông Thế dựng chòi lá bên bờ suối ở lại, cùng đi tìm thuốc với ông Thế. Hai ông ngày ăn rau ngổ và lá rừng để đi tìm thuốc, đêm đến vào lều đọc kinh cầu nguyện. Đến đêm thứ ba, ông Thế nằm một thấy một bà tiên áo xiêm rực rỡ, tự xưng là thánh nữ, phán rằng: "*Ta cho nhà ngươi viên thuốc, lấy thuốc ấy uống với nước suối này trong ba ngày thì trị khỏi bệnh cho vợ ngươi. Nhưng ngươi phải hứa với ta rằng khi vợ ngươi bình*

phục, ngươi phải lập nơi đây một ngôi chùa". Sáng ra, hai ông thấy bên cạnh mình có một viên đá nhỏ tròn như quả trứng chim sẻ. Ông Thế liền đem viên đá và lấy một ít nước suối đem về cho vợ uống, quả nhiên khỏi bệnh.

Nhớ lời dặn của thánh nữ, ông Thế bèn bán hết ruộng vườn ở quê, cùng ông Thống lên lại túp lều bên suối để lập chùa. Chùa được lập vào năm 1889, tên là Thanh Long tự. Hai ông cùng ở lại chùa tu hành và làm thuốc để cứu nhân độ thế. Khách thập phương nghe đồn đến chùa xin thuốc rất đông. Chùa Suối Ngổ được vua nhà Nguyễn sắc phong bốn chữ "*Chí linh sơn tự*" vào ngày 6 tháng 3 năm 1939.

**** Truyền thuyết về miếu Chuột***

Ở địa phận xã Ninh Đa có một cái gò tập trung rất nhiều chuột. Xung quanh gò đất này là đồng ruộng của dân làng thuộc đội 11 xã Ninh Đa. Vì chuột phá quá nhiều nên ruộng đồng của người dân xung quanh đó không thu hoạch được là bao nhiêu. Tin vào sự linh ứng của Bà, dân làng thắp nhang cầu khấn bà Thiên Y A Na phù họ cho nạn chuột này chấm dứt để dân làng làm ăn. Với lòng thanh kính của mình thì những lời khẩn cầu của người dân trong vùng đã có linh nghiệm. Chuột từng đàn, từng lũ kéo đi sạch. Để tưởng nhớ công ơn của Bà, dân trong làng cùng nhau góp công, góp của dựng một ngôi miếu thờ bà trên gò đất ấy. Vì gò đất ấy xưa kia rất nhiều chuột nên người dân trong vùng thường gọi nôm na là miếu Chuột.

Hàng năm, vào ngày 23 tháng 3 âm lịch (trùng với ngày Vía Bà) dân làng thường tổ chức cúng tế long trọng ở miếu để tưởng

nhớ công đức của bà Thiên Y A Na. Hiện nay ngôi miếu Chuột này được dân làng gìn giữ như một di sản văn hóa của địa phương. Miếu Chuột còn có tên gọi khác là miếu Hội Đồng, miếu Bà Thiên Y A Na và được công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh năm 2008.

Theo lời kể của ông Hồ Tôn, ở Ninh Đa, Ninh Hòa, Khánh Hòa

**** Truyền thuyết về miếu Lỗ Lường***

Miếu Lỗ Lường ở Hòn Đỏ thuộc vịnh Vân Phong, huyện Ninh Hòa. Miếu này đã có từ lâu đời do các ngư dân trong vùng lập nên để thờ một vị Nữ thần trên đảo. Danh hiệu của vị Nữ thần này không ai biết. Bên cạnh miếu có một cái hang trông giống như một bộ phận sinh dục của người phụ nữ, người dân địa phương gọi trại đi là Lỗ Lường. Hang cũng mang tên đó. Miếu thờ không có tên riêng nên cũng gọi là miếu Lỗ Lường.

Truyện kể rằng thần nữ ở miếu Lỗ Lường rất linh ứng. Đến mùa đánh bắt cá, ngư dân phải mang lễ vật ra đảo cúng tế. Nếu không cúng tế chẳng những không bắt được nhiều cá mà còn gặp nhiều tai nạn ở biển khơi khó lường hết được.

Tục cúng ở miếu Lỗ Lường phải cúng bằng thịt sống. Xưa kia lễ tế miếu là một bé trai hay bé gái. Các chủ lưới đăng phải thay phiên nhau cung cấp tế lễ hàng năm, và họ thường mua trẻ em người Thượng hoặc người Hạ để tế thần. Sau đó, lệ tế người được bãi bỏ và thay vào đó là lễ Tam sinh: bò, heo, dê. Đồ dâng lễ được làm thật thịt sạch sẽ nhưng phải để sống và nguyên con để cúng. Khi cúng xong, vị chủ tế đến bên cửa hang, tay cầm

chiếc chày gỗ dài, đầu sơn đỏ thọc vào miệng hang ba lần thì lễ mới được coi là hoàn tất. Tục này trải qua thời gian đến nay vẫn không hề thay đổi.

Tế xong, mọi người về hết. Phẩm vật để y nguyên tại chỗ. Sáng hôm sau đến xem thì chỉ còn những xương. Việc cúng tế hiện nay vẫn còn nhưng không còn cúng người hay cúng tam sinh như trước nữa, mà dùng đồ nấu nướng như mọi nơi. Tục này do người Chiêm Thành truyền lại, đó là tín ngưỡng phồn thực của họ (thông qua việc thờ cúng Linga và Yoni) mà ra. Lỗ Lường là Việt hóa từ Yoni mà ra.

**** Truyền thuyết Suối Đổ***

Tương truyền Bà cũng hay đến Suối Đổ ngồi hóng mát hoặc nghỉ chân lúc vân du. Đó là một vùng suối rất đẹp nằm ở vùng phía tây của dãy núi Hoàng Ngưu. Những lúc Bà đến thì có 3 tiếng sấm nổ vang trời, rồi một luồng ánh sáng màu xanh, rộng và dài như một cây lụa sổ từ núi Chúa Đại Điền hay từ Hòn Bà đáp xuống suối. Bà có một vườn cam và một vườn quýt nằm sâu trong núi, đến mùa ra trái rất nhiều. Ai đến hái ăn cũng được, ăn bao nhiêu tùy thích nhưng không được khen chê, cũng không được hái đem về nhà. Nếu cứ cố tình bất tuân và tham lam thì ắt có tai họa xảy đến. Cách chân thác nước gần trăm thước, tương truyền bà có một cây kỳ nam lớn đến bốn ôm và dài đến chín thước rưỡi, nằm ngang qua suối. Người đi ngoài xa nghe phảng phất mùi thơm, nhưng lại gần thường không thấy đâu cả. Nếu người nào có ý muốn chiếm hữu thì xuất hiện một cặp rắn mun to lớn hiện ra để bảo vệ.

Thời Pháp thuộc, không hiểu sao có một viên chánh tổng thấy được cây kỳ, đem lễ vật đến cúng rồi lấy dây cột nơi gốc cây và kéo xuống chân núi, cất giấu ở đấy rồi về nhà kêu người lên khiêng về. Tuy nhiên, khi trở lại thì thấy mối dây ở gốc cây khác mà cây kỳ thì đã biến mất. Ra công tìm kiếm mà vẫn không thấy tăm hơi. Tuy vậy đến nay, người đi rừng hoặc người vào dạo chơi trong núi thỉnh thoảng vẫn còn nghe thấy hương trầm.

Nguồn: Xứ Trầm hương của Quách Tấn

**** Truyền thuyết núi Lố***

Núi Lố là một ngọn núi thấp nằm dưới chân núi chùa ở phường Vĩnh Phương (Nha Trang), trên núi có một ngôi miếu thờ bà Thiên Y A Na, dân gian gọi là miếu Quá Quan. Đây là một trong những hành cung của Bà.

Ngày xưa Bà có đặt kỳ nam trên đỉnh núi và cử một loài chim làm lính gác. Không ai biết rõ hình dạng loài chim ấy như thế nào, số lượng ít hay nhiều mà chỉ nghe được tiếng kêu của nó. Tiếng kêu của loài chim này rất lạ, ban ngày kêu như tiếng mõ, ban đêm nghe như tiếng chuông, cứ ba tiếng kêu, ba tiếng nghỉ đều đặn. Hễ khi nào có kẻ gian đến gần cây kỳ nam thì chúng kêu liên hồi như tiếng chuông mõ đánh dồn dập. Những lúc nghe như thế thì rắn độc và thú dữ kéo đến đánh đuổi, nếu kẻ gian không bỏ lòng tham lam mà cố tình tìm cách chiếm đoạt cây kỳ thì nhất định sẽ bị rắn cắn cùng cọp vồ, nếu may mắn chạy thoát được về nhà thì không được sống an lành. Bà cũng thường hiển linh về vùng suối Ba Hồ ở phía Bắc. Ngày trước

mỗi khi bị hạn hán, dân địa phương thường ngược suối lên hồ thứ hai phía trên núi cầu đảo, xin Bà. Nghi lễ bắt buộc là phải ném một hòn đá lớn xuống lòng hồ, thế nào trong ngày cũng có mưa. Do đó dân chúng xưa thường ít dám lên chơi ở hồ thứ hai này.

Nguồn: Xứ Trầm Hương của Quách Tấn

**** Sự linh ứng của Bà Thiên Y A Na ở Nha Trang trong chiến tranh*** *(Xem thêm trong Lễ hội Tháp Bà Nha Trang của Lê Đình Chi)*

Ngoài ra còn có một số truyền thuyết về bà Thiên Y A Na hiển linh ở Khánh Hòa, như ***Chuyện ngẫu tượng đá mang cốt bà tại miếu Thiên Y*** (thôn Đại Điền Đông, xã Diên Điền, huyện Diên Khánh); ***Chuyện Bà Thiên Y A Na hiển linh tại phủ đường Diên Khánh; Truyền thuyết về miếu ông Thạch***…(xem thêm *Tín ngưỡng thờ Pô Nagar ở Khánh Hòa* của Nguyễn Thị Thanh Vân).

2.2. Truyền thuyết Thiên Y A Na lưu truyền từ Quảng Nam đến Phú Yên

**** Truyền thuyết về dinh Bà ở thôn Hảo Sơn dưới chân núi Đại Lãnh (Phú Yên)***

Trong khi thất trận phải trốn chạy quân Tây Sơn chúa Nguyễn Ánh đã chạy đến chân núi Đại Lãnh. Lúc bấy giờ trước mắt Chúa là núi cao, cạnh là biển sâu không còn đường đi vì cây cối đã lấp mất đường mà quân Tây Sơn đã đuổi đến gần. Tình thế vô cùng nguy cấp. Chúa van vái rằng mình đang nguy cấp,

mong thần linh phù hộ, nếu thoát kiếp nạn này sẽ đền ơn. Lúc đó Bà hiện ra và hỏi Chúa muốn đi đâu. Ông kể sự tình và xin Bà chỉ đường thoát thân. Bà liền làm phép mở một lối đi xuyên qua núi, khi Chúa đi đến đâu cây cối lấp lại như cũ không dấu vết. Đồng thời Bà cho Chúa mượn con ngựa của mình để có thể đi nhanh nhất đến được Nha Trang, ở đó có quân cứu viện. Sau đó Bà liền hóa thành bà lão nông dân đi thăm đồng. Khi quân Tây Sơn đuổi đến đây bị mất dấu Chúa, liền hỏi Bà: "*Bà có biết một ông vua thất trận chạy qua đây không*? rồi miêu tả hình dạng của Chúa cho Bà. Bà liền trả lời: "*Có, tôi có thấy một người như vậy chạy qua, nhưng ông ấy chạy từ lúc lúa còn chưa cấy mà giờ lúa đã chín vàng, ông ấy đã đi xa lắm rồi*". Vì thế mà quân Tây Sơn không bắt được chúa, đành đi tìm theo hướng khác. Sau này, khi thắng trận trở về thì bà lão nông già đã mất, ông liền cho lập miếu thờ Bà, gia phong là Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi Thượng đẳng thần. Con đường do Bà tạo nên giúp vua thoát nạn sau này được gọi là đường Gia Long, hiện ở miếu còn biển đề tên, chính là con đường thiên lý bắc nam vượt qua đèo Cả hiện nay.

Nguồn: Ghi theo lời kể của cô Nguyễn Thị Chín - người coi sóc miếu Thiên Y A Na ở thôn Hảo Sơn, Đông Hòa, Phú Yên

**** Truyền thuyết Bà Thiên Y A Na ở điện Trường Bà (Trà Bồng, Quảng Ngãi)***

Ngày xưa khi miền đất Thanh Bồng (Trà Bồng và Tây Trà ngày nay) còn rậm rạp, hoang vu, nặng chất âm khí và có nhiều thú dữ nhưng cũng có nhiều người đến khai sơn lập địa, song đều thất bại. Lúc này Thánh mẫu Thiên Y A Na ở núi Hải Vân đến đây hiển linh đã đến diệt ác thú, khử yêu ma, khai sơn trị

thủy và giúp dân làm ăn. Từ đó công việc khai hoang mới thành công và nhân dân các dân tộc vùng Trà Bồng mới được sống an lạc, no đủ. Bà cùng vị tướng của mình là thần Bạch Hổ trở thành những vị thần bảo trợ cho cuộc khai khẩn đất hoang, bảo vệ cuộc sống bình yên, no đủ của các dân tộc ở miền sơn cước Trà Bồng. Họ đều coi Bà là vị chúa đất cai quản cả một vùng rộng lớn.

Ngự ở đền nhưng Bà thường đi đây đó để xem xét tình hình dân chúng. Vì vậy Bà còn ngự ở Thạch Động (chùa Đá Bạc, cách đền Trường Bà 3km về hướng Tây Bắc), mà dân gian gọi là chùa Bà. Nơi đó có thắng cảnh thiên nhiên rất đẹp, và chùa được tạo thành từ một hang đá xuyên qua dãy núi. Trong chùa có hai dãy tam cấp bằng đá vuông vức và thẳng tắp từ ngõ đến tận cuối chùa. Xung quanh chùa rất nhiều cây cối và đặc biệt là vườn cam trĩu quả, những người đến chiêm ngưỡng cảnh chùa và vái Bà thì được hái cam ăn thỏa thích nhưng không được mang về.

Cuộc sống đang bình yên thì các tộc người Thượng trên núi kéo xuống quấy nhiễu làm cho dân làng hoang mang, lo sợ. Một năm vào ngày lệ (16/4), trong lúc dân làng đang cúng Bà thì Bà lên đồng cho biết có người Thượng trên núi đang kéo xuống cướp phá nhưng đã bị Bà thu phục. Từ đó, trước sự hiển linh và oai phong của Bà, đồng bào Kinh - Thượng trên đất Sơn Bồng đều coi Bà như Mẹ toàn năng và gọi Bà là *Thánh Mẫu Nương Nương Thiên Y-A-Na*

Nguồn: Hồ sơ di tích điện Trường Bà, Trà Bồng, Quảng Ngãi

** Ngoài ra tham khảo thêm truyền thuyết Bà Thu Bồn trong Tín ngưỡng thờ Nữ thần ở xứ Quảng của Nguyễn Xuân Hương, Nxb Đà Nẵng, 2011*

2.3. Truyền thuyết Thiên Y A Na ở Thừa Thiên Huế

**** Truyện Bà Thiên Mụ***

Trước thế lực của Trịnh Kiểm ngày càng lớn và lo cho sự an nguy của mình và gia tộc, Nguyễn Hoàng (vị chúa đầu tiên của triều Nguyễn) đã xin đi trấn nhậm xứ Thuận Hóa, và đây cũng là cuộc hành trình đi tìm nơi xây dựng cơ nghiệp của ông sau này (xứ Đàng Trong).

Ban đầu Nguyễn Hoàng đóng dinh ở Ái Tử (Quảng Trị), rồi Trà Bát, Dinh Cát… Trong lúc đi tìm đất đóng đô để mưu đồ cơ nghiệp lâu dài, ông đã đi nhiều nơi nhưng chưa có nơi nào vừa ý. Một hôm trên đường đi tuần thú, Chúa dừng chân tại một ngôi miếu nhỏ trên ngọn đồi Hà Khê ven sông và được dân chúng địa phương cho biết ngôi miếu đó rất linh thiêng. Vào những đêm trăng thanh gió mát, mọi người thường thấy có một người đàn bà mặc áo đỏ quần xanh hiện ra trên đồi. Gần đây Bà thường hiển linh và cho dân làng biết "*Rồi đây sẽ có một vị chân chúa đến lập chùa để tụ linh khí, làm bền long mạch, cho nước Nam hùng mạnh*". Đêm đó Chúa ngủ lại trong miếu và nằm mộng thấy một người đàn bà dáng hiền hậu, mình mặc áo đỏ, hiện lên nói với Chúa rằng:

- Ta là Nữ thần ở đất này, thấy ông đi qua đây chắc có ý tìm nơi sinh cơ lâu dài. Vậy sáng mai ông hãy thắp một nén nhang, đi dọc theo sông, lúc nào nhang tắt thì dừng lại, đó chính là nơi có thể làm lên vương nghiệp lâu dài.

Nói xong thần biến mất, Chúa tỉnh giấc. Y theo lời báo mộng, sáng sớm hôm sau, Chúa thắp một cây đi dọc theo sông

Hương, đến địa phận thành phố bây giờ thì nhang tắt. Chúa liền cho xây dựng thành Phú Xuân và dời dinh về đấy. Chúa lại cho trùng tu ngôi chùa bên sông, xem là ngôi chùa trấn quốc. Để ghi nhớ công vị thần trong giấc mơ, Chúa đặt tên chùa là Thiên Mụ, nghĩa là Mẹ Trời.

Nguồn: Quốc sử Quán triều Nguyễn (1962),
Đại Nam thực lục tiền biên, Nxb Sử học

**** Truyện Bà Thiên Y A Na ở làng Hải Cát***

Bà là con của Ngọc Hoàng Thượng Đế, Bà có hai chị em nữa là Vân Cát (Liễu Hạnh) và Bà Đen (Mukjuk). Ngọc Hoàng cho ba Bà xuống hạ giới cai quản 3 vùng. Vân Cát cai quản miền Bắc, Bà Thiên Y chịu trách nhiệm ở miền Trung và Bà Đen cai quản miền Nam. Ngoài Khánh Hòa ra Bà còn giáng trần nhiều nơi để giúp dân. Một trong những nơi đó là xứ Thuận Hóa, trên ngọn núi Hương Uyển nằm cạnh dòng sông Hương. Trên núi Bà thường hiển linh dưới dạng một thứ ánh sáng kỳ lạ, tỏa sáng vào những đêm đẹp trời, cũng có khi Bà hiện dưới hình thức sao trên trời rơi xuống, dưới bóng dáng của một con rồng. Một hôm có một lão tiều phu trong lúc đi đốn củi trên núi, cảm thấy người không được khỏe, khó có thể về được tới nhà. Đến ngang địa điểm điện ngày nay, ông van vái xin được đi đến nơi, về đến chốn và hứa sẽ dựng am tranh thờ thần. Ông về nhà và cảm thấy người khỏe hẳn, liền lập am tại vị trí trên để thờ. Về sau am càng ngày càng linh ứng, dân làng thường đem lễ vật cầu cúng, dân được định thành lệ. Bà quê tận Khánh Hòa nhưng hay hiển linh ở làng Hải Cát, luôn

che chở và bảo vệ cho con dân trong làng vốn là những người Việt từ phía Bắc vào định cư ở xung quanh vùng rừng núi Hương Uyển. Dân làng tôn vinh Bà là Thành hoàng của làng.

Phía trước chân núi có một vực nước rất sâu, tương truyền đáy vực là hang thủy tộc, có con rùa lớn to bằng tấm chiếu mỗi khi nổi lên gây sóng rất dữ dội. Bình thường nó nằm ngủ sâu dưới lòng vực, mỗi lần thở lại gây ra hiện tượng xoáy có thể làm thuyền bè bất cẩn đi vào khu vực đó. Ai muốn đi ngang qua đoạn đó thì hướng lên phía đền, van vái xin Nữ thần Thiên Y A Na phù hộ tất đi được qua đó an toàn. Nếu có thái độ sỗ sàng, láo xược thì bị hút chìm xuống đáy vực, chết mất xác. Thương dân chúng hay gặp nạn tại xoáy nước này trong một buổi tế thần vua Minh Mạng đã đeo vào tay tượng Nữ thần một vòng tràng hạt, với mong muốn Nữ thần đằm tính hung hăng.

Nguồn: Lê Thị Bích Thảo (2008), Khảo sát hiện tượng Thiên Y A Na ở Thừa Thiên Huế và Nam Trung Bộ (qua truyện kể và lễ hội)

**** Truyện Bà Thiên Y A Na linh ứng với vua Đồng Khánh***

Lúc đầu, điện Hòn Chén chỉ là ngôi miếu nhỏ nằm ở nơi heo hút vắng vẻ, cô lập và không có dân sinh sống. Muốn sang ngôi miếu đó phải lội qua một con hói sâu (khe nước Lạc Nô), dân trong làng chỉ có một số người có trách nhiệm chăm sóc hương khói mới được sang miếu. Gặp buổi kinh kỳ loạn lạc, có vị Thái tử từ kinh thành tránh sự truy sát đã dẫn mẹ lên làng lẩn tránh. Dân làng thương tình, lại thấy xung quanh chỉ có miếu Bà là nơi vắng vẻ kín đáo, liền đưa hai mẹ con Thái tử sang miếu lẩn trốn. Lúc này Thái hậu sức khỏe kém, lại lo lắng

nhiều nên mù cả hai mắt. Thái tử cầu xin với Nữ thần cho mẹ được khỏi bệnh, ngài cũng cầu xin Nữ thần phù hộ thoát khỏi kiếp nạn ngặt nghèo, dành được long vị và hứa sẽ thành tâm báo đáp. Quả nhiên thời gian sau Thái hậu đã khỏi bệnh và sáng mắt trở lại. Loạn ở kinh thành được dẹp và Thái tử được đón về cung lên ngôi vua. Cảm tạ công ơn, nhà vua cho tu sửa ngôi miếu trở thành một cung điện uy nghi tráng lệ, đổi tên Ngọc Trản Sơn từ thành điện Huệ Nam (ban ân huệ lớn cho nước Nam) vào năm 1886, mỗi năm xuân thu hai mùa tế lễ có đại diện của triều đình, hàng năm dâng tặng lễ vật thờ cúng chu đáo và nhận làm đệ tử của Nữ thần. Dân chúng địa phương cho đó là vua Đồng Khánh, và hiện nay vị vua này vẫn được phối thờ trong điện.

Trong thời gian vua Đồng Khánh làm vua, nạn hạn hán xảy ra khắp nơi trong cả nước khiến người dân lo sợ mất mùa, đói kém, nhà vua lo lắng đi cầu đảo khắp nơi đều không ứng nghiệm. Chợt nhớ đến sự linh thiêng của Nữ thần Thiên Y A Na liền cho làm lễ khẩn cầu ở đây, quả nhiên linh ứng. Sau đó triều đình còn nhiều lần tiến hành cầu đảo và đều được bà phù trợ.

Nguồn: Lê Thị Bích Thảo (2008), Khảo sát hiện tượng Thiên Y A Na ở Thừa Thiên Huế và Nam Trung Bộ (qua truyện kể và lễ hội)

**** Chuyện Bà Thiên Y A Na linh ứng với các vị vua triều Nguyễn***

Sau khi lên ngôi báu, vua Gia Long thường xuyên đi thuyền thị sát dọc bờ sông, ngược lên phía sông bãi Bằng Lãng. Một

hôm khi thuyền đi qua khu núi đá Gà Lôi thuộc địa phận làng Hải Cát, phía trên núi Hương Yển một đoạn, vua vừa uống trà vừa ngắm cảnh. Bỗng nhiên chiếc ly ngọc trên tay vua đột nhiên biến mất. Vua sai người tìm kiếm nhưng không thấy tăm hơi. Khi quay ngược thuyền về ngang đến núi Hương Yển, vua mệt thiếp đi một lát. Trong lúc ngủ chập chờn như vậy người thấy một Nữ thần hiện lên cho biết chiếc ly đã nổi lên ở đó. Vua chợt tỉnh giấc, ra ngoài khoang thuyền quan sát thì quả nhiên chiếc ly ngọc đã nổi lên trên mặt sông. Thấy điềm lành, Gia Long trở về cho xây dựng một ngôi đền trên núi Hương Yển và đặt tên là đền Ngọc Trản.

Tương truyền trên núi Hương Yển có miếu thờ Nữ thần Thiên Y rất linh ứng. Một hôm, vua Minh Mạng lên đó chơi, vô tình làm rơi chiếc chén ngọc xuống dòng sông. Đó là nơi xoáy nước rất sâu và nguy hiểm nên coi như không có cách nào lấy lại được chén ngọc. Bỗng nhiên từ dưới đáy vực nổi lên một con rùa to bằng chiếc chiếu, mang trên lưng chiếc chén ngọc hoàn trả cho vua. Vua bèn gọi tên ngọn núi này là Hoàn Chén (Hòn Chén).

Thời vua Thiệu Trị, trong lúc đi kiểm tra việc xây dựng lăng tẩm của mình bằng thuyền rồng, ngược dòng Hương Giang lên đến ngã ba Bãng Lãng, ngang qua xoáy nước sâu trước điện Hòn Chén, đối diện với khu vực lăng tẩm phía bên kia sông, một bà phi lỡ tay rơi xuống sông một ống nhổ bằng vàng. Chiếc ống nhổ nhanh chóng biến mất. Các bà phi tiếc chiếc ống nhổ, tâu xin vua cầu khấn Nữ thần. Lúc đầu vua không tin, nhưng sau

vẫn khấn thử, quả nhiên chiếc ống nhổ bằng vàng nổi lên trên mặt nước. Do thấy được sự linh ứng, nhà vua hứa sẽ cho trùng tu lại ngôi đền, nhưng ông băng hà trước khi thực hiện lời hứa đó.

Tương truyền đầu thời Nguyễn có vị vương tôn cưỡi thuyền đi câu, ngang qua đoạn sông thiêng này, thái độ bất kính, cười nói như không, bỗng nghe từ không trung có tiếng hét như sấm, tin sợ run người rồi chết. Từ đó, dù là người dân thường hay có chức quyền địa vị khi đi ngang đây đều "buông chèo - gác mái" không dám tỏ thái độ bất cẩn, hỗn xược. Nếu không sau về ắt có họa vào thân.

Nguồn: Lê Thị Bích Thảo (2008), Khảo sát hiện tượng Thiên Y A Na ở Thừa Thiên Huế và Nam Trung Bộ (qua truyện kể và lễ hội)

Phụ lục 2

MỘT SỐ BÀI VĂN TẾ THIÊN Y A NA TIÊU BIỂU Ở TRUNG BỘ

1. VĂN TẾ THIÊN Y A NA TRONG LỄ HỘI AM CHÚA (bản dịch nghĩa)

Thôn Đại Điền Trung, xã Diên Điền, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, nước Việt Nam… bản thôn đã chọn cử Chánh tế cùng với nam phụ lão ấu lớn bé trong làng. Kính cẩn sắp bày hương đăng, trầm trà tửu quả và mâm cơm chay, nước trong và các vật phẩm bái tế khác. (Bản dịch nghĩa)

Dám xin rõ rệt trình bày cùng:

Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi Hoằng Huệ Phổ tế Linh cảm Diệu thông Mặc tướng Trang huy Dực bảo Trung hưng Thượng đẳng thần;

Chúng con cung kính tưởng nhớ mà thưa rằng:

Tấu lạy Đức Bà:

"Núi sông đắp bồi cây cỏ

Đất trời tích tụ tinh anh"

Uy nghi lẫm liệt phong tư

Qua Lãnh trăm năm còn ghi Thánh tích

Trang trọng chỉnh tề cốt cách

Cẩm Phong muôn đời hun đúc khí thiêng

Từ bắc Long Sơn đến nam Mã Lãnh

Che chở nước dân ơn trọng khôn lường

Từ đỉnh non Cù chạy xuống bình nguyên

Đỡ nâng xóm làng đức sâu khó sánh

Chẳng thanh âm, không khí vị mà hiển hiện trên cao

Không thể thấy, chẳng thể nghe chỉ lòng thành cảm ứng

Nay nhân:

Trời đất đến tiết; dâng hiến lễ nghi

Thường năm đúng lệ ngày này

Nguyện cùng Đức Bà soi xét mà ban cho mọi sự anh lành

Ngưỡng mong:

Thánh Mẫu sáng soi lấy đại đức mà gia huệ vậy

Thành kính cầu mong!

Cung kính cùng anh linh các vị liệt sỹ vì nước quên mình; cùng các bậc tiền bối, hậu bối và hương hồn, cô hồn, âm hồn, đồng bào tử nạn ở Đông, Tây, Nam, Bắc hãy về đây chung hưởng.

Nguồn: Trích theo TLTK số 128, bản dịch của Huỳnh Phước Liên

2. VĂN TẾ THIÊN Y A NA Ở THÁP BÀ NHA TRANG (bản dịch nghĩa)

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hôm nay nhằm ngày hai mươi ba, tháng ba, năm…, tại thôn Cù Lao, phường Vĩnh Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Bản thôn đã tuyển chọn và đồng cử chánh tế… cùng quan viên hàng lão, bình dân, nam phụ lão ấu, lớn bé cùng sắm sửa lễ nghi gồm: vàng bạc, vật tế, tửu quả, hương đăng, nước trong… đủ vật.

Dám bẩm báo lên:

Thượng cổ Thần Nông viêm đế; Trung cổ Hậu tắc tôn thần.

Sắc: Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi Hồng Nhân Phổ Tế Linh Ứng Trang Huy Thượng Đẳng Thần;

Nhị vị Thái Tử Hiển Châu, Hiển Bửu Tôn thần;

Thanh Linh Thuần Đức Đại Vương Tôn thần;

Cao Các Hoành Mô Vĩ Lược chi thần, gia tặng Dực Bảo Trung Hưng Thượng đẳng thần;

Bạch Mã Thái Giám Đại Vương tôn thần;

Bổn Cảnh Thành Hoàng Đại Vương tôn thần, gia tặng Quảng Hậu Chính Trực Đôn Ngưng Dực Bảo Trung Hưng Thượng Đẳng thần;

Ngũ Hành Thánh Nữ Nương;

Đông Trù Tư Mệnh Táo Phủ Linh Quang;

Sơn Lâm Chúa Tướng Lý Nhĩ chi thần;

Tiền hiền khai khẩn, Hậu hiền khai cơ;

Tả ban liệt vị Thần quan, Hữu ban liệt vị Thần quan; Kỵ Sa Ma Mộ Đạo tam thập lục bộ cô hồn, âm hồn cùng về đây chung hưởng.

Xin kính cẩn mà thưa rằng:

"Đức Bà sinh ra rất lạ, giáng thế khác thường.

Là giống tiên nên hay tìm đến giống dưa thưởng thức.

Là đấng thiên hương nên thác nhập vào kỳ hương!

Một gốc kỳ nam vượt dặm ngàn sóng cả

Cặp bến bờ Bắc Hải kết nương duyên.

Mấy năm sau Bà trở lại quê hương thời cha mẹ đã vừa khuất bóng.

Bèn cho dựng ở phương Nam tòa bảo tháp để phụng thờ...

Có đêm thiêng hào quang chói lọi.

Bà đi về cùng tiếng sấm rền và một dải dài sao bay lấp lánh.

Những lúc cầu đặng mưa về đúng dịp

Bà đã cho muôn nhà những giọt nước cam lồ mát ngọt, thơm tho.

Nay đã đến kỳ tế tự

Chúng con dâng lễ mọn giữa đất trời

Cúi đầu mong được: Tinh anh của Bà hoặc đang phảng phất đâu đây, hoặc đang về ở trên cao soi xét, chứng giám cho chúng con một tấc lòng thành. Cầu mong:

Đức Bà là vị Thánh giữ cho nguồn phúc, là vị Thần giữ vẹn nguồn ơn, là đấng ban phát thêm cho muôn dân những điều tốt đẹp:

Bảo vệ trong làng sao cho trên thuận dưới hòa, trẻ già trật tự;

Chở che trong ấp giữ được thuần phong mỹ tục, người vật an ninh.

Cùng chung hưởng thái bình cát khánh!

Ngưỡng mong, đức Bà thêm ân huệ vậy!

Cúi đầu cẩn cáo. ”

Nguồn: Trích theo TLTK số 128, bản dịch của Huỳnh Phước Liên

3. VĂN TẾ THIÊN Y A NA Ở ĐIỆN TRƯỜNG BÀ (TRÀ BỒNG, QUẢNG NGÃI)

Văn tế chánh:

Xem thêm ở TLTK số 15

Văn tế Bà Thiên Y A Na của dân tộc Cor

Thưa Mop Trơn - người mẹ yêu quý nhất của dân tộc con, người có mặt trên vùng đất quế từ bao giờ chúng con không được biết, chúng con chỉ biết rằng được cha ông truyền lại, người Cor có một người Mẹ hiển linh, luôn che chở, phò hộ cho dân làng, tránh thú dữ trên rừng, tránh cái bão, cái rét, tránh thiên tai, nước độc, mang lại cho dân làng niềm vui và hạnh phúc. Mop Trơn lúc ẩn, lúc hiện canh cho bà con dân làng vui chơi, đánh chiêng, múa hát.

Bà là người hiển linh, ở nơi thanh cao, vách núi chúng con nguyện bên bà, tôn thờ Bà, Bà luôn ngự trị thành kính nhất trong tấm lòng của chúng con. Hôm nay, các dân tộc trên mọi nơi cùng hội tụ về đất nước nguồn Bà, chúng con vô cùng hạnh phúc và sung sướng, được hòa nhịp cùng niềm vui chung, chúng con xin Bà được dâng lên Người thành kính nhất của chúng con những lễ vật thiêng liêng nhất, quý giá nhất, thanh cao nhất của dân tộc chúng con. Đó là con trâu, cây quế, mật ong, trầu cau… xin dâng lên Bà để tỏ lòng kính trọng Người đã che chở cho dân làng làm ăn thành đạt, cho dân làng sức khỏe, cho cái chân con trai khỏe trèo qua bao ngọn núi, để đem cái mật ong quý nhất của núi rừng về cho làng, cho cái tay con gái dẻo dai, cho cái bụng thơm thảo, dịu hiền, chịu thương chịu khó lên nương chăm sóc cây trầu, cây quế, cái thơm thảo của người Cor để dâng lên Bà trong mùa lễ hội của dân làng, của các dân tộc cộng cư sinh sống.

Hôm nay, chúng con với cả tấm lòng, với con trâu, với những lễ vật của bản làng mộc mạc, đơn giản, nhưng đây là cái lòng của chúng con xin Bà chấp nhận, xin dâng lên Bà cơi trầu thơm, như tấm lòng thơm thảo của Người, xin Người ban cho dân làng phước lành, phước tốt, phước giỏi giang để cho thế hệ con cháu người Cor được khỏe mạnh, yên lành, giữ nương, giữ rẫy, giữ cái hồn riêng mà Moq Trơn đã ban phát cho dân làng. Để người Cor chúng chon trồng nhiều quế, nhiều trầu, đưa nhiều đàn ong đến "Vách Đá Moq Trơn" nơi ngự của Bà, để cùng Bà an nhàn, tĩnh mịch nơi núi rừng và che chở cho dân làng chúng con khi mùa Xuân đến, mùa Thu về./.

Nguồn: Trích theo TLTK số 15

4. VĂN TẾ BÀ TẠI ĐÌNH VĨNH CÁT (SUỐI HIỆP, DIÊN KHÁNH, KHÁNH HÒA) (bản dịch nghĩa)

Thành kính dâng lên:

Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi Hoằng Huệ Phổ Tế Linh Cảm Diệu Thông Mặc Tướng Trang Vi Dực Bảo Trung Hưng Thượng đẳng thần.

Thanh Linh Thuần Đức Linh Thần Hoằng Từ Tuấn Trạch Minh Ứng Thượng đẳng thần.

Nữ thần Ngũ Hành Nương nương

Hai vị thái tử chư linh thần

Bốn vị thánh nương chư linh thần

Nữ thần bên ban thờ Tả ban

Nữ thần bên ban thờ Hữu ban

Cung kính rằng: Thánh phi giáng sinh ở núi Đại An, ruộng dưa hun đúc tinh anh. Tài đức công lao tựa vị thánh nơi trần thế, chánh trực thông minh.

Nơi quan ải, dấu tích Chúa năm nào qua qua lại lại

Bể cầu sóng lặng, tới đời sau giúp hóa hóa sinh sinh

Giúp nước trợ dân, ân huệ còn lưu rộng khắp tỉnh Khánh Hòa. Trừ tai cản họa, tiếng thiêng giữ trấn thành phố Nha Trang.

Tuy rằng: không thấy không nghe, mà mênh mông vời vợi trên cao

Dẫu nói: không tiếng không mùi, mà bao la thay - tên tuổi Bà lưu mãi.

Biến hóa khắp nơi, nơi cửa đình, trong trời đất. Một mình Bà, thân gái vẫn lại qua ba thế giới, trời đất hóa ngũ hành.

Nay đến tiết Xuân Thu, vẫn theo lệ cũ, bày biện lễ nghi đầy đủ, cung kính dâng lên. Mong Bà tới đây chứng giám, hưởng lễ mọn lòng thành, giúp trong thôn già trẻ được tăng thêm phước thọ, phù trợ xóm làng an khang bên vững, mãi hưởng nền thái bình.

Ngưỡng mong Thánh Phi ban cho ân huệ.

Kính mong.

Mời các âm hồn, cô hồn cùng linh hồn chiến sỹ trận vong về đây phụ hưởng.

Nguồn: Trung tâm Quản lý Di tích và danh thắng Khánh Hòa

5. VĂN TẾ TRONG KỲ AN - XUÂN TẾ TẠI ĐÌNH LÀNG CHẤP LỄ (NINH THÂN, NINH HÒA, KHÁNH HÒA) (bản dịch nghĩa)

"Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hôm nay vào giờ Bính Thân, ngày rằm bước sang mười sáu, tháng Quý Mão, năm Nhâm Ngọ.

Tại thôn Chấp Lễ, xã Ninh Thân, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, Chánh tế Hồ Viết Tấn cùng với chính quyền thôn và các giới lão nông, thanh niên, nam nữ, lớn bé trong làng sửa soạn lễ vật gồm có: vàng bạc, hoa quả, đầu heo, xôi thịt, nước trong đủ thứ.

Thành kính dâng lên:

Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi Hộ quốc Tý dân Nhẩm trước linh ứng, được sắc phong là: Huệ phổ tế cảm diệu thông mặc tướng trang vi dực bảo trung hưng thượng đẳng tôn thần.

Nhị vị Thái tử, tứ vị Nương nương

Thủy tinh thần nữ chi thần

Hỏa tinh thần nữ chi thần

Sơn lâm chúa tướng Lý Nhĩ chi thần

Tả hữu thị vệ, liệt vị Đàn nương tịnh bộ hạ tùy tùng các đẳng âm hồn, cô hồn hữu danh vô vị, hữu vị vô danh, sa ma mộ đạo cùng về đây phối hưởng.

Xin kính cẩn thưa cùng Đức Bà:

"Càn khôn dục tú, thiên địa chung linh"

Nghĩ muôn loài từ trời đất mà sinh

Thương dân chúng nên trải lòng tế độ

Cho nhiều sản vật, cho sống an lành

Nay đến kỳ xuân tế

Chúng con cung trần dâng lễ mọn với tấm lòng thành

kính dâng lên Bà là đấng u vi danh ngời ba cõi

Cầu mong Bà mở đức thần minh

Cho con dân khỏi vướng đau thương, không điều thù oán

Thành tâm cẩn trọng cúi mong

Bà ban phước cho dân làng yên ổn

Kính dâng lên Đức Bà là đấng "Phất văn, phất kiến"

Sắc màu lễ vật báo đáp thần ân!

Ngưỡng mong:

Đức Bà gia ơn ban phước

Một lòng phủ phục, tưởng niệm kính dâng!"

Bản dịch của ông Huỳnh Phước Liên

Phụ lục 3

NHỮNG SẮC PHONG THIÊN Y A NA TIÊU BIỂU Ở TRUNG BỘ

1. SẮC PHONG THIÊN Y A NA Ở THÁP BÀ PÔ NAGAR NHA TRANG: GỒM 06 SẮC PHONG

Nguồn: Ban Quản lý di tích và danh thắng Khánh Hòa

Sắc thứ nhất: *Dịch nghĩa*

Sắc cho Thiên Y A Na Diễn Phi, thần giúp nước trợ dân, tỏ rõ công đức, đã từng được xã dân thờ tự. Vâng mệnh Thế Tổ Cao Hoàng Đế của ta, thống nhất bốn bể, phước thấm đến thần, người. Cho nên nay, trẫm rạng nối mệnh lớn, xa nghĩ đến ơn thần, nên vinh danh tước hiệu, đáng phong thêm (mỹ tự) Hồng nhân Phổ tế Linh cảm Thượng đẳng thần, nhưng chuẩn cho xã Cù Lao, thuộc Hà Bạc phụng thờ thần như cũ. Mong rằng thần hãy giúp đỡ và bảo vệ dân ta. Cho nên có sắc mệnh này.

Ngày 24 tháng 9 năm Minh Mệnh thứ 3 (1822).

Sắc thứ hai: *Dịch nghĩa*

Sắc Hồng huệ Phổ tế Linh cảm Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi Thượng đẳng thần, thần giúp nước trợ dân, tỏ rõ linh ứng, đã từng nhận được ơn ban cấp tặng sắc, chuẩn cho thờ tự. Năm

Minh Mệnh thứ 21, đúng dịp Thánh Tổ Nhân Hoàng Đế của ta mừng thọ ngũ tuần, đã kính vâng chiếu báu ơn sâu, lễ lớn lên bậc. Đến nay, trẫm cả nhận mệnh lớn, xa nghĩ đến ơn thần, đáng phong thêm (mỹ tự) Hồng huệ Phổ tế Linh Cảm Diệu thông thượng đẳng thần, nhưng vẫn chuẩn cho xã Cù Lao, huyện Vĩnh Xương phụng thờ như cũ. Mong rằng thần hãy giúp đỡ và bảo vệ dân ta. Hãy kính cẩn.

Ngày 13 tháng 08 năm Thiệu Trị thứ 3 (1843).

Sắc thứ ba: *Dịch nghĩa*

Sắc (cho) Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi, vốn được xưng tặng Hoằng huệ Phổ tế Linh Cảm Diệu Thông Mặc Tướng thượng đẳng thần. (Thần) giúp nước trợ dân, tỏ rõ linh ứng, đã được ban cấp tặng sắc chuẩn cho thờ tự. Đến nay (trẫm) cả nhận mệnh lớn, xa nghĩ đến ơn thần, đáng tặng thêm (mĩ tự) Hoằng huệ Phổ tế Linh Cảm Diệu thông mặc tướng Trang Huy thượng đẳng thần, nhưng vẫn chuẩn cho xã Cù Lao, huyện Vĩnh Xương thờ phụng thần như trước. Mong rằng thần hãy giúp đỡ, bảo vệ dân chúng của trẫm. Hãy kính cẩn!

Ngày 8 tháng 11 năm Tự Đức thứ 3 (1850).

Dịch nghĩa

Sắc (cho) ***Sắc thứ tư:*** xã Cù Lao, huyện Vĩnh Xương, tỉnh Khánh Hòa theo như cũ thờ phụng Hoằng huệ Phổ tế Linh Cảm Diệu thông mặc tướng Trang Huy Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi thượng đẳng thần. Đã từng cấp sắc phong, chuẩn cho thờ tự.

Năm Tự Đức thứ 31, đúng vào dịp trẫm mừng thọ ngũ tuần, đã ban chiếu báu gia ơn, tăng thêm phẩm trật, đặc chuẩn cho thờ phụng như trước. (Nay trẫm phong là để) kỷ niệm ngày quốc khánh và mở rộng điển lễ tế tự. Hãy kính cẩn!

Ngày 24 tháng 11 năm Tự Đức thứ 33 (1880).

Sắc thứ năm: *Dịch nghĩa*

Sắc [cho] xã Cù Lao, huyện Vĩnh Xương, tỉnh Khánh Hòa theo như trước phụng thờ Hoằng huệ Phổ tế Linh cảm Diệu thông Mặc tướng Trang Huy Dực Bảo Trung Hưng Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi thượng đẳng thần, [thần] đã từng được ban cấp sắc phong chuẩn cho thờ tự. Năm vua Duy Tân lên ngôi, tấn quang đại lễ, đã ban chiếu báu ơn sâu, lễ long trọng tăng thêm phẩm trật và đặc chuẩn cho thờ tự như cũ. [Nay trẫm phong là để] kỉ niệm ngày quốc khánh và mở rộng điển lễ tế tự. Hãy kính cẩn!

Ngày 11 tháng 8 năm Duy Tân thứ 3 (1909).

Sắc thứ sáu: *Dịch nghĩa*

Sắc (cho) thôn Cù Lao, huyện Vĩnh Xương, tỉnh Khánh Hòa theo như cũ phụng thờ Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi tôn thần; nguyên tặng Hoằng huệ Phổ tế Linh Cảm Diệu Thông Mặc Tướng Trang Huy Dực bảo trung hưng thượng đẳng thần. (Thần) giúp nước trợ dân, lâu nay linh ứng rõ ràng, đã được ban cấp sắc phong, chuẩn cho việc thờ tự. Đến nay đúng vào dịp trẫm mừng thọ tuổi 40, đã từng ban chiếu báu ơn sâu, tăng thêm

phẩm trật, chuẩn cho thờ phụng như cũ. (Nay trẫm phong) là để kỷ niệm ngày quốc khánh và mở rộng điển lễ tế tự. Hãy kính cẩn!

Ngày 25 tháng 7 năm Khải Định thứ 9 (1924).

2. SẮC PHONG CHO THIÊN Y A NA Ở AM CHÚA (DIÊN KHÁNH, KHÁNH HÒA)

***Sắc thứ nhất**: Dịch nghĩa*

Sắc cho chùa núi Đại An, thôn Đại Điền Trung, phủ Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, phụng thờ Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi tôn thần, giúp nước che dân, lâu nay linh ứng. Trước nay chưa được ban cấp sắc văn. Bèn nay cả vâng mệnh sáng, nghĩ sâu xa đến ơn thần, trứ phong là Hoằng Huệ Phổ Tế Linh Cảm Diệu Thông Mặc Tướng Trang Huy Dực Bảo Trung Hưng thượng đẳng thần. Đặc chuẩn cho phụng thờ như cũ. Thần hãy ban ơn, giúp đỡ, giữ gìn cho dân đen của ta. Kính vậy!

Duy Tân năm thứ 5, ngày mồng 8 tháng 6 nhuận (1911).

***Sắc thứ 2:** Dịch nghĩa*

Sắc cho thôn Đại Điền Trung, tổng Trung Châu, phủ Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa theo như trước phụng thờ Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi tôn thần, vốn tặng là Hoằng Huệ Phổ Tế Linh Cảm Diệu Thông Mặc Tướng Trang Huy Dực Bảo Trung Hưng thượng đẳng thần, giúp nước che dân, lâu nay linh ứng, đã lần lượt được ban cấp sắc phong chuẩn cho phụng thờ. Bèn nay

đúng dịp đại khánh tứ tuần của trẫm, kính ban bảo chiếu mở rộng ân huệ, lễ tốt đẹp tăng thêm phẩm trật. Đặc chuẩn cho phụng thờ như cũ. Dùng để ghi nhớ ngày mừng của đất nước mà tỏ rõ phép tắc thờ tự. Hãy kính vậy!

Khải Định năm thứ 9, ngày 25 tháng 7 (1924).

3. SẮC PHONG CHO THIÊN Y A NA Ở ĐIỆN HÒN CHÉN VÀ ĐÌNH LÀNG HẢI CÁT (HUẾ)

Nguồn: Nguyễn Hữu Thông (2006), Hải Cát đất và người, Nxb Thuận Hóa, Huế

Sắc thứ nhất: *Dịch nghĩa*

Sắc cho Thiên Y A Na Diễn Phi Chúa Ngọc Tôn Thần ở đền thờ núi Ngọc Trản, bảo vệ cho nước, che chở cho dân hiển rõ công đức, đã từng được dân xã phụng thờ.

Vâng mệnh, Thế Tổ Cao Hoàng Đế của ta thống nhất trời biển, vui mừng bao khắp thần, nhân. Đến nay sáng rõ hồng đồ, vợi nghĩ đến sự giúp đỡ của thần nên gia tặng danh hiệu long hiển là: Hồng Nhân Phổ Tế Linh Cảm Thượng Đẳng Thần. Chuẩn cho xã Hải Cát, huyện Hương Trà được phụng thờ như cũ. Thần phải giúp đỡ bảo vệ cho lê dân của ta. Kính thay !

Minh Mạng năm thứ 15, tháng 3 ngày 10 (1834).

Sắc thứ hai: *Dịch nghĩa*

Sắc cho Hồng Huệ Phổ Tế Linh Cảm Diệu Thông Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi Thượng Đẳng Thần ở Ngọc Trản sơn từ,

trợ giúp nước che chở dân, hiện rõ linh ứng, đã được ban Sắc cho phụng thờ. Nay Trẫm nhận mệnh lớn, nghĩ đến sự che chở của Thần, nên tặng thêm là: Hồng Huệ Phổ Tế Linh Cảm Diệu Thông Mặc Tướng Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi Thượng Đẳng Thần, chuẩn cho xã Hải Cát thuộc huyện Hương Trà phụng thờ như cũ. Thần hãy giúp đỡ và che chở dân ta. Kính thay

Thiệu Trị năm thứ 2, tháng 11 ngày mồng 8 (1842).

Sắc thứ 3: *Dịch nghĩa*

Sắc cho Ngọc Trản sơn từ Hồng Huệ Phổ Tế Linh Cảm Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi Thượng Đẳng Thần, trợ giúp nước che chở dân, hiển rõ linh ứng, đã được ban sắc chuẩn cho phụng thờ. Năm Minh Mệnh thứ 21 đúng dịp đại lễ Ngũ Tuần đại khánh của Thánh Tổ Nhân Hoàng Đế của ta, kính ban bảo chiếu mở rộng ân huệ lễ lớn tăng cấp. Nay Trẫm nhận mệnh lớn, nghĩ đến sự che chở của Thần, nên tặng thêm là Hồng Huệ Phổ Tế Linh Cảm Diệu Thông Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi Thượng Đẳng Thần. Chuẩn cho xã Hải Cát thuộc huyện Hương Trà phụng thờ như cũ. Thần hãy trợ giúp và che chở dân ta. Kính thay.

Năm Thiệu Trị thứ 2, tháng 10 ngày mồng 8 (1842).

Sắc thứ 4: *Dịch nghĩa*

Sắc cho Ngọc Trản sơn từ Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi, nguyên tặng là Hoằng Huệ Phổ Tế Linh Cảm Diệu Thông Mặc

Tướng Thượng Đẳng Thần, trợ giúp nước, che chở dân hiển rõ linh ứng. Nay Trẫm nhận mệnh lớn, nghĩ đến sự che chở của thần, nên tặng thêm là Hoằng Huệ Phổ Tế Linh Cảm Diệu Thông Mặc Tướng Trang Huy Thượng Đẳng Thần. Chuẩn cho xã Hải Cát thuộc huyện Hương Trà phụng thờ như cũ. Thần hãy trợ giúp và che chở dân ta. Kính thay.

Tự Đức năm thứ 3, tháng 8 ngày mồng 6 (1850).

Sắc thứ 5*: *Dịch nghĩa

Sắc chỉ cho Hàm Hoằng Quang Đại Chí Đức Phổ Bác Hiển Hoá Trang Huy Đại Càn Quốc Gia Nam Hải Tứ Vị Thượng Đẳng Thần; Hoằng Huệ Phổ Tế Linh Cảm Diệu Thông Mặc Tướng Trang Huy Ngọc Trản Sơn từ Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi Thượng Đẳng Thần; Trứ Linh Chiêu Ứng Mục Uyên Hoằng Bác Uông Nhuận Thuỷ Long Trung Đẳng Thần, trước đây thờ ở xã Hải Cát thuộc huyện Hương Trà phủ Thừa Thiên, đã ban cấp Sắc phong chuẩn cho phụng thờ.

Năm Tự Đức thứ 31 đúng lễ Ngũ Tuần đại Khánh của Trẫm, đã ban bảo chiếu mở rộng ân huệ, lễ lớn tăng bậc, đặc biệt chuẩn cho phụng thờ như cũ, dùng để ghi nhớ ngày mừng của nước mà tỏ rõ phép tắc thờ tự. Kính thay.

Tự Đức năm thứ 33, tháng 11 ngày 24 (1880).

Sắc thứ 6:* *Dịch nghĩa

Sắc cho Hàm Hoằng Quang Đại Chí Đức Phổ Bác Hiển Hoá Trang Huy Đại Càn Quốc Gia Nam Hải Tứ vị Thượng

Đẳng Thần; Hoằng Huệ Phổ Tế Linh Cảm Diệu Thông Mặc Tướng Trang Huy Ngọc Trản Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi Thượng Đẳng Thần; Trứ Linh Chiêu Ứng Mục Uyên Hoằng Bác Uông Nhuận Thuỷ Long Thánh Phi Trung Đẳng Thần; Diệu Phu Quảng Độ Linh Chiêu Ý Nhã Anh Bình Sơn Trung Tiên Phi Trung Đẳng Thần, từ trước đến nay trợ giúp nước, che chở dân hiển rõ linh ứng nên ban cấp Sắc phong để thờ.

Nay, Trẫm nhận mệnh lớn, nghĩ đến việc che chở của Thần, nên tặng thêm là Dực Bảo Trung Hưng Thượng Đẳng Thần. Chuẩn cho xã Hải Cát thuộc huyện Hương Trà phụng thờ như cũ. Thần hãy trợ giúp che chở nước nhà ta. Kính thay.

Đồng Khánh nguyên niên, tháng 8 ngày 11 (1886).

Sắc thứ 7: *Dịch nghĩa*

Sắc chỉ cho Hàm Hoằng Quang Đại Chí Đức Phổ Bác Hiển Hoá Trang Huy Dực Bảo Trung Hưng Đại Càn Quốc Gia Nam Hải Tứ Vị Thượng Đẳng Thần; Hoằng Huệ Phổ Tế Linh Cảm Diệu Thông Mặc Tướng Trang Huy Dực Bảo Trung Hưng Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi Thượng Đẳng Thần; Tán Hoá Mặc Vận Thuận Thành Hoà Tự Tư Nguyên Trang Huy Dực Bảo Trung Hưng Ngũ Hành Tiên Nương Thượng Đẳng Thần; Trứ Linh Hiển Ứng Mục Uyên Hoằng Bác Uông Nhuận Dực Bảo Trung Hưng Thuỷ Long Trung Đẳng Thần; Diệu Phu Quảng Độ Linh Ứng Ý Nhã Anh Bình Sơn Trung Tiên Phi Trung Đẳng Thần, trước đây phụng thờ ở xã Hải Cát thuộc huyên Hương Trà phủ Thừa Thiên, đã ban cấp Sắc phong chuẩn cho phụng thờ.

Duy Tân nguyên niên, đại lễ đăng quang, đã ban bảo chiếu mở rộng ân huệ, lễ lớn tăng cấp bậc, đặc biệt chuẩn cho phụng thờ như cũ, dùng để ghi nhớ ngày mừng của nước mà tỏ rõ phép tắc thờ tự. Kính thay.

Duy Tân năm thứ 3, tháng 8 ngày 11 (1909).

Sắc thứ 8: *Dịch nghĩa*

Sắc cho Nguyên được tặng Hàm Hoằng Quang Đại Chí Đức Phổ Bác Hiển Hoá Trang Huy Dực Bảo Trung Hưng Đại Càn Quốc Gia Nam Hải Tứ Vị Thánh Nương Thương Đẳng Thần; Hoằng Huệ Phổ Tế Linh Cảm Diệu Thông Mặc Tướng Trang Huy Dực Bảo Trung Hưng Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi Thượng Đẳng Thần; Tán Hoá Mặc Vận Thuận Thành Hoà Tự Tư Nguyên Trang Huy Dực Bảo Trung Hưng Ngũ Hành Tiên Nương Thượng Đẳng Thần; Diệu Phu Quảng Độ Linh Ứng Ý Nhã Trai Tĩnh Dực Bảo Trung Hưng Anh Bình Sơn Trung Tiên Phi Trung Đẳng Thần, trước đây đã được xã Hải Cát huyện Hương Trà phủ Thừa Thiên phụng thờ, trợ giúp nước che chở dân, hiển rõ linh ứng, đã được ban cấp Sắc phong chuẩn cho phụng thờ.

Nay đúng Tứ Tuần Đại Khánh của Trẫm, đã ban bảo chiếu mở rộng ân huệ, lễ lớn nên tăng cấp bậc Đại Càn Quốc Gia Nam Hải Tứ Vị Thánh Nương Thượng Đẳng Thần; Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi Thượng Đẳng Thần; Ngũ Hành Tiên Nương Thượng Đẳng Thần đặc biệt chuẩn cho phụng thờ như cũ; Anh Bình Sơn Trung Tiên Phi Trung Đẳng Thần gia tặng Trang Huy

Thượng Đẳng Thần, đặc biệt chuẩn cho phụng thờ để ghi ngày mừng của nước và tỏ rõ phép tắc thờ tự. Kính thay.

Khải Định năm thứ 9, tháng 7 ngày 25 (1924).

4. SẮC PHONG CHO THIÊN Y A NA Ở MIẾU THIÊN Y TRONG KHUÔN VIÊN ĐÌNH PHƯƠNG SÀI (NHA TRANG, KHÁNH HÒA)

Sắc thứ nhất: *Dịch nghĩa*

Sắc ban cho tôn thần Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi, nguyên đã được phong tặng là Thượng Đẳng Thần Hoằng Huệ Phổ Tế Linh Cảm Diệu Thông Mặc Tướng, có công lớn giúp nước trợ dân, thần hiện linh ứng, tới nay đã xứng.

Vâng theo mệnh lớn, tưởng nhớ ơn thần, nay phong tặng thêm cho là Thượng Đẳng Thần Hoằng Huệ Phổ Tế Linh Cảm Diệu Thông Mặc Tướng Trang Huy, lại chuẩn cho thôn Phương Sài, huyện Vĩnh Xương tiếp tục phụng thờ, đặng thần giúp đỡ che chở dân ta. Kính thay.

Tự Đức năm thứ 5, tháng 11 ngày 29 (1852).

Sắc thứ hai: *Dịch nghĩa*

Sắc ban cho thôn Phương Sài, huyện Vĩnh Xương, tỉnh Khánh Hòa, vẫn được thờ phụng theo như trước đây Thượng Đẳng Thần Hoằng Huệ Phổ Tế Linh Cảm Diệu Thông Mặc Tướng Trang Huy Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi, thần đã nhiều lần được ban cấp sắc tự.

Ban cấp sắc phong chuẩn cho thờ phụng, nay vào năm Tự Đức 31, chính dịp Trẫm mở lễ mừng ngũ tuần đại khánh, kính ban cho chiếu báu ân sâu, lại tăng thêm phẩm trật, chuẩn cho tiếp tục thờ phụng thần như cũ, để ghi nhớ hỷ sự quốc gia mà lo việc cúng tế. Kính thay!

Tự Đức 33, tháng 11 ngày 24 (1880).

Sắc thứ 3: *Dịch nghĩa*

Sắc ban cho Thượng Đẳng Thần Hoằng Huệ Phổ Tế Linh Cảm Diệu Thông Mặc Tướng Trang Huy Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi, tới nay giúp nước trợ dân, thần hiện linh ứng, nhiều lần được ban cấp sắc phụng tự, công lao xứng đáng.

Vâng theo mệnh lớn, tưởng nhớ ơn thần, nay phong tặng thêm cho là "Dực Bảo Trung Hưng" Thượng Đẳng Thần, lại chuẩn cho thôn Phương Sài, huyện Vĩnh Xương, tỉnh Khánh Hòa tiếp tục thờ phụng như trước, đặng thần giúp đỡ che chở dân ta. Kính thay!

Đồng Khánh 2, tháng 7 ngày 1 (1886).

Sắc thứ 4: *Dịch nghĩa*

Sắc ban cho thôn Phương Sài, huyện Vĩnh Xương, tỉnh Khánh Hòa vẫn được thờ phụng như trước đây:

Thượng Đẳng Thần Hoằng Huệ Phổ Tế Linh Cảm Diệu Thông Mặc Tướng Trang Huy Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi.

Trung Đẳng Thần Trai Thục Dực Bảo Trung Hưng Khánh Bình Biến Hóa Đệ Bát Tiên Nương.

Ban cho sắc phong, chuẩn việc thờ phụng, nay chính vào năm Duy Tân thứ nhất, nhân dịp Trẫm mừng lễ lên ngôi, kính ban cho chiếu báu ơn sâu, lại tăng thêm phẩm trật, chuẩn cho tiếp tục thờ phụng thần như trước, để ghi nhớ hỷ sự quốc gia mà lo việc cúng tế. Kính thay!

Năm Duy Tân thứ 3 tháng 8 ngày 11 (1909).

5. SẮC PHONG CHO THIÊN Y A NA Ở ĐÌNH VĨNH CÁT, DIÊN KHÁNH, KHÁNH HÒA

Sắc phong 1: *Dịch nghĩa*

Sắc phong cho thần Hoằng Huệ Phổ Tế Linh Cảm Diệu Thông Mặc Tướng Trang Huy Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi, tới nay đã có công lớn bảo vệ đất nước, che chở muôn dân, hiển hiện linh ứng, xóa điềm u tối, nhiều lần được ban cấp sắc phong cho thờ tự. Ghi mệnh lớn tưởng nhớ ơn thần, phong cho là Dực Bảo Trung Hưng thượng đẳng thần. Lại chuẩn cho xã Vĩnh Cát, huyện Vĩnh Xương, tỉnh Khánh Hòa thờ phụng thần như cũ. Đặng thần luôn giúp đỡ bảo vệ dân ta. Kính thay!

Ngày 1 tháng 7 năm Đồng Khánh thứ 2 (1887).

Sắc phong 2: *Dịch nghĩa*

Sắc cho xã Vĩnh Cát, huyện Vĩnh Xương, tỉnh Khánh Hòa tiếp tục phụng thờ Hoằng Huệ Phổ Tế Linh Cảm Diệu Thông

Mặc Tướng Trang Huy Dực Bảo Trung Hưng Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi thượng đẳng thần, thần đã nhiều đời được ban cấp sắc phong.

Chuẩn việc phụng thờ, năm nay chính vào dịp Duy Tân lên ngôi tấn quang đại lễ, kinh ban cho chiếu báu ân sâu, tăng thêm phẩm trật. Đặc biệt chuẩn cho thờ tự như cũ, để ghi nhớ hỷ sự quốc gia mà lo việc cúng tế. Kính thay!

Ngày 11 tháng 8 năm Duy Tân thứ 3.

Sắc phong 3: *Dịch nghĩa*

Sắc cho xã Vĩnh Cát, tổng Hiệp Cát, huyện Vĩnh Xương, tỉnh Khánh Hòa tiếp tục được phụng thờ Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi tôn thần, nguyên đã được phong tặng là Hoằng Huệ Phổ Tế Linh Cảm Diệu Thông Mặc Tướng Trang Huy Dực Bảo Trung Hưng thượng đẳng thần. Thần đã có công lớn bảo vệ đất nước, che chở muôn dân, nhiều lần hiển hiện linh ứng, xóa điềm u tối. Nhiều lần được ban cấp sắc phong chuẩn cho thờ phụng.

Nay chính vào dịp trẫm mở lễ đại khánh 40 tuổi, kinh ban cho chiếu báu ơn sâu, lại tăng thêm phẩm trật. Chuẩn cho tiếp tục phụng thờ thần như cũ, để ghi nhớ hỷ sự quốc gia mà lo việc cúng tế. Kính thay!

Ngày 25 tháng 7 năm Khải Định thứ 9 (1924).

Sắc phong 4: *Dịch nghĩa*

Sắc ban cho Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi tôn thần, vốn được phong tặng là Hoằng Huệ Phổ Tế Linh Cảm Diệu Thông

Mặc Tướng thượng đẳng thần, đã có công lớn, bảo vệ đất nước, che chở muôn dân, nhiều lần hiển hiện linh ứng.

Nay gặp thời vận lớn, tưởng nhớ ơn thần, phong cho là Hoằng Huệ Phổ Tế Linh Cảm Diệu Thông Mặc Tướng Trang Huy thượng đẳng thần. Lại chuẩn cho xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Xương tiếp tục thờ tự như cũ. Đặng thần luôn giúp đỡ bảo vệ dân ta. Kính thay!

Ngày 29 tháng 11 năm Tự Đức thứ 5 (1852).

Sắc phong 5: *Dịch nghĩa*

Sắc cho xã Vĩnh Cát, huyện Vĩnh Xương, tỉnh Khánh Hòa phụng thờ theo như trước đây Hoằng Huệ Phổ Tế Linh Cảm Diệu Thông Mặc Tướng Trang Huy Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi thượng đẳng thần, thần đã nhiều đời được ban cấp sắc phong chuẩn việc phụng thờ. Nay chính vào năm Tự Đức 31, nhân dịp trẫm mở lễ mừng thọ 50 tuổi, kinh ban cho chiếu báu ân sâu, lại tăng thêm phẩm trật. Đặc chuẩn cho thờ tự như cũ, để ghi nhớ hỷ sự quốc gia mà lo việc cúng tế.

Kính thay! Ngày 24 tháng 11 năm Tự Đức 33.

Phụ lục 4

NHỮNG NƠI THỜ PHỤNG THIÊN Y A NA TIÊU BIỂU Ở TRUNG BỘ

(Những nơi thờ phụng công cộng)

TT	Tên di tích	Địa chỉ
1	Miếu Thiên Y A Na	Lý Hòa, Hải Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình
2	Miếu Bà Chúa Ngọc	Kim Đâu, Cam An, Cam Lộ, Quảng Trị
3	Chùa Đông Lâm	Câu Hoan, Hải Lăng, Quảng Trị
4	Đình Hải Cát	Hải Cát, Hương Thọ, Hương Trà, Thừa Thiên Huế
5	Điện Hòn Chén/Huệ Nam	Hải Cát, Hương Thọ, Hương Trà, Thừa Thiên Huế
6	Chùa Thành Trung	Hóa Châu, Quảng Thành, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế
7	Miếu Bà Giàng/Bố Y Na	Lương Hậu, Thủy Lương, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế
8	Đền thờ Bà Chúa Ngọc	P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, Đà Nẵng

TT	Tên di tích	Địa chỉ
9	Miếu Bà Khuê Trung	P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, Đà Nẵng
10	Núi Chúa Ngũ Hành Sơn	Q. Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
11	Miếu bà An Nhơn	Tổ 19 An Hải Bắc, Sơn Trà, Đà Nẵng
12	Đình làng Mân Quang	P. Thọ Quang, Q. Sơn Trà, Đà Nẵng
13	Miếu Bà An Hải	Đà Nẵng
14	Miếu Bà Thanh Khê	Đà Nẵng
15	Miếu Bà Nam Thọ	Đà Nẵng
16	Miếu Bà Mỹ Khê	Đà Nẵng
17	Miếu Bà Mân Thái	Đà Nẵng
18	Lăng Bà Thu Bồn	Thu Bồn, Duy Xuyên, Quảng Nam
19	Lăng Bà Chợ Được	Phúc Ấm, Thăng Bình, Quang Nam
20	Dinh Bà Chiêm Sơn	Chiêm Sơn, Duy Trinh, Duy Xuyên, Quảng Nam
21	Miếu Bà Phường Chào	Đại Cương, Đại Lộc, Quảng Nam

TT	Tên di tích	Địa chỉ
22	Miếu Bà Cổ Vàng	Cẩm Hà, Hội An, Quảng Nam
23	Điện Trường Bà	Trà Xuân, Trà Bồng, Quảng Ngãi
24	Dinh Bà Chúa Ngọc	Trung Yên, An Hải, Lý Sơn, Quảng Ngãi
25	Miếu Thiên Y A Na	Lân Đông Thạnh, An Hải, Lý Sơn, Quảng Ngãi
26	Dinh Thiên Y	Lân Thái Bình, An Hải, Lý Sơn, Quảng Ngãi
27	Dinh Thiên Y A Na	Thôn Tây, Lý Vĩnh, Lý Sơn, Quảng Ngãi
28	Dinh Thiên Y	Lân Tân Thành, An Vĩnh, Lý Sơn, Quảng Ngãi
29	Dinh Thiên Y	Lân Vĩnh Lộc, An Vĩnh, Lý Sơn, Quảng Ngãi
30	Dinh Thiên Y A Na	Thôn Đông, An Vĩnh, Lý Sơn, Quảng Ngãi
31	Dinh Thiên Y A Na	Vạn Thạch Bi, Sa Huỳnh, Đức Phổ, Quảng Ngãi
32	Miếu Bà An Phú	An Phú, Phú Thọ, Quảng Ngãi
33	Miếu Bà Chúa Ngọc	Ghềnh Ráng, Quy Nhơn, Bình Định
34	Tháp Nhạn	Phường 1, Tuy Hòa, Phú Yên

TT	Tên di tích	Địa chỉ
35	Đình Phú Câu	Phường 6, Tuy Hòa, Phú Yên
36	Dinh Thiên Y A Na	Làng Từ Nham, Tx Sông Cầu, Phú Yên
37	Chùa Phật Thánh	An Ninh Tây, Tuy An, Phú Yên
38	Miếu Thiên Y	Thôn Hảo Sơn, Đông Hòa, Phú Yên
39	Miếu Thiên Y	Phường 9, Tuy Hòa, Phú Yên
40	Miếu Thiên Y	Phường 1, Tuy Hòa, Phú Yên
41	Tháp Bà Nha Trang	Nha Trang, Khánh Hòa
42	Am Chúa	Đại An, Diên Khánh, Khánh Hòa
43	Miếu Bà Thiên Y	Khánh Thành, Suối Cát, Cam Lâm, Khánh Hòa
44	Miếu Bà Cây Xoài	Thôn Cây Xoài, xã Suối Tân, Cam Lâm, Khánh Hòa
45	Miếu Bà Đồng Câu	Thôn Đồng Câu, xã Suối Tân, Cam Lâm, Khánh Hòa
46	Đình Suối Cát	Suối Cát, Cam Hiệp Nam, Cam Lâm, Khánh Hòa
47	Lăng Ông - Đền Bà	Phường Cam Phúc Nam, Cam Ranh, Khánh Hòa
48	Miếu Bà	Xóm Cồn, Cam Linh, Cam Ranh, Khánh Hòa

TT	Tên di tích	Địa chỉ
49	Miếu Thiên Y	Thuận Hưng, Cam Thuận, Cam Ranh, Khánh Hòa
50	Miếu Bà	Hòa Do 2, Cam Phúc Bắc, Cam Ranh, Khánh Hòa
51	Miếu Bà	Thôn Nước Ngọt, Cam Lập, Cam Ranh, Khánh Hòa
52	Miếu Bà Hòn Quy	Hòn Quy, Cam Thịnh Đông, Cam Ranh, Khánh Hòa
53	Miếu Bà	Bình Ba Tây, Cam Bình, Cam Ranh, Khánh Hòa
54	Đình Phú Cang	Xã Vạn Phú, Vạn Ninh, Khánh Hòa
55	Miếu Bà	Khóm 1, thị trấn Vạn Giã, Vạn Ninh, Khánh Hòa
56	Dinh Bà	Thôn Tây Nam, xã Đại Lãnh, Vạn Ninh, Khánh Hòa
57	Dinh Bà	Thôn Cổ Mã, xã Vạn Thọ, Vạn Ninh, Khánh Hòa
58	Miếu Bà	Tân Phước Đông, Vạn Phước, Vạn Ninh, Khánh Hòa
59	Miếu Bà	Ninh Đảo, Vạn Thạnh, Vạn Ninh, Khánh Hòa
60	Chùa Hội Khánh	Hội Khánh, Vạn Khánh, Vạn Ninh, Khánh Hòa
61	Miếu Phú Hội	Phú Hội 2, Vạn Thắng, Vạn Ninh, Khánh Hòa

TT	Tên di tích	Địa chỉ
62	Miếu Quảng Hội	Quảng Hội 1, Vạn Thắng, Vạn Ninh, Khánh Hòa
63	Đình Vĩnh Hội	Phường Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa
64	Đình Phương Câu	Phương Câu, Vạn Thạnh, Nha Trang, Khánh Hòa
65	Miếu Thờ Bà	Vĩnh Điềm, Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa
66	Miếu Bà	Phường Vĩnh Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
67	Miếu Bà	Phường Phước Long, Nha Trang, Khánh Hòa
68	Đền thờ Bà Chúa Đảo	Đảo Hòn Nội, Vĩnh Nguyên, Nha Trang, Khánh Hòa
69	Miếu Thiên Y	Vĩnh Điềm,Vĩnh Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa
70	Miếu Bà	Võ Dõng, Vĩnh Trung, Nha Trang, Khánh Hòa
71	Miếu Bà	Võ Cạnh, Vĩnh Trung, Nha Trang, Khánh Hòa
72	Miếu Cổ Chi	Phú Vinh, Vĩnh Thạnh, Nha Trang, Khánh Hòa
73	Miếu Cây Ké	Thị trấn Diên Khánh, Khánh Hòa
74	Đình Phú Cấp	Xã Diên Phú, Diên Khánh, Khánh Hòa
75	Đình Trường Lạc	Xã Diên Lạc, Diên Khánh, Khánh Hòa

TT	Tên di tích	Địa chỉ
76	Đình Phú Ân Nam	Xã Diên An, Diên Khánh, Khánh Hòa
77	Đình Vĩnh Cát	Xã Suối Hiệp, Diên Khánh, Khánh Hòa
78	Miếu Cổ Chi	Thị trấn Diên Khánh, Diên Khánh, Khánh Hòa
79	Miếu Thiên Y A Na	Xã Diên Điền, Diên Khánh, Khánh Hòa
80	Miếu Bà Thánh Mẫu	Xã Diên Hòa, Diên Khánh, Khánh Hòa
81	Miếu Bà Thiên Y	Đảnh Thạnh, Diên Lộc, Diên Khánh, Khánh Hòa
82	Miếu Bà Thiên Y	Mỹ Lệ, Diên Lộc, Diên Khánh, Khánh Hòa
83	Miếu Củ Chi	Phú Ân Nam 2, Diên An, Diên Khánh, Khánh Hòa
84	Miếu Cây Sộp	Vĩnh Cát, Suối Hiệp, Diên Khánh, Khánh Hòa
85	Miếu Ấp Đông	Hội Xương, Suối Hiệp, Diên Khánh, Khánh Hòa
86	Miếu Ấp Nam	Hội Xương, Suối Hiệp, Diên Khánh, Khánh Hòa
87	Miếu Bà Thiên Y	Đại Điền Đông, Diên Điền, Diên Khánh, Khánh Hòa
88	Miếu Củ Chi	Đại Điền Trung 1, Diên Điền, Diên Khánh, Khánh Hòa
89	Miếu Ấp Đông	Đại Điền Đông 3, Diên Điền, Diên Khánh, Khánh Hòa

TT	Tên di tích	Địa chỉ
90	Đình An Định	An Định, Diên Phước, Diên Khánh, Khánh Hòa
91	Miếu Bà	Thôn 1, Diên Đồng, Diên Khánh, Khánh Hòa
92	Miếu Bà Khánh Xuân	Khánh Xuân, Diên Lâm, Diên Khánh, Khánh Hòa
93	Miếu Bà	Phú Ân Bắc, Diên Phú, Diên Khánh, Khánh Hòa
94	Miếu Bà	Phú Nẫm, Diên Phú, Diên Khánh, Khánh Hòa
95	Miếu Thiên Y	Hội Phước, Diên Bình, Diên Khánh, Khánh Hòa
96	Miếu Bà Thiên Y	Sơn Thạnh, Diên Thọ, Diên Khánh, Khánh Hòa
97	Miếu Bà Thiên Y	Phước Lương, Diên Thọ, Diên Khánh, Khánh Hòa
98	Miếu Hội Đồng	Phường Ninh Đa, Ninh Hòa, Khánh Hòa
99	Miếu Thiên Y	Tổ dân phố 10, Ninh Hiệp, Ninh Hòa, Khánh Hòa
100	Miếu Bà Thiên Y	Tổ dân phố 4, Ninh Hiệp, Ninh Hòa, Khánh Hòa
101	Miếu Bà	Tổ dân phố Đông Cát, Ninh Hải, Ninh Hòa, Khánh Hòa
102	Đình Ninh Thành	Ninh Thành, Ninh Giang, Ninh Hòa, Khánh Hòa

TT	Tên di tích	Địa chỉ
103	Miếu Thiên Y	Tân Phú, Ninh Ích, Ninh Hòa, Khánh Hòa
104	Miếu Bà Thiên Y	Vạn Thuận, Ninh Ích, Ninh Hòa, Khánh Hòa
105	Miếu Bà Thiên Y	Mỹ Lệ, Ninh Lộc, Ninh Hòa, Khánh Hòa
106	Miếu Thiên Y	Bình Thủy, Phan Rí Thành, Bắc Bình, Bình Thuận
107	Miếu Thiên Y A Na	Hòn Bà, La Gi, Bình Thuận
108	Đền Bà Chúa Ngọc	Thương Hải, Ngũ Phụng, Phú Quý, Bình Thuận
109	Lăng Ông - Đền Bà Cam Xuân	Cam Ranh - Khánh Hòa

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Dương Văn An (1997), *Ô châu cận lục,* Trịnh Khắc Mạnh, Nguyễn Văn Nguyên dịch nghĩa, chú thích, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[2] Võ Ngọc An (2012), *Bãi Ngang xưa và nay,* Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.

[3] Andrew Hardy (2008), "Núi và biển trong lịch sử kinh tế Chăm pa và Việt Nam", trong *Văn hóa biển miền Trung và văn hóa biển Tây Nam Bộ,* Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr.88-102.

[4] Đào Duy Anh (2002) *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

[5] Nguyễn Thế Anh (2001), "Thiên Y A Na hay sự tiếp nhận Bà Chúa Chăm Pô Nagar của vương triều Nho giáo Việt Nam*", Tạp chí Xưa & Nay*, (98 & 100), tr.29-31 &23-25.

[6] Toan Ánh (1991), *Nếp cũ - tín ngưỡng Việt Nam*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.

[7] Trần Huyền Ân (2004), *Miền đất ước vọng*, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh.

[8] Nguyễn Hữu Bài, Trần Kiêm Hoàng, Lê Văn Hoa, Trần Vũ, Chamaliaq Tiẻng (2014), *Văn hóa dân gian Raglai ở Khánh Hòa,* Nxb Văn hóa Văn nghệ, Tp Hồ Chí Minh.

[9] Đỗ Bang, Nguyễn Tấn Hiểu chủ biên (2007), *Địa chí Bình Định*, Nxb Đà Nẵng.

[10] Nguyễn Công Bằng (2005), *Tháp Bà Nha Trang,* Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[11] Bảo tàng Khánh Hòa, Chi hội văn nghệ dân gian Khánh Hòa (2001), *Khánh Hòa diện mạo một vùng đất tập* 3, Nha Trang xuất bản, Khánh Hòa.

[12] Bảo tàng Khánh Hòa, Chi hội văn nghệ dân gian Khánh Hòa (2002), *Khánh Hòa diện mạo một vùng đất*, tập 4, Nha Trang xuất bản, Khánh Hòa.

[13] Bảo tàng tổng hợp Quảng Ngãi (2014), *Lý lịch di tích điện Trường Bà (Thị trấn Trà Xuân, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi),* Quảng Ngãi.

[14] Nguyễn Chí Bền, Lê Thế Vịnh chủ biên (2003), *Địa chí Phú Yên*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội

[15] Nguyễn Chí Bền, Hồ Tường (2004), "Về hai hình thức hầu đồng trong tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt ở Nam Bộ", trong *Đạo Mẫu và các hình thức Shaman trong các tộc người ở Việt Nam và châu Á,* Nxb Khoa học xã hội, tr.392-402.

[16] Phan Xuân Biên, Phan An, Phan Văn Dốp (1991), *Văn hóa Chăm*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[17] Phan Kế Bính (1988), *Nam Hải dị nhân*, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh.

[18] Phan Kế Bính (1990), *Việt Nam phong tục*, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh.

[19] Tôn Thất Bình (1982), "Một số tín ngưỡng, tục lệ của cư dân vùng biển từ Bình Trị Thiên đến Bình Thuận, *Tạp chí Dân tộc học,* số 2, tr.33-34.

[20] Bonhomme. A (1997), "Chùa Thiên Mẫu", trong *Những người bạn Cố đô Huế*, tập II (1915), Đặng Như Tùng dịch, Nxb Thuận Hóa, Huế.

[21] Nguyễn Văn Bốn (2009), Văn hóa tín ngưỡng thờ Mẫu ở Khánh Hòa*,* Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ, chuyên ngành Văn hóa học, ĐH KHXH&NV Hồ Chí Minh.

[22] Nguyễn Văn Bốn (2019), *Tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt ở Khánh Hòa*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[23] Nguyễn Văn Bốn (2023) Tiếp biến văn hóa trong tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt ở Bắc Bộ và người Chăm ở Trung Bộ từ góc nhìn so sánh, *Tạp chí Dân tộc học,* số 1/2023, tr.42-52.

[24] Bronislaw Malinowski (2006), "Ma thuật, khoa học và tôn giáo", trong *Những vấn đề nhân học tôn giáo,* Nxb Đà Nẵng - Tạp chí Xưa & Nay, tr.147-213.

[25] Cadière. L (1997), *Về văn hóa và tín ngưỡng truyền thống người Việt*, Đỗ Trinh Huệ dịch, Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội.

[26] Lê Đình Chi (1998), *Lễ hội Tháp Bà Nha Trang*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.

[27] Lê Đình Chi (2004), "Đôi nét về đình làng ở Khánh Hòa", trong *Tìm hiểu giá trị lịch sử và văn hóa truyền thống Khánh Hòa 350 năm*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[28] Nguyễn Đổng Chi (1972), *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[29] Phan Huy Chú (2005), *Lịch triều hiến chương loại chí, Hình luật chí*, Tập 2, Viện Sử học phiên dịch và chú giải, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[30] Nguyễn Đình Chúc (2014), *Lễ tá thổ ở Phú Yên,* Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

[31] Cao Chư (2009), *Văn hóa cổ truyền dân tộc Cor - Tổng thể và những giá trị đặc trưng,* Nxb Đà Nẵng.

[32] Ngô Văn Doanh (1994), *Tháp cổ Chămpa sự thật và huyền thoại*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

[33] Ngô Văn Doanh (1998), *Lễ hội Rija Nưgar của người Chăm*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.

[34] Ngô Văn Doanh (1998), "Tín ngưỡng Poh Nagar trong đời sống văn hóa của người dân Khánh Hòa", trong *Văn hóa Nghệ thuật Trung bộ*, Nxb Văn hoá Dân tộc - Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, Hà Nội.

[35] Ngô Văn Doanh (2005), "Tháp Bà Pô Nagar: Từ Nữ thần Devi của Ấn Độ đến Nữ thần Pô Inư Nưgar của người Chăm", *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á,* số 1, tr.48-52.

[36] Ngô Văn Doanh (2006), "Tháp Bà Pô Nagar: Từ các Purana Ấn Độ đến những huyền tích dân gian của người Chăm và người Việt",*Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 1, tr.41-47.

[37] Ngô Văn Doanh (2006), "Lễ vía Bà Thiên Y A Na với tục thờ mẫu Chăm - Việt", *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á,* số 2, tr.48-53.

[38] Ngô Văn Doanh (2006), "Cây trầm hương, xứ trầm hương và Nữ thần Pô Nagar", *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 6, tr.52-58.

[39] Ngô Văn Doanh (2009) *Tháp Bà Thiên Y A Na, hành trình của một Nữ thần*, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.

[40] Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn (2006), *Một số vấn đề lý thuyết và phương pháp nghiên cứu nhân học*, Vũ Thị Phương Anh, Phan Ngọc Chiến, Hoàng Trọng dịch, Nxb ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh.

[41] *Đại Việt sử ký toàn thư,* (1983), Tập 1, Ngô Đức Thọ dịch, chú thích, Hà Văn Tấn hiệu đính, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[42] *Đại Việt sử ký toàn thư,* (1983) Tập 2, Ngô Đức Thọ dịch, chú thích, Hà Văn Tấn hiệu đính, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[43] Nguyễn Phước Bảo Đàn (2002), "Dấu ấn đèo Ngang trong tín ngưỡng thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh ở miền Trung Việt Nam", *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4.

[44] Cao Huy Đỉnh (1964), *Tìm hiểu thần thoại Ấn Độ,* Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[45] Lê Quang Định (2005), *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí,* Phan Đăng dịch, chú giải, Nxb Thuận Hóa - Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Huế.

[46] Lê Quý Đôn (2007), *Phủ biên tạp lục*, Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Trọng Hân, Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

[47] Lê Xuân Đồng (2011), "Một số đặc điểm của làng Việt cổ ở đồng bằng và ven biển tỉnh Phú Yên", Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế *Di sản Văn hóa Nam Trung Bộ với sự phát triển du lịch trong hội nhập quốc tế*, Phú Yên ngày 02/04.

[48] Phan Đình Độ (2002), "Tín ngưỡng thờ cúng Thiên Y A Na ở Lý Sơn", *Tập san Cẩm Thành.* số 32, tr.37-41.

[49] Emily A.Schultz & Robeert H.Lavenda (2001), *Nhân học một quan điểm về tình trạng nhân sinh,* Phan Ngọc Chiến, Hồ Liên Biện dịch, Lương Văn Hy hiệu đính, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[50] Frank Proschan (2004), "Lên đồng (hầu bóng) - kho tàng sống của di sản văn hóa Việt Nam", trong *Đạo Mẫu và các hình thức Shaman trong các tộc người ở Việt Nam và Châu Á,* Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr 267-276.

[51] Phan Thanh Giản (1858), *Thiên Y Tiên Nữ,* Văn bia lưu giữ tại Tháp Bà Nha Trang.

[52] Délétie, H (1997), "Lễ rước sắc thần Thiên Y A Na ở điện Huệ Nam", trong *Những người bạn Cố đô* Huế, tập II (1915), Nxb Thuận Hóa, Huế, tr.337-341.

[53] Khánh Hải (2005), "Hò Bả trạo ở Khánh Hòa" trong *Những tục thờ và lễ hội tiêu biểu ở Khánh Hòa*, Sở Văn hóa - Thông tin Khánh Hòa xuất bản.

[54] Đào Thái Hanh (1997), "Chuyện Thánh Mẫu Thiên Y A Na (Histoire de la décesse Thien Y A Na)", trong *Những người bạn Cố đô Huế*, tập I (1914), Đặng Như Tùng dịch, Nxb Thuận Hóa, Huế.

[55] Nguyễn Thị Tâm Hạnh - Hoàng Thị Ái Hoa (2011), "Thế ứng xử của người Việt trên vùng đất mới qua nghi lễ cúng đất", Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế về *Di sản Văn hóa Nam Trung Bộ với sự phát triển du lịch trong hội nhập quốc tế*, Phú Yên ngày 02/04.

[56] Đỗ Thị Hảo, Mai Ngọc Chúc (1984), *Các Nữ thần Việt Nam,* Nxb Phụ nữ, Hà Nội.

[57] Nguyễn Thị Thúy Hằng (2012), *Di tích và lễ hôi Am Chúa,* Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Văn hóa học, Học viện Khoa học xã hội.

[58] Trần Đình Hằng, *Tiếp xúc văn hóa Việt - Champa ở miền Trung: nhìn từ làng xã vùng Huế*,

www.hids.hochiminhcity.gov.vn/Hoithao/VNHOC/TB4/hang.pdf, tr.2 - 3.

[59] Trần Đình Hằng (2008), "Từ cô gái áo xanh ở Ái Tử (Quảng Trị) đến Bà Trời Áo Đỏ ở Thiên Mụ (Huế): sinh lộ tư tưởng của vùng đất mới Nam Hà", Kỷ yếu Hội thảo *Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn ở Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX,* Nxb Thế giới, Hà Nội.

[60] Trần Đình Hằng (2009), "Của người, của ta: Thần điện làng Việt miền Trung", Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Nhận thức về miền Trung Việt Nam hành trình 10 năm nghiên cứu,* Huế, tháng 7-2009.

[61] Trần Đình Hằng (2012), "Hệ thống thần linh biển và vấn đề ý thức dân tộc, nhìn từ văn hóa miền Trung, miền Nam", *Tạp chí Văn hóa học,* số 4, tr.16-31.

[62] Henri Maitre (2008), *Rừng người Thượng,* Lưu Đình Tuân dịch, Nxb Tri thức, Hà Nội.

[63] Henry Maspero (1919), *Thánh ca tắm tượng thần của người Chàm,* B.E.F.E.O, tập XIX, số 5/1919.

[64] Henry Maspero (2000), *Đạo giáo và các tôn giáo Trung Quốc,* Lê Diên dịch, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[65] Nguyễn Duy Hinh (2001), *Bà Chúa Ngọc*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[66] Nguyễn Duy Hinh (1978), "Truyền thuyết về Po Nagar ở khu vực Phú Khánh - Thuận Hải", *Tạp chí Dân tộc học*, số 2.

[67] Nguyễn Thị Hiền, Karen Fjelstad (2008), "Lên đồng xuyên quốc gia: những thay đổi trong thực hành nghi lễ đạo Mẫu ở California và vùng Kinh Bắc", trong *Sự biến đổi của tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam,* Nxb Thế giới, Hà Nội.

[68] Lê Như Hoa chủ biên (2001), *Tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

[69] Nguyễn Đình Hòe (1997), *Huệ Nam Điện,* Nxb Thuận Hóa, Huế.

[70] Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (2006), *Những vấn đề nhân học tôn giáo,* Nxb Đà Nẵng - Tạp chí Xưa & Nay.

[71] Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Viện Nghiên cứu Văn hóa, Sở Văn hóa - Thông tin Quảng Ngãi, Hội Văn học Nghệ thuật Kiên Giang (2008), *Văn hóa biển miền Trung và văn hóa biển Tây Nam Bộ,* Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

[72] Đỗ Trinh Huệ (2006), *Văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng Việt Nam dưới nhãn quan học giả L. Cadière,* Nxb. Thuận Hóa, Huế.

[73] Lê Đình Hùng (2009), "Tiếp biến văn hóa Việt - Chiêm trên vùng Thuận Hóa qua dấu ấn danh xưng của một vị Nữ thần", Kỷ yếu Hội thảo Khoa học *Nhận thức về miền Trung Việt Nam - Hành trình 10 năm tiếp cận,* Phân viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam tại Huế, Huế ngày 26/07.

[74] Lê Đình Hùng, Tôn Nữ Khánh Trang (2010), "Từ nữ thần Poh Nagar đến tục thờ Thiên Y A Na ở miền Trung Việt Nam (Nghiên cứu trường hợp trên địa bàn Thuận Hóa)" trong *Nhận thức về miền Trung Việt Nam hành trình 10 năm tiếp cận,* Nxb Thuận Hóa, Huế.

[75] Nguyễn Văn Huyên (1996), "Sự thờ cúng các vị thần linh ở Việt Nam", trong *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam,* Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[76] Nguyễn Xuân Hương (2009), *Tín ngưỡng cư dân ven biển Quảng Nam - Đà Nẵng,* Nxb Từ điển Bách Khoa và Viện Văn hóa, Hà Nội.

[77] Nguyễn Xuân Hương (2011), *Tín ngưỡng thờ nữ thần của người Việt ở xứ Quảng*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.

[78] Lương Văn Hy & Trương Huyền Chi, "Thương thảo để tái lập và sáng tạo "truyền thống": tiến trình tái cấu trúc lễ hội cộng đồng tại một làng Bắc Bộ" Tài liệu khóa học *Tiếp cận Nhân học trong nghiên cứu văn hóa* do Trường Đại học Văn hóa Hà Nội tổ chức, 4/2011.

[79] Văn Đình Hy (1987), "Quá trình chuyển hóa từ Pô Nưgar (Chăm) đến Thiên Y A Na (Việt)", *Tạp chí Văn học*, số 6 tr.46.

[80] Đinh Gia Khánh (1992), "Tục thờ Mẫu và những truyền thống văn hóa dân gian ở Việt Nam", *Tạp chí Văn học*, số 5.

[81] Nguyễn Văn Khánh chủ biên (2003), *Tìm hiểu giá trị lịch sử & văn hóa truyền thống Khánh Hòa 350 năm,* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[82] Vũ Ngọc Khánh (1991), *Công chúa Liễu Hạnh,* Nxb Văn học, Hà Nội.

[83] Huỳnh Đình Kết (1996), *Tục thờ thần ở Huế,* Nxb Thuận Hóa, Huế.

[84] Thái Văn Kiểm (1960), "Sự tích Đức Thiên Y A Na" trong *Đất Việt trời Nam,* Nxb Nguồn Sống.

[85] Trần Việt Kỉnh (1989), *Nữ thần Pô Naga*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.

[86] Phan Khoang (2001), *Việt sử xứ Đàng Trong*, Nxb Văn học, Hà Nội.

[87] Võ Hoàng Lan, (2000), "Hầu đồng - một hình thức sinh hoạt sân khấu dân gian", *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 195.

[88] Laurel Kendall (2004), "Khi nào Kut giống lên đồng: Vài điểm so sánh giữa Hàn Quốc và Việt Nam", trong *Đạo Mẫu và các hình thức Shaman trong các tộc người ở Việt Nam và Châu Á,* Nxb Khoa học xã hội, tr.639-659.

[89] Li Tana (1999) *Xứ Đàng Trong - Lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỷ 17 và 18* (Nguyễn Cochinchina, Southern Vietnam in Seventeenth and Eighteenth Centuries), Nguyễn Nghị dịch, Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh.

[90] Trần Hồng Liên (2009), "Giá trị tinh thần truyền thống trong tín ngưỡng thờ Mẫu ở Nam Bộ (nghiên cứu so sánh với Bắc và Trung Bộ), *trong Hội thảo khoa học Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập do Đề tài KX. 03.14/06-10 và Khoa Văn hóa học, Trường ĐH KHXH&NV TP.HCM) tổ chức ngày 17/9/2009 tại Biên Hòa, Đồng Nai.*

[91] Nguyễn Thuỵ Loan, Vũ Ngọc Khánh, Ngô Đức Thịnh chủ biên (2014), *Tín ngưỡng và sinh hoạt văn hoá cộng đồng*, Nxb Khoa học xã hội.

[92] Nguyễn Thanh Lợi (2006), "Tục thờ cúng Cá Ông ở ven biển Nam Trung Bộ", *Tạp chí Văn hóa dân gian,* số 4, tr.52-59.

[93] Lê Hồng Lý (2004), "Tín ngưỡng lên đồng từ cái nhìn của người trong cuộc", trong *Đạo Mẫu và các hình thức Shaman trong các tộc người ở Việt Nam và Châu Á,* Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.381-391.

[94] Nguyễn Văn Mạnh (1995), "Đền Trường Bà ở Trà Bồng" *Tạp chí Cẩm Thành,*số 6, tr.26-27.

[95] Bùi Đức Mậu (2020), "Tín ngưỡng của cư dân ven biển Nam Trung Bộ", *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội,* số 10, tr.38-44.

[96] Huỳnh Văn Mỹ, (2003), *Trầm hương Việt Nam, Tạp chí Kiến thức ngày nay*, số 557.

[97] Nguyễn Thị Mỹ (2008), *Đền Trường Bà tín ngưỡng và nghi lễ,* Khóa luận tốt nghiệp ngành Cử nhân Văn học, Đại học Đà Nẵng.

[98] Đỗ Quỳnh Nga (2011), "Quá trình mở đất Nam Trung bộ dưới thời các chúa Nguyễn", Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế về *Di sản Văn hóa Nam Trung Bộ với sự phát triển du lịch trong hội nhập quốc tế*, Phú Yên ngày 02/04.

[99] Đinh Thị Kim Ngân (2022), "Tín ngưỡng thờ Mẫu tại Đà Nẵng" *Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung,* số 1 (75), tr.51-57.

[100] Lê Quang Nghiêm (1970), *Tục thờ cúng của ngư phủ Khánh Hòa,* Nxb Trung tâm Văn bút Việt Nam, Sài Gòn.

[101] Nguyễn Thị Hiệp Ngọc (2005), *Phú Yên dưới thời các chúa Nguyễn (1578-1773),* Luận văn thạc sĩ, chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, Đại học Khoa học Huế.

[102] Nhiều tác giả (1998), *Văn hoá nghệ thuật Trung Bộ*, Nxb Văn hoá dân tộc - Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật, Hà Nội.

[103] Lương Ninh (2004), *Lịch sử vương quốc Chămpa,* Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

[104] Nội các triều Nguyễn (2005), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ,* Tập 2, Trần Huy Hân dịch, Lê Duy Chưởng hiệu đính, Nxb Thuận Hóa, Huế.

[105] Nội các triều Nguyễn (2005), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ,* Tập 4, Trần Đình Rư dịch, Hoa Bằng hiệu đính, Nxb Thuận Hóa, Huế.

[106] Olivier de Sardan, J.-P (2008), *Nhân học phát triển. Lý thuyết, phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu điền dã*, Trần Hữu Quang và Nguyễn Phương Ngọc dịch, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[107] Parmentier. H (1902), *Le Sanctuaire de Poh - Nagar à Nha Trang* (Tháp Bà Po Nagar ở Nha Trang), B.E.F.E.O. VI (trang 291-300).

[108] Philip Taylor (2004), "Mấy vấn đề phương pháp luận nghiên cứu tín ngưỡng, tôn giáo qua thực tiễn quan trắc

hiện tượng hành hương miếu Bà Chúa Xứ, *Tạp chí Dân tộc học,* số 5.

[109] Phòng Văn hóa Thông tin huyện Tuy An (Phú Yên), *Di tích văn hóa vật thể thời Nguyễn,* Hồ sơ di tích.

[110] Nguyễn Hữu Phúc (2022), "Tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ ở Thừa Thiên Huế nhìn từ hệ thống thần linh của Tiên Thiên Thánh Giáo, *Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo,* số 2 (218), 2022, tr.58-82.

[111] Trần Kỳ Phương (2004), "Bước đầu tìm hiểu về địa - lịch sử của vương quốc Chiêm Thành (Chăm pa) ở miền Trung Việt Nam với sự tham chiếu đặc biệt vào "hệ thống trao đổi của lưu vực sông Thu Bồn ở Quảng Nam" in trong *Tiếp cận văn hóa nghệ thuật miền Trung*, T1, Viện Văn hóa thông tin, Phân viện Văn hóa thông tin tại Huế xuất bản, Huế.

[112] Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí,* Tập 1, Phạm Trọng Điềm dịch; Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb Thuận Hóa, Huế.

[113] Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí,* Tập 2, Phạm Trọng Điềm dịch ; Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb Thuận Hóa, Huế.

[114] Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí,* Tập 3, Phạm Trọng Điềm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb Thuận Hóa, Huế.

[115] Quốc sử quán triều Nguyễn (1962), *Đại Nam thực lục tiền biên,* Nguyễn Ngọc Tĩnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Tập 1, Nxb Sử học, Hà Nội.

[116] Quốc sử quán triều Nguyễn (2003), *Đại Nam thực lục chính biên,* Tổ phiên dịch Viện sử học dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[117] Lê Thọ Quốc (2010), "Quá trình thiết trí phối thờ một số vị thần ở các chùa Huế hiện nay", Kỷ yếu Hội thảo Khoa học *Di sản văn hóa Phật giáo với vấn đề phát triển du lịch ở Huế,* Phân viện Nghiên cứu Văn hóa Thông tin tại Huế tổ chức ngày 07/05.

[118] R. Jon Mcgee - Richard L.Warms (2010), *Lý thuyết nhân loại học giới thiệu lịch sử,* Lê Sơn Phương Ngọc, Đinh Hồng Phúc dịch, Nguyễn Văn Lịch, Phan An hiệu đính, Nxb Từ điển Bách khoa.

[119] Robert Layton (2007), *Nhập môn lý thuyết nhân học* (Phan Ngọc Chiến dịch). Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

[120] Sakaya (2003), *Lễ hội của người Chăm,* Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.

[121] Sakaya (2013), "Sự hỗn dung văn hóa Chăm - Việt qua hiện tượng thờ Nữ thần Po Ina Nagar ở miền Trung Việt Nam", trong *Văn hóa thờ Nữ thần - Mẫu thần ở Việt Nam và châu Á. Bản sắc và Giá trị,* Nxb Thế giới, Hà Nội, tr.620-636.

[122] Sở VHTT&DL Khánh Hòa, Trung tâm Bảo tồn di tích (2014), *Di tích thờ Mẫu ở Khánh Hòa,* Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội

[123] Sở VHTT tỉnh Khánh Hòa (2005), *Những tục thờ và lễ hội tiêu biểu của Khánh Hòa*, Nha Trang xuất bản, Khánh Hòa.

[124] Sở VHTT tỉnh Phú Khánh, Nhà Bảo tàng (1984), *Lý lịch di tích Tháp Nhạn,* Hồ sơ di tích.

[125] Sở VHTT tỉnh Quảng Nam (2004), *Phong tục - tập quán - lễ hội Quảng Nam,* Quảng Nam xuất bản.

[126] Taylor, Keith W, (2001), "Nguyễn Hoàng và bước mở đầu cuộc Nam tiến của người Việt", trong *Những vấn đề lịch sử Việt Nam*, Nxb Trẻ - Nguyệt san Xưa & Nay, tr.161-184.

[127] Hà Văn Tăng, Trương Thìn chủ biên (1998), *Tín ngưỡng mê tín*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội.

[128] Quách Tấn (1992), *Xứ trầm hương*, Nxb Tổng hợp Khánh Hoà.

[129] Quách Tấn (1999), *Non nước Bình Định*, Nxb Thanh Niên.

[130] Bùi Đình Thảo chủ biên (1996), *Hát chầu văn,* Nxb Âm nhạc, Hà Nội.

[131] Lê Bá Thảo (2006), *Thiên nhiên Việt Nam,* Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[132] Lê Thị Bích Thảo (2008), *Khảo sát hiện tượng Thiên Y A Na ở Thừa Thiên Huế và Nam Trung Bộ (qua truyện kể và lễ hội)*, Luận văn thạc sĩ Khoa học Ngữ văn, Đại học Sư phạm Hà Nội.

[133] Nguyễn Phương Thảo (1994), "Tục thờ Mẫu" trong *Văn hóa dân gian Nam Bộ, những phác thảo*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[134] Trần Ngọc Thêm (1997), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam,* Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh.

[135] Thomas Barfield (1997), *The dictionary of Anthropology* (Từ điển Nhân học), Blackwell. H (Bản dịch tiếng Việt của Viện Dân tộc học).

[136] Nguyễn Hữu Thông (1997) *Thiên Tiên Thánh Giáo ở Huế,* Chương trình nghiên cứu công tác với Viện Nghiên cứu Tôn giáo Việt Nam, Đại học Khoa học Huế.

[137] Nguyễn Hữu Thông chủ biên (2001), *Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Miền Trung Việt Nam,* Nxb Thuận Hóa, Huế.

[138] Nguyễn Hữu Thông chủ biên (2002), *Làng xã miền Trung: những nét đặc trưng.* Thông tin Khoa học, Phân viện Nghiên cứu Văn hóa Nghệ thuật tại Huế, tháng 3/2002.

[139] Nguyễn Hữu Thông chủ biên (2006), *Hải Cát, đất và người,* Nxb Thuận Hóa, Huế.

[140] Nguyễn Hữu Thông & các tác giả (2010), "Cốt Chăm - bì Việt"của một số tượng thờ trong ngôi chùa làng xứ Thuận Hóa, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học *Di sản văn hóa Phật giáo*

với vấn đề phát triển du lịch ở Huế, Phân viện Nghiên cứu Văn hóa Nghệ thuật tại Huế tổ chức ngày 07/05.

[141] Nguyễn Duy Thiệu (2002), *Cộng đồng ngư dân ở Việt Nam,* Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[142] Ngô Đức Thịnh chủ biên (1992), *Hát văn*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.

[143] Ngô Đức Thịnh (2001), "Những giá trị của lễ hội cổ truyền trong đời sống xã hội hiện nay", *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật* số 3.

[144] Ngô Đức Thịnh (2004) *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam*, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.

[145] Ngô Đức Thịnh chủ biên (2004), *Đạo Mẫu và các hình thức Sa man giáo trong các tộc người ở Việt Nam và Châu Á*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[146] Ngô Đức Thịnh (2008), *Về tín ngưỡng và lễ hội cổ truyền*, Nxb Văn hoá - Thông tin - Viện Văn hoá, Hà Nội

[147] Ngô Đức Thịnh (2009), *Đạo Mẫu Việt Nam,* Tập 1, Nxb Tôn giáo, Hà Nội

[148] Ngô Đức Thịnh (2009), *Đạo Mẫu Việt Nam,* Tập 2, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.

[149] Ngô Đức Thịnh (2010), *Lên đồng - hành trình của thần linh và thân phận (Len dong - joureys of spirits, bodies and destines)*, Nxb Thế giới, Hà Nội.

[150] Ngô Đức Thịnh chủ biên (2001) *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[151] Ngô Đức Thịnh chủ biên (2013), *Văn hóa thờ Nữ thần - Mẫu ở Việt Nam và Châu Á bản sắc và giá trị,* Nxb Thế giới, Hà Nội.

[152] Nguyễn Văn Thịnh (2023), Tín ngưỡng Thiên Y A Na trong văn hóa dân gian người Việt ở Hội An, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An; https://hoianheritage.net/vi/trao-doi-chuyen-nganh/chuyen-de-nghien-cuu-trao-doi/tin-nguong-thien-y-a-na-trong-van-hoa-dan-gian-nguoi-viet-o-hoi-an-1166.html .

[153] Lê Đức Thọ (2004), *Văn hóa Chăm pa ở Quảng Trị di tích và huyền thoại*, Luận văn thạc sĩ Khoa học Lịch sử, Đại học Khoa học Huế.

[154] Tocarev. S.A (1994), *Các hình thức tôn giáo sơ khai và sự phát triển của chúng*, Lê Thế Thiệp dịch, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[155] Nguyễn Đức Toàn (1994), "Quan hệ Chăm - Việt trong lịch sử qua tín ngưỡng dân gian", *Tạp chí Dân tộc học*, số 4.

[156] Trung tâm bảo tồn di tích cố đô Huế (2006), *Bản lược kê di tích kiến trúc nghệ thuật Điện Huệ Nam (Điện Hòn Chén).*

[157] Tạ Chí Đại Trường (2006), *Thần người và đất Việt,* Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

[158] Nguyễn Đình Tư (2004), *Non nước Phú Yên,* Nxb Thanh Niên, Hà Nội.

[159] Nguyễn Đình Tư (2003), *Non nước Khánh Hòa*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội.

[160] UBND tỉnh Thanh Hóa, Hội Khoa học lịch sử Việt Nam (2008), *Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam, từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX,* Kỷ yếu Hội thảo Khoa học, 10/2008, Nxb Thế giới, Hà Nội.

[161] UBND tỉnh Phú Yên, Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam (2011), *Di sản văn hóa Nam Trung Bộ với sự phát triển du lịch trong hội nhập quốc tế,* Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc tế, Phú Yên, 4/2011.

[162] UBND Thừa Thiên Huế (2020), *Địa chí Thừa Thiên Huế, Phần Lịch sử,* Nxb Thuận Hóa, Huế.

[163] Đặng Nghiêm Vạn (2001), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam,* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[164] Dương Hải Vân (2010), *Tín ngưỡng thờ Nữ thần vùng ven sông Hương ở Huế,* Luận văn thạc sĩ, chuyên ngành Dân tộc học, Đại học Khoa học Huế.

[165] Nguyễn Thị Thanh Vân (2010), *Tín ngưỡng thờ Pô Nagar ở Khánh Hòa,* Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Dân tộc học, Đại học KHXH&NV Hà Nội.

[166] Nguyễn Thị Thanh Vân (2010), Tín ngưỡng thờ Thiên Yana ở Khánh Hòa: một hiện tượng giao thoa văn hóa

Việt - Chăm, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 9, tr.60-66.

[167] Nguyễn Thị Thanh Vân (2011), Tín ngưỡng thờ Thiên Yana của người Việt ở Trung Bộ, Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế *Di sản Văn hóa Nam Trung Bộ với sự phát triển du lịch trong hội nhập quốc tế*, Phú Yên ngày 2/4.

[168] Nguyễn Thị Thanh Vân (2012), Giao tiếp văn hóa văn hóa Việt - Chăm qua tín ngưỡng thờ Thiên Yana ở Trung Bộ, *Tập san Cẩm Thành*, số 70.

[169] Nguyễn Thị Thanh Vân (2012), Hình tượng Thiên Yana trong văn hóa dân gian Khánh Hòa, *Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa* số 2, tr.35-41.

[170] Nguyễn Thị Thanh Vân (2014), "Tín ngưỡng thờ Thiên Yana của người Việt ở Nam Trung Bộ", *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật,* số 362, tr.22-27.

[171] Nguyễn Thị Thanh Vân (2015), Thiên Y A Na trong đời sống tinh thần người Việt ở Trung Bộ, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật,* số 370, tr.35-38.

[172] Trần Đại Vinh (1995), *Tín ngưỡng dân gian Huế,* Nxb Thuận Hóa, Huế.

[173] Viện Văn hóa nghệ thuật Việt Nam - Phân viện Huế (2010), *Nhận thức về miền Trung Việt Nam hành trình 10 năm tiếp cận,* Nxb Thuận Hóa, Huế.

[174] Nguyễn Đăng Vũ (2016), *Văn hóa dân gian của cư dân ven biển Quảng Ngãi,* Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

[175] Nguyễn Đăng Vũ (2003), "Tín ngưỡng thờ Mẫu của cư dân ven biển Quảng Ngãi", *Tập san Cẩm Thành* số 35, tr.28-42.

[176] Nguyễn Đăng Vũ (2004), "Đền Trường Bà - Trà Bồng tín ngưỡng và giao lưu văn hóa", *Tập san Cẩm Thành* số 40, tr.54-56.

[177] Nguyễn Đăng Vũ (2013), "Điện Trường Bà Trà Bồng - đặc trưng di tích và lễ hội", trong *Văn hóa thờ Nữ thần - Mẫu ở Việt Nam và Châu Á bản sắc và giá trị*, Nxb Thế giới, tr.651-659.

[178] Trần Quốc Vượng (1996), *Theo dòng lịch sử - những vùng đất thần và tâm thức người Việt*, Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội.

[179] Trần Quốc Vượng (1998), "Miền Trung Việt Nam và văn hóa Chămpa (một cái nhìn địa - văn hóa*)",* trong *Việt Nam cái nhìn địa văn hóa,* Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

[180] Lý Tế Xuyên, *Việt điện u linh*, bản dịch Lê Hữu Mục, http://www.lichsuvietnam.info

[181] Nguyễn Như Ý chủ biên (1999), *Đại từ điển tiếng Việt,* Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.

[182] Wendy Doniger O'Flaherty (2005), *Thần thoại Ấn Độ,* Lê Thành dịch, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.

CHÚ THÍCH

[1] Hồng Đức thứ 5 [1474], tháng 4, có sắc chỉ rằng tù xử tội lưu, đi cận châu thì sung vệ quân ở Thăng Hoa, đi ngoại châu thì sung vệ quân ở Tư Nghĩa, đi viễn châu thì sung vệ quân ở Hoài Nhân, tội nhân được tha chết thì cũng sung vệ quân Hoài Nhân (Phan Huy Chú (2005), *Lịch triều hiến chương loại chí, Hình luật chí*, quyển XXXIII, tr.177, Tập 2, Viện Sử học phiên dịch và chú giải, Nxb Giáo dục).

[2] Ở Bắc Bộ, thờ Mẫu *Tam Phủ* gồm Mẫu Thoải, Mẫu Thượng Thiên, Địa Mẫu; thờ Mẫu *Tứ Phủ* gồm Mẫu Thượng Thiên, Mẫu Địa, Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Thoải.

[3] Trong lúc mua to, gió lớn, nhà vua bàng hoàng lo sợ, bỗng thấy một người con gái ước độ hai mươi, mặt tựa hoa đào, mày đậm màu dương liễu, mắt sáng như sao, miệng cười như hoa nở; nàng mặc áo trắng quần lục, lưng mang đai, dịu dàng bước đến bạch với vua rằng: "*Thiếp là tinh của đại địa Nam quốc thác cư ở làng Thuỷ Vân đã lâu lắm, xem thời mà ra nếu gặp được lúc tốt. Bây giờ gặp được Long nhan, chí nguyện bình sinh được thỏa, cúi xin bệ hạ đi chuyến này hết sức mẫn cán, toàn thu hoạch thắng lợi. Thiếp tuy phận liễu mong manh cũng nguyền đem sức mọn mặc nhiên phù tá Bệ hạ; ngày khải hoàn, thiếp xin chực ở đây để bái yết....*" (Lý Tế Xuyên, *Việt điện u linh tập*" Lê Hữu Mục dịch, 1959, 71-71. lichsuvietnam.info).

[4] Năm Quý Tỵ (1592), mùa hạ, Thái Tổ (Thái Tổ Gia Dũ hoàng đế Nguyễn Hoàng) lại ra Đông Đô, ở lại 8 năm, nhiều lần đi đánh giặc, Ư Dĩ theo hầu ở tả hữu chúa. Năm Canh Tý (1600), mùa hạ, Thái tổ vượt biển về nam, thuyền đến cửa biển Thần Phù, dân nhiều người đi theo. Nghe nói quân Trịnh đuổi riết, Ư Dĩ sai quân bơi thuyền đi nhanh. Dây thừng bị đứt. Có người huyện Yên Mô là Phạm Thị Công dâng một sọt tơ sống để làm thừng kéo thuyền, thuyền bèn đi nhanh. Phạm Thị Công theo vào Thuận Hóa, đến lúc chết được phong là *Thị Tùng Hỗ Giá Phạm Phu Nhân*.

[5] Bấy giờ chúa dạo xem hình thế núi sông, thấy giữa đồng bằng xã Hà Khê (Hương Trà) nổi lên một gò cao, như hình đầu rồng quay lại, phía trước nhìn ra sông lớn, phía sau có hồ rộng, cảnh trí rất đẹp. Nhân thế hỏi chuyện người địa phương, họ đều nói rằng gò này rất thiêng, tục truyền rằng: "Xưa có người đêm thấy bà già áo đỏ quần xanh ngồi trên đỉnh gò nói rằng: "*Sẽ có vị chân chúa đến xây chùa ở đây, để tụ khí thiêng, cho bền long mạch*". Nói xong bà già biến mất. Nhân đấy mới gọi là núi Thiên Mụ. Chúa cho nơi ấy có linh khí, mới dựng chùa, gọi là chùa Thiên Mụ".

[6] Không chỉ Bà "áo trắng" phò trợ Lý Thánh Tông ở cửa biển Hoàn Hải (1069) được phong tặng *Ứng Thiên Hóa Dục Nguyên Trung Hậu Thổ Địa Kỳ Nguyên Quân*. Về sau, có Bà "áo xanh" hiến kế cho Nguyễn Hoàng đánh thắng quân Mạc (1572) được phong là *Trảo Trảo Linh*

Thu Phổ Tế Tương Hựu phu nhân. Vị "chân chúa" này còn được Bà Trời áo đỏ báo mộng xây chùa Linh Mụ để "*tụ khí thiêng, cho bền long mạch*".

[7] Xem thêm phụ lục 4: *Chuyện Bà Thiên Y A Na linh ứng với các vị vua khác triều Nguyễn.*

[8] Đầu triều Nguyễn hoạt động đồng bóng được xem là mê tín, tà ma, đồng cốt, quàng xiên, và điều này đáng bị nghiêm trị: "*Các thầy cúng, cung văn và các người đội giá đồng sẽ bị chịu hình phạt 100 roi và sung dịch 6 tháng. Các cô đồng thì bị xử 100 roi và sung giã gạo 6 tháng*" - Theo Hoàng Việt luật lệ (Luật Gia Long).

[9] Vua khi còn ẩn náu thường chơi xem núi ở đây. Mỗi khi đến cầu khẩn, phần nhiều ứng nghiệm. Đến nay vua phê bảo rằng: đền Ngọc Trản thực là núi Tiên Nữ, linh son sáng đẹp muôn đời, trông rõ là hình thế như con sư tử uống nước sông, quả là nơi chân cảnh thần tiên. Đền ấy nhờ được linh khí đắc nhất, cứu người độ đời, giúp cho phúc lộc hàng muôn, giúp dân giữ nước. Vậy cho đổi đền ấy làm Điện Huệ Nam để biểu hiện một phần trong muôn phần.

[10] Lúc này Bửu Bành được cử làm Tổng Hội trưởng, ông Cửu Cường làm Tổng Kiểm soát, bên dưới có 28 chi hội, mỗi chi hội có một Chi hội Trưởng. Trụ sở đầu tiên đặt tại Phước Linh Điện (số 23 Gia Hội-Tp. Huế), về sau được dời về vị trí (252 Chi Lăng-Huế), ngôi điện này được xây

dựng vào tháng 6/1965, trực thuộc Tổng hội có đến 48 chi hội phân bố khắp Trung và Nam phần Việt Nam.

[11] Hinduism - được dịch là Ấn Độ giáo - không mang nghĩa là một tôn giáo nhất định của người Ấn, mà chỉ là cách gọi mang ý nghĩa bao quát, chỉ một nhóm tôn giáo có sự tương quan với nhau về niềm tin tôn giáo. Có khoảng 80% người Ấn Độ tự coi mình là người theo đạo Hindu. Đạo Hindu có tầm ảnh hưởng rất lớn đối với hầu hết các quốc gia cổ ở khu vực Đông Nam Á, từ đời sống chính trị cho tới văn hóa xã hội.

Hinduism là một tôn giáo không có người sáng lập, không có giáo chủ, tín lý, giáo điều được hình thành và hoàn thiện dần theo suốt chiều dài lịch sử của Ấn Độ. Về mặt lịch sử, đạo Hindu có ba giai đoạn lớn: giai đoạn Veda, giai đoạn Bàlamôn và giai đoạn Hindu.

[12] Một tên gọi khác của Po Inư Nagar.

[13] Skanda Purana kể rằng một hôm trong lúc âu yếm, Siva đùa: "*tấm thân thon thả của nàng u ám trên tấm thân trắng trẻo của ta trong như một con rắn cái màu đen quấn quanh một cây đàn hương trắng. Nàng thật là đen, đen như than. Thật sự nàng đã làm bẩn cái nhìn của ta*". Nghe xong câu nói ấy, Parvati giật cổ ra khỏi vòng tay của Siva, giận giữ và nói: "*Hỡi Siva, kẻ mang mảnh trăng, ta đã làm mọi cách để giành được người bằng việc khổ tu, thế mà ta bị mất danh dự như thế này đây. Này Siva, ta là người bình thường chứ không phải là không bình thường là có*

ba mắt như ngươi. Chính ngươi mới là kẻ hủy diệt mà cả vũ trụ đều biết. Người hẳn muốn đặt cây đinh ba lên đầu ta, muốn trút hết lỗi lầm của người lên ta. Người bảo ta đen nhưng chính ngươi mới là kẻ đen đúa vĩ đại. Ta sẽ lên núi để từ bỏ thân ta bằng khổ tu chứ không thể để bị một tên xỏ lá như người sỉ nhục". Mặc dù Siva cố thanh minh cho những câu đùa ác ý của mình nhưng Parvati vẫn bỏ lên núi để khổ tu và rời bỏ Siva.

[14] Truyền thuyết *Thiên Y Tiên nữ* được ghi lại trong bia ký do Phan Thanh Giản cho dựng năm 1857 tại Tháp Bà Nha Trang.

[15] Người Việt ở Khánh Hòa vẫn còn lưu truyền câu ca về các vị thần linh được thờ ở Tháp Bà Nha Trang: "*Giữa xây tháp lớn thờ Bà; Kế sau một tháp gọi là thờ Ông; Đôi bên bốn tháp cùng đồng; Thờ Cô, thờ Cậu, vợ chồng Tiều Công*".

[16] Trong thần điện Tam phủ, Tứ phủ ở miền Bắc, Mẫu Liễu Hạnh được thờ ở vị trí trung tâm của thần điện, còn trong đạo Mẫu Tam phủ, Tứ phủ ở Huế Mẫu Thiên Y A Na thay thế vị trí đó. Chỉ có điện Hòn Chén và Phổ Hóa cung (Huế) thờ Liễu Hạnh nhưng được bố trí phía trước và thấp hơn tượng thờ Thiên Y A Na.

[17] Theo thống kê của Sở VHTT&DL Đà Nẵng có đến 133 cơ sở thờ Mẫu, chủ yếu là Mẫu Thiên Y A Na, trong đó có 05 cơ sở thờ tự công cộng, còn lại là các am, điện, cảnh tư gia. Còn ở Quảng Nam tuy không có thống kê cụ thể

nhưng tại lễ hội Điện Hòn Chén tháng 7/2014 có 12/61 bằng, châu án là của các am, điện, cảnh tư nhân đến từ Quảng Nam.

[18] Các di tích thờ Bà Thiên Y A Na ở Đà Nẵng như: miếu Bà ở Khuê Trung, Tam Giang Thánh điện ở Hòa Xuân (Cẩm Lệ), miếu Bà Nà - Núi Chúa ở Hòa Ninh, Đình Dương Lâm ở Hòa Phong, đình Đại La ở Hòa Sơn, đình Phước Thuận ở Hòa Nhơn (huyện Hòa Vang), đình Nam Thọ ở Thọ Quang (quận Sơn Trà), đình Trung Nghĩa, dinh Bà ở Hòa Minh (quận Liên Chiểu), miếu Bà Phường Chào1, miếu Bà Chúa Ngọc, miếu Bà Chúa Lồi ở làng Sơn Thủy, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn và trong động Huyền Không, động Tàng Chơn thuộc Khu danh thắng Ngũ Hành Sơn (quận Ngũ Hành Sơn),… cùng với hơn 20 sắc phong Thiên Y Ana của các vua nhà Nguyễn ở các đình làng.

[19] Theo khảo sát điền dã, tại các địa điểm thờ Thiên Y A Na ở Bình Định, Phú Yên đều phân bố dọc các huyện ven biển.

[20] Các vợ/trinh nữ (Sakti) của thần Siva thường được gọi chung là Devi. Việc thờ phụng Devi có nguồn gốc từ tục thờ Nữ thần Mẹ phổ biến ở Ấn Độ vào thiên niên kỷ thứ III TCN. Trong số các Devi có Bhagarvati (có nghĩa là phì nhiêu, trù phú, năm vận mệnh) là Nữ thần phá hủy (cũng là chức năng chính của thần Siva), Nữ thần bảo trợ cho mọi sinh linh khỏi bị bệnh tật làm hại. Tất cả chức năng trên của Devi được chuyển hóa thành chức năng chính của Thần Mẹ Po Inư Nagar của người Chăm.

[21] Tượng Bà ở Tháp Bà Nha Trang bị mất đầu và hai bàn tay không rõ nguyên nhân. Khi tiếp nhận, người Việt phục chế đầu và tay cho tượng thần rồi phủ lên tượng thần một lớp áo mũ, xiêm y như những Mẫu thần Việt ở Bắc Bộ.

[22] Lễ vía Bà Thiên Y A Na năm 2013, tại Tháp Nhạn (Phú Yên) có 11 đoàn con nhang đệ tử trong và ngoài tỉnh đăng ký dâng lễ vía Bà và tổ chức hầu đồng, múa Bóng tại đây với BQL Di tích Tháp Nhạn.

[23] Xem thêm *Nguyễn Hữu Thông (2006), Hải Cát đất và người,* Nxb Thuận Hóa, Huế.

[24] Ngoài tượng Thiên Y A Na, trong chùa Hoa Tiên còn hai tượng Chàm khác ở dưới gốc cây Cốc lồi lên, cao khoảng 5, 6 tấc. Cho là vật linh nên trụ trì đem vào chùa thờ, nhưng nửa đêm tượng tự rơi xuống đất, một tượng bị gãy đầu. Vị trụ trì sợ, liền đem tượng ra thờ dưới gốc cây nơi đã lồi lên, nhưng nay đã bị lấy mất.

[25] 3 sắc phong còn lưu giữ ở chùa Hoa Tiên: 02 sắc năm Duy Tân thứ 5 (1911) cho xã Phú Ân 1 sắc phụng sự Thiên Y A Na, 1 sắc phụng sự Ngũ Hành và sắc năm Khải Định thứ 9 (1924) cho xã phụng sự Thiên Y A Na.

[26] Điện Hòn Chén/Điện Huệ Nam (Huế) nằm trên núi Ngọc Trản, hữu ngạn sông Hương, tựa như chiếc chén úp, hướng mặt ra sông. Toàn khu điện là một kiến trúc tổng thể, phân bố theo trục dọc hướng đông nam. Chính giữa là điện thờ trung tâm được gọi là Minh Kính Đài đặt thờ ban Mẫu, được chia thành 3 tầng tượng trung cho 3 cung, gọi

là nội điện. Phía ngoài là ngoại càn, gồm các công trình Trung Thiên Đài, đình Bát giác thờ cô Ngọc Lan và mẫu Thoải, sát bờ sông có miếu thờ Thủy Long, dọc núi có Trinh Cát viện (nhà linh), Bắc tế, am Ngũ vị Thánh Bà, Mẫu Thượng Ngàn, Ông Hổ… Các cung điện đều được trang trí sơn son thiếp vàng, chạm khắc tinh sảo hoặc trang trí bằng vôi vữa khảm sành sứ, mô típ chim phụng, hoa lá, chữ thọ… đều theo lối kiến trúc, điêu khắc cung đình Huế.

[27] Am Chúa tọa lạc trên núi Đại An, thuộc thôn Đại Điền Trung, Diên Điền, Diên Khánh, Khánh Hòa. Đối với tín đồ thờ Mẫu Thiên Y A Na ở miền Trung thì "*Am Chúa hiển nhân - Tháp Bà hiển Thánh*".

Kiến trúc của Am Chúa giống kết cấu và bố cục các đình, đền, miếu người Việt ở miền Trung. Nhìn từ ngoài vài gồm: tam quan, mộ ông bà Tiều, miếu Ngũ Hành, miếu Sơn Lâm, Chánh điện. Chánh điện thờ Thiên Y Thánh mẫu được trùng tu lần thứ 3 vào năm Mậu Tuất (1958) với hình thức ngôi nhà ba gian mái ngói có trang trí hình tứ linh. Đây là một kiến trúc am miếu độc lập tiêu biểu thờ Thiên Y A Na của người Việt ở khu vực Nam Trung Bộ.

[28] Đội ngũ này bao gồm mười một người, đứng đầu là Giám thủ cùng mười dân phu làm thủ từ. Họ được miễn các loại sưu thuế, sai dịch và được hưởng lương bằng tiền hay bằng khẩu phần ruộng đất.

[29] Ở điện Huệ Nam, hiện nay việc lễ Bà được giao cho Ban Bảo trợ Di tích điện Huệ Nam thuộc Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế chủ trì, còn ở Khánh Hòa Phó Giám

đốc sở VHTT&DL làm chủ tế tại lễ hội Tháp Bà năm 2013, cùng với sự tham dự của đại diện các ban ngành trong tỉnh.

[30] Khi vào dâng lễ các thành viên trong đoàn phải ăn mặc chỉnh tề, trên đầu mỗi người đội một mâm lễ vật xếp thành hai hàng dọc. Trước điện Bà, Chánh tế thực hiện nghi thức dâng hương và cả đoàn tiến hành đại bái (ba lạy). Khi nhạc lễ nổi lên, các đội múa bóng theo điệu nhạc. Trong Chánh điện có một vũ công đang múa, trên đầu đội từng mâm lễ dâng lên Bà theo thứ tự: Dâng hương, trầm (trầm - kỳ), hoa, quả, thủy (nước), tấu cổ (vàng mã).

Mỗi lễ vật dâng Mẫu vũ công phải thực hiện các động tác múa khác nhau, đặc biệt phải luôn giữ cho vật tế đội ở trên đầu không được nghiêng đổ dù múa ở tư thế đứng, quỳ hay xoay người theo điệu. Các điệu múa bóng của vũ công ở đây tuân thủ quy luật âm dương: xấp - ngửa, thượng - hạ, tiền - hậu, vay - trả. Trong khi múa gương mặt, ánh mắt của vũ công luôn hướng về phía điện Bà. Thời gian múa và dâng đủ 6 lễ khoảng 30 phút. Động tác múa bóng ở đây chủ yếu mô phỏng các động tác từ cuộc sống như cày cấy, dệt vải, chèo thuyền, kéo lưới, may vá, chống ngoại xâm… Có đoàn múa theo nhạc lễ nhưng cũng có đoàn múa theo lời văn ca ngợi Thiên Y Thánh mẫu. Họ múa tự do, không có đội hình và động tác thống nhất, người này múa mô phỏng động tác chèo thuyền thì người kia làm động tác cấy lúa. Tất cả mọi người trong đội múa

Bóng múa rất sôi nổi, múa như lên đồng, như có sự tiếp sức của các thế lực siêu nhiên để chứng minh lòng thành kính của mình với Mẹ. Nó cũng thể hiện sự sáng tạo không ngừng của người múa và sự đa dạng của các điệu múa bóng dâng lên Mẫu Thiên Y A Na.

[31] Trong tín ngưỡng của người Cor ở Trà Bồng có hai vị Nữ thần tối cao là Mo Cả và Mo Hwýt với ý niệm *Mo Hwýt pjit đhắk, pjit đjí, Mo Cả pjit ma ní* (Bà Hwýt sinh nước, sinh xứ sở, Bà Cả sinh ra con người. Có lẽ Mop Trơn là vị thần bao hàm cả hai vị Nữ thần đó, nên Bà mới là *Người Mẹ tôn kính nhất trong những thần tôn kính* của họ.

[32] Tương truyền Ngũ Hành tiên nương là 5 vị nữ tướng dưới quyền, theo hầu Bà Thu Bồn trong cuộc chinh chiến. Tuy nhiên, đây là tín ngưỡng thờ Ngũ Hành phổ biến trong tín ngưỡng thờ Mẫu ở miền Trung.

[33] *Cúng đất* là từ mà người Việt từ nam đèo Ngang trở vào dùng để chỉ một hoạt động nghi lễ dâng cúng cho các vị thần liên quan đến đất đai. Từ nam đèo Ngang đến bắc Đèo Hải Vân ngoài *cúng đất*, từ dùng phổ biến là *tạ thổ, kỳ an* (tạ ơn thần Đất và cầu an). Từ nam Đèo Hải Vân trở vào ngoài *cúng đất*, từ dùng phổ biến là *mãi thổ* (mua đất), *tá thổ* (mượn đất), *khao thổ* (mừng được đất). Như vậy, xét về mặt ngữ nghĩa, mục đích của *tạ thổ* là tạ ơn các vị thần bảo trợ đất đai, trong khi đó, *tá/mãi/khao thổ* là một cuộc giao tiếp giữa người và thần linh liên quan đến vấn đề sở hữu đất đai.

[34] Ngoài những thức cúng hiện diện trong nghi lễ của người Việt (hương, hoa, đăng, đèn, quả, phẩm), thì *rau khoai luộc*, *chén nước ruốc* (hoặc mắm), *gắp cá tôm nướng*, *tam sên* (3 con cua/tôm, 3 miếng thịt ba chỉ, 3 quả trứng, được luộc chín, bày trên ba đĩa) là những món không thể thiếu trong lễ cúng đất, và là thức ăn dành cho *ma Mọi* hay *Mọi rừng*, *ma núi, ma Hời*...

[35] Truyền thuyết về đền Quá Quan ở Khánh Hòa kể về sự tích Bà từ biển Bắc Hải trở về cố hương có mang nhiều hạt lúa lớn. Khi Bà đi từ núi Chúa xuống Tháp Bà thấy cảnh đẹp bèn nghỉ ở đây, sơ ý đánh rơi 3 hạt lúa. Chỗ Bà nghỉ dân làng lập miếu thờ, trong có 3 vỏ lúa lớn. Truyền thuyết chùa Thiên Mụ cũng nói rằng trước đây trong chùa có thờ một hạt lúa lớn, tương truyền là của Bà, sau đó bị mất không rõ lý do.

[36] Xem thêm truyền thuyết về miếu Chuột (miếu Hội Đồng) ở thôn Hòa Đa, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

[37] Theo anh Đào Văn Long, 49 tuổi, ở làng Cù Lao (Vĩnh Phước, Nha Trang, Khánh Hòa), người có hơn 26 năm làm nghề đánh bắt xa bờ. Đây cũng là lời kể của bà Trương Thị Hội, một gia đình ngư dân ở phường 6 (Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên).

[38] Một số hóa thân của Bà Thiên Y A Na ở Trung Bộ, như: Bà Bô Bô-Thu Bồn (Duy Xuyên-Quảng Nam), Bà Chúa Lồi (Khuê Trung - Đà Nẵng), Bà Cổ Dàng (Cẩm Thanh-Hội An), Bà Chợ Được (Thăng Bình-Quảng Nam) [81;

33], Bà Chúa Dàng (Quảng Ngãi) [182; 53], Chúa Ngung Man Nương, Mẫu Vương Chiêm Thành (Quảng Ngãi, Phú Yên), Bà Chúa Nguộc (Vạn Ninh-Khánh Hòa), Bà Lỗ Lường (đảo Hòn Đỏ-Khánh Hòa), Bà Chúa Mối, Bà Chúa Đảo [173]…

[39] *Lương thư* (quyển 54, Liệt truyện 48, Chư Di - Hải Nam) có ghi: "*Lâm Ấp vốn là huyện Tượng Lâm, quận Nhật Nam đời Hán… biên giới phía nam đi đường bộ thủy hơn 200 dặm có Tây Quốc Di cũng xưng vương… nước có núi đá vàng… lại sản xuất đồi mồi, vỏ bối, ngà voi, cát bối, hương gỗ trầm… Gỗ trầm, thổ nhân đẵn ra, để cất hàng năm mục nát nhưng lõi ruột vẫn còn, bỏ vào nước thì chìm nên gọi là trầm hương, không chìm không nổi gọi là sạn hương*". Tây Quốc Di sau này trở thành đất Chiêm Thành [108, tr 53].

[40] Trầm hương được khắc trên Cao đỉnh (Cao là miếu hiệu của vua Gia Long) còn Kỳ nam được khắc trên Nhân đỉnh (Nhân là miếu hiệu của vua Minh Mạng) với dòng chú: *cây ở vùng rừng Khánh Hòa, ruột lõi rất thơm.*

[41] Tại cuộc Hội thảo quốc tế về trầm hương ở Việt Nam năm 2003, các nhà khoa học đã nhận định: "*Trầm hương của Việt Nam là tốt nhất, được mua với giá cao nhất, sản lượng trầm trên thế giới bị phụ thuộc vào Việt Nam và Việt Nam được xem không chỉ là vương quốc của trầm hương trong quá khứ mà còn là nguồn trông cậy của cả thế giới hiện nay và cả trong tương lai, bởi trầm là một*

loại dược liệu và hương liệu thượng thặng không có gì thay thế"[102, số 557].

[42] Trầm dùng giáng khí, kỳ dùng chữa trị các chứng phong đàm. Trầm và kỳ còn đuổi được các khí tà độc, khí ô uế. Trầm thì đốt còn kỳ thì chỉ đeo vào mình là được. Trầm hương và kỳ nam là phần gỗ chứa nhiều nhựa thơm được sinh ra từ thân cây dó mọc nhiều ở rừng miền Trung. Có hai loại dó là dó bầu (Aquilaria agallocha) và dó gạch (dó niệt - Aquilaria malaccensis). Dó gạch cũng cho trầm nhưng có mùi thơm nồng, hắc và có vị tanh nên giá trị thấp, chỉ có dó bầu mới cho trầm tốt và kỳ nam. Để cây dó tạo trầm phải hội tụ hai yếu tố: Một là cây bị chấn thương cơ giới mạnh như bị vật cứng đâm vào hay chặt sâu vào, những lỗ hổng do sâu bệnh, kiến đục khoét, những chỗ gẫy cành, gẫy ngọn… Hai là tại chỗ chấn thương ấy sau một thời gian dài (từ 10 đến 15 năm), những bào tử sẵn có nằm trong không gian môi trường tác động vào vết thương gây ra những phản ứng hóa học bên trong cây dó sinh ra trầm hương. Người tìm trầm xưa biết nguyên lý sinh trầm của cây dó nên khi gặp cây chưa ăn trầm, họ thường chém vào thân cây, gốc cây hoặc cành với hi vọng sau này cây dó đó sẽ sinh ra trầm.

[43] Có thể phân biệt kỳ tốt hay xấu bằng cảm nhận như: loại nào nhuyễn mịn và có nhiều chất dầu là tốt, loại nào rắn chắc là xấu hoặc gói kỳ trong lá chuối thật kín, đem

phơi nắng đến tối đem vào nếu nhiều chất dầu chảy ra là thứ tốt…

[44] Trong các bài cúng thần của người Chăm, Po Inư Nagar còn là Mẹ trầm hương: "*Ngày xưa, thần Inư Nưgar sinh ra đất, gỗ trầm, lúa gạo. Gỗ trầm, gỗ kỳ nam từ Yan Inư Nưgar mà phát hương thơm tỏa ra…* Các truyền thuyết về Bà đều có chi tiết Bà thường nhập vào và hiện ra từ cây gỗ/khúc gỗ trầm hương trong những cuộc tuần du trên sông, biển.

[45] Có truyền thuyết cho rằng ngôi miếu do người Hoa xây dựng cách đây 300 năm. Trên bức đại tự do một người Hoa cung tiến đề là Thiên Hậu Thánh mẫu. Tuy nhiên, trong văn tế ở đây vị thần được xướng tên là Thiên Y A Na. Ngô Đức Thịnh cho rằng ở đây có sự giao thoa, chồng xếp văn hóa Việt - Hoa, vị thần được thờ trong miếu vừa là Thiên Y A Na, vừa là Thiên Hậu (155, tr.248).

[46] Truyền thuyết kể lại gặp lúc triều đình có biến, Thái tử (Đồng Khánh lúc chưa lên ngôi) dẫn mẹ lên làng lẩn tránh sự truy sát, được người dân giấu trên miếu Bà. Lúc này, Thái hậu sức khỏe kém, lại lo lắng nhiều nên mù cả hai mắt. Thái tử xin Bà cho mẹ được khỏi bệnh và phù hộ cho mình thoát khỏi kiếp nạn, nếu giành được long vị sẽ thành tâm báo đáp, quả nhiên ứng nghiệm. Thời gian sau Thái hậu sáng mắt trở lại, loạn ở kinh thành được dẹp, Thái tử được đón về cung, lên ngôi lấy niên hiệu là Đồng Khánh, liền cho tu sửa đền Ngọc Trản thành điện Huệ Nam.

[47] Câu chuyện này được ông Nguyễn Hổ (thủ từ miếu Hội Đồng, thôn Phước Đa, xã Ninh Đa, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa) kể lại.

[48] Xem thêm truyền thuyết chùa Suối Ngổ (Phụ lục 4).

[49] Lời kể của cô Ngọc - đoàn Kim Thuyền Suối Đổ, lời kể của vợ chồng anh Trung - chị Hinh tín đồ thờ Mẫu Thiên Y ở Ninh Hòa trong lễ hội Vía Bà năm 2013, lời kể của đồng cậu Huyên - thị trấn Đập Đá, thị xã An Nhơn, Bình Định.

[50] Đó là các tấm bia*: Thiên Y Tiên nữ truyện ký* do Thượng thư Phan Thanh Giản phụng soạn, Bố chánh sứ Khánh Hòa Nguyễn Quýnh phụng lập bia ngày 12 tháng 5 năm Tự Đức thứ 9, giữ ở Tháp Bà Nha Trang; Bia *Thiên Y Tiên nữ truyện ký* do Tuần vũ Thuận Khánh Nguyễn Oai, Bố chánh sứ lãnh Bình Thuận Trần Điển, Án sát sứ lãnh Bình Thuận Tôn Thất soạn, Khâm phái tùy biện lễ liệu cấp sự trung Nguyễn Duy Chí, Lãnh Công bộ Lang trung Nguyễn Duy Doãn, Khâm sai Hồng lô tự Thiếu Khanh, Biện lý Công bộ Bùi Bút, Hàn lâm viện Thị độc học sĩ sung Điển nông sứ Phan Trung, Hàn lâm viện Thị độc sung Bình Thuận dinh điền sứ Nguyễn Văn Phương đồng bái soạn vào tháng 5 năm Tự Đức 24, cũng được lưu giữ ở Tháp Bà Nha Trang; *Tiều công phu phụ mộ ký* do Tuần phủ Khánh Hòa Hoàng Yến cẩn ký năm Bảo Đại thứ 16, lưu giữ tại Am Chúa.

[51] Dương Ngọc là một tên gọi khác của Bà Thiên Y A Na.

[52] Câu ca này xuất phát vào thời điểm tục múa Bóng trong lễ hội Tháp Bà bị bãi bỏ từ thời vua Bảo Đại (trước năm 1945).

[53] Khác với người Việt, người múa Bóng trong lễ hội của người Chăm không nhất thiết phải là người con gái chưa chồng mà là người từ độ tuổi 35-80 tuổi, được truyền theo dòng họ, là người am hiểu và thực hành các lễ nghi. Ngày nay, thành viên đội múa Bóng của người Việt phần nhiều là phụ nữ lớn tuổi chứ không hoàn toàn là con gái như lệ múa Bóng ngày xưa.

[54] Trong mỗi loại hình lễ hội của người Chăm lại có hình thức hầu bóng khác nhau, có lễ do ông Bóng (Kaing) múa lễ dâng thần (lễ Rija), còn một số lễ hội khác người múa dâng thần lại là những bà Bóng -Muk Pajau (lễ hội ở các đền tháp như lễ Mở cửa tháp, lễ Katê, lễ Băng Chabun…).

[55] Ở Huế các tín đồ quan niệm về trang phục dự lễ: *Đi với Bụt thì mặc áo cà sa, đi với ma thì mặc áo giấy, đi với thánh thì mặc áo màu.* Do vậy, khi về lễ mẫu trong ngày vía các con của Mẫu phải ăn mặc thật đẹp, trang phục có nhiều màu sắc tươi sáng.

DANH MỤC CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRƯỚC VÀ SAU SÁP NHẬP THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 202/2025/QH15 ĐƯỢC THÔNG QUA TẠI KỲ HỌP THỨ 9 NGÀY 12/6/2025 CỦA QUỐC HỘI

TT	Tỉnh, thành phố trước khi sáp nhập	Tỉnh, thành phố sau khi sáp nhập
1	Tuyên Quang, Hà Giang	Tuyên Quang
2	Lào Cai, Yên Bái	Lào Cai
3	Thái Nguyên, Bắc Kạn	Thái Nguyên
4	Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hòa Bình	Hòa Bình
5	Bắc Ninh, Bắc Giang	Bắc Ninh
6	Hưng Yên, Thái Bình	Hưng Yên
7	TP. Hải Phòng, Hải Dương	TP. Hải Phòng
8	Ninh Bình, Nam Định, Hà Nam	Ninh Bình
9	Quảng Bình, Quảng Trị	Quảng Trị
10	TP. Đà Nẵng, Quảng Nam	TP. Đà Nẵng
11	Quảng Ngãi, Kon Tum	Quảng Ngãi
12	Gia Lai, Bình Định	Gia Lai
13	Khánh Hòa, Ninh Thuận	Khánh Hòa
14	Lâm Đồng, Bình Thuận, Đắk Nông	Lâm Đồng
15	Đắk Lắk, Phú Yên	Đắk Lắk
16	TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bà Rịa Vũng Tàu	TP. Hồ Chí Minh
17	Đồng Nai, Bình Phước	Đồng Nai

TT	Tỉnh, thành phố trước khi sáp nhập	Tỉnh, thành phố sau khi sáp nhập
18	Tây Ninh, Long An	Tây Ninh
19	TP. Cần Thơ, Sóc Trăng, Hậu Giang	TP. Cần Thơ
20	Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh	Vĩnh Long
21	Đồng Tháp, Tiền Giang	Đồng Tháp
22	Cà Mau, Bạc Liêu	Cà Mau
23	An Giang, Kiên Giang	An Giang

MỤC LỤC

Lời nhà xuất bản 3

Lời mở đầu 5

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU,
CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ KHÁI QUÁT
VỀ TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU Ở TRUNG BỘ

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu 9

1.1. Những ghi chép, nghiên cứu về tín ngưỡng Thiên Y A Na ở Trung Bộ 9

1.2. Những nghiên cứu về giao lưu, tiếp biến văn hóa qua tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na ở Trung Bộ 18

2. Cơ sở lý thuyết 23

2.1. Những khái niệm công cụ 23

2.2. Lý thuyết nghiên cứu 29

3. Phương pháp 35

3.1. Phương pháp luận 35

3.2. Phương pháp nghiên cứu 36

4. Khái quát về địa bàn và tín ngưỡng thờ Mẫu ở Trung Bộ 39

4.1. Khái quát về vùng đất và cộng đồng người Việt ở Trung Bộ 39

4.2. Khái quát tín ngưỡng thờ Mẫu ở Trung Bộ 44

4.3. Thiên Y A Na và mối quan hệ với vương triều Nguyễn 51

Chương 2

TÍN NGƯỠNG, DI TÍCH VÀ HOẠT ĐỘNG PHỤNG THỜ THIÊN Y A NA CỦA NGƯỜI VIỆT Ở TRUNG BỘ

1. Sự hình thành tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na 59
1.1. Truyền thuyết về Thiên Y A Na.....59
1.2. Quá trình hình thành tín ngưỡng Thiên Y A Na của người Việt ở Trung Bộ 62
2. Hệ thống di tích thờ Thiên Y A Na ở Trung Bộ 70
2.1. Không gian phân bố di tích 70
2.2. Các loại hình di tích thờ tự.....73
2.3. Bố trí điện thờ 103
3. Lịch thờ và nghi thức thờ cúng Thiên Y A Na ở Trung Bộ.....111
3.1. Lịch thờ cúng 111
3.2. Nghi thức thờ cúng.....113
4. Hệ thống lễ hội tiêu biểu thờ Thiên Y A Na.....116

Chương 3

THIÊN Y A NA TRONG ĐỜI SỐNG TINH THẦN NGƯỜI VIỆT Ở TRUNG BỘ

1. Thiên Y A Na trong đời sống tâm linh của người Việt ở Trung Bộ 130
1.1. Thiên Y A Na trong tín ngưỡng của cư dân nông nghiệp.....130
1.2. Thiên Y A Na trong tín ngưỡng của cư dân biển.....136
1.3. Thiên Y A Na trong tín ngưỡng của cư dân khai thác lâm sản.....141

1.4. Thiên Y A Na trong tín ngưỡng của cư dân các ngành nghề khác 147
2. Thiên Y A Na trong đời sống văn hóa nghệ thuật của người Việt ở Trung Bộ 153
2.1. Thiên Y A Na trong văn học dân gian 153
2.2. Thiên Y A Na trong nghệ thuật dân gian truyền thống161
3. Sắc thái địa phương trong tín ngưỡng Thiên Y A Na của người Việt ở Trung Bộ.....175

Chương 4

PHÁT HUY GIÁ TRỊ TÍN NGƯỠNG THỜ THIÊN Y A NA TRONG ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI VIỆT Ở TRUNG BỘ HIỆN NAY

1. Giá trị của tín ngưỡng Thiên Y A Na trong đời sống tinh thần của người Việt ở Trung Bộ 179
1.1. Là điểm tựa tinh thần cho người Việt ở Trung Bộ.....179
1.2. Thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn của người Việt ở Trung Bộ 181
1.3. Thể hiện tính giáo dục về đạo đức, lối sống và văn hóa cho cộng đồng. 182
1.4. Thể hiện giá trị cố kết cộng đồng.....184
1.5. Ẩn tiềm những giá trị về vật chất.....185
1.6. Là môi trường nảy sinh, tích hợp và bảo tồn các sinh hoạt văn hóa nghệ thuật dân gian của người Việt ở Trung Bộ 186
2. Một số vấn đề đặt ra.....188

3. Phát huy các giá trị văn hóa tín ngưỡng Thiên Y A Na trong sự nghiệp phát triển bền vững 194
3.1. Nhận định về tín ngưỡng Thiên Y A Na của người Việt ở Trung Bộ 195
3.2. Một số giải pháp bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa trong tín ngưỡng Thiên Y A Na của người Việt ở Trung Bộ 196
Kết luận.....200

Phụ lục 1

TRUYỀN THUYẾT, THƠ CA VỀ THIÊN Y A NA Ở TRUNG BỘ

I. Các truyền thuyết, truyện kể.....203
1. Truyền thuyết về Thần Mẹ xứ sở của người Chăm 203
2. Truyền thuyết về Thiên Y A Na của người Việt.....207

Phụ lục 2

MỘT SỐ BÀI VĂN TẾ THIÊN Y A NA TIÊU BIỂU Ở TRUNG BỘ

1. Văn tế Thiên Y A Na trong lễ hội Am Chúa (Bản dịch nghĩa).....222
2. Văn tế Thiên Y A Na ở Tháp Bà Nha Trang (Bản dịch nghĩa).....224
3. Văn tế Thiên Y A Na ở điện Trường Bà (Trà Bồng, Quảng Ngãi) 226
4. Văn tế Bà tại đình Vĩnh Cát (Suối Hiệp, Diên Khánh, Khánh Hòa) (bản dịch nghĩa).....228

5. Văn tế trong Kỳ an - xuân tế tại đình làng Chấp Lễ (Ninh Thân, Ninh Hòa, Khánh Hòa) (Bản dịch nghĩa).....229

Phụ lục 3

NHỮNG SẮC PHONG THIÊN Y A NA TIÊU BIỂU Ở TRUNG BỘ

1. Sắc phong Thiên Y A Na ở Tháp Bà Pô Nagar Nha Trang: gồm 06 sắc phong 232

2. Sắc phong cho Thiên Y A Na ở Am Chúa (Diên Khánh, Khánh Hòa).....235

4. Sắc phong cho Thiên Y A Na ở miếu Thiên Y trong khuôn viên đình Phương Sài (Nha Trang, Khánh Hòa) 241

5. Sắc phong cho Thiên Y A Na ở đình Vĩnh Cát, Diên Khánh, Khánh Hòa 243

Phụ lục 4

NHỮNG NƠI THỜ PHỤNG THIÊN Y A NA TIÊU BIỂU Ở TRUNG BỘ

Tài liệu tham khảo 255

Chú thích 277

Danh mục các tỉnh, thành phố trước và sau sáp nhập theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 được thông qua tại Kỳ họp thứ 9 ngày 12/6/2025 của Quốc hội 293

Chịu trách nhiệm xuất bản, nội dung
Giám đốc – Tổng Biên tập:
TS. Trần Chí Đạt

Biên tập viên nội dung:
Nguyễn Thị Lê – Nguyễn Văn Tuấn

Trình bày sách - bìa:
Trung tâm Nghiên cứu
hỗ trợ Thông tin Truyền thông

Biên tập sách điện tử:
Nguyễn Long Biên

Trình bày sách điện tử:
Nguyễn Thị Thảo – Đào Ngọc Sơn

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ – TRUYỀN THÔNG
nxbkhcntt.vn | book365.vn | ebook365.vn | ebook.gov.vn

Trụ sở chính: Tầng 6, Tòa nhà Cục Tần số vô tuyến điện - 115 Trần Duy Hưng, P. Yên Hoà, TP. Hà Nội
(024) 35772141/ 35772143 | nxb.tttt@mst.gov.vn
ĐT Phát hành: 024.35772138

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
27 Nguyễn Bỉnh Khiêm, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh
(028) 35127750 | cnsg.nxbtttt@mst.gov.vn

Chi nhánh Miền Trung – Tây Nguyên
42 Trần Quốc Toản, P. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
46 Y Jút, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
(0236) 3897467 / (0262) 3808088 | cndn.nxbtttt@mst.gov.vn

TS. NGUYỄN THỊ THANH VÂN

TÍN NGƯỠNG THỜ Thiên Y A Na CỦA NGƯỜI VIỆT Ở TRUNG BỘ

NHÀ XUẤT BẢN
KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ - TRUYỀN THÔNG

9 786044 519142 8 935217 122196

SÁCH KHÔNG BÁN